



# Thông tin LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

ĐẠT CHUẨN MỨC 1



THÁNG 11 - NĂM 2025





## **TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP**



**HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG  
HẠNG NHẤT**



**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ  
ĐẠT CHUẨN MỨC 1**

### **CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH**

TS. NGUYỄN PHƯỚC DŨNG - Tỉnh uỷ viên, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

### **BAN BIÊN TẬP**

ThS. NGUYỄN VĂN SƠN - Phó Hiệu trưởng: Trưởng ban;

ThS. NGUYỄN MINH PHƯƠNG - Phó Hiệu trưởng: Phó Trưởng ban;

TS. BÙI VĂN DE - Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Phó Trưởng ban Thường trực;

TS. LÊ MINH HIẾU - Trưởng khoa Lý luận cơ sở: Thành viên;

ThS. NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG - Trưởng khoa Xây dựng Đảng: Thành viên;

TS. NGUYỄN NGỌC HƯƠNG - Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật: Thành viên;

ThS. VÕ THỊ MỸ VÂN - Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu: Thành viên;

ThS. NGUYỄN THÁI NGỌC - Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Thành viên;

ThS. LÊ TRẦN MINH SA - Giảng viên phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Thành viên;

ThS. CHÂU THIÊN MỸ - Giảng viên phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Thành viên.

### **ĐỊA CHỈ CƠ SỞ 1:**

Số 584 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0273.3873112

### **ĐỊA CHỈ CƠ SỞ 2:**

Số 411 đường Phạm Hữu Lầu, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0277.3861409

Giấy phép xuất bản số: 13/GP-SVHTTDL do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp  
cấp ngày 29 tháng 10 năm 2025

In 60 cuốn khổ 20 x 28 cm, tại Cty Cổ phần In & Bao bì Đồng Tháp

Số 212, Lê Lợi, phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Điện thoại 02773.861.442

# MỤC LỤC

## BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

1. NGUYỄN QUANG THÀNH: Phản bác quan điểm xuyên tạc về công tác quy hoạch nhân sự đại hội Đảng các cấp ..... 3
2. NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG: Giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại toàn cầu hóa ..... 10
3. LÊ THỊ NHẬT SANG: Nhận diện và phản bác âm mưu lợi dụng nhân quyền nhằm phủ nhận thành tựu bảo đảm quyền con người ở Việt Nam..... 16
4. TRỊNH TẤN QUÂN: Tỉnh Đồng Tháp phát huy vai trò của báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch..... 20
5. PHẠM THỊ MỸ NHUNG: Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp giữ lửa trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới .....25
6. NGUYỄN VĂN TUỔI: Vai trò của giảng viên trường chính trị tỉnh trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, xuyên tạc tiểu sử, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh..... 31

## LỊCH SỬ - SỰ KIỆN

7. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP: Lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện trong Khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho (23-11-1940) ..... 39
8. NGUYỄN BÍCH NGỌC: Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp - 70 năm phát triển, trung tâm đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh ..... 47

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

9. NGUYỄN VĂN SƠN: Vai trò của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn có năng lực cho hệ thống chính trị của tỉnh..... 56
10. NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG - NGUYỄN VĂN TUỔI: Giảng viên trường chính trị với nhiệm vụ nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên đối với công cuộc cải cách bộ máy của hệ thống chính trị ..... 61
11. NGUYỄN QUỐC TRUNG: Xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức trường chính trị có “Bản sắc” đáp ứng yêu cầu mới của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ..... 67
12. ĐỖ THANH LÂM: Việt Nam đi lên Chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn đúng đắn..... 72
13. LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC: Việt Nam từ nền nông nghiệp tự cung tự cấp đến nông nghiệp hiện đại - Thành tựu sau thời kỳ đổi mới ..... 77
14. NGUYỄN TẤN TRẠNG: Ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý giáo dục để đảm bảo phổ cập công nghệ số theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo ..... 85
15. LÊ NGUYỄN DUY - NGUYỄN VĂN TUỔI: Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí trong kỷ nguyên mới..... 91

16. LÊ VĂN BỐT: Xây dựng và phát huy thế trận lòng dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng .....	97
17. NGUYỄN THỊ HỒNG MUỘI - NGUYỄN THỊ TRÚC LINH: Xây dựng “Văn hóa nêu gương” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở - Giải pháp quan trọng nâng cao hiệu quả thực hiện Kết luận 21-KL/TW .....	102
18. NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG: Vai trò của công tác đánh giá cán bộ trong cuộc cách mạng sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy .....	107
19. NGUYỄN HOÀI VINH: Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn hoá cho sinh viên trên không gian mạng trong giai đoạn hiện nay .....	112
20. TRẦN VĂN KHUÊ: Tín ngưỡng và tôn giáo - Một số tương đồng và khác biệt .....	117
21. LƯU THUÝ HIỀN: Phát huy vai trò đội ngũ giảng viên Khoa Xây dựng Đảng trong nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên hiện nay.....	122
22. TRẦN KIM HOÀNG - NGUYỄN THỊ THUYỀN DUYÊN: Khát vọng cống hiến của giảng viên trẻ với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.....	125
23. VÕ NGUYỄN DUY BÌNH: Phát huy năng lực thực tiễn của học viên nhằm tăng cường gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.....	129
24. NGUYỄN THÁI NGỌC: Tăng cường đề xuất và thực hiện đề tài khoa học ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp .....	134
25. LÂM ÁI CHINH - LÊ TRẦN MINH SA: Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - Yếu tố cốt lõi đảm bảo vận hành trường chính trị sau sáp nhập .....	138
<b>THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM</b>	
26. NGUYỄN NGỌC HƯƠNG: Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tỉnh Đồng Tháp - Thực trạng và giải pháp.....	143
27. LÊ NHỰT TÂM: Phát triển công nghiệp ở tỉnh Đồng Tháp - Thực trạng và giải pháp .....	149
28. LÊ THỊ THANH KIỀU: Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.....	153
29. NGUYỄN VĂN QUYÊN - NGUYỄN THỊ DUYÊN: Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa Đồng Tháp dưới góc nhìn văn hóa học .....	158
30. NGUYỄN MINH VƯƠNG: Xây dựng đội ngũ cán bộ “Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” - Thực tiễn từ Sở Xây dựng, tỉnh Đồng Tháp.....	164
31. NGUYỄN THỊ TRÚC LINH: Văn hóa chính trị - nền tảng tinh thần cho sự phát triển bền vững của xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.....	170
32. PHAN NGUYỄN CHÁNH TRUNG: Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên sau sắp xếp tổ chức, bộ máy .....	175
33. HỒ THỊ KIỀU NUÔNG: Quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ từ năm 1995 đến nay: thành tựu, thách thức và triển vọng.....	179
<b>TIN TỨC - HOẠT ĐỘNG</b> .....	184



# PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM XUYỀN TẠC VỀ CÔNG TÁC QUY HOẠCH NHÂN SỰ ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP

✦ NGUYỄN QUANG THÀNH\*

**Tóm tắt:** “Quy hoạch cán bộ” và “dàn xếp nhân sự” là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau, thế nhưng các thế lực thù địch, phản động lại đánh tráo khái niệm, tung ra những bằng chứng mơ hồ, phiến diện nhằm xuyên tạc quan điểm của V.I.Lênin về cán bộ, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ, phủ nhận toàn bộ những kết quả đạt được trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong suốt thời gian qua. Bài viết góp phần nhận diện và vạch trần âm mưu, thủ đoạn thâm độc, nguy hiểm bị bàn tay của giới “dân chủ” nhào nặn, bóp méo; từ đó, đưa ra các luận cứ mang tính khoa học để phản bác quan điểm sai trái, xuyên tạc và thù địch.

**Từ khóa:** Công tác quy hoạch, nhân sự, đại hội Đảng các cấp...

## 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo quan điểm cơ bản của V.I.Lênin về tư cách, đạo đức của người cán bộ, đảng viên cộng sản, tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ có tác động rất lớn trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần “nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng”<sup>1</sup>. Điều này còn có ý nghĩa hết sức quan trọng khi công tác nhân sự chuẩn bị cho đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đang được khởi động. Có thể nói, từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn xác định công tác cán bộ

là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Trong đó, quy hoạch cán bộ các cấp, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược, là công việc trọng yếu, “then chốt của then chốt”, nhận được sự quan tâm, bàn bạc, thảo luận của các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, chủ đề này cũng trở thành một “miếng mồi ngon” để các thế lực phản động, cơ hội chính trị, giới “dân chủ cuội” xuyên tạc. Chính vì vậy, nhận thức rõ về công tác cán bộ nói chung và “quy hoạch cán bộ” nói riêng trong bối cảnh hiện nay có tầm quan trọng vô cùng to lớn nhằm tiếp tục giữ vững vị thế, uy tín, thanh danh của Đảng Cộng sản Việt Nam;

đồng thời, là nền tảng quan trọng để đập tan những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực phản cách mạng.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Nhận diện những quan điểm sai trái, xuyên tạc, thù địch

Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng được tổ chức vào đầu năm 2026 là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đại hội tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và những thành tựu, kết quả của

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập II)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 325.

40 năm đổi mới (1986-2026); sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những năm tiếp theo; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Chính vì vậy, quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ tiếp theo được xác định là một bước chuẩn bị rất quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cao của Đảng có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; qua đó, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị lại lấy cớ cho rằng đó là sự “dàn xếp nội bộ”. Bọn chúng gia tăng các hoạt động tuyên truyền nhằm xuyên tạc, bóp méo sự thật với những lập luận thâm độc, tinh vi cùng những câu hỏi đánh trúng vào tâm lý, sự tò mò của nhiều người như: “Ai sẽ vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư?”, “Tứ trụ khoá XIV chắc chắn có ai?”, “Đồng chí X ngã ngựa, chiếc ghế Tổng Bí thư chắc chắn vào tay ông Y”... và nhận định công tác nhân sự của Đảng ta là “ván bài được dàn xếp”, “thoả hiệp” bởi “giới chóp bu”. Đồng thời,

từ một số vụ việc liên quan đến lãnh đạo cấp cao dính líu đến các đại án tham nhũng được phát hiện trong thời gian gần đây, những “con buôn” chính trị đã đem đặt quy chụp, thổi phồng, cường điệu hoá, cho rằng đó là “cuộc chiến vương quyền”, “thanh trừng, đấu đá nội bộ”, “tranh giành quyền lực” giữa các phe phái trong Đảng để đưa người này lên, kéo người kia xuống(?!)

Phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực phản cách mạng khá đa dạng, tinh vi. Chúng triệt để sử dụng các bài viết, video đăng tải lên các trang mạng xã hội như Facebook, Youtube, Tiktok... để thu hút người theo dõi, hướng dư luận theo những suy diễn một chiều, phiến diện, lập lờ “đánh lộn con đen”. Bên cạnh đó, lợi dụng các hội, nhóm “xã hội dân sự”, cá nhân tự xưng là những nhà hoạt động “dân chủ”, “nhân quyền” để tung tin xuyên tạc, vu cáo, bịa đặt, bôi nhọ về đời tư đối với cán bộ được đưa vào quy hoạch nhằm gây chia rẽ, hoang mang dư luận, mất lòng tin trong Nhân dân.

Có thể nhận thấy, các lập luận sai trái, phiến diện, đầy tính thù hằn của những thế lực chống phá tấn công vào công tác nhân sự của Đảng hoàn toàn không mới trước

thêm những sự kiện chính trị quan trọng của đất nước ta. Tuy nhiên, mặc dù là những “ngón nghề” đã cũ nhưng lại vô cùng thâm hiểm, không thể coi thường, xem nhẹ. Bởi lẽ, bản chất, mục đích của những lời rêu rao đầy tính chia rẽ đó là nhằm xuyên tạc quan điểm của V.I.Lênin về tư cách, đạo đức của người cán bộ, đảng viên cộng sản, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ; xuyên tạc nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất trong Đảng và phủ nhận hoàn toàn những kết quả đạt được trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở Việt Nam trong những nhiệm kỳ qua.

### ***2.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn phản bác chiêu trò bịa đặt, xuyên tạc của các thế lực thù địch***

Trước đây, khi chuẩn bị Đại hội XIII của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã từng cảnh báo đây là “thời điểm các thế lực thù địch, phản động và những phần tử cơ hội, bất mãn chính trị triệt để lợi dụng để kích động, xuyên tạc, chống phá quyết liệt cả về đường lối, chính sách và nhất là công tác nhân sự”<sup>3</sup>. Do đó, quan điểm quy hoạch nhân sự đại hội Đảng là “cuộc chiến vương quyền”, là “ván bài được dàn xếp, thoả hiệp bởi giới chóp bu” xuất

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 180.

<sup>3</sup> Nguyễn Phú Trọng (2021), *Đoàn kết vững tin đưa đất nước bước vào giai đoạn mới*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 290.

hiện trở lại một cách dày đặc gần đây là hoàn toàn không mới nhưng sự tác động của nó đối với dư luận xã hội lại không nhỏ. Bởi lẽ, nếu không có lập trường chính trị vững vàng, không có “màng lọc” thông tin hiệu quả sẽ khiến không ít người dao động, hoài nghi về an ninh chính trị đất nước. Chính vì vậy, bên cạnh việc nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn, phương thức chống phá đối với công tác nhân sự đại hội Đảng, chúng ta cần nắm vững và đầy đủ những luận cứ về lý luận, chính trị và thực tiễn để có thể phản bác hiệu quả quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

### 2.2.1. Cơ sở lý luận

Trong suốt tiến trình cách mạng, ở bất kỳ thời điểm nào, địa phương nào, vai trò của người cán bộ luôn được khẳng định. Đồng thời, công tác cán bộ không chỉ là khâu “then chốt” của “then chốt” mà còn là mắt xích trọng yếu quyết định đến sự thành bại của cách mạng. Do đó, trước mỗi kỳ đại hội, cùng với quá trình xây dựng đường lối chính trị, Đảng ta luôn quan tâm, tích cực chuẩn bị công tác tổ chức và chiến lược cán bộ. Có thể nói, sức mạnh của tổ chức Đảng gắn liền với vai trò, năng lực, phẩm chất, uy

tín và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên. Việc chuẩn bị nhân sự đại hội, rà soát, lựa chọn, giới thiệu những cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất vào các vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị, đồng thời, kịp thời phát hiện, không để những người có các hạn chế, khuyết điểm vào quy hoạch là sự kế thừa, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ của Đảng chứ không phải như các thế lực thù địch xuyên tạc.

Sau khi trở thành đảng cầm quyền, phần lớn các vị trí trong cơ quan lãnh đạo của Đảng và bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương đều do đảng viên giữ trọng trách. Vì thế, các nhà lý luận của chủ nghĩa Mác, từ rất sớm, đã rất chú trọng đến vấn đề nhân sự trong đại hội đảng các cấp nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ tiêu chuẩn để thực hiện thắng lợi các đường lối chính trị mà đại hội Đảng đề ra. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra rằng: “Đảng Công nhân phải hành động sao cho thật có tổ chức, thật thống nhất, thật độc lập, nếu như nó không muốn, như năm 1848, lại bị giai cấp tư sản lợi dụng và phải bám đuôi nó mà lê đi”<sup>4</sup>. Đồng thời, Đảng phải nắm công tác cán bộ như một tất

yếu khách quan bởi lẽ “muốn thực hiện được tư tưởng thì cần có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn”<sup>5</sup>.

Kế thừa, phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã khẳng định về vị trí, vai trò của người cán bộ trong tiến trình cách mạng, “người lãnh đạo cơ quan nhà nước cần phải có ở mức độ cao, khả năng lôi cuốn mọi người và có đủ trình độ kiến thức khoa học kỹ thuật vững vàng để kiểm tra công tác của họ... Mặt khác, một điều rất quan trọng là người lãnh đạo ấy phải biết quản lý về mặt hành chính và có được người giúp việc hoặc những người giúp việc xứng đáng trong công việc đó”<sup>6</sup>. Lý giải vì sao đảng cộng sản phải tiến hành rà soát, lựa chọn cán bộ một cách cẩn trọng, V.I.Lênin cho rằng khi cách mạng đã có bước chuyển mình từ nhiệm vụ giành chính quyền, đập tan sự phản kháng, thách thức của các thế lực thù địch sang nhiệm vụ quản lý, xây dựng đất nước thì việc lựa chọn, bố trí cán bộ cũng phải cất nhắc kỹ lưỡng, “có người có thể là một nhà cách mạng và nhà cổ động cừ nhất, nhưng làm một cán bộ hành chính thì lại hoàn toàn không thích hợp”<sup>7</sup>. Bên cạnh đó, khi trở

<sup>4</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập (Tập 7)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 343.

<sup>5</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập (Tập 2)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 181.

<sup>6</sup> V.I.Lê-nin (1978), *Toàn tập (Tập 45)*, NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va, tr. 402-403.

<sup>7</sup> V.I.Lê-nin (2005), *Toàn tập (Tập 40)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 248.



thành đảng cầm quyền, với sức hấp dẫn lớn, một số kẻ cơ hội đã tìm cách vào Đảng, từ đó, liên kết, bè cánh để tạo thành những “nhóm lợi ích” trong đảng. Trong tác phẩm “Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô-viết”, V.I.Lênin đã thẳng thắn vạch trần không ít cán bộ lãnh đạo đã bị tiêm nhiễm bởi căn bệnh “kiêu ngạo cộng sản” hay bởi “những tập quán, quan hệ, thói quen, tâm lý... mang tính chất tiểu tư sản” hoặc sa vào những tệ bệnh nguy hiểm, như tham ô, nhận hối lộ, bè phái...<sup>8</sup>.

Nguy cơ chống phá công tác nhân sự đại hội đảng cũng đã được V.I.Lênin cảnh báo từ rất sớm. Những thế lực thù địch một mặt luôn tìm mọi thủ đoạn “chui” vào hàng ngũ những người cộng sản nhằm phá hoại sự đoàn kết thống nhất của đảng từ bên trong; mặt khác, tìm đủ mọi cách để làm mất ảnh hưởng của đại hội, làm giảm bớt ý nghĩa quan trọng và uy tín của đại hội. Về lựa chọn, sắp xếp, bố trí cán bộ, V.I.Lênin đã chỉ ra rằng cần phải xuất phát từ giải quyết nhiệm vụ cụ thể trước mắt được đặt trong từng giai đoạn lịch sử nhất định; đồng

thời, phải căn cứ theo những tiêu chuẩn mới nhằm đáp ứng những nhiệm vụ mới do thực tiễn đặt ra:

*Thứ nhất*, người cộng sản, người cán bộ phải có phẩm chất chính trị, nghĩa là phải luôn kiên định, giữ vững bản lĩnh chính trị, không khoan nhượng với những phần tử biến chất, thoái hoá. Trong thư “Gửi G.Ia.Xôcônnicốp”, V.I.Lênin đã viết: “Toàn bộ công việc của tất cả các cơ quan của chúng ta bị khốn khổ trước hết vì tệ quan liêu. Không ít những người cộng sản đã trở thành những cán bộ quan liêu”. Và ông đã cảnh báo rằng: “Nếu có cái gì sẽ làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó”<sup>9</sup>.

*Thứ hai*, người cán bộ đảng cần phải nắm vững kiến thức chuyên môn, đồng thời phải sâu sát tình hình thực tiễn, kịp thời giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Có như vậy, người cộng sản mới có thể đưa chủ trương, đường lối của đảng đi vào đời sống một cách hiệu quả, nói như V.I.Lênin đó là khả năng “biến các sắc luật từ trạng thái là giấy lộn đầy bụi bặm... thành thực tiễn sống động”<sup>10</sup>.

*Thứ ba*, phẩm chất đạo đức là một tiêu chuẩn không thể thiếu của người cộng sản. Đạo đức của người cách mạng được thể hiện ở nhiều khía cạnh như “chân thành đi theo chủ nghĩa cộng sản”, “thành tâm, trung thành với nhà nước công nhân”<sup>11</sup>, “trung thành với sự nghiệp giải phóng của nhân dân lao động”<sup>12</sup>, khiêm tốn, cầu thị, không “kiêu ngạo cộng sản”...

Là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đặc biệt đến cán bộ và công tác cán bộ. Khi đề cập đến vị trí, vai trò của cán bộ, Bác quan niệm: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>13</sup>, “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định”<sup>14</sup>.

Đội ngũ cán bộ có thể ví như một đầu tàu, đưa con tàu cách mạng tiến về phía trước. Do đó, muốn cách mạng thắng lợi, phải lựa chọn những người cán bộ tốt, đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong các cơ quan của Đảng và bộ máy nhà nước. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “cắt nhắc cán bộ là một công tác cần kíp”<sup>15</sup>, “chọn

<sup>8</sup> V.I.Lênin (2005), *Toàn tập (Tập 43)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 327.

<sup>9</sup> V.I.Lênin (2005), *Toàn tập (Tập 54)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 235.

<sup>10</sup> V.I.Lênin (2005), *Toàn tập (Tập 54)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 235.

<sup>11</sup> V.I.Lênin (1977), *Toàn tập (Tập 39)*, NXB Tiến Bộ, Mátxcova, tr. 257.

<sup>12</sup> V.I.Lênin (1977), *Toàn tập (Tập 40)*, NXB Tiến Bộ, Mátxcova, tr. 326.

<sup>13</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 5)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 309.

<sup>14</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 5)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 280.

<sup>15</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 5)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 314.

người và thay người cũng là một vấn đề quan trọng trong việc lãnh đạo”<sup>16</sup>. Xuất phát từ tính chất hệ trọng đó, công tác cán bộ phải được tiến hành một cách thận trọng, công khai, minh bạch, dân chủ. Người yêu cầu: Khi cất nhắc một cán bộ, cần phải xét rõ người đó có gần gũi quần chúng, có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với việc gì. Nếu người có tài mà dùng không đúng tài của họ, cũng không được việc.

Đồng thời, trong quá trình lựa chọn, đề bạt cán bộ, cần tránh chạy theo “hình thức”, chuộng “bề ngoài” mà bỏ qua những cán bộ tốt. Bác từng chỉ rõ: “Trong Đảng ta, có những nơi thường dùng những người văn hay nói khéo, nhưng không làm được việc, không ra tranh đấu. Mà những đồng chí viết không hay nói không thạo nhưng rất trung thành, hăng hái, rất gần gũi quần chúng, thì bị chìm xuống. Chúng ta phải sửa chữa ngay những điểm đó”<sup>17</sup>. Đối với những người làm công tác cán bộ, Người yêu cầu phải thực sự khách quan,

tránh cảm tính, định kiến, “cất nhắc cán bộ, phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế, công việc nhất định chạy. Nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang, nhất định không ai phục, mà gây nên mối loïi thôi trong Đảng, Như thế là có tội với Đảng, có tội với đồng bào”<sup>18</sup>.

### 2.2.2. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn ở nhiều quốc gia với những thể chế chính trị khác nhau cho thấy, mỗi một đảng chính trị hay đảng cầm quyền nào cũng đều tiến hành lựa chọn, bầu cử bộ máy lãnh đạo và người đứng đầu. Hay nói cách khác, đảng phái chính trị cung cấp ứng cử viên cho các cuộc bầu cử và giúp cho cử tri sự lựa chọn<sup>19</sup>. Chẳng hạn, ở Mỹ, đảng Dân chủ hay đảng Cộng hoà đều định kỳ tổ chức đại hội trong toàn quốc để đảng viên bầu cơ quan lãnh đạo của đảng, chủ tịch đảng và đề cử đại biểu của đảng mình tham gia cuộc đua vào Nhà Trắng. Tương tự như vậy, để tổ chức thành công Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Trung Quốc, danh sách dự kiến nhân sự bầu Ủy viên và

Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương cũng như Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương khóa XX đã được thông qua và gửi đến các đoàn đại biểu xem xét từ khá sớm với sự chuẩn bị cẩn trọng, chu đáo.

Thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam rất chú trọng công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội của Đảng. *Thứ nhất*, Đảng ta nhấn mạnh đến việc phải xác định đúng yêu cầu xây dựng Ban Chấp hành Trung ương mà hạt nhân là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng. *Thứ hai*, các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải thật sự là những cán bộ tiêu biểu của Đảng về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác, kiên quyết không bỏ sót những người thật sự có đức, có tài, đủ tiêu chuẩn. *Thứ ba*, bên cạnh việc xác định rõ và nắm vững yêu cầu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, phải tính toán, quy định rõ cơ cấu, số lượng Ban Chấp hành Trung ương, giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng<sup>20</sup>.

<sup>16</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 5)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 326.

<sup>17</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 5)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 315.

<sup>18</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 5)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 321.

<sup>19</sup> Nguyễn Quốc Văn (2010), *Đảng phái chính trị và Quốc hội Mỹ*, Thanh tra Việt Nam, <https://thanhtra vietnam.vn/quoc-te/dang-phai-chinh-tri-va-quoc-hoi-my-144286.html>, truy cập ngày 26/4/2024.

<sup>20</sup> Nguyễn Phú Trọng (2024), *Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/mot-so-van-de-can-duoc-dac-biet-quan-tam-trong-cong-tac-chuan-bi-nhan-su-dai-hoi-xiv-cua-dang-661210.html>, truy cập ngày 26/4/2024.

Công tác cán bộ nói chung và công tác nhân sự Đại hội nói riêng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng không chỉ đơn thuần đối với một nhiệm kỳ đại hội Đảng mà đây là công việc có ý nghĩa chiến lược gắn liền với sinh mệnh của Đảng, là vấn đề mang tính sống còn của sự nghiệp cách mạng và sự hưng thịnh của đất nước. Do đó, cùng với việc phát hiện, giới thiệu nhân sự phải đi đôi với việc loại bỏ dứt khoát những người không còn xứng đáng, sa sút về phẩm chất đạo đức, vướng vào tham nhũng, gây mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của Đảng trong suốt nhiệm kỳ. Trong năm 2023, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 606 tổ chức đảng, hơn 24.160 đảng viên (tăng 12% về số đảng viên bị kỷ luật so với năm 2022). Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật 19 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, lần đầu tiên có 6 cán bộ bị xử lý kỷ luật do vi phạm trong kê khai tài sản, thu nhập. Các cơ quan chức năng đã cho thôi giữ chức vụ, nghỉ công tác, bố trí công tác khác đối với 9 cán bộ diện Trung ương quản lý<sup>21</sup>. Tính từ đầu nhiệm kỳ khóa XIII đến nay, Ban Chấp hành

Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã phải thi hành kỷ luật gần 100 cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương quản lý; một số cán bộ đã bị xử lý hình sự<sup>22</sup> liên quan đến các vụ án nghiêm trọng như vụ án xảy ra tại Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao), vụ án xảy ra tại Tập đoàn FLC, Tập đoàn Tân Hoàng Minh, Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Tập đoàn Phúc Sơn, Tập đoàn Thuận An... Như vậy, công tác chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng thực chất chỉ là bước khởi động trong quy trình công tác cán bộ nói chung. Để có được đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhân dân trong suốt nhiệm kỳ tới, đòi hỏi người cán bộ không ngừng tự rèn luyện, trải qua gian lao, thử thách và kể cả cám dỗ để trưởng thành. Do đó, không có chuyện “đàn xếp” cán bộ để “chiếm ghế”, cũng không phải là một “cuộc chiến” bè phái, đấu đá nội bộ và càng không thể nào là phiên chợ “mua quan, bán chức” như các thế lực thù địch, cơ hội chính trị xuyên tạc.

### 3. Kết luận

Từ những luận cứ trên, có thể khẳng định quy hoạch nhân sự đại hội Đảng các

cấp là vấn đề đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, là quá trình nghiên cứu, vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn công tác cán bộ. Đồng thời, những luận cứ trên còn là cơ sở quan trọng để phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội chính trị. Mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân phải thực sự bình tĩnh, tỉnh táo, nhận thức đúng đắn bản chất, âm mưu, luận điệu xuyên tạc, tung hoả mù, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị để gây mất niềm tin vào công tác giới thiệu nhân sự đại hội Đảng các cấp, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược tham gia vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. Chúng ta có đầy đủ bằng chứng về cả lý luận và thực tiễn để phản bác những quan điểm sai trái, thù địch gây chia rẽ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Chúng ta phải thực sự tin tưởng và thực hiện theo những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng ta là một đoàn thể đấu tranh. Trong cuộc tranh đấu thường hao tổn một số cán bộ quý báu. Vì vậy, chúng ta càng phải quý cán bộ, phải bổ sung cán bộ, phải giữ gìn cán bộ cũ và đào tạo cán bộ mới”<sup>23</sup>./.

<sup>21</sup> Hiền Hoà (2024), *Năm 2023, kỷ luật 19 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongson.vn/xay-dung-dang/nam-2023-ky-luat-19-can-bo-dien-bo-chinh-tri-ban-bi-thu-quan-ly-658953.html>, truy cập ngày 26/4/2024.

<sup>22</sup> Hoài Thu (2024), *Gần 100 cán bộ cấp cao bị kỷ luật từ đầu nhiệm kỳ*, Báo điện tử Dân trí, <https://dantri.com.vn/xa-hoi/gan-100-can-bo-cap-cao-bi-ky-luat-tu-dau-nhiem-ky-20240313151312776.htm>, truy cập ngày 26/4/2024.

<sup>23</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 5)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 313.



### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tổ chức Trung ương (2022), *Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2021), *Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 về công tác quy hoạch cán bộ*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2023), *Kế hoạch số 17-KH/TW ngày 07/7/2023 về xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I, II)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hiền Hoà (2024), *Năm 2023, kỷ luật 19 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/nam-2023-ky-luat-19-can-bo-dien-bo-chinh-tri-ban-bi-thu-quan-ly-658953.html>, truy cập ngày 26/4/2024.
6. V.I.Lê-nin (1977), *Toàn tập (Tập 39, 40)*, NXB Tiến Bộ, Mát-xcơ-va.
7. V.I.Lê-nin (1978), *Toàn tập (Tập 45)*, NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
8. V.I.Lê-nin (2005), *Toàn tập (Tập 40, 43, 54)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. V.I.Lê-nin (2006), *Toàn tập (Tập 6)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n (2004), *Toàn tập (Tập 2, 7)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập (Tập 5)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
12. Hoài Thu (2024), *Gần 100 cán bộ cấp cao bị kỷ luật từ đầu nhiệm kỳ*, Báo điện tử Dân trí, <https://dantri.com.vn/xa-hoi/gan-100-can-bo-cap-cao-bi-ky-luat-tu-dau-nhiem-ky-20240313151312776.htm>, truy cập ngày 18/8/2025.
13. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Đoàn kết vững tin đưa đất nước bước vào giai đoạn mới*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
14. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
15. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/mot-so-van-de-can-duoc-dac-biet-quan-tam-trong-cong-tac-chuan-bi-nhan-su-dai-hoi-xiv-cua-dang-661210.html>, truy cập ngày 26/4/2024.
16. Nguyễn Quốc Văn (2010), *Đảng phái chính trị và Quốc hội Mỹ*, Thanh tra Việt Nam, <https://thanhtravietnam.vn/quoc-te/dang-phai-chinh-tri-va-quoc-hoi-my-144286.html>, truy cập ngày 26/4/2024.

# GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI ĐẠI TOÀN CẦU HÓA

✦ NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG\*

**Tóm tắt:** Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định tính đúng đắn, giá trị bền vững và sức sống lâu dài. Bài viết tập trung phân tích những giá trị cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Đảng, phát triển đất nước, hội nhập quốc tế; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu mới của thời kỳ toàn cầu hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số. Qua đó, khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ mang tính dân tộc sâu sắc mà còn mang tầm vóc thời đại, là tài sản tinh thần vô giá dẫn dắt công cuộc phát triển bền vững của Việt Nam.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, toàn cầu hóa, giá trị bền vững, phát triển.

## 1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu, với tốc độ nhanh chưa từng có, tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, vừa mang đến thời cơ, vừa đặt ra những thách thức to lớn cho Việt Nam trong quá trình phát triển, nhất là việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, đảm bảo phát triển đất nước toàn diện và bền vững. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết tinh từ truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại và thực tiễn cách mạng Việt Nam, là kim chỉ

nam để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thời đại mới. Hồ Chí Minh đã khẳng định: Dân tộc ta phải sánh vai với các cường quốc năm châu, điều này cho thấy tầm nhìn chiến lược và tư duy toàn cầu của Hồ Chí Minh ngay từ đầu thế kỷ XX. Trong bối cảnh mới và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh càng trở nên quan trọng, là cơ sở để Đảng và Nhà nước ta hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, giữ vững độc lập, tự chủ, đồng thời tận dụng cơ hội quốc tế để phát triển bền vững. Tư tưởng Hồ

Chí Minh với những giá trị bền vững về độc lập dân tộc, tự lực tự cường, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại chính là nền tảng vững chắc để Việt Nam giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời hội nhập quốc tế chủ động, hiệu quả.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

#### 2.1.1. Cơ sở khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là sự kế thừa lý

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

luận Mác - Lênin, mà còn là sự chất lọc tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền thống yêu nước của dân tộc. Trên cơ sở đó, Người đã xây dựng một hệ thống lý luận sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, mà quan trọng hơn là vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của đất nước, hình thành một tư tưởng cách mạng mang tính dân tộc và thời đại. Người khẳng định: “*Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất*”<sup>1</sup>, qua đó thể hiện niềm tin tuyệt đối vào giá trị của lý luận trong định hướng con đường phát triển dân tộc. Đồng thời, việc kết hợp giữa tinh hoa văn hóa nhân loại với truyền thống đoàn kết, yêu nước đã tạo nên nền tảng tư tưởng vững chắc, giúp dân tộc ta vượt qua khó khăn trong kháng chiến và kiến thiết xã hội mới. Đặc biệt, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò quyết định của con người: “*Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có con người xã hội chủ nghĩa*”<sup>2</sup>. Đây chính là cơ sở để khẳng định rằng, phát triển con người là điều kiện nền tảng cho mục tiêu phát triển bền vững.

### 2.2.2. Tác động của toàn cầu hóa đến Việt Nam

Toàn cầu hóa đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội lớn trong việc thu hút đầu tư, tiếp nhận công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh. Song cũng là không ít thách thức như khoảng cách phát triển giữa các quốc gia, sự phụ thuộc vào các nền kinh tế lớn, nguy cơ xâm nhập văn hóa ngoại lai, cùng với những biến động phức tạp của tình hình chính trị, xã hội và các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Trong bối cảnh ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập, chủ quyền và tự chủ quốc gia càng thể hiện giá trị bền vững. Người luôn nhấn mạnh: phải kiên quyết giữ vững độc lập, chủ quyền, không để bất kỳ yếu tố bên ngoài nào chi phối quyền tự quyết của dân tộc. Đây không chỉ là kim chỉ nam cho đường lối đối ngoại của Đảng, mà còn là nền tảng để Việt Nam chủ động hội nhập sâu rộng, hiệu quả, song vẫn giữ vững bản lĩnh độc lập, tự cường. Chính tư tưởng đó tiếp tục định hướng, giúp đất nước ta vừa nâng cao vị thế quốc gia, vừa bảo đảm phát triển bền vững trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

### 2.2.3. Mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và yêu cầu phát triển bền vững

Tư tưởng Hồ Chí Minh có tính toàn diện, chú trọng đến sự hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững hiện nay, khi Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định phát triển bền vững là một mục tiêu chiến lược. Hồ Chí Minh đã từng nói: “*Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*”<sup>3</sup>. Quan điểm này của Người đã trở thành nền tảng cho việc kết hợp giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường trong mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

### 2.2. Giá trị cốt lõi và sức sống trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh

*Một là, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc không chỉ đơn thuần là việc giành lại quyền tự do cho đất nước mà còn là việc đảm bảo rằng sự độc

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H. 2011, t. 2, tr. 289.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb CTQG-ST, H. 2011, tr. 66.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 187-188.



lập đó phải đi kèm với tự do, hạnh phúc và phát triển cho nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng: “*Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì*”<sup>4</sup>. Quan điểm này tiếp tục được Đảng ta vận dụng trong giai đoạn hội nhập quốc tế, khẳng định sự cần thiết của việc giữ vững độc lập, tự chủ trong mọi quyết định đối ngoại và phát triển.

*Hai là, đại đoàn kết dân tộc và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc như một yếu tố sống còn cho sự thành công của cách mạng. Người khẳng định: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”<sup>5</sup>. Tinh thần đại đoàn kết này không chỉ giúp Việt Nam vượt qua thử thách trong quá khứ mà còn là cơ sở để đất nước phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa.

*Ba là, “Lấy dân làm gốc” - nền tảng phát triển bền vững.*

Hồ Chí Minh luôn coi dân chúng là trung tâm của mọi chính sách và sự phát triển. Người khẳng định: “*Trong bầu trời không gì*

*quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân*”<sup>6</sup>. Tư tưởng này đã và đang là kim chỉ nam cho mọi chiến lược phát triển bền vững, nơi nhân dân là động lực và nền tảng cho sự thay đổi và phát triển.

*Bốn là, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.*

Hồ Chí Minh không chỉ chú trọng đến sự phát triển của đất nước mà còn đặc biệt coi trọng vai trò lãnh đạo của Đảng. Người khẳng định *Đảng ta là đạo đức, là văn minh*. Đây chính là tôn chỉ để Đảng luôn giữ vững vai trò lãnh đạo và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tiếp tục là lực lượng dẫn dắt công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn có giá trị xuyên suốt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Những tư tưởng này không chỉ giúp Việt Nam vượt qua thách thức mà còn cung cấp một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong thời đại hội nhập hiện nay.

*Năm là, giá trị quốc tế của tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ mang lại giá trị to lớn cho Việt Nam mà còn có giá trị quốc tế sâu rộng, thể hiện sự đồng cảm và đấu tranh cho quyền con người, hòa bình và công lý toàn cầu. Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh trong Tuyên ngôn Độc lập 1945 rằng: “*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng...*”. Đây là một thông điệp mạnh mẽ về quyền tự do, bình đẳng và quyền sống của mọi dân tộc, không phân biệt chủng tộc, quốc gia hay tôn giáo.

Tư tưởng này của Hồ Chí Minh đã góp phần xây dựng mối quan hệ giữa Việt Nam và các quốc gia khác, tạo ra sự gắn kết trong phong trào giải phóng dân tộc và các cuộc đấu tranh chống lại áp bức, bất công trên toàn thế giới. Hồ Chí Minh không chỉ là nhà cách mạng kiệt xuất của dân tộc Việt Nam, mà còn là người đã cống hiến những giá trị tư tưởng có tính toàn cầu. Người luôn tin tưởng vào sự đoàn kết quốc tế và sự đấu tranh cho quyền lợi của các dân tộc thuộc địa, những người bị áp bức.

Ngoài ra, tư tưởng Hồ Chí Minh về hòa bình, đối thoại và ngoại giao hòa bình

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 64.

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 119.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 453.

tiếp tục là kim chỉ nam cho chính sách đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Việt Nam không chỉ hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới mà còn giữ vững được bản sắc và lợi ích quốc gia, đồng thời tiếp tục duy trì vai trò tích cực trong các vấn đề quốc tế.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân quyền, hòa bình và công lý vẫn luôn có giá trị sâu sắc trong thời đại ngày nay, khi các quốc gia đang đối mặt với những thách thức về xung đột, chiến tranh, và bất công xã hội. Những giá trị này tiếp tục định hướng cho Việt Nam trong việc xây dựng một nền hòa bình bền vững, vừa bảo vệ quyền lợi quốc gia, vừa đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình và phát triển toàn cầu.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là di sản lớn lao cho dân tộc Việt Nam mà còn có giá trị quốc tế sâu sắc, khẳng định vai trò của Người trong các cuộc đấu tranh vì quyền con người và hòa bình thế giới.

### ***2.3. Định hướng những giải pháp bảo vệ, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới***

*Thứ nhất, kiên định nền tảng tư tưởng, nâng cao nhận thức lý luận.*

Đảng ta luôn khẳng định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cần tăng cường nghiên cứu khoa học để tiếp tục khẳng định giá trị trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại và phát triển con người. Việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh phải được đổi mới nội dung, phương pháp, gắn lý luận với thực tiễn, góp phần nâng cao sức đề kháng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

*Thứ hai, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

Kết luận 01-KL/TW khóa XIII nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Để làm tốt điều này, cần gắn việc học tập với nhiệm vụ chính trị của tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị; coi trọng trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, nhân rộng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, lan tỏa giá trị đạo đức Hồ Chí Minh trong đời sống xã hội.

*Thứ ba, xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và truyền bá tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng viên ngành Hồ Chí Minh học có vai trò then chốt trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Cần xây dựng lực lượng này có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, chuyên môn sâu, phương pháp giảng dạy hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục lý luận chính trị. Việc đầu tư cơ sở nghiên cứu, tài liệu chuẩn mực, đồng thời tạo môi trường học thuật quốc tế sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác này.

*Thứ tư, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.*

Nghị quyết 35-NQ/TW (2018) xác định một trong những trọng tâm là bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh. Do đó, cần: Chủ động nhận diện và dự báo âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, bôi nhọ Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng của Đảng; Tăng cường cung cấp thông tin chính thống, xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học, minh chứng xác thực từ Hồ Chí Minh Toàn tập và các văn kiện lịch sử; Phát huy vai trò của báo chí, mạng xã hội, các nhà khoa học, nhân chứng lịch sử trong lan tỏa giá trị Hồ Chí Minh, đồng thời phản bác luận điệu xuyên tạc; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để đấu tranh trên không gian mạng,

tạo tiếng nói chung về giá trị nhân văn của Hồ Chí Minh.

*Thứ năm, gắn tư tưởng Hồ Chí Minh với chiến lược phát triển bền vững.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về “*lấy dân làm gốc*”, phát triển con người, đại đoàn kết dân tộc và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là nền tảng xây dựng chiến lược phát triển bền vững. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Phát triển nhanh và bền vững, dựa chủ yếu vào khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số và coi đây là nhân tố quyết định nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”<sup>7</sup>. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạch định chính sách cần kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh phi truyền thống, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong hội nhập.

*Thứ sáu, tăng cường giáo dục truyền thống, phát huy giá trị Hồ Chí Minh trong thế hệ trẻ.*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, thế hệ trẻ là lực lượng tiếp nối sự nghiệp cách mạng. Cần đa dạng hóa phương thức giáo dục truyền thống, kết hợp các nền tảng công nghệ số, mạng xã hội và sản phẩm truyền thông sáng tạo để lan tỏa tư tưởng Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, diễn đàn, cuộc thi tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh nhằm nâng cao ý thức chính trị, lòng yêu nước và trách nhiệm xã hội của thanh niên.

### 3. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam, kết tinh trí tuệ, bản lĩnh và đạo đức cách mạng của một nhà tư tưởng kiệt xuất, đồng thời là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến động phức tạp, tư tưởng của Người càng khẳng định sức sống trường tồn, trở thành kim chỉ nam định hướng chiến lược phát triển của Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp

tục soi sáng con đường phát triển; hội nhập quốc tế gắn với giữ gìn bản sắc; tận dụng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; bảo đảm công bằng xã hội, an sinh, môi trường và phát triển bền vững. Đây là thước đo để Đảng, Nhà nước và Nhân dân kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người vào thực tiễn.

Hơn 90 năm qua, Đảng ta luôn lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng, kim chỉ nam hành động, nhờ đó đã đạt được những thành tựu to lớn: từ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đến đổi mới, hội nhập và phát triển. Thành quả ấy khẳng định giá trị bền bỉ và trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong kỷ nguyên mới, bảo vệ và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là nhiệm vụ chính trị, vừa là yêu cầu khách quan để bảo đảm sự phát triển bền vững. Đây là giá trị không ngừng phát triển, có khả năng thích ứng mọi hoàn cảnh lịch sử, đáp ứng khát vọng xây dựng một Việt Nam hùng cường, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

<sup>7</sup> Những điểm mới trong mục tiêu phát triển đất nước. <http://nhandan.com.vn>, ngày 13/3/2021.



### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập I), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập II), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021): *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Tái bản lần thứ 4), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập* (Tập 1), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập* (Tập 4), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập* (Tập 15), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Tạp chí Cộng sản (2023): “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa”, *Tạp chí Cộng sản*, Số 1005, tr. 15-21.
8. Nguyễn Phú Trọng (2018): *Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# NHẬN DIỆN VÀ PHẢN BÁC ÂM MƯU LỢI DỤNG NHÂN QUYỀN NHẪM PHỦ NHẬN THÀNH TỰU BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

✪ LÊ THỊ NHẬT SANG\*

**Tóm tắt:** Quyền con người là một trong những vấn đề mà các thế lực thù địch, phản động thường lợi dụng để chống phá, với âm mưu phủ nhận những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trong công tác bảo đảm và phát huy quyền con người suốt nhiều năm qua. Việc nhận diện rõ bản chất, kiên quyết đấu tranh và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá liên quan đến quyền con người là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trên cơ sở phát huy tinh thần cảnh giác, trách nhiệm xã hội và quyết tâm chính trị, đồng thời triển khai các giải pháp toàn diện, khoa học và thực tiễn nhằm bảo vệ vững chắc thành quả của đất nước trong lĩnh vực nhân quyền.

**Từ khóa:** Nhân quyền, quyền con người, các thế lực thù địch, phản động.

## 1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, quyền con người luôn được Nhà nước thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ và bảo đảm thực hiện bằng hệ thống pháp luật. Trải qua gần bốn mươi năm đổi mới, đất nước đã đạt nhiều thành tựu quan trọng trong việc bảo đảm và phát huy các quyền cơ bản của con người. Việc đặt quyền con người ở vị trí trung tâm được thể hiện rõ trong Hiến pháp, hệ thống pháp luật cũng như các chính sách cụ thể của Nhà nước. Các quyền tự do

ngôn luận, tự do báo chí ngày càng được mở rộng; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm trên thực tế; quyền lợi của người lao động được quan tâm và bảo vệ; đồng thời hệ thống an sinh xã hội không ngừng được củng cố và phát triển, góp phần nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

## 2. Nội dung nghiên cứu

**2.1. Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng, xuyên tạc về thành tựu bảo đảm quyền con người ở Việt Nam của các thế lực thù địch, phản động**

Hiện nay, các thế lực thù địch và phản động vẫn không ngừng gia tăng những hoạt động xuyên tạc, phủ nhận những thành quả mà Việt Nam đã đạt được trong lĩnh vực bảo đảm quyền con người. Chúng thường sử dụng thủ đoạn bóp méo sự thật, bịa đặt thông tin, vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Trên phương diện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, mặc dù Hiến pháp và pháp luật Việt Nam đã quy định rõ ràng và tạo điều kiện cho công dân thực thi các quyền này, song những phần tử chống đối vẫn cố tình xuyên tạc để phủ nhận thực tế khách quan. Cụ thể, Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”. Đồng thời, Luật Báo chí năm 2016 cũng khẳng định: “Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

trên báo chí...”. Thế nhưng, những luận điệu sai trái từ các thế lực thù địch và một bộ phận người dân thiếu hiểu biết, chống đối chính quyền vẫn tìm cách phủ nhận thực tế khách quan, cố tình xuyên tạc tình hình tự do ngôn luận và báo chí ở Việt Nam.

Ngày 07/11/2023, trang mạng phản động “Việt Nam thời báo” đã đăng tải và phát tán cái gọi là “Báo cáo biểu đạt toàn cầu năm 2023” của tổ chức Hiến chương 19 (Article 19). Báo cáo này chứa đựng nhiều nhận định sai lệch, khi cho rằng “Việt Nam đang trong tình trạng khủng hoảng về tự do ngôn luận” và yêu cầu phải thừa nhận quyền tự do ngôn luận một cách tuyệt đối, coi đó là “điều kiện tiên quyết cho quyền phát triển của người dân Việt Nam”. Đây là lập luận hoàn toàn vô căn cứ, đi ngược lại thực tế tại Việt Nam, nơi quyền tự do ngôn luận của công dân luôn được bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật, mọi người dân đều có quyền tự do bày tỏ quan điểm và tiếp cận thông tin một cách bình đẳng. Rõ ràng, việc Article 19 đưa ra những thông tin sai sự thật chỉ nhằm mục tiêu gây hoang mang dư luận và phá hoại sự ổn định xã hội.

Song song với những luận điệu sai lệch về tự do ngôn luận, nhiều tổ chức và cá nhân chống phá còn tìm cách

xuyên tạc tình hình tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, cho rằng Nhà nước vi phạm hoặc hạn chế các quyền cơ bản này. Thực tế cho thấy đây là sự vu cáo hoàn toàn vô căn cứ. Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, đa tín ngưỡng với hơn 26,5 triệu tín đồ, chiếm khoảng 27% dân số cả nước<sup>(1)</sup>. Hiến pháp và pháp luật Việt Nam đã quy định rõ ràng rằng mọi công dân đều có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, có quyền lựa chọn theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đồng thời không bị cưỡng ép trong niềm tin tín ngưỡng của mình. Nhà nước nhất quán tôn trọng, bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện các quyền đó.

Không chỉ dừng lại ở việc công nhận và bảo hộ bằng pháp luật, Nhà nước còn khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức tôn giáo tham gia vào các hoạt động xã hội, phát huy vai trò của họ trong việc chăm lo đời sống nhân dân. Thực tiễn đã chứng minh, các tổ chức tôn giáo có những đóng góp quan trọng và đa dạng. Theo số liệu thống kê, trên phạm vi cả nước tính đến năm 2023 có 300 trường mầm non và hơn 1.000 nhóm, lớp mầm non độc lập do các tôn giáo thành lập, chiếm tỷ lệ 2% so với tổng số trường mầm non công lập và ngoài công lập, chiếm 15% so với trường mầm non do cá nhân ngoài

công lập trên phạm vi toàn quốc, các cơ sở giáo dục mầm non do các tôn giáo thành lập đã huy động khoảng 130.000 trẻ đến trường/lớp, chiếm tỷ lệ hơn 3,06% so với tổng số trẻ đến trường mầm non trên toàn quốc, chiếm 20% so với trẻ đến trường mầm non ngoài công lập<sup>(2)</sup>, tạo điều kiện học tập cho trẻ em, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, hơn 500 cơ sở y tế, phòng khám từ thiện do các tổ chức tôn giáo vận hành đang cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng<sup>(3)</sup>, góp phần giảm bớt gánh nặng cho hệ thống y tế công lập, nhất là đối với người nghèo, người neo đơn, không nơi nương tựa. Ngoài ra, có tới 113 cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Phật giáo, Công giáo, Cao Đài được cấp phép hoạt động, hiện đang chăm sóc và nuôi dưỡng khoảng 11.800 đối tượng bảo trợ xã hội, giúp họ có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng<sup>(4)</sup>.

Những số liệu và minh chứng này phản ánh rõ ràng chính sách nhân văn và cởi mở của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Sự tham gia tích cực của các tổ chức tôn giáo vào lĩnh vực giáo dục, y tế, từ thiện xã hội không chỉ khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm trên thực tế, mà còn cho thấy Nhà nước luôn tạo điều kiện để



các nguồn lực xã hội được huy động vì lợi ích chung của cộng đồng. Do đó, mọi luận điệu vu khống, quy chụp rằng Việt Nam vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo chỉ là sự xuyên tạc có chủ ý, nhằm gieo rắc hoài nghi, gây mất ổn định xã hội và làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

### **2.2. Đấu tranh phản bác âm mưu, thủ đoạn lợi dụng quyền con người để chống phá Việt Nam**

Để nâng cao hiệu quả trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và chủ động đấu tranh phản bác những thủ đoạn lợi dụng vấn đề nhân quyền nhằm chống phá Việt Nam, cần triển khai đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

*Thứ nhất, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức xã hội về quyền con người và trách nhiệm bảo vệ quyền con người.*

Đây là cơ sở nền tảng để hình thành “lá chắn” tư tưởng trong cộng đồng. Các cơ quan chức năng cần thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn về quyền con người cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Nội dung tuyên truyền phải toàn diện, làm rõ bản chất nhân văn của quyền con người, vai trò quan trọng của nó đối với sự phát triển bền vững của quốc gia, cũng như các thành tựu mà

Việt Nam đã đạt được. Đồng thời, cần tích cực đưa giáo dục quyền con người vào chương trình học tập ở các cấp học, bậc học, từ phổ thông đến đại học, nhằm trang bị cho thế hệ trẻ kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành và ý thức tôn trọng quyền con người trong đời sống hằng ngày.

Song song với đó, báo chí, truyền hình và đặc biệt là các nền tảng mạng xã hội cần trở thành kênh truyền thông mạnh mẽ để phổ biến kiến thức, thông tin chính xác về tình hình bảo đảm nhân quyền ở Việt Nam. Nội dung tuyên truyền cần đa dạng về hình thức, sáng tạo trong cách thể hiện để dễ tiếp cận, phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhất là thanh niên - những người dễ chịu tác động từ các luồng thông tin xấu độc.

*Thứ hai, đẩy mạnh công tác phản bác các luận điệu sai trái trên cơ sở bằng chứng và lập luận khoa học.*

Việc phản bác cần dựa trên cơ sở dữ liệu xác thực, lập luận chặt chẽ và bằng chứng cụ thể. Các cơ quan nghiên cứu, cơ quan truyền thông phải thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích những thông tin xuyên tạc từ bên ngoài để kịp thời đưa ra phản hồi chính thống. Bên cạnh đó, cần xây dựng đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên có khả năng viết, nói, phản biện sắc bén trên các diễn đàn quốc tế, cũng

như trên các nền tảng truyền thông mới. Đặc biệt, việc chủ động công bố những báo cáo quốc gia về quyền con người, đi kèm số liệu minh bạch và những dẫn chứng thực tiễn sẽ góp phần bác bỏ có căn cứ mọi cáo buộc sai lệch.

*Thứ ba, củng cố cơ chế phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh phản bác.*

Đây là công việc không thể thành công nếu chỉ dựa vào một vài cơ quan đơn lẻ. Cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, cũng như sự tham gia của mỗi người dân. Các tổ chức đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... cần phát huy vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, định hướng nhận thức, đồng thời tham gia trực tiếp vào công tác đấu tranh trên không gian mạng. Mỗi công dân, với tư cách là chủ thể của quyền con người, cũng phải trở thành một “người bảo vệ nhân quyền”, chủ động nhận diện, phản bác thông tin sai trái và lan tỏa những giá trị tích cực trong cộng đồng.

*Thứ tư, thúc đẩy hợp tác quốc tế về quyền con người một cách chủ động, toàn diện và hiệu quả.*

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, việc Việt Nam tích cực tham gia các cơ chế nhân

quyền của Liên Hợp Quốc, ASEAN và các tổ chức quốc tế khác không chỉ giúp khẳng định lập trường, chính sách nhân văn của mình mà còn mở ra cơ hội để trao đổi kinh nghiệm, tiếp thu những cách làm hiệu quả từ bạn bè quốc tế. Đồng thời, cần tận dụng hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn lực, công nghệ và kinh nghiệm quản trị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền con người trong nước. Việc đối thoại thẳng thắn, cởi mở với các tổ chức quốc tế sẽ giúp Việt Nam vừa bảo vệ được hình ảnh, vừa chủ động xử lý những thông tin sai lệch, từ đó củng cố vị thế quốc tế của đất nước.

*Thứ năm, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến bảo đảm quyền con người.*

Song song với việc tuyên truyền và phản bác, cần tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm tốt hơn nữa các quyền cơ bản của công dân, phù hợp

với Hiến pháp năm 2013 và các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đặc biệt, cần có cơ chế cụ thể để bảo vệ quyền lợi của nhóm yếu thế trong xã hội như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan của sự phát triển bền vững, mà còn là minh chứng rõ ràng để bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc về tình hình nhân quyền ở Việt Nam.

*Thứ sáu, ứng dụng công nghệ số trong công tác bảo vệ quyền con người và đấu tranh phản bác các quan điểm xuyên tạc, thù địch*

Trong kỷ nguyên số, không gian mạng trở thành “mặt trận” quan trọng mà các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng. Do vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về nhân quyền, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phát hiện sớm và xử lý thông tin sai lệch, đồng thời đẩy mạnh truyền thông số để lan tỏa thành tựu về quyền con người là giải pháp cấp thiết.

Ngoài ra, cần khuyến khích sự tham gia của các “tổ công nghệ số cộng đồng” tại cơ sở nhằm kịp thời phát hiện và phản hồi những thông tin xấu độc liên quan đến nhân quyền.

### 3. Kết luận

Việc bảo vệ quyền con người là giá trị cốt lõi, là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người và đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc là nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu. Để thực hiện tốt công tác này, cần có sự chung tay góp sức của toàn xã hội, từ các cơ quan chức năng đến mỗi cá nhân. Mỗi người cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền con người, tích cực tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phản bác các luận điệu xuyên tạc, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2019), *Sách trắng: Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Theo báo cáo số 274/BC-MTTW-BTT ngày 31/12/2020 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam “*Sơ kết 05 thực hiện kết luận số 02/KL-ĐCT của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN về đổi mới nội dung phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam trong công tác tôn giáo*”.
3. *Nghiêm Thị Vi Anh (2022), Đóng góp của các tôn giáo cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đăng trên Cổng Thông tin điện tử Ban Tôn giáo Chính phủ, đăng ngày 22/11/2022.*
4. Bộ Chính trị khóa VI, *Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 16/10/1990 về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.*

# TỈNH ĐỒNG THÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA BÁO CÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH

✪ TRỊNH TẤN QUÂN\*

## 1. Đặt vấn đề

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Xem trọng công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn đẩy lùi suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Để thực hiện có hiệu quả, ngày 25/7/2024, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 89-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

**Tóm tắt:** Việc triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 của hai tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp (trước khi hợp nhất) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Sự phát triển mạnh mẽ của đất nước sau 40 năm đổi mới tạo nền tảng và động lực cho địa phương tiếp tục vươn lên. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mở ra nhiều cơ hội trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức và thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, Tỉnh cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và khu vực; tác động sâu rộng, kéo dài của dịch Covid-19; biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở ngày càng phức tạp; các thế lực thù địch và tội phạm tăng cường khai thác, sử dụng công nghệ cao để chống phá, thực hiện hành vi phạm tội. Thông tin xấu, độc trên không gian mạng ngày càng nhiều, ảnh hưởng đến nhận thức một số cán bộ, đảng viên và người dân, nhất là giới trẻ.

**Từ khóa:** Báo cáo viên, giảng viên, lý luận chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

trong tình hình mới. Do đó, xác định nền tảng tư tưởng là những định hướng quan trọng đưa đất nước phát triển bền vững, đúng đắn. Cùng với việc nhận thức đầy đủ nền tảng tư tưởng của Đảng, chúng ta phải nhận diện chính

xác những đối tượng đang chống phá, thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và Nhân

\* Thạc sĩ, Phó Trưởng Phòng Tuyên truyền, Báo chí - Xuất bản, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đồng Tháp.



dân, trong đó, cán bộ, đảng viên, báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị là lực lượng tiên phong, nòng cốt.

Ngoài ra, các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xác định rõ: “Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là một nội dung cơ bản, sống còn của công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó lực lượng tuyên giáo và dân vận các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và của từng cán bộ, đảng viên”. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đến công tác giáo dục lý luận chính trị dành cho cán bộ, đảng viên. Trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc. Người viết: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”. Theo Bác: “Giáo dục lý luận chính trị là quá trình tác động vào đối tượng bằng cách trình bày, giải thích một cách khoa học những khái niệm, những quy luật, những quan điểm,... nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm được những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, chính sách của Đảng, nâng

cao phẩm chất cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn, hướng dẫn vận dụng những hiểu biết vào cuộc sống”.

Tỉnh Đồng Tháp là địa phương cửa ngõ vùng Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích 5.938,7 km<sup>2</sup> hơn 4,2 triệu dân, không gian phát triển trải dài từ biên giới giáp với Campuchia, nơi đầu nguồn sông Tiền đến tận Biển Đông. Tỉnh có 102 đơn vị hành chính cấp xã (82 xã và 20 phường). Đảng bộ Tỉnh có 106 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, có 3.511 tổ chức cơ sở đảng với tổng số đảng viên 120.928 đảng viên, trong đó đảng viên dự bị 37 đồng chí (tính đến ngày 31/7/2025); các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy Đảng từ tỉnh đến xã, phường đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ có phẩm chất đạo đức. Xác định đội ngũ báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng trực tiếp nghiên cứu và truyền đạt những kiến thức lý luận chính trị, đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến người dân, nâng cao bản lĩnh chính trị, khả năng miễn dịch và nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

### 2. Nội dung nghiên cứu

Việc nhân cái đẹp, dẹp cái xấu, lấy cái tích cực để đẩy lùi tiêu cực là nhiệm vụ, phương

châm chỉ đạo quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền trong công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội. Tỉnh đã kịp thời tham mưu cấp ủy triển khai thực hiện Kết luận số 89-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Ngoài ra, Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh triển khai các công văn, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự phục vụ đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIV của Đảng; Kế hoạch tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trên không gian mạng;... Để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn hoạt động, định hướng nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo. Đồng thời, phối hợp các ngành tổ chức tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch gắn với đấu tranh, xử lý trên không gian mạng. Công tác tuyên truyền thông tin tích cực luôn được chú trọng như: Chi thị số 45-

CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Kế hoạch số 346-KH/TU ngày 26/4/2025 và Kế hoạch số 04-KH/TU ngày 18/7/2025 thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW; chỉ đạo Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 (trên cơ sở nội dung nghị quyết đại hội của các đảng bộ trước khi hợp nhất, sáp nhập); xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030...

Việc đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là trách nhiệm của riêng các cơ quan Đảng, chính quyền mà còn là công việc thường xuyên, tự giác của mỗi cán bộ, đảng viên, giảng viên lý luận chính trị và toàn thể Nhân dân. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị; nâng cao năng lực phản bác trên không gian mạng; tăng cường sức mạnh của truyền thông chính trị. Đồng thời, phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị trong việc giữ gìn bản lĩnh chính trị và niềm tin vững chắc vào Đảng, từ đó, tạo sức mạnh lan tỏa mạnh mẽ đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Do đó, cán bộ, đảng viên, báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị

không chỉ là người làm công tác giáo dục mà còn giữ vai trò then chốt trong việc truyền bá, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Với sứ mệnh chính trị, tư tưởng cao cả, họ là lực lượng chủ lực trên mặt trận tư tưởng, có trách nhiệm truyền thụ, làm sáng tỏ những giá trị khoa học, cách mạng và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời, trực tiếp phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng. Cán bộ, đảng viên, báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị, thông qua công tác tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội hoạt động giảng dạy, nghiên cứu... đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố lập trường tư tưởng, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, nâng cao năng lực tư duy biện chứng, tư duy phản biện cho cán bộ, đảng viên, người dân, sinh viên và học viên tham gia vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Đây là lực lượng giữ vai trò “cầu nối” giữa lý luận và thực tiễn, giữa tư tưởng của Đảng với nhận thức của Nhân dân, giữa giá trị truyền thống với yêu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: “Công tác giáo dục lý luận chính trị cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng

viên lý luận chính trị để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới”, giảng viên lý luận chính trị phải đóng vai trò “chiến sĩ tiên phong” trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, cần chủ động nắm bắt các vấn đề mới, tình hình chính trị - xã hội trong nước và quốc tế để kịp thời định hướng và bảo vệ chân lý cách mạng, không để khoảng trống lý luận bị chiếm lĩnh bởi các tư tưởng sai trái. Để đạt được điều này, cán bộ, đảng viên, báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị cần không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ lý luận và phương pháp giảng dạy hiện đại, đặc biệt là năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông số. Đồng thời, phải gắn lý luận với thực tiễn với các vấn đề thời sự nóng bỏng của đất nước và thế giới, từ đó, tạo nên sức thuyết phục, lan tỏa và củng cố niềm tin vào con đường XHCN mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Tuy nhiên, những năm tới, tình hình thế giới, khu vực sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp và khó dự báo. An ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, chất lượng nguồn nước suy giảm,... là những khó khăn, thách thức tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế, xã hội Tỉnh. Các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn

đề biên giới, dân tộc, tôn giáo, nhân quyền tìm mọi cách chống phá, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”. Tội phạm công nghệ cao, tội phạm về ma túy ngày càng tinh vi; tai nạn giao thông và cháy nổ còn tiềm ẩn nguy cơ cao. Khu vực biên giới đất liền còn nhiều khó khăn trong phát triển. Với những kết quả đạt được, trong thời gian tới để phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, đội ngũ báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; cần có những giải pháp sau:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị đảm bảo về số lượng và chất lượng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng theo Kết luận số 89-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

*Hai là*, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận phải có hiểu biết sâu sắc, nắm vững về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối, quan điểm chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam; tuyệt đối trung thành, kiên định về lập trường, tư tưởng chính trị, vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng; gương mẫu, tiên phong trong công tác, học tập, sinh hoạt, lối sống, thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiên quyết, kiên trì đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ vững chắc Đảng, Nhà nước và chế độ.

*Ba là*, đội ngũ giảng viên lý luận chính trị khi tham gia đấu tranh, ngăn chặn, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận chính trị, phải có hiểu biết về các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những giá trị, chuẩn mực đạo đức cách mạng. Đó là trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có trách nhiệm với công việc; đoàn kết nội bộ, đoàn kết với Nhân dân và có ý thức tổ chức kỷ luật tốt. Tổ chức cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị tham gia tích cực vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

trên lĩnh vực lý luận chính trị, công tác tuyên truyền thực sự hiệu quả; đổi mới, nâng cao chất lượng bài viết, bảo đảm có tính lý luận, tính thực tiễn, tính thuyết phục khoa học. Trong đó, cần cập nhật những tri thức mới của nhân loại và những vấn đề nổi cộm, “điểm nóng” của thực tiễn đang đặt ra cần phải xử lý, giải quyết.

Ngoài ra, lực lượng báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị là đội ngũ tuyên truyền viên hiệu quả trong đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cần đào tạo, bồi dưỡng là những người “vừa hồng, vừa chuyên”, có lý luận, có kiến thức thực tiễn, biết lắng nghe, phân tích tình hình, nhận biết nhanh nhạy và có khả năng phản bác các luận điệu sai trái, thù địch. Phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên nghiên cứu dư luận xã hội trong việc tăng cường thông tin về cơ sở, tham gia nắm bắt dư luận xã hội, tuyên truyền, giải thích rõ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Có cơ chế biểu dương, khen thưởng phù hợp, kịp thời đối với những cá nhân, tổ chức có thành tích tiêu biểu trong cuộc đấu tranh này.

*Bốn là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, khắc phục những



hạn chế, khuyết điểm; biểu dương, nhân rộng những mô hình điển hình nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị trong toàn hệ thống chính trị. Đầu tư cơ sở vật chất và nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động. Mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện; chủ động đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Năm là*, định hướng dư luận và dẫn dắt tư tưởng công chúng: Một chức năng đặc biệt quan trọng khác của giảng viên lý luận chính trị trên không gian mạng là khả năng định hướng dư luận xã hội, dẫn dắt tư tưởng cộng đồng theo định hướng chủ nghĩa

Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong môi trường mạng vốn có quá nhiều thông tin đa chiều, không ít người dân, nhất là thanh, thiếu niên rơi vào trạng thái “bán tín bán nghi”, dễ bị tác động bởi những tin giả, luận điệu mị dân hoặc các xu hướng văn hóa phi chính trị, phi dân tộc.

### 3. Kết luận

Việc nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ, đảng viên, báo cáo viên, giảng viên lý luận chính trị góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới. Trong đó, việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị là một nhiệm vụ trọng tâm, cần có định hướng lâu dài, thực hiện đồng bộ, toàn diện với nhiều giải pháp đáp ứng được yêu cầu của thực

tiễn. Vấn đề đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học cũng như bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trở thành những yêu cầu hết sức cấp thiết. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị có ý nghĩa quyết định. Đây vừa là yêu cầu tất yếu, vừa là điều kiện để giảng viên hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong giai đoạn cách mạng, kiên định, lan tỏa và bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Chúng ta có thể tin tưởng vững chắc rằng, Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới vươn mình, kiên định con đường đã lựa chọn, đã có đủ sức lực và trí tuệ để tiến bước cùng thế giới, tiến cùng thời đại, nhất định thực hiện được mục tiêu hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.
2. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.
3. Kết luận số 89-KL/TW ngày 25/7/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.
4. Một số luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng.
5. Sổ tay Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.
6. Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 15/5/2025 của BCĐ 35 tỉnh về đẩy mạnh tuyên truyền thông tin tích cực, phòng ngừa, đấu tranh, phản bác, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu, độc, quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I, II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
8. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/07/08/giang-vien-ly-luan-chinh-tri-voi-nhiem-vu-dau-tranh-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-tren-mang-xa-hoi/>.

# GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP GIỮ LỬA TRONG CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

✪ PHẠM THỊ MỸ NHUNG\*

## **Tóm tắt:**

*Việc khẳng định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị khóa XII “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Bài viết làm rõ sứ mệnh của người giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong nhiệm vụ giữ lửa trong công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng - bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.*

**Từ khoá:** Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, giảng viên, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

## **1. Mở đầu**

Trong giai đoạn mới hiện nay, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đang ra sức chống phá phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, nhằm gây sự mơ hồ, hoài nghi, hoang mang, dao động, mất niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Do đó, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách, vừa thường xuyên và mang tính chất lâu dài, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình lãnh đạo cách mạng

của Đảng ta, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân và của cả hệ thống chính trị. Trong đó, người giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp với trách nhiệm và sứ mệnh của mình, người giảng viên phải luôn luôn giữa lửa, tiếp tục công cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới trong tình hình

mới, ngày 13-11-2018, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quy định số 09-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là lực lượng nòng cốt, trực tiếp giáo dục, tuyên truyền sâu rộng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Là người trực tiếp trang bị cho người học thế giới quan, phương

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

pháp luận khoa học, niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; trực tiếp tuyên truyền, phổ biến đến đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu và thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến đội ngũ nhà giáo và Người khẳng định: “Nhiệm vụ giáo dục rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục... Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hóa”<sup>1</sup>. Vai trò của người thầy cũng hết sức quan trọng mỗi thời kỳ cách mạng nhất là trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đặc biệt là vai trò của đội ngũ giảng viên của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong bối cảnh hiện nay đối với sự nghiệp xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho hệ thống chính trị. Mặt khác, bản thân mỗi người giảng viên phải luôn ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch trong tình hình mới hiện nay.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp luôn quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ giảng viên có tri thức, có “Đức” có “Tài”, có kỹ năng và kinh nghiệm nhằm góp phần bảo vệ thành quả cách mạng là một trong những nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu trong bối cảnh hiện nay. Với chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị ở cơ sở, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị; tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, nghiên cứu khoa học trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị... góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG-TCT, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thì lãnh đạo các trường chính trị. Thông qua đó, Đảng ủy Ban Giám hiệu Trường đã xây dựng kế hoạch định hướng và triển khai đến toàn thể giảng viên, viên chức và học viên nắm rõ nội dung để thực hiện đúng và đầy đủ tinh thần của hướng dẫn.

Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là những chiến sĩ tiên phong trong đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch; phòng và chống “Tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, phòng - chống chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản tử cơ hội chính trị... trên các phương tiện truyền thông qua những bài phát biểu trên các diễn đàn khoa học, bài viết trên sách, báo, tạp chí và các sản phẩm khoa học của mình. Đồng thời, thông qua công tác giảng dạy các chuyên đề, các bài giảng, giảng viên trực tiếp truyền thụ đến người học hiểu sâu, hiểu đúng về những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra ở trong nước và trên thế giới trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đảng ủy, Ban Giám hiệu chỉ đạo sắp xếp lại giao diện trang thông tin điện tử, thành lập

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H.2011, tập 10, tr. 345.



nội dung chuyên mục “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” trên trang thông tin điện tử, viết bài đăng Trang Việt Nam thịnh vượng; tích cực, hưởng ứng phát động Cuộc thi viết chính luận, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đặc biệt qua 4 lần phát động của Trung ương, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ (Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh uỷ), Đảng uỷ khởi cơ quan Đảng Tỉnh phát động, Đảng uỷ - Ban Giám hiệu đã ban hành kế hoạch, lãnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, viên chức, giảng viên và học viên tích cực hưởng ứng tham gia. Kết quả có 471 bài viết tham dự; trong đó có 04 bài đạt giải cấp trường, 06 bài đạt giải cấp tỉnh và 03 bài đạt giải cấp quốc gia. Qua đó, có thể khẳng định rằng 100% giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp không chỉ nâng cao nhận thức, mà còn có nhiều hành động thiết thực và hiệu quả nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay. Với những nghiên cứu và kinh nghiệm nắm bắt từ thực tiễn, mỗi giảng viên đều nêu cao tinh thần giữ lửa nối tiếp cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, là vấn đề có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Để tiếp tục giữ lửa và thực hiện tốt sứ mệnh và trách nhiệm của người giảng viên trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; đặc biệt là trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc người giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần thực hiện tốt một nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất, mỗi giảng viên phải tự xác định cho mình các tiêu chí phấn đấu và rèn luyện trên tất cả các mặt chính trị tư tưởng, tư cách, phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong sinh hoạt, năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn... nhằm để nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.* Thật vậy, mỗi giảng viên chúng ta cần nêu cao ý thức và tinh thần tự rèn luyện sự tâm huyết, say mê và tận tụy với công việc; luôn cầu thị, trau dồi, tích lũy kiến thức lý luận, thực tiễn; rèn luyện kỹ năng, phương pháp sư phạm và đặc biệt là tư duy phản biện để chuyển tải bài giảng đến học viên một cách hiệu quả nhất. Có như vậy mới nâng cao được chất lượng bài giảng, đồng thời nhận diện và đấu tranh tốt hơn trong công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Thứ hai, mỗi giảng viên luôn không ngừng nâng cao trình độ nhận thức và củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nghiên cứu và nắm vững chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.* Giảng viên là những cán bộ ưu tú, gương mẫu và có nền tảng kiến thức lý luận vững chắc cùng thực tiễn kinh nghiệm công tác phong phú. Song, không chỉ tiếp thu tri thức và nâng cao nhận thức về chính trị mà còn là lực lượng tiên phong, gương mẫu đi đầu trong công cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng của Đảng. Vì vậy, mỗi giảng viên cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị; qua đó, củng cố, nắm vững kiến thức và nhận thức sâu rộng các vấn đề phát sinh trong tình hình mới hiện nay. Luôn kiên định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; như vậy, thông qua mỗi bài giảng của mình trong chương trình trung cấp lý luận chính trị, giảng viên là người truyền bá, bảo vệ những giá trị cốt lõi, cách mạng trong nền tảng tư tưởng của Đảng tới người học.

Trong quá trình trau dồi và nâng cao trình độ chuyên môn, nắm bắt tri thức thực tiễn, còn là nền móng vững chắc để mỗi giảng viên có những lập luận sắc bén về lý luận để trực tiếp đấu tranh lại với những luận điệu xuyên tạc, những quan điểm sai trái thù địch phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, với những kiến thức lý luận chính trị sâu rộng được tích lũy, giảng viên cần tích cực tham gia vào việc định hướng dư luận trong đời sống xã hội, đặc biệt với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, cần hết sức tỉnh táo nhận diện sự chống phá của các thế lực thù địch trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và cả trên không gian mạng, đồng thời giúp Nhân dân hiểu và nắm rõ hơn về các chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước. thông qua quá trình giảng dạy truyền đạt, giải thích và phân tích một cách khoa học có sức thuyết phục cao, từ đó làm giảm tác động tiêu cực từ các thông tin sai lệch của các thế lực thù địch...

*Thứ ba, cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, nâng cao năng lực tư duy phản biện, năng lực sư phạm, năng lực thực tiễn thì việc rèn luyện khả năng nghiên cứu*

*khoa học của giảng viên cũng là nhiệm vụ cấp bách và cần thực hiện trong bối cảnh mới hiện nay.* Thật vậy, chỉ khi tích cực nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tiễn thì giảng viên chúng ta mới có thể tiếp cận được với những tài liệu, những vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, về phương pháp đấu tranh chống phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung rất cơ bản, quan trọng, và có ý nghĩa sống còn của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ cấp thiết, hệ trọng và hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân... Người giảng viên cần phải xác định, nhiệm vụ giảng dạy và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp, bổ sung cho nhau. Có thể thấy rằng, việc nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của đội ngũ giảng viên và việc lựa chọn chủ đề nghiên cứu thực tế phù hợp với hoạt động chuyên môn giảng dạy, phù hợp với nhiệm vụ chính trị của nhà trường đã giúp cho giảng viên thu thập được nhiều giá trị thực tiễn, có thể sử dụng làm nguồn tài liệu tham khảo bổ ích trong công tác giảng dạy.

Đồng thời, Đảng uỷ và Ban Giám hiệu Trường cần đẩy mạnh hoạt động cử giảng

viên đi nghiên cứu thực tế ở cơ sở, củng cố bổ sung, lý giải những vấn đề đặt ra ở cơ sở. Đặc biệt là cử giảng viên đi đến những “điểm nóng” xã hội và “điểm nóng” chính trị, nhằm giúp cho giảng viên có dịp tiếp cận và cọ xát với tình hình thực tế, qua đó thu được những kinh nghiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở trong xử lý các tình huống diễn ra trong thực tiễn, vận dụng vào hoạt động giảng dạy và tuyên truyền.

Giảng viên cần phải tự nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và rèn luyện tính chiến đấu, tính hiệu quả, tính thuyết phục của các bài viết chính luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Qua mỗi bài viết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch sẽ không chỉ giúp cho việc làm giàu thêm kho tàng lý luận của Đảng mà còn giúp mỗi giảng viên tăng cường khả năng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, có sự phản biện, nhận diện và đấu tranh với những quan điểm không đúng đắn.

*Thứ tư, trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên cần lồng ghép vào bài giảng, phân tích, giảng giải cho học viên thấy rõ âm mưu, hình thức, chiêu trò chống phá của thế lực thù địch, các phần tử cơ hội chính trị.* Bởi vì, chúng thường lợi dụng sự tự do ngôn

luận, tự do báo chí, lợi dụng những hiện tượng, việc làm sai trái của một bộ phận cán bộ thoái hoá, biến chất để rêu rao, kích động, cho rằng Việt Nam vi phạm về quyền con người, quyền tự do dân chủ, quyền tự do tôn giáo. Thủ đoạn của chúng là chống phá về chính trị, tư tưởng; lấy mua chuộc kinh tế làm mũi nhọn; lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo làm ngòi nổ; dùng ngoại giao, đầu tư kinh tế hỗ trợ, hậu thuẫn chống phá. Do đó, giảng viên cần thông qua nội dung bài giảng, lồng ghép, phân tích để định hướng về tất yếu khách quan của lịch sử; tính quy luật phát triển trong sự vận động của quá trình sản xuất vật chất, của sự phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc cho học viên. Đồng thời, trong các nội dung bài giảng, giảng viên cần phân tích và luận giải rõ ràng, đánh giá vấn đề bảo đảm tính khách quan, tính khoa học giúp học viên xây dựng cho mình có được những nhận thức và tư tưởng đúng đắn.

*Thứ năm, giảng viên cần đầu tư nghiên cứu nắm chắc thông tin, chấp hành tốt các quy định về quyền thông tin theo quy định của Hiến pháp.* Qua đó, để đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch trong tình

hình mới hiện nay, mỗi giảng viên cần phải nâng cao ý thức tự giác, kỷ luật khi tiếp xúc và nắm bắt thông tin; nắm vững các nội dung cơ bản và chấp hành tốt các quy định về quyền thông tin, phạm vi thông tin theo quy định của Hiến pháp, Luật Tiếp cận thông tin và Luật An ninh mạng. Đồng thời, khi tham gia các trang mạng xã hội giảng viên cần nghiêm túc thực hiện điều lệ và quy định kỷ luật của Đảng, của Nhà trường. Song song đó, giảng viên cần phải tích cực tham gia và thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; cần phải tinh táo, cân nhắc kỹ lưỡng, cảnh giác cao độ trước khi phát ngôn, chia sẻ nhận định, đánh giá về vấn đề, sự kiện, hiện tượng nào đó trước khi lan truyền thông tin đó trên các phương tiện thông tin của cá nhân. Giảng viên phải có trách nhiệm lập luận làm rõ sự sai trái những luận điệu xuyên tạc của những đối tượng phản động lợi dụng tự do ngôn luận để xuyên tạc và nói xấu chế độ, nói xấu Đảng làm cho người dân hiểu không đúng về bản chất của chế độ ta.

*Thứ sáu, giảng viên cần tiếp tục thực hiện tốt việc đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, của các thế lực thù địch trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới hiện nay.* Cần

phân tích chính xác các luồng thông tin xấu độc bắt đầu từ những biểu hiện nhỏ nhất, trong mọi mặt của đời sống xã hội, với đồng bộ các giải pháp, hình thức linh hoạt, phù hợp. Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là người chiến sĩ đầu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hoá cần phải chủ động là tuyên truyền viên tích cực, xây dựng mạng lưới đấu tranh rộng khắp trong gia đình, trong khu dân cư, để tạo thành thế trận vững chắc trong công cuộc chiến đấu với thông tin tiêu cực và lan tỏa Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống.

### 3. Kết luận

Như vậy, mỗi giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là những người được trang bị kiến thức lý luận, thực tiễn, kỹ năng nghiên cứu, tư duy biện chứng duy vật, tư duy phản biện; mỗi người giảng viên đều có nhiều khả năng đóng góp vào việc nghiên cứu, phản biện những quan điểm sai trái, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay. Chính vì vậy, đòi hỏi mỗi giảng viên cần phải nghiêm túc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp mới phù hợp với bối cảnh hiện tại, những vấn đề mới thực tiễn đang đặt ra nhằm phát huy vai trò, trách



nhệm và sứ mệnh của người truyền lửa và giữ lửa trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Muốn vậy, thì bên cạnh việc trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị thì giảng viên cần phải tích cực học tập, nghiên cứu tiếp thu những tri thức từ thực tiễn trong bối cảnh hiện nay. Phải thực sự cần, kiệm,

liêm, chính, chí công vô tư, tiếp thu nghiêm túc những tư tưởng, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; qua đó, sẽ góp phần đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong mỗi chúng ta, góp phần nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tóm lại, việc phát huy vai trò tích cực của giảng viên

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong việc thực hiện công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay không chỉ là trách nhiệm mà còn là sứ mệnh của người giảng viên, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm góp phần xây dựng và củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, vững tin dưới cờ Đảng tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://tuyengiao.hagiang.gov.vn/thong-tin-chuyen-de/ly-luan-chinh-tri-lich-su-dang/vai-tro-cua-giang-vien-cac-truong-chinh-tri-trong-cong-tac-dau-tranh-voi-co-hoi-chinh-tri-o-viet-nam-hien-nay.html>.
2. Mai Thị Hồng Mi, giảng viên Phòng QLĐT và NCKH, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên: *Phát huy vai trò của người giảng viên trường Chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng*.
3. Số 05-BC/TCT báo cáo phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng giai đoạn 2020 – 2025, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2025 - 2030.
4. Tỉnh uỷ Đồng Tháp, Trường Chính trị, tài liệu, Hội thảo khoa học cấp cơ sở “*Lồng ghép, nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giảng dạy lý luận chính trị*”, tháng 5 năm 2025.

# VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TRONG ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYỀN TẠC TIỂU SỬ, SỰ NGHIỆP VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

✪ NGUYỄN VĂN TƯƠI\*

**Tóm tắt:** Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Danh nhân văn hóa thế giới, đã để lại di sản tư tưởng và lý luận quan trọng, là nền tảng cốt lõi của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các thế lực thù địch gia tăng xuyên tạc tư tưởng, sự nghiệp và tiểu sử của Người, nhằm làm suy yếu niềm tin của nhân dân vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Những thách thức trong công tác tư tưởng, lý luận hiện nay đòi hỏi sự tham gia tích cực của giảng viên các trường chính trị tỉnh. Với năng lực giảng dạy, phản biện và phổ biến chính sách, giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố trận địa chính trị, tư tưởng và góp phần bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững của cách mạng. Để nâng cao hiệu quả đấu tranh, cần triển khai các giải pháp sáng tạo, trong đó ứng dụng chuyển đổi số là một phương thức hiệu quả.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng, giảng viên trường chính trị, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái.

## 1. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất và nhà chiến lược thiên tài của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc, đã dẫn dắt cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi vẻ vang trong suốt thế kỷ XX, từ Cách mạng Tháng

Tám 1945 đến Đại thắng Mùa Xuân 1975. Đây là hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó Hồ Chí Minh khẳng định rằng “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>1</sup>.

Từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền

tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Điều 4 Hiến pháp 2013 xác định rõ Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội<sup>2</sup>. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của việc vận dụng sáng tạo và phát triển những tư tưởng này để đạt được mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội<sup>3</sup>.

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh (2011, tái bản 2021), *Hồ Chí Minh Toàn tập (15 tập)*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

<sup>2</sup> Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đối mặt với nhiều thách thức. Những thế lực thù địch lợi dụng internet và mạng xã hội để lan truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc sự thật lịch sử và phủ nhận những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là một chiến dịch nhằm phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng và làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Theo các báo cáo từ các cơ quan chức năng, các chiến dịch này đã lan rộng trên không gian mạng, ảnh hưởng đến nhận thức của một bộ phận giới trẻ và cán bộ<sup>4</sup>.

Chiến dịch này không chỉ nhắm đến việc xuyên tạc lịch sử cách mạng hay cá nhân Hồ Chí Minh, mà còn nhằm xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng, làm suy yếu các đường lối và chủ trương của Đảng. Các luận điệu cho rằng Hồ Chí Minh “từ bỏ” chủ nghĩa Mác - Lênin hay tư tưởng của Người là “phi chính trị” nhằm tách rời sự nghiệp giải phóng dân tộc với xây dựng chủ nghĩa xã hội là âm mưu thâm

độc, phủ nhận con đường cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” và “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”<sup>5</sup>. Điều này nhấn mạnh rằng việc nâng cao năng lực và phẩm chất của đội ngũ giảng viên trường chính trị tỉnh, những người trực tiếp làm công tác huấn luyện cán bộ, là yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Giảng viên trường chính trị không chỉ là nhà giáo mà còn là chiến sĩ tư tưởng, nhà nghiên cứu và tuyên truyền chính trị chuyên nghiệp. Họ cần được trang bị đầy đủ tri thức lý luận, kỹ năng truyền thông và phẩm chất chính trị vững vàng để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đội ngũ giảng viên còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và kinh nghiệm thực tiễn, đòi hỏi phải có các giải pháp đồng bộ để khắc phục.

Nghị quyết số 35-NQ/TW (ngày 22-10-2018) của Bộ Chính trị khẳng định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái là nhiệm vụ

sống còn trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng<sup>6</sup>. Các trường chính trị tỉnh, thành phố giữ vai trò quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, những người trực tiếp thực thi đường lối, chính sách và là cầu nối giữa Đảng với nhân dân. Do đó, việc xây dựng đội ngũ giảng viên chính trị vững mạnh, có khả năng đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, là yếu tố quyết định để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Vai trò của giảng viên trường chính trị tỉnh trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, xuyên tạc tiểu sử, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Hệ giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh giữa lý luận cách mạng và truyền thống dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một hệ thống lý luận cách mạng sâu sắc mà còn là kết quả của sự kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền thống yêu nước Việt Nam và tinh hoa văn hóa nhân loại. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin

<sup>4</sup> Ban Bí thư (2018), *Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13-11-2018 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*.

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, t.5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 45-46.

<sup>6</sup> Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.



để giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam, đồng thời khai thác những giá trị văn hóa, đạo lý của dân tộc để xây dựng nền tảng tư tưởng vững chắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>7</sup>, điều này phản ánh sự kết hợp chặt chẽ giữa lý luận cách mạng và thực tiễn dân tộc. Tư tưởng của Người không chỉ nêu rõ mục tiêu cuối cùng là độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân, mà còn xác định phương pháp tiếp cận, đó là dựa vào sức mạnh của nhân dân, sự đồng lòng của mọi tầng lớp trong xã hội. Phương thức lãnh đạo của Hồ Chí Minh không chỉ gắn liền với lý luận về quyền lực của giai cấp công nhân mà còn phản ánh sự tôn trọng sâu sắc đối với quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân.

Đặc biệt, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một lý luận cách mạng về phương thức đấu tranh mà còn là một triết lý sống, là nền tảng đạo đức và pháp lý cho một xã hội công bằng và văn minh. Người luôn coi trọng tính nhân văn trong mọi hoạt động cách mạng, nhấn mạnh vai trò

của đạo đức cách mạng trong việc xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh khẳng định, “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” và “Độc lập dân tộc gắn liền với tự do và hạnh phúc của nhân dân”, điều này không chỉ thể hiện mục tiêu lý tưởng mà còn phản ánh phương pháp lãnh đạo linh hoạt, sáng tạo, đặc biệt là sự sáng suốt trong việc lựa chọn và áp dụng những yếu tố truyền thống dân tộc vào trong cuộc đấu tranh cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh, với tính toàn diện và sâu sắc, vẫn tiếp tục là kim chỉ nam dẫn dắt cách mạng Việt Nam, giúp định hướng phát triển đất nước trên con đường độc lập, tự do, và hạnh phúc cho nhân dân. Trong bối cảnh hiện nay, việc bảo vệ và phát huy giá trị cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi sự tham gia tích cực của đội ngũ giảng viên các trường chính trị tỉnh. Sự hiểu biết sâu sắc về tư tưởng của Người và khả năng vận dụng những nguyên lý này vào thực tiễn công tác chính trị của giảng viên sẽ góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và bảo vệ sự nghiệp cách mạng.

*2.1.2. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh*

Từ Đại hội VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng cơ bản, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, đóng vai trò là kim chỉ nam cho các hoạt động cách mạng và xây dựng đất nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ phản ánh những giá trị lý luận cách mạng, mà còn chứa đựng những đặc trưng của truyền thống văn hóa, tinh thần dân tộc Việt Nam và yêu cầu phát triển đất nước trong điều kiện mới. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của các mối quan hệ quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp tục khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn đuốc dẫn đường trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời giải quyết những thách thức trong các vấn đề quốc tế và trong nước.

Đến Đại hội XIII (2021), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh rằng tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ là kim chỉ nam cho hành động của Đảng và nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự chuyển biến mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới và sự cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia lớn. Đảng cho rằng việc tiếp thu, phát triển và vận dụng sáng

<sup>7</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t. 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 12.

tạo tư tưởng Hồ Chí Minh là yếu tố quyết định trong việc duy trì ổn định chính trị, phát triển kinh tế bền vững và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế<sup>8</sup>.

UNESCO vào năm 1987, đã ghi nhận Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất” và vinh danh những đóng góp to lớn của Người trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam, đồng thời khẳng định những giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy hòa bình, công lý và sự phát triển chung của nhân loại. Sự công nhận của UNESCO cũng cho thấy tầm ảnh hưởng rộng lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh, không chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà còn đối với phong trào giải phóng dân tộc và đấu tranh cho hòa bình trên thế giới<sup>9</sup>.

### **2.2. Âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch xuyên tạc tiểu sử và sự nghiệp Hồ Chí Minh**

Các thế lực thù địch xuyên tạc tiểu sử và sự nghiệp Hồ Chí Minh không chỉ là những hành động đơn thuần, mà là một phần trong chiến

lược thâm độc nhằm phá hoại nền tảng tư tưởng vững chắc của Đảng. Những kẻ này đã quá quen với việc hạ bệ hình tượng Hồ Chí Minh, xóa bỏ sự tôn kính đối với Người và làm suy yếu lòng tin của nhân dân vào Đảng, nhằm đạt được mục tiêu chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Với sự bùng nổ của công nghệ truyền thông số, giờ đây, các đối tượng thù địch có thể dễ dàng lợi dụng mạng xã hội và các phương tiện trực tuyến để phát tán thông tin xuyên tạc. Họ không ngừng “nâng cấp” các chiến dịch, tận dụng sức mạnh lan tỏa của truyền thông số để gieo rắc sự hoài nghi, làm nhiễu loạn dư luận và thậm chí gieo rắc sự hoang mang trong lòng dân tộc.

#### **2.2.1. Nhóm thủ đoạn chủ yếu**

*Một là, xuyên tạc tiểu sử và đời tư.* Các thế lực thù địch, với bản chất ti tiện và thấp hèn, luôn tìm cách khai thác những “khoảng trống thông tin” để bóp méo tiểu sử Hồ Chí Minh, mượn những chi tiết nhỏ nhặt trong đời tư để bôi nhọ danh dự và uy tín của Người. Họ tạo ra những câu chuyện giật gân, đầy tò mò nhưng thiếu căn cứ, chỉ để phá vỡ hình ảnh Hồ Chí Minh,

một lãnh tụ giản dị, thanh cao, với lý tưởng sống trong sạch và đầy nhân văn. Thậm chí, trên mạng xã hội, không thiếu những bài viết cố tình xuyên tạc về mối quan hệ cá nhân của Hồ Chí Minh, biến những thông tin sai lệch trở thành “người thật, việc thật”, khiến hình ảnh Người bị bóp méo, từ đó làm hoen ố cả một tượng đài đạo đức cách mạng<sup>10</sup>.

*Hai là, bẻ cong tư tưởng, phủ nhận cơ sở khoa học và cách mạng.* Đám người thù địch này chẳng bao giờ chịu dừng lại ở những thủ đoạn tầm thường, họ còn đi xa hơn bằng cách tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh khỏi chủ nghĩa Mác - Lênin, làm mờ đi giá trị lý luận và phương pháp cách mạng mà Hồ Chí Minh đã dày công xây dựng. Họ cố tình biến tư tưởng của Người thành những lý thuyết suông, không có cơ sở khoa học, chỉ để phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã chọn. Cái gọi là “dân tộc chủ nghĩa” mà họ đẩy mạnh, được một số trang mạng phản động tung ra, nhằm bôi nhọ và hạ thấp tư tưởng Hồ Chí Minh, cứ như thể Người đã “tự bỏ” lý luận Mác - Lênin

<sup>8</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

<sup>9</sup> UNESCO (1987), *Resolution on the commemoration of the centenary of the birth of President Ho Chi Minh*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.

<sup>10</sup> Nguyễn Hồng Sơn, & Võ Thị Hoa (2024), *Nhận diện và phản bác luận điệu xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam*. Tạp chí Lý luận Chính trị, 12(10), 45-58. <https://lyluanchinhtri.vn/nhan-dien-va-phan-bac-luan-dieu-xuyen-tac-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-cach-mang-viet-nam-6475.html>

để chạy theo những tư tưởng hẹp hòi và lỗi thời<sup>11</sup>.

*Ba là, xuyên tạc sự nghiệp cách mạng, phủ nhận thành tựu.* Đám thù địch này, với thủ đoạn đê hèn, không tiếc lời phủ nhận những thành tựu to lớn mà Hồ Chí Minh đã đạt được trong suốt cuộc đời cách mạng. Họ có thể dễ dàng so sánh phiến diện, hay thậm chí dựng lên những luận điệu sai lệch để phủ nhận vai trò quyết định của Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám, cho rằng đó chỉ là “sự ngẫu nhiên”, trong khi thực tế đó là một chiến lược thiên tài, là kết quả của những năm tháng bền bỉ đấu tranh và lãnh đạo sáng suốt. Những luận điệu này không chỉ là sự xuyên tạc mà còn là những chiêu trò hạ thấp giá trị lịch sử, nhằm làm xói mòn niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp cách mạng mà Hồ Chí Minh đã lãnh đạo.

*Bốn là, tổ chức hóa và chuyên nghiệp hóa chiến dịch bôi nhọ.* Những kẻ thù địch, không còn dừng lại ở những hành động cá nhân tầm thường, đã hình thành nên các chiến dịch bôi nhọ chuyên

nghiệp, bài bản. Các công cụ truyền thông hiện đại đã được tận dụng một cách triệt để để phát tán thông tin giả, tạo ra những hiệu ứng “bầy đàn” trên các nền tảng mạng xã hội. Một số tổ chức như Việt Tân, chẳng hề ngần ngại khi lợi dụng các dịp kỷ niệm lớn của đất nước để gia tăng phát tán các thông tin xuyên tạc. Chính những chiến dịch này, với sự chuyên nghiệp hóa cao độ, không chỉ đơn giản là những lời lẽ vu khống mà là những hành động có tổ chức, nhằm làm lung lay niềm tin của nhân dân vào Đảng và sự nghiệp cách mạng<sup>12</sup>.

Tất cả những thủ đoạn này đều không gì khác ngoài những âm mưu đen tối của các thế lực thù địch, nhằm chia rẽ dân tộc và làm suy yếu sức mạnh đoàn kết quốc gia. Tuy nhiên, những nỗ lực xuyên tạc này sẽ không bao giờ thành công, bởi vì tư tưởng Hồ Chí Minh đã ăn sâu vào lòng dân tộc, là ánh sáng chỉ đường cho mọi thế hệ, là niềm tin vững vàng, không thể bị lung lay bởi những luận điệu rẻ tiền.

*2.2.2. Bối cảnh và tác động của các chiến dịch xuyên tạc*

Các chiến dịch xuyên tạc tư tưởng, tiểu sử và sự nghiệp Hồ Chí Minh được triển khai trong bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin và mạng xã hội, nơi thông tin lan truyền nhanh chóng và khó kiểm soát. Sự phát triển của các nền tảng như YouTube, Facebook và Twitter đã tạo điều kiện cho các thế lực thù địch tiếp cận một lượng lớn công chúng, đặc biệt là giới trẻ, những người có xu hướng tiếp nhận thông tin qua các kênh không chính thống. Theo Báo cáo Digital 2024: Vietnam, Việt Nam có 78,44 triệu người dùng internet và 72,7 triệu người dùng mạng xã hội tính đến đầu năm 2024, với các nền tảng như Facebook, YouTube và TikTok chiếm ưu thế, và giới trẻ chiếm 65% người dùng mạng xã hội<sup>13</sup>.

Các chiến dịch xuyên tạc thường sử dụng video, bài viết, hoặc bình luận, tận dụng thuật toán của nền tảng để tiếp cận hàng triệu người. Ví dụ, trên YouTube, các video giả mạo

<sup>11</sup> Tuyên giáo Hà Giang (2025). *Bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc, thù địch chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng. Tuyên giáo Hà Giang*. <https://tuyengiao.hagiang.gov.vn/thong-tin-chuyen-de/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/bac-bo-moi-luan-dieu-xuyen-tac-thu-dich-chong-pha-nen-tang-tu-tuong-cua-dang.html>.

<sup>12</sup> Báo Thanh Niên (2025, ngày 31 tháng 3), *Lật tẩy chiêu bài dân túy của “Việt Tân” - Bài 1: Đảng sau những tuyên bố long trọng*. Báo Thanh Niên. <https://doanthanhnien.vn/tin-tuc/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/lat-tay-chieu-bai-dan-tuy-cua-viet-tan-bai-1-dang-sau-nhung-tuyen-bo-long-ngon>.

<sup>13</sup> Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2023), *Phương pháp hiệu quả ngăn chặn phát tán tin giả, thông tin sai lệch trên mạng xã hội*. <https://sohuutritue.net.vn/phuong-phap-hieu-qua-ngan-chan-phat-tan-tin-gia-thong-tin-sai-lech-tren-mang-xa-hoi-d173303.html>.



cáo buộc Hồ Chí Minh liên quan đến “nạn đói 1945” hoặc “hợp tác với thực dân” đã thu hút hàng nghìn lượt xem trước khi bị gỡ bỏ. Từ 2020 - 2024, hơn 15.000 nội dung sai lệch đã bị gỡ bỏ, trong đó các nội dung liên quan đến lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ đáng kể<sup>14</sup>. Một nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2023) chỉ ra rằng 30% người dùng mạng xã hội từng tiếp xúc với thông tin chưa kiểm chứng về lịch sử, gián tiếp khuếch đại các chiến dịch này.

Mục tiêu sâu xa của các chiến dịch này không chỉ dừng lại ở việc bôi nhọ cá nhân Hồ Chí Minh mà còn nhằm làm suy yếu niềm tin vào hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó tạo ra sự chia rẽ trong xã hội và làm lung lay sự đồng thuận chính trị. Tác động của các chiến dịch này đặc biệt nghiêm trọng đối với thế hệ trẻ, những người chưa có nhiều trải nghiệm lịch sử và dễ bị ảnh hưởng bởi các thông tin sai lệch. Một khảo sát tại các trường đại học cho thấy, 93.9% sinh viên nhận thức rõ về chương trình học liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng khoảng

30% trong số đó thừa nhận gặp khó khăn trong việc phân biệt thông tin chính thống và thông tin xuyên tạc trên mạng xã hội<sup>15</sup>. Những tác động này đòi hỏi một chiến lược phản biện toàn diện, trong đó giảng viên trường chính trị tỉnh đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị kiến thức và kỹ năng phản biện cho cán bộ và học viên.

### ***2.3. Phát huy vai trò của giảng viên trường chính trị tỉnh trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, xuyên tạc tiểu sử, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh***

#### ***2.3.1. Vai trò của giảng viên trường chính trị tỉnh***

Giảng viên tại các trường chính trị tỉnh giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh xuất hiện các quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử, tiểu sử, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh. Với vai trò là lực lượng nòng cốt, giảng viên không chỉ truyền đạt kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn trực tiếp tham gia phản bác các luận điệu sai lệch, bảo vệ

đường lối chính trị của Đảng. Họ đóng góp vào việc định hình bản lĩnh chính trị của học viên, trang bị cho học viên khả năng tư duy phản biện và phân tích chính xác các thông tin sai lệch, từ đó củng cố nhận thức đúng đắn về tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên trường chính trị tỉnh còn thể hiện “tính đảng”, một phẩm chất đạo đức cốt lõi, phản ánh sự trung thành tuyệt đối với Đảng và Nhà nước. Tính đảng không chỉ là kim chỉ nam trong hoạt động giảng dạy mà còn giúp giảng viên hướng dẫn học viên nhận diện và phản bác các luận điệu xuyên tạc lan truyền qua các phương tiện truyền thông, đặc biệt trên không gian mạng. Hơn nữa, giảng viên còn tích cực tham gia vào các hoạt động đấu tranh trên mặt trận truyền thông, góp phần ngăn chặn sự lan rộng của các quan điểm sai trái, bảo vệ giá trị tư tưởng và lý luận của Đảng.

Dẫu vậy, trong quá trình phát triển, đội ngũ giảng viên vẫn còn gặp một vài trở ngại nhất định. Chẳng hạn, một số giảng viên trẻ cần thêm trải

<sup>14</sup> Lê Đức Hoàng (2025), *Một số giải pháp xử lý thông tin sai lệch, xuyên tạc tác động đến dư luận xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông điện tử. Truy cập từ <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/mot-so-giai-phap-xu-ly-thong-tin-gia-sai-lech-xuyen-tac-tac-dong-den-du-luan-xa-hoi-o-viet-nam-hien-nay-p29364.html>.

<sup>15</sup> Nguyễn Hải Trung (2023), *Thực trạng dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương*. *Thực trạng dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục. <https://vjol.info.vn/index.php/tctbgd/article/download/88359/75010>.

nghiệm thực tiễn, điều kiện hạ tầng kỹ thuật số ở nhiều nơi chưa thật sự đồng bộ và tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn cao cấp lý luận chính trị vẫn còn khiêm tốn, khoảng 50% tại một số trường. Những điều này đôi khi làm giảm đi sự linh hoạt khi đối diện với các thông tin xuyên tạc trên không gian mạng. Do đó, việc tiếp tục bồi dưỡng giảng viên, đồng thời quan tâm hơn đến đầu tư cơ sở vật chất, sẽ giúp các trường chính trị có thêm nền tảng vững chắc, đặc biệt khi nhận được sự đồng hành từ cấp ủy và các cơ quan liên quan.

### *2.3.2. Giải pháp phát huy vai trò của giảng viên trường chính trị tỉnh*

Để phát huy vai trò của giảng viên trường chính trị tỉnh trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần triển khai các giải pháp đồng bộ và thiết thực, với trọng tâm là nâng cao năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, đổi mới phương pháp giảng dạy và khắc phục khó khăn nội tại.

*Thứ nhất, giảng viên cần được xây dựng theo tiêu chí “vừa hồng, vừa chuyên”.* Để thực hiện điều này, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng liên tục là điều không thể thiếu, giúp giảng viên nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và kỹ năng sư phạm. Giảng viên phải vững vàng

về tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin và các vấn đề chính trị, xã hội hiện đại để có thể phản bác các quan điểm sai trái một cách thuyết phục. Việc khuyến khích giảng viên tự học, tự bồi dưỡng sẽ giúp nâng cao tư duy phản biện, đặc biệt là đối với đội ngũ giảng viên trẻ chưa được đào tạo cao cấp. Việc ưu tiên các khóa bồi dưỡng chuyên sâu là giải pháp cấp bách để chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, từ đó nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Thứ hai, đổi mới phương pháp và công nghệ giảng dạy là yếu tố quan trọng.* Giảng viên cần áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp với công nghệ số để nâng cao chất lượng giáo dục. Việc sử dụng công cụ trực tuyến, phần mềm học tập không chỉ giúp học viên tiếp cận thông tin chính xác, mà còn phát triển kỹ năng phân tích, kiểm chứng thông tin. Các phương pháp giảng dạy này tạo ra môi trường học tập chủ động, sáng tạo và giúp học viên hiểu sâu sắc hơn về các vấn đề xã hội, đặc biệt là các luận điệu xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số, cần đầu tư cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu hiện đại và vượt qua thách thức hiện tại ở các trường chính trị tỉnh.

*Thứ ba, gắn kết đào tạo với thực tiễn là giải pháp thiết*

*yếu.* Giảng viên cần tổ chức các hoạt động khảo sát thực tế, xây dựng tình huống học tập sát với thực trạng xã hội, từ đó giúp học viên nhận diện và phản bác các luận điểm sai trái một cách hiệu quả. Khuyến khích học viên thực hiện các bài tiểu luận, khóa luận liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp củng cố hiểu biết của họ về lịch sử, văn hóa và tư tưởng cách mạng, đồng thời tạo cơ hội áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Các khảo sát thực tế giúp học viên bổ sung số liệu để đánh giá hiệu quả công tác bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Thứ tư, phát huy tính nêu gương của cấp ủy và lãnh đạo nhà trường là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng.* Cấp ủy và lãnh đạo cần thể hiện rõ “tính đảng” trong mọi hoạt động, từ giảng dạy đến sinh hoạt đời thường. Điều này tạo động lực và cảm hứng cho giảng viên và học viên trong công cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, xuyên tạc. Họ phải làm gương mẫu trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tạo ra một môi trường học tập tích cực và mạnh mẽ.

*Thứ năm, hợp tác học thuật và liên thông nguồn lực giữa các cơ quan học viện, báo chí và cơ quan tuyên giáo là giải pháp quan trọng.* Việc tăng cường hợp tác này

sẽ tạo ra một hệ thống thông tin mạnh mẽ, hỗ trợ việc phản bác các quan điểm sai trái và tuyên truyền sự thật về tư tưởng Hồ Chí Minh. Cần phối hợp với lực lượng công an mạng và các tổ chức đoàn thể để tăng cường khả năng phòng vệ và đấu tranh chống thông tin sai lệch.

*Thứ sáu, ứng dụng chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong đấu tranh tư tưởng là giải pháp chiến lược.* Giảng viên có thể sử dụng AI để phát hiện thông tin xuyên tạc trên mạng xã hội và xây dựng các kênh truyền thông chính thức của trường để lan tỏa thông tin chính thống. Giải pháp này giúp vượt qua khó khăn về nguồn lực hạn

chế, tăng tốc độ phản ứng và phù hợp với bối cảnh kỷ nguyên số.

### 3. Kết luận

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc về tư tưởng, tiểu sử, sự nghiệp Hồ Chí Minh là nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa sống còn đối với công tác tư tưởng – lý luận. Nghị quyết số 35-NQ/TW khẳng định đây là nhiệm vụ cốt lõi nhằm tạo “miền địch” xã hội trước thông tin xấu độc, bảo vệ giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam. Trong công tác này, giảng viên các trường chính trị tỉnh giữ vai trò nòng cốt, trực tiếp trang bị tri thức lý luận, bản

lĩnh chính trị và năng lực phản biện cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Năng lực của giảng viên quyết định chất lượng đào tạo, do đó cần thường xuyên bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng số và phương pháp giảng dạy. Việc xây dựng đội ngũ giảng viên “vừa hồng, vừa chuyên” theo Quy định số 11-QĐ/TW chính là nền tảng đảm bảo hiệu quả giáo dục chính trị trong bối cảnh mới. Đồng thời, giảng viên cần phát huy vai trò là lực lượng tiên phong trong đấu tranh tư tưởng, biết sử dụng diễn ngôn thuyết phục, kiên định trước mọi luận điệu sai trái, qua đó củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội và đóng góp thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ❖ Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.
- ❖ Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (Luật số 51/2013/QH13). Hà Nội: Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- ❖ Hồ Chí Minh (2011), *toàn tập* (Tập 5). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- ❖ Quốc hội (2021), *Quy định số 11-QĐ/TW ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- ❖ UNESCO (1987), *Resolution 24 C/18.3/5: Celebration of the centenary of the birth of President Ho Chi Minh*. Paris: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. (Công nhận Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất”).
- ❖ Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2023), *Nghiên cứu về tác động của thông tin sai lệch trên mạng xã hội đối với nhận thức lịch sử của người dùng trẻ tại Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.



# LÁ CỜ ĐỎ SAO VÀNG XUẤT HIỆN TRONG KHỞI NGHĨA NAM KỲ Ở TỈNH MỸ THO (23-11-1940)

✧ NGUYỄN PHÚC NGHIỆP\*

**Tóm tắt:** Lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng có nhiều sự kiện in đậm dấu ấn lịch sử, chứa đựng những bài học, kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn quý báu cho Đảng và nhân dân ta. Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11-1940, Mỹ Tho là nơi xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên ở nước ta. Lá cờ thiêng liêng ấy là báu vật của nước ta, được kết tinh suốt hàng ngàn năm đấu tranh anh dũng, kiên cường, bền bỉ chống giặc ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ đất nước, là tinh anh, là hồn cốt của dân tộc ta! Cờ đỏ sao vàng ra đời khẳng định sự thống nhất, độc lập, tự chủ và hòa bình của dân tộc Việt Nam.

**Từ khóa:** Khởi nghĩa Nam Kỳ, Cờ đỏ sao vàng, Quốc Kỳ, Long Hưng.

## 1. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến không liên quan việc đề xuất cờ đỏ sao vàng

Trong cuốn truyện “Nguyễn Hữu Tiến” do Nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành tháng 8/1981, nhà văn Sơn Tùng khẳng định đồng chí Nguyễn Hữu Tiến là tác giả Quốc kỳ của nước ta.

Cơ sở để nhà văn Sơn Tùng viết như vậy xuất phát từ cuộc trò chuyện giữa nhà

văn với một người tên là Năm Thái trong một bệnh viện ở rừng miền Đông Nam bộ. Theo nhà báo Bùi Thanh, chính nhà văn Sơn Tùng cũng không biết được ông Năm Thái tên thật là gì, quê ở đâu, từng công tác ở đơn vị nào,... Đồng thời, trong một cuộc phỏng vấn của nhà báo Bùi Thanh, nhà văn Sơn Tùng cho biết: “Tôi biết thế nào viết thế ấy. Tôi yêu con người này

và viết về con người này (tức ông Nguyễn Hữu Tiến). Còn sự thật lịch sử như thế nào, tôi nghĩ các nhà khoa học cứ tiếp tục làm rõ”<sup>1</sup>.

Về việc này, Lê Ánh Đào trong bài “Nguyễn Hữu Tiến không phải là tác giả quốc kỳ” bình luận:

“Hư cấu là một thuộc tính của sáng tạo văn học, nghệ thuật. Trong thực tế đã có không ít tác phẩm văn học, nghệ thuật hư cấu khác với sự thật lịch sử như biến nhân vật lịch sử từ tốt thành xấu và ngược lại, hoặc làm sai lệch sự kiện lịch sử mặc dù điều đó là rất không nên. Ông Sơn Tùng có quyền hư cấu về nhân vật Nguyễn Hữu Tiến trong tác phẩm văn học của mình; nhưng hư cấu một vấn đề trọng đại là “cho” Nguyễn Hữu Tiến trở thành tác giả lá Quốc kỳ - linh hồn của dân tộc, của đất nước ta thì quá là... liều. Tuy nhiên điều đáng nói, thậm chí khó hiểu là một tác phẩm văn học lại trở thành cứ liệu khoa học cho những công trình biên soạn lịch sử

\* Tiến sĩ, nguyên giảng viên chính Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang (nay là Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp).

<sup>1</sup> Bùi Thanh, Nguyễn Hữu Tiến hay Lê Quang Sô?, Báo Tuổi Trẻ, ngày 22/11/2006.

ở cấp cơ sở như cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Duy Tiên thời kỳ 1930 - 1945* do Huyện ủy Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xuất bản tháng 8/1996 hoặc trở thành tài liệu tuyên truyền chính thống như bộ đề - đáp án cuộc thi tìm hiểu *60 năm Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* triển khai cho cả nước và nhiều tài liệu tuyên truyền khác trong hệ thống đoàn thể<sup>2</sup>.

Năm 2005, tại Hội thảo khoa học “*Mỹ Tho - Từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945*” do Tỉnh ủy Tiền Giang và Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức vào tháng 11/2005, Trần Giang, trong tham luận “*Những cống hiến lớn của nhân dân và Đảng bộ Mỹ Tho trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ*”, cho biết:

“Trong các hội nghị của Xứ ủy ở Tân Hương (Mỹ Tho) tháng 7/1940 và Xuân Thới Đông (Gia Định) tháng 9/1940 đã quyết định và phổ biến là sẽ dùng lá cờ đỏ sao vàng là cờ của Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế trong khi lãnh đạo quần chúng nổi dậy...

... Hội đồng biên soạn lịch sử khởi nghĩa Nam kỳ đã bàn và thấy rằng, hội nghị Tân Hương họp từ ngày 21 đến ngày 27/7/1940, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến và đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, Xứ ủy viên và Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, không dự. Chỉ ba ngày sau hội nghị Tân Hương bế mạc, ngày 30/7/1940, các đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Hữu Tiến bị bắt ở vùng ngoại ô thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn cùng với nhiều tài liệu quan trọng,... Trong số tài liệu đó có nói khi khởi nghĩa, ta dùng cờ Mặt trận, nhưng không nói rõ cờ Mặt trận hình thù, màu sắc ra sao.

Trong Hội đồng biên soạn Lịch sử khởi nghĩa Nam kỳ có đồng chí Nguyễn Văn Cung (Ba Cung, là cán bộ của Xứ ủy lúc bấy giờ). Khi hội đồng họp bàn một số vấn đề, trong đó có vấn đề lá cờ đỏ sao vàng, đồng chí Nguyễn Văn Cung sức khỏe có hạn, xin phép vắng mặt và trả lời bằng văn bản như sau:

Tại khám lớn Sài Gòn, Nguyễn Văn Cung bị giam chung với Nguyễn Hữu Tiến,... Nguyễn Hữu Tiến

đoán biết địch sẽ xử tử mình. Trong mấy tháng cùng bị giam, Nguyễn Hữu Tiến dạy Nguyễn Văn Cung về lý luận cách mạng và kể cho nghe nhiều chuyện; nhưng chưa bao giờ, đồng chí nói về việc đồng chí là người sáng tác về lá cờ đỏ sao vàng. Nguyễn Văn Cung coi Nguyễn Hữu Tiến như bậc thầy cách mạng của mình. Nếu Nguyễn Hữu Tiến là người sáng tác đầu tiên về lá cờ, chắc chắn đồng chí sẽ kể cho nghe về suy nghĩ trong khi vẽ ra lá cờ đó như thế nào. Hội đồng biên soạn Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ đã thảo luận và kết luận thông tin về việc đồng chí Nguyễn Hữu Tiến là người đầu tiên vẽ mẫu lá cờ đỏ sao vàng chưa có căn cứ khoa học xác đáng,...”<sup>3</sup>.

Đứng về góc độ phương pháp nghiên cứu lịch sử thì lập luận của nhà văn Sơn Tùng rất mơ hồ, không dựa trên bất kỳ một chứng lý khoa học nào. Chính vì thế, tại công văn số 1393/VHTT-BTCM do Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin Lưu Trần Tiêu ký ngày 18/4/2001 khẳng định: “Tất cả các nguồn tài liệu hiện có tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng, tại Viện Lịch sử Đảng trực thuộc Học viện Chính

<sup>2</sup> Lê Ánh Đào, *Nguyễn Hữu Tiến không phải là tác giả quốc kỳ*, Trang thông tin điện tử Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04/11/2011.

<sup>3</sup> Trần Giang, *Những cống hiến lớn của nhân dân và Đảng bộ Mỹ Tho trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Mỹ Tho - từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945*”, Tỉnh ủy Tiền Giang và Viện Lịch sử Đảng Trung ương phối hợp tổ chức tháng 11/2005, trang 54-55.

trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh đều không có tài liệu nào chứng minh đồng chí Nguyễn Hữu Tiến là người vẽ lá cờ Tổ quốc”<sup>4</sup>.

## 2. Cờ đỏ sao vàng do Tỉnh ủy Mỹ Tho khởi xướng mà Bí thư Tỉnh ủy là đồng chí Phan Văn Khỏe

Tổng luận của Hội thảo khoa học “*Mỹ Tho - Từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945*” do Tỉnh ủy Tiền Giang và Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức vào tháng 11/2005 khẳng định: “*Hội nghị Xứ ủy mở rộng tháng 7/1940 ở Tân Hương (quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho), quyết định nhiều vấn đề quan trọng về cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, trong đó có nghị quyết về hình thức của chính quyền, Quốc kỳ, khẩu hiệu, chính sách đối với các tầng lớp nhân dân. Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng 5 cánh*”<sup>5</sup>.

Cũng tại hội thảo khoa

học “*Mỹ Tho - Từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945*”, dựa vào *Hồi ký* của ông Lê Quang Sô<sup>6</sup>, tác giả Lê Minh Đức trong tham luận “*Sự ra đời của lá cờ đỏ sao vàng trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ 23/11/1940 ở Mỹ Tho*” khẳng định lá cờ đỏ sao vàng là do Tỉnh ủy Mỹ Tho khởi xướng (Bí thư Tỉnh ủy là đồng chí Phan Văn Khỏe) và được Hội nghị Xứ ủy họp ở Tân Hương (Châu Thành, Tiền Giang) vào tháng 7/1940 thông qua:

“Đầu năm 1940, đồng chí Phan Văn Khỏe, Xứ ủy viên Nam kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, có trao đổi với đồng chí Lê Quang Sô về việc nghiên cứu lá cờ của Mặt trận (tức Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương). Đồng chí Lê Quang Sô đã tham khảo ý kiến với ông Lê Kiến Đức, một nhà Nho học yêu nước, tiến bộ. Ông Đức nói: “Mỗi nước có lá cờ của mình, trong đó chứa đựng nội dung, ý nghĩa của nó, như cờ Pháp, cờ Liên Xô, cờ Nhật,... Còn

mình lấy cái gì làm nội dung đây”. Ý kiến của đồng chí Sô: lá cờ của Đảng mình là cờ đỏ búa liềm, nay thêm cờ Mặt trận, thêm một cờ đỏ nữa, nền đỏ phải giữ, còn bên trong vẽ cái gì thì phải tính. Nghĩ mãi rồi cũng phải ra, nội dung của lá cờ phải thể hiện tính chất chỉ đường, chỉ hướng và phải làm sao mỗi giai tầng xã hội cảm thấy có mình trong đó.

Đồng chí Lê Quang Sô và đồng chí Hồ Tri Hạ mày mò vẽ các kiểu ngôi sao, vẽ đi, vẽ lại nhiều lần, cuối cùng chọn ngôi sao năm cánh màu vàng vì thấy đẹp. Dần dà suy nghĩ, ngẫm mới thấy ý nghĩa: màu vàng của ngôi sao là màu dân tộc, năm cánh thể hiện sự đoàn kết của năm giai tầng xã hội: công, nông, sĩ, thương, binh.

Lá cờ hình chữ nhật, nhưng ngôi sao đặt ở đâu? Ngôi sao được dời đi dời lại khắp mọi chỗ trên lá cờ, cuối cùng được chọn đặt ở vị trí chính giữa lá cờ, vì chỉ có ở vị trí đó mới thể hiện được tính chất trang nghiêm và mới có chỗ để ngôi sao đủ lớn nhằm làm rõ năm cánh sao. Đồng

<sup>4</sup> Bùi Thanh, Nguyễn Hữu Tiến hay Lê Quang Sô?, Báo Tuổi Trẻ, ngày 22/11/2006.

<sup>5</sup> Tổng luận của Hội thảo khoa học “*Mỹ Tho - từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945*” do Tỉnh ủy Tiền Giang và Viện Lịch sử Đảng Trung ương phối hợp tổ chức vào tháng 11/2005, trang 230.

<sup>6</sup> Ông Lê Quang Sô sinh năm 1894 ở làng Đạo Thạnh, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đạo Thạnh, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), hoạt động cách mạng sớm, là trí thức Nho học và biết tiếng Pháp. Ông đã đi Trung Quốc năm 1927, từng gặp nhà ái quốc Phan Bội Châu, từng ở tù Côn Đảo cùng với Ngô Gia Tự, Trần Văn Giàu, Lư Sanh Hạnh,... Khi ra tù, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho giao nhiệm vụ mở ba lớp đào tạo cán bộ từ năm 1937 đến năm 1939. Ông Lê Quang Sô cũng là người dịch quyền “Chiến lược và chiến thuật du kích chiến tranh” của Trung Quốc và sau đó in 500 quyển phổ biến cho các nơi trước ngày khởi nghĩa Nam kỳ nổ ra. Trong khởi nghĩa Nam kỳ (tháng 11/1940), ông phụ trách cơ sở in ấn của tỉnh (ở xã Đạo Thạnh) và phụ trách các xã ven thị xã Mỹ Tho gồm Đạo Thạnh, Trung An (lúc đó thuộc quận Châu Thành), xã Mỹ Phong (thuộc quận Chợ Gạo) chuẩn bị “nhập thành” (tiến vào chiếm lĩnh thị xã Mỹ Tho). Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Năm 1968, ông hoàn thành tập Hồi ký về cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Tập Hồi ký hiện đang lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang.



chí Phan Văn Khỏe đồng ý với hình mẫu được phác thảo, lúc bấy giờ vào khoảng tháng 4/1940.

Hội nghị Xứ ủy họp vào tháng 7/1940 tại Tân Hương (huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho) đã quyết nghị nhiều vấn đề quan trọng về cuộc khởi nghĩa Nam kỳ,... Trong đó khẳng định quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng năm cánh, nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, năm cánh sao tượng trưng cho tầng lớp sĩ, nông, công, thương, binh đoàn kết, màu vàng có ý nghĩa là màu dân tộc. Kích cỡ lá cờ cũng được sơ bộ qui định thống nhất: lá cờ hình chữ nhật, bề dài bằng 1,5 bề ngang, ngôi sao năm cánh bằng 1/3 bề dài lá cờ và đặt ở trung tâm. Riêng cánh sao không quy định cụ thể, hình bầu hay nhọn đều được...

Như vậy, Hội nghị Xứ ủy tháng 7/1940 ở Tân Hương chấp nhận phác thảo lá cờ Mặt trận do Tỉnh ủy Mỹ Tho đề nghị làm Quốc kỳ của nước Việt Nam”<sup>7</sup>.

Tác giả Nguyễn Thanh Tâm trong bài “*Những đóng*

*góp quan trọng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phong trào giải phóng dân tộc (1939 - 1945)*” cũng có ý kiến tương tự:

“*Cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện ở Mỹ Tho là sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Đảng bộ, nhân dân Mỹ Tho trong thực tiễn phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam,... Xuất hiện trước tiên ở Mỹ Tho, cờ đỏ sao vàng là biểu tượng của tinh thần yêu nước, ý chí độc lập dân tộc, dân chủ, tự do, hòa bình, hữu nghị, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế của nhân dân Việt Nam. Sức sáng tạo cách mạng đó thuộc về Đảng bộ, nhân dân Mỹ Tho - Gò Công*”<sup>8</sup>.

Sách “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, tập 1 (1927-1954)*” cũng cho biết là hội nghị Xứ ủy Nam kỳ họp ở Tân Hương (tháng 7/1940) đã “Chọn lá cờ đỏ sao vàng do Tỉnh ủy Mỹ Tho thông qua làm cờ Mặt trận và cờ Chính phủ”<sup>9</sup>.

Về việc đồng chí Phan Văn Khỏe, Xứ ủy viên, Bí thư

Tỉnh ủy Mỹ Tho, trực tiếp chỉ đạo đồng chí Lê Quang Sô phác thảo lá cờ và việc thiết kế lá cờ đỏ sao vàng, ông Lê Vũ Lang<sup>10</sup>, trong “*Tờ khai liên quan đến những người sáng tác lá cờ đỏ sao vàng*” (tháng 12/2004), cho biết:

“... Đầu năm 1939, cha tôi là Lê Văn Sô (tức Lê Quang Sô) cùng với ông Hồ Tri Hạ (lớn hơn tôi trên 10 tuổi) loay hoay vẽ thử lá cờ có ngôi sao năm cánh. Lúc đầu vẽ dưới đất, ngôi sao ở góc trên, bên trái.

Khoảng tháng 8/1939, cha tôi có sai tôi đi chợ mua hai tờ giấy hồng đơn màu đỏ và vẽ lên đó ngôi sao bằng bút chì, rồi lấy vải xoa vào làm ngôi sao trắng, rồi lại bôi đi, thay vị trí ngôi sao, cuối cùng để ở chính giữa. Cuối tháng tám năm đó, đồng chí Thệu ghé hỏi: có gì mới không? Cha tôi trả lời chỉ xong cờ đỏ có ngôi sao, nhưng chưa ưng ý lắm. Đồng chí Thệu sau này tôi mới biết rõ tên là Phan Văn Khỏe - Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thường vụ Xứ ủy Nam kỳ.

<sup>7</sup> Lê Minh Đức, *Sự ra đời của lá cờ đỏ sao vàng trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ 23/11/1940 ở Mỹ Tho*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Mỹ Tho - từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945*”, Tỉnh ủy Tiền Giang và Viện Lịch sử Đảng phối hợp tổ chức tháng 11/2005, trang 95-97.

<sup>8</sup> Nguyễn Thanh Tâm, *Những đóng góp quan trọng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phong trào giải phóng dân tộc (1939 - 1945)*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Mỹ Tho - từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945*”, Tỉnh ủy Tiền Giang và Viện Lịch sử Đảng phối hợp tổ chức tháng 11/2005, trang 127-128.

<sup>9</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, tập 1 (1927-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, trang 123.

<sup>10</sup> Ông Lê Vũ Lang là con trai của ông Lê Quang Sô, sinh năm 1920, vào thời điểm cuộc khởi nghĩa Nam kỳ nổ ra, ông tròn 20 tuổi, năm 1954, ông tập kết ra Bắc và trở thành cán bộ Nhà xuất bản Sự thật (nay là Nxb Chính trị Quốc gia). Tháng 12/2004, ông viết “*Tờ khai liên quan đến những người sáng tác lá cờ đỏ sao vàng*”

Tháng 4/1940, đồng chí Theo ghé nhà kiểm tra tôi vào buổi trưa trời nắng chang chang và ngồi nói chuyện rất lâu, khoảng 3 giờ sáng, đồng chí Theo cùng với cha tôi thức dậy đi đâu không rõ. Khi trở về, cha tôi sai tôi in cho ông các loại truyền đơn có nội dung hiệu triệu các nơi ủng hộ tài chính cho cách mạng. Các tờ truyền đơn này đều có vẽ ngôi sao năm cánh.

Đến tháng 7/1940, cha tôi lại sai tôi đi chợ mua giấy hồng đơn màu đỏ và màu vàng. Hồi đó, cả Đạo Thạnh (nay là xã Đạo Thạnh, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) chỉ gia đình tôi là có xe đạp. Tôi đạp xe ra chợ Vĩnh Kim (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) mua cho cha ba tờ giấy hồng đơn, hai tờ màu đỏ, một tờ màu vàng. Ông Hồ Tri Hạ đã vẽ hình ngôi sao lên giấy vàng và cắt theo đường chì vẽ, sau đó để lên tờ giấy màu đỏ, xoay tới xoay lui cho cha tôi coi. Cha tôi ưng ý để ngôi sao ở giữa và kêu tôi dán vào. Sau đó, cha tôi đem lá cờ giấy có nền đỏ sao vàng đi đâu không rõ<sup>11</sup>.

Về phương diện phương pháp nghiên cứu lịch sử, chúng tôi cho rằng, hồi ký của ông Lê Quang Sô và “Tờ khai liên quan đến những người

sáng tác lá cờ đỏ sao vàng” của ông Lê Vũ Lang là có độ tin cậy nhất định. Trong hoàn cảnh nước ta hồi bấy giờ đang nằm dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp thì tài liệu thành văn đề cập đến các sự kiện và vấn đề lịch sử rất hiếm hoi, nhằm đảm bảo yếu tố bí mật, tránh sự phát hiện, truy lùng của chính quyền thuộc địa. Lúc bấy giờ, ta chưa có điều kiện lưu giữ tài liệu thành văn một cách đầy đủ được. Hơn nữa, trong và sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ (tháng 11/1940), thực dân Pháp thực hiện chính sách khủng bố trắng, đàn áp dã man cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Cho nên, tài liệu thành văn bị tiêu hủy, thất tán rất nhiều.

Do đó, ngày nay, muốn nghiên cứu lịch sử cách mạng trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, bên cạnh việc sử dụng tài liệu thành văn thì việc sử dụng tài liệu hồi ký và lời kể của các nhân chứng lịch sử là điều đương nhiên.

Ở đây, điều quan trọng là phải thẩm định tính chính xác của các loại tài liệu mà chúng tôi vừa nêu. Hồi ký của ông Lê Quang Sô được viết theo chủ trương viết hồi ký của các cán bộ cách mạng lão thành do Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương chủ trì. Ông Huỳnh Văn Niêm, nguyên Ủy

viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang, nguyên Phó Ban Tổ chức Trung ương, cho rằng: “Theo tôi và các đồng chí của mình, hồi ký của đồng chí Lê Quang Sô được viết ở miền Bắc, theo gợi ý của Trung ương thì khó có thể viết sai được”<sup>12</sup>.

Như vậy, đồng chí Phan Văn Khỏe, Xứ ủy viên Xứ ủy Nam kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, theo chỉ đạo của Xứ ủy, đã cùng với các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy khởi xướng việc phác thảo lá cờ đỏ sao vàng; và lá cờ đỏ đã được Hội nghị Xứ ủy họp ở Tân Hương (tháng 7/1940) quyết định chọn làm cờ của Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế nhằm hiệu triệu, động viên nhân dân cả nước đứng lên lật đổ ách thống trị tàn bạo của đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

### **3. Lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho (23/11/1940)**

Một trong những công việc cần kíp chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam kỳ là chế tác lá cờ đỏ sao vàng. Tháng 8/1940, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho Phan Văn Khỏe giao nhiệm vụ cho Huyện ủy

<sup>11</sup> Bùi Thanh, *Tác giả Quốc kỳ: Vẫn là dấu chấm hỏi*, Báo Tuổi Trẻ, ngày 23/11/2006.

<sup>12</sup> Trích phát biểu của ông Huỳnh Văn Niêm tại Hội thảo khoa học “Mỹ Tho - từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945” do Tỉnh ủy Tiền Giang và Viện Lịch sử Đảng phối hợp tổ chức tháng 11/2005.

Châu Thành tổ chức mua vải và may lá cờ đỏ sao vàng thật to theo mẫu thiết kế của đồng chí Lê Quang Sô.

Để may được lá cờ lớn (đại kỳ) dài 2,5 mét, rộng 1,8 mét, cần 6 mét vải đỏ (khổ 0,8 mét); nhưng lúc bấy giờ, tìm được vải đỏ là điều hết sức khó khăn, vì chính quyền thực dân Pháp cấm buôn bán vải đỏ và giấy hồng điều, ai lưu giữ khi bị phát hiện sẽ nhận án phạt rất nặng. Trước tình hình đó, Huyện ủy Châu Thành đã giáo dục, vận động một chủ tiệm vải người Hoa ở chợ Vĩnh Kim nhượng lại toàn bộ số vải đỏ mà tiệm đang có với khoảng 20 mét, khổ 0,4 mét. Số vải đỏ này đủ may một lá cờ và một tấm băng rôn. Vấn đề vải đỏ đã được giải quyết; nhưng còn vải vàng, tuy không bị cấm buôn bán; nhưng cũng rất hiếm. Khi đó, ở xã Long Hưng chỉ có một gia đình có vải vàng; đó là bức Tiễn Bàn trước bàn thờ gia tiên. Được sự vận động của Chi bộ xã, chủ nhà đã tự nguyện tháo ra và bàn giao cho cán bộ cách mạng địa phương để may ngôi sao.

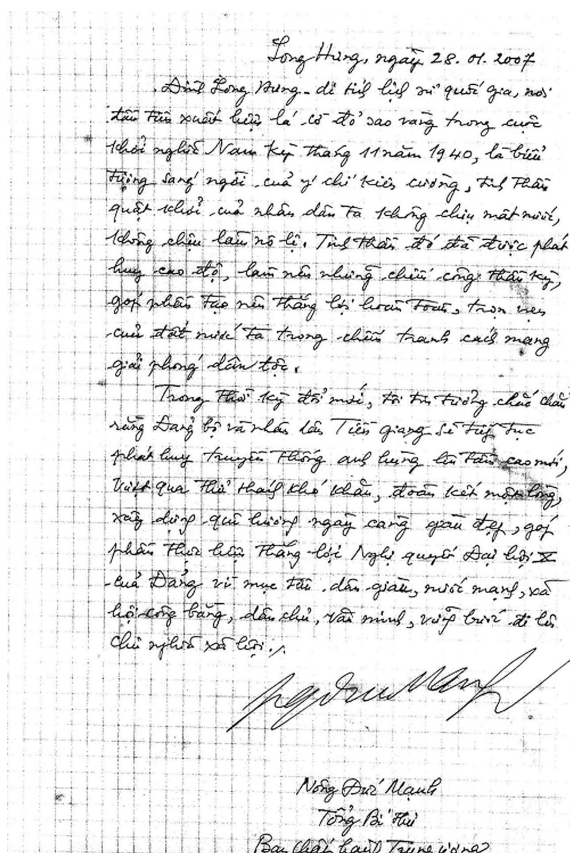
Việc may cờ được giao cho đồng chí Tám Thắm, Huyện ủy viên Châu Thành, với yêu cầu là phải may chắc chắn, cờ phải chịu được thời tiết khắc nghiệt: nắng gắt, mưa to, gió lớn. Tại nhà của đồng chí Tám Thắm ở xã

Long Hưng, huyện Châu Thành, lá cờ đỏ sao vàng cỡ lớn đã được ra đời.

Sau khi được may xong, lá cờ đỏ sao vàng đã được Ủy ban khởi nghĩa huyện Châu Thành giao cho Chi bộ xã Long Hưng treo khi cuộc khởi nghĩa Nam kỳ nổ ra để hiệu triệu quần chúng nhân dân dũng mãnh xông lên lật đổ chính quyền thực dân tàn bạo, xây dựng nền dân chủ cộng hòa.

Đêm 22 rạng ngày 23/11/1940, cuộc khởi nghĩa

Nam Kỳ ở tỉnh Mỹ Tho bùng nổ. Tại trung tâm cuộc khởi nghĩa ở xã Long Hưng, trong lúc lực lượng nghĩa quân và nhân dân chiếm Nhà việc (trụ sở của xã), thì đồng chí Tư Hiệp, Bí thư chi bộ xã cùng với hai đồng chí đảng viên đã dùng cây tầm vông làm cán cờ treo lá cờ đỏ sao vàng trên chót vót ngọn cây bàng tại đình Long Hưng - trụ sở của Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho. Đây là nơi xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên ở nước ta<sup>13</sup>. Ngày 28/1/2007, đồng chí Nông Đức Mạnh,



Bút tích của đồng chí Nông Đức Mạnh  
Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng  
khóa IX (2001 - 2006) và khóa X (2006 - 2011)

<sup>13</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, *Kỷ yếu Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (1930 - 2010)*, Tiền Giang, 2015, trang 6 - 7.



Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, có đến tham quan đình Long Hưng và ghi vào sổ cảm tưởng như sau: “Đình Long Hưng, di tích lịch sử Quốc gia, nơi đầu tiên xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tháng 11/1940, là biểu tượng sáng ngời của ý chí kiên cường, tinh thần quật khởi của nhân dân ta không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ...”<sup>14</sup>.

Cùng với xã Long Hưng, cờ đỏ sao vàng xuất hiện khắp tỉnh Mỹ Tho và các tỉnh khác ở Nam kỳ. Sau đó, thực dân Pháp đã đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa. Tuy nhiên, bọn chúng không thể nào tiêu diệt được lực lượng cách mạng và sức sống thần kỳ của lá cờ đỏ sao vàng. Về sự kiện này, Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Anh hùng lao động Trần Văn Giàu viết: “Khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940 mặc dù thất bại; nhưng nó đã để lại cho dân tộc ta một vật báu tiêu biểu cho truyền thống đấu tranh cách mạng anh dũng, cho hy vọng đầy tràn của nhân dân vào tương lai xán lạn của dân tộc. Đó là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh - lá cờ của cuộc khởi nghĩa Nam kỳ và sau này là Quốc kỳ Việt Nam”<sup>15</sup>.

#### 4. Lá cờ đỏ sao vàng trở thành Quốc kỳ của nước ta

Sau cuộc khởi nghĩa Nam

kỳ, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 họp từ ngày 10/5/1941 đến ngày 19/5/1941 tại Khuổi Nậm (xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) chủ trì, đã quyết định “thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam dân chủ cộng hòa lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm cờ toàn quốc”. Ngày 22/12/1944, lá cờ đỏ sao vàng đã được xuất hiện trong buổi lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam). Đến Đại hội Quốc dân họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 16 - 17/8/1945 đã quyết nghị lấy cờ đỏ sao vàng làm Quốc kỳ của nước Việt Nam độc lập. Ngày 2/9/1945, cờ đỏ sao vàng chính thức xuất hiện trong buổi lễ Tuyên bố độc lập tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội). Ngày 5/9/1945, Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh ký sắc lệnh quyết định Quốc kỳ Việt Nam là cờ đỏ sao vàng. Phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa I ngày 2/3/1946 đã thông qua nghị quyết về Quốc kỳ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là cờ đỏ sao vàng năm cánh. Tại phiên họp, Chủ tịch Hồ Chí Minh long trọng tuyên bố: “Lá cờ đỏ sao vàng đã thấm máu đồng bào ta trong

Nam kỳ khởi nghĩa 1940. Chính lá cờ này đã cùng phái đoàn Chính phủ đi từ châu Á sang châu Âu, từ châu Âu về châu Á; cờ đã có mặt trên khắp đất nước Việt Nam. Vậy thì trừ 25 triệu đồng bào, còn không ai có quyền thay đổi quốc kỳ và quốc ca”.

Sau đó, Quốc kỳ cờ đỏ sao vàng đã được xác nhận bởi các Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được ban hành năm 1946 và năm 1959. Sau năm 1975, các hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, năm 1992 và năm 2103 đều quy định “Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh”.

Như vậy, quốc kỳ của nước ta ra đời từ trong máu lửa đấu tranh của nhân dân ta, mang tính dân tộc và nhân văn sâu sắc, là biểu trưng cao quý nhất, thiêng liêng nhất của quốc gia - dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh, nhân dân ta vững bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; nhất định sẽ xây dựng đất nước ngày càng hùng cường, thịnh vượng, để Quốc kỳ - cờ đỏ sao vàng - mãi mãi trường tồn với hồn thiêng sông núi, với non sông gấm vóc Việt Nam./.

<sup>14</sup> Bút tích của đồng chí Nông Đức Mạnh, Lưu trữ tại Khu Di tích đình Long Hưng, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp.

<sup>15</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, *Kỷ yếu Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (1930 - 2010)*, Tiền Giang, 2015, trang 6 - 7.



### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (2010), *Kỷ yếu Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (1930 - 2010)*, Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh Tiền Giang.
- [2] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, tập 1 (193-1954)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tiền Giang (2023), *Lịch sử ngành Tổ chức xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1930-2020)*, Sở Thông tin – Truyền thông tỉnh Tiền Giang.
- [4] Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang (2010), *Lịch sử kháng chiến quân dân Tiền Giang (1940 - 1975)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [5] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn (Chủ biên) (2005), *Địa chí Tiền Giang (tập 1)*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam.
- [6] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (Chủ biên) (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam.
- [7] Lê Ánh Đào (2011), *Nguyễn Hữu Tiến không phải là tác giả Quốc kỳ*, Trang thông tin điện tử Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] Bùi Thanh (2006), *Nguyễn Hữu Tiến hay Lê Quang Sô?*, Báo Tuổi Trẻ, ngày 22/11/2006.
- [9] Tỉnh ủy Tiền Giang và Viện Lịch sử Đảng (2005), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Mỹ Tho - từ cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945”*, Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh Tiền Giang.
- [10] Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Tiền Giang (2021), *Lịch sử ngành Kiểm tra Đảng của Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1940-2020)*, Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh Tiền Giang.
- [11] Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang (2019), *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1930-2015)*, Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh Tiền Giang.

# TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP 70 NĂM PHÁT TRIỂN, TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CỦA TỈNH

✧ NGUYỄN BÍCH NGỌC\*

**Tóm tắt:** Trải qua chặng đường 70 năm hình thành và phát triển (1955-2025), Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp từng bước phát huy vai trò là cơ sở trọng điểm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của tỉnh. Thực hiện theo Quyết định số 100-QĐ/TW và Quy định số 11-QĐi/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư, Trường đã triển khai hiệu quả nhiều chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng theo chức danh, cập nhật kiến thức mới cho hàng chục nghìn học viên. Nhà trường luôn chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ số, gắn lý luận với yêu cầu thực tiễn tại địa phương và nâng cao năng lực giảng viên. Bài viết tập trung làm rõ vai trò, thành tựu của Trường trong sự nghiệp phát triển nguồn nhân lực chính trị, đồng thời đề xuất các giải pháp hướng đến xây dựng Trường đạt chuẩn mức 2 theo định hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

**Từ khóa:** Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, đào tạo cán bộ, lãnh đạo quản lý, lý luận chính trị.

**T**rong tiến trình xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đảng ta xác định: “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là công việc thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị”<sup>1</sup>. Thấm nhuần quan điểm đó, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp - tiền thân

là Trường Đảng tỉnh Kiến Phong đã được thành lập cuối năm 1955 và không ngừng trưởng thành, khẳng định vai trò trung tâm đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh. Trong suốt 70 năm xây dựng và phát triển, Trường đã bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Đồng Tháp và hướng dẫn chuyên môn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được giao. Đặc biệt, việc triển

khai thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn đã mở ra cơ hội và cũng đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện đối với nhà trường. Bài viết nhằm làm rõ quá trình phát triển, những đóng góp nổi bật của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, đồng thời đề xuất các định hướng và giải pháp phát triển trường đạt chuẩn mức 2 đến năm 2030, góp phần nâng cao chất lượng công tác cán bộ trong tình hình mới.

\* Tiến sĩ, giảng viên chính Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Văn kiện Đại hội XIII, tập I, tr. 187.

## **1. Quá trình hình thành và phát triển của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp**

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, tiền thân là Trường Đảng tỉnh Kiến Phong một trong những thiết chế đào tạo cán bộ của tỉnh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được thành lập vào cuối năm 1955. Trong những năm đầu thành lập, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy và đội ngũ giảng viên, song Trường vẫn kiên trì bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh, thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Sau năm 1975, đất nước thống nhất, Trường tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh Sa Đéc, rồi sau đó là tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 1976, khi hai tỉnh Kiến Phong và Sa Đéc hợp nhất thành tỉnh Đồng Tháp, Trường chính thức mang tên Trường Đảng tỉnh Đồng Tháp và sau này đổi tên thành Trường Đảng Nguyễn Văn Linh. Năm 1994, thực hiện chủ trương hệ thống hóa các cơ sở đào tạo lý luận chính trị trên cả nước, Trường được đổi tên thành Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Đây là dấu mốc quan trọng, đánh dấu sự kiện Nhà trường chính thức trở thành một đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, hoạt động theo quy định chung của hệ thống trường chính trị trong cả

nước. Từ đó đến nay, Trường ngày càng được đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo và từng bước khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước, kỹ năng lãnh đạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Trong suốt quá trình đó, có một số dấu mốc đáng chú ý:

Năm 2005: Trường được xây dựng tại cơ sở mới khang trang với đầy đủ các khối giảng đường, thư viện, ký túc xá, đáp ứng yêu cầu giảng dạy - học tập hiện đại; năm 2011: Trường được nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo từ nguồn ngân sách tỉnh; năm 2021: Thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về “Trường chính trị chuẩn”, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã xây dựng lộ trình và triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng Trường đạt chuẩn mức 1 (2024), tiếp đến phấn đấu đạt chuẩn mức 2; năm 2025: Trường kỷ niệm 70 năm thành lập, đánh dấu quá trình phát triển liên tục và bền vững, hướng đến mục tiêu trở thành đơn vị đạt chuẩn theo định hướng hiện đại, chất lượng, hiệu quả. Những dấu mốc nêu trên không chỉ phản ánh chặng đường phát triển của Nhà trường mà còn minh chứng cho sự quan tâm, đầu tư của Tỉnh ủy, UBND tỉnh,

sự phối hợp nhịp nhàng của các cấp, các ngành và sự nỗ lực, quyết tâm không ngừng của tập thể cán bộ, giảng viên qua các thời kỳ.

Quá trình phát triển 70 năm của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp không chỉ là hành trình nối tiếp các giai đoạn lịch sử mà còn là sự chuyển mình toàn diện trên nhiều phương diện: chức năng, nhiệm vụ, quy mô đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

*Phát triển về quy mô, loại hình đào tạo:* Từ chỗ chỉ tổ chức các lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ sơ cấp ở cơ sở trong thời kỳ đầu, đến nay Trường đã triển khai đào tạo hệ Trung cấp lý luận chính trị theo Quy định của Ban Tổ chức Trung ương và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Hằng năm, Trường mở từ 20 đến 30 lớp, đào tạo, bồi dưỡng cho hàng ngàn lượt cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh. Các loại hình bồi dưỡng đa dạng hơn, gồm: bồi dưỡng ngạch, bồi dưỡng chức danh, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý đương nhiệm, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chính trị của tỉnh.

Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo: Trường đã và đang tích cực đổi mới chương trình giảng dạy theo hướng tăng cường thực tiễn, phát triển năng lực tư duy, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống cho học viên. Việc tổ chức cho học viên đi nghiên cứu thực tế tại cơ sở đã giúp gắn lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện cho học viên nhận diện sâu sắc hơn các vấn đề đặt ra trong công tác lãnh đạo, quản lý. Ngoài ra, Trường còn triển khai sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường thảo luận, xử lý tình huống, học trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin.

*Phát triển đội ngũ giảng viên:* Từ những ngày đầu với số lượng ít ỏi, đến nay đội ngũ giảng viên của Trường đã được kiện toàn cả về số lượng lẫn chất lượng. Nhiều giảng viên có trình độ sau đại học, được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐi/TW. Trường chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm chức từ các sở, ngành, đơn vị có chuyên môn sâu, tạo sự phong phú về kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong giảng dạy. Đồng thời, công tác kiểm định chất lượng giảng viên, bồi dưỡng lý luận chính trị, phương pháp giảng dạy hiện đại cũng được đẩy mạnh.

Đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật: Trường được đầu tư

xây dựng khang trang với khu giảng đường, ký túc xá, thư viện, phòng học đa phương tiện, hệ thống quản lý đào tạo điện tử... góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường xuyên quan tâm, hỗ trợ kinh phí nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất nhằm bảo đảm môi trường đào tạo hiện đại, thân thiện và hiệu quả.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn: Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Trường chú trọng phát triển. Trường tổ chức nhiều hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên đề, thực hiện các đề tài cấp tỉnh, cấp cơ sở gắn với nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thực tiễn của địa phương. Nội dung nghiên cứu tập trung vào lý luận xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch gắn với bảo tồn giá trị văn hóa...

*Từng bước thực hiện chuẩn hóa theo Quy định số 11-QĐi/TW của Ban Bí thư:* Từ năm 2021 đến nay, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã ban hành kế hoạch cụ thể nhằm xây dựng Trường đạt chuẩn mức 1 giai đoạn (2022 - 2025), tiếp đến xây dựng kế hoạch trường chính trị chuẩn mức 2 giai đoạn (2025 - 2030). Công tác tự đánh giá chất lượng, nâng cao trình độ giảng viên,

ứng dụng công nghệ thông tin, quản trị nhà trường, nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng... được thực hiện đồng bộ và có lộ trình rõ ràng.

*Mở rộng hợp tác, trao đổi kinh nghiệm:* Trường tăng cường giao lưu, hợp tác, trao đổi chuyên môn giữa các khoa, giữa với các Trường Chính trị tỉnh bạn với nhau như An Giang, TP. Cần Thơ, Vĩnh Long, Học viện Chính trị khu vực II vv... Việc này không chỉ góp phần nâng cao năng lực giảng dạy mà còn giúp Trường tiếp cận các mô hình tiên tiến để vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Có thể nói, quá trình phát triển toàn diện của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là kết quả của sự kết tinh giữa tầm nhìn chiến lược của Tỉnh ủy, sự nỗ lực của tập thể cán bộ, giảng viên Nhà trường và sự hỗ trợ thiết thực của các cơ quan, ban, ngành trong và ngoài tỉnh. Đây là nền tảng quan trọng để Trường tiếp tục khẳng định vị trí là trung tâm đào tạo lý luận chính trị chất lượng cao trong thời kỳ mới.

### **2. Vai trò trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh**

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Đảng tại địa phương. Trải qua 70 năm xây



dựng và phát triển, Trường đã trở thành địa chỉ tin cậy trong công tác chuẩn hóa, nâng cao trình độ lý luận, năng lực quản lý, phẩm chất chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị ở cơ sở.

Đào tạo các lớp Trung cấp lý luận chính trị là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và thường xuyên của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Đây là chương trình đào tạo chính khóa nhằm chuẩn hóa trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của Trung ương. Theo Hướng dẫn số 10-HD/BTCTW ngày 6/12/2022 của Ban Tổ chức Trung ương và Quyết định số 544/QĐ-HVCTQG ngày 21/3/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về khung chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức hàng trăm lớp học tập trung, vừa học vừa làm, liên kết đào tạo tại các huyện, thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên là cán bộ cơ sở tham gia học tập. Trong giai đoạn 2015-2024, Trường đã mở trên 250 lớp Trung cấp lý

luận chính trị với hơn 16.000 học viên<sup>2</sup>. Các lớp học được tổ chức nghiêm túc, đúng quy chế, đảm bảo chất lượng đầu ra và kỷ cương học thuật. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy có trình độ lý luận vững vàng, giàu kinh nghiệm thực tiễn, được đào tạo bài bản. Đáng chú ý, Trường thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, tư duy phản biện của học viên; lồng ghép các tình huống thực tiễn quản lý nhà nước, quản trị xã hội để học viên vận dụng lý luận vào thực tế. Việc tổ chức các chuyến đi nghiên cứu thực tế tại các địa phương giúp học viên gắn bó hơn với thực tiễn, rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong công tác lãnh đạo, quản lý. Qua đào tạo, nhiều học viên sau khi tốt nghiệp đã trưởng thành, trở thành những cán bộ chủ chốt ở các xã, phường, các cơ quan ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội, góp phần vào sự phát triển toàn diện của tỉnh nhà.

Bên cạnh đào tạo trình độ Trung cấp lý luận chính trị, Trường còn đảm nhiệm vai trò bồi dưỡng các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo tiêu chuẩn chức danh, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác cán bộ của Đảng trong tình hình mới. Thực hiện Nghị

quyết Trung ương 7 khóa XII về công tác cán bộ và Quy định số 89-QĐ/TW ngày 4/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, các sở ngành tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng dành cho: Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy cơ sở; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã; Cán bộ quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp huyện<sup>3</sup>, sở, ngành; Cán bộ lãnh đạo MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội. Chương trình bồi dưỡng được thiết kế chuyên biệt, kết hợp lý luận với các chuyên đề về kỹ năng điều hành, lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, chuyển đổi số... Từ năm 2018 đến năm 2024, Trường đã tổ chức hơn 90 lớp bồi dưỡng chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cho khoảng 6.000 lượt học viên<sup>4</sup>. Đây là lực lượng cán bộ chủ chốt ở cơ sở, giữ vai trò quyết định trong thực hiện nghị quyết, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại địa phương. Việc tổ chức lớp bồi dưỡng theo chức danh không chỉ giúp cán bộ nâng cao năng lực quản lý, điều hành mà còn tạo điều

<sup>2</sup> Tổng hợp các báo cáo của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp từ năm 2015 đến năm 2024.

<sup>3</sup> Nay là xã, phường.

<sup>4</sup> Tổng hợp các báo cáo của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp từ năm 2018 đến năm 2024.

kiện kết nối, chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương, đơn vị. Trường đặc biệt chú trọng các hình thức giảng dạy có tính tương tác cao, mời báo cáo viên là chuyên gia, cán bộ thực tiễn, nhà nghiên cứu có uy tín trong và ngoài tỉnh tham gia giảng dạy, trao đổi.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy<sup>5</sup>, các Huyện ủy<sup>6</sup>, Thành ủy<sup>7</sup> tổ chức các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới, đối tượng kết nạp Đảng và đoàn viên, hội viên nông cốt. Thực hiện Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 18/1/2022 của Ban Tổ chức Trung ương và Quy định số 53-QĐ/TW của Ban Bí thư, Trường đã xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với từng đối tượng, kết hợp lý luận cơ bản với các giá trị thực tiễn về tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống cách mạng, đạo đức cán bộ, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cơ sở. Trường phối hợp với các Trung tâm Chính trị cấp huyện<sup>8</sup> để thống nhất nội dung, cập nhật các vấn đề mới trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, các chuyên đề

học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... nhằm đảm bảo học viên nhận thức đầy đủ, đúng đắn về lý tưởng, vai trò, trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên. Mỗi năm, Trường và hệ thống chính trị cơ sở tổ chức hàng trăm lớp bồi dưỡng cho hơn 10.000 lượt học viên. Đây là lực lượng dự nguồn, nòng cốt trong công tác phát triển Đảng và xây dựng hệ thống chính trị tại địa phương. Đặc biệt, Trường chú trọng đến vai trò giáo dục chính trị tư tưởng cho thế hệ trẻ, đội ngũ cán bộ đoàn, hội thông qua các chương trình liên kết đào tạo, tổ chức hội thảo, sinh hoạt chuyên đề chính trị, bồi dưỡng lý luận cho đoàn viên ưu tú và sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh. Tổng kết, ba trụ cột đào tạo, bồi dưỡng trên đã khẳng định vai trò không thể thay thế của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong sự nghiệp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong tình hình mới. Đây cũng là cơ sở để Trường tiếp tục phấn đấu đạt chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐi/TW, hướng đến mục tiêu hiện đại, hiệu quả, bền vững.

### 3. Những thành tựu nổi bật của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Bên cạnh việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, Trường đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng trên nhiều mặt. Trong đó, ba lĩnh vực nổi bật gồm đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được xem là những thành tựu then chốt, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Trường trong hệ thống các trường chính trị tỉnh, thành phố.

Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị: Đây là một trong những ưu tiên hàng đầu của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong những năm gần đây. Trường đã từng bước chuyển đổi từ phương pháp truyền thống “dạy - chép” sang phương pháp tích cực, lấy người học làm trung tâm. Cụ

<sup>5</sup> Nay Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy.

<sup>6</sup> Nay là xã, phường.

<sup>7</sup> Nay là Phường.

<sup>8</sup> Nay là cấp xã.

thể, giảng viên được khuyến khích sử dụng các phương pháp giảng dạy như: thảo luận nhóm, xử lý tình huống, diễn đàn mở, đóng vai, ứng dụng công nghệ thông tin vào trình chiếu, minh họa bài giảng. Việc sử dụng hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu điện tử và bài giảng E-learning đã giúp tăng tính tương tác và chủ động trong học tập của học viên. Thực tiễn cho thấy, cách tiếp cận này không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức lý luận chính trị mà còn giúp học viên phát triển kỹ năng tư duy phản biện, vận dụng vào công tác thực tiễn tại cơ sở. Các lớp Trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng chức danh, cập nhật kiến thức mới ngày càng thu hút đông đảo cán bộ, công chức tham gia và đạt chất lượng cao.

*Xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng, chuẩn hóa:* Đây là lực lượng nòng cốt, quyết định chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư. Hiện nay, Trường có gần 60 giảng viên cơ hữu, trong đó hầu hết đạt chuẩn về trình độ, chuyên môn, lý luận và kỹ năng sư phạm, trong đó có 8 tiến sĩ, 9 nghiên cứu sinh và

40 thạc sĩ; nhiều đồng chí giàu kinh nghiệm thực tiễn và tinh thần trách nhiệm cao. Trường cũng thường xuyên cử giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới do Tỉnh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện khu vực II tổ chức. Việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thao giảng, đánh giá chuẩn giảng viên được thực hiện nghiêm túc, định kỳ. Bên cạnh đó, Trường còn mời giảng viên kiêm chức từ các sở, ban, ngành tỉnh tham gia giảng dạy, góp phần làm phong phú nội dung và tăng cường tính thực tiễn trong từng bài giảng.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn: Cùng với giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ cơ bản và quan trọng của Trường Chính trị. Thực tiễn cho thấy, Trường đã triển khai nhiều đề tài khoa học cấp trường, cấp cơ sở, cấp tỉnh gắn với các vấn đề lý luận và thực tiễn ở địa phương như: xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở cơ sở... Trường còn chủ trì hoặc phối hợp tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm khoa học các cấp, tổng kết thực tiễn theo chuyên đề, nhằm chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng mô

hình hay trong lãnh đạo, quản lý. Các hoạt động này không chỉ tạo môi trường nghiên cứu học thuật sôi nổi cho giảng viên mà còn góp phần làm rõ những vấn đề lý luận đang đặt ra từ thực tiễn Đồng Tháp, nâng cao tính ứng dụng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi phải có giải pháp phù hợp để tiếp tục phát triển ổn định và bền vững. Đội ngũ giảng viên hiện nay tuy cơ bản đáp ứng chuẩn về trình độ chuyên môn theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư, song vẫn còn một số hạn chế. Một bộ phận giảng viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, thiếu kỹ năng sư phạm lý luận chính trị hiện đại; chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp giảng dạy. Trong khi đó, một số giảng viên lớn tuổi tuy giàu kinh nghiệm nhưng hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ mới, giảng dạy số hóa và tích hợp kiến thức liên ngành. Việc kế thừa và phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao chưa thực sự bền

vững; cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học còn thiếu đồng bộ. Trang thiết bị phục vụ đào tạo trực tuyến, lớp học thông minh, hệ thống học liệu số, thư viện điện tử còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục chính trị. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy và học, nhất là trong bối cảnh ứng dụng công nghệ ngày càng trở nên cấp thiết; nhận thức về vai trò của lý luận chính trị trong một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và học viên chưa thật sự sâu sắc. Nhiều học viên tham gia các lớp học vẫn còn tâm lý đối phó, học vì yêu cầu bắt buộc, chưa thấy rõ giá trị vận dụng lý luận vào công tác thực tiễn tại địa phương, cơ sở; áp lực đổi mới trong bối cảnh hội nhập và yêu cầu xây dựng Trường đạt chuẩn mức 2 đặt ra nhiều thách thức cho công tác quản lý, tổ chức đào tạo. Trong khi cơ chế chính sách hỗ trợ cho hoạt động khoa học, nâng cao năng lực giảng viên chưa thật sự mạnh mẽ. Từ thực tiễn trên có thể thấy, nếu không kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc thì quá trình chuẩn hóa, hiện đại hóa Trường Chính trị sẽ gặp nhiều trở ngại, ảnh hưởng đến chất lượng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong bối cảnh mới.

#### **4. Định hướng và giải pháp phát triển Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030**

*Thứ nhất*, thực hiện hiệu quả Quy định số 11-QĐi/TW ngày 19/5/2021 - Hướng đến đạt chuẩn mức 2

Quy định số 11-QĐi/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn đặt ra 05 nhóm tiêu chí, 45 tiêu chí thành phần nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ các cấp. Trong đó, chuẩn mức 2 là mục tiêu cao hơn, thể hiện sự phát triển toàn diện và hiện đại của một trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Để đạt được chuẩn mức 2 vào năm 2030, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần triển khai đồng bộ, cụ thể các giải pháp sau: Trước hết, nhà trường cần xây dựng kế hoạch hành động chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng phòng, khoa để triển khai thực hiện các tiêu chí một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn. Trong đó, chú trọng các tiêu chí cốt lõi như: tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả; đội ngũ giảng viên đạt chuẩn, có năng lực thực tiễn và năng lực nghiên cứu khoa học; chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cập nhật kịp thời, đúng hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Tiếp

đến, trường cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và đánh giá kết quả học tập. Việc xây dựng hệ thống học liệu số, lớp học thông minh, thư viện điện tử sẽ góp phần tạo ra môi trường học tập hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị. Đồng thời, nâng cao năng lực quản trị nội bộ, cải tiến cơ chế tự chủ trong tổ chức lớp học, điều phối giảng viên, đánh giá chất lượng giảng dạy. Cần thiết lập hệ thống kiểm định chất lượng nội bộ để giám sát, phản hồi và cải tiến liên tục theo hướng chuẩn hóa và thực chất. Với quyết tâm chính trị cao, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp hoàn toàn có khả năng đạt chuẩn mức 2 trước năm 2030, qua đó khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chất lượng cao của tỉnh trong tình hình mới.

*Thứ hai*, đổi mới nội dung và phương pháp

Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần tiếp tục cập nhật, bổ sung kịp thời các nội dung mới từ Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương, chỉ thị,



kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tỉnh ủy Đồng Tháp. Nội dung giảng dạy cần được lồng ghép sâu sắc với thực tiễn phát triển của địa phương, đặc biệt là những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi số, cải cách hành chính, phát triển kinh tế xanh... Về phương pháp, nhà trường cần đẩy mạnh áp dụng các hình thức giảng dạy tích cực như: thảo luận nhóm, xử lý tình huống, lớp học đảo ngược, gắn giảng dạy với thực tế thông qua các chuyến đi nghiên cứu cơ sở. Đặc biệt, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng bài giảng E-learning, trình chiếu tương tác, hệ thống học tập trực tuyến, góp phần tạo môi trường học tập hiện đại, hấp dẫn, phát huy tính chủ động của học viên. Việc đổi mới này không chỉ giúp học viên nắm vững lý luận, mà còn có khả năng vận dụng hiệu quả vào thực tiễn công tác tại cơ sở, từ đó nâng cao chất lượng cán bộ trong hệ thống chính trị tỉnh Đồng Tháp.

*Thứ ba*, xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn và vượt chuẩn mức 2

Đội ngũ giảng viên là nhân tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo lý luận chính trị. Theo Quy định số 11-QĐi/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư, trường chính trị chuẩn mức 2 phải có ít nhất

90% giảng viên cơ hữu đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị, học vị, năng lực giảng dạy và nghiên cứu; trong đó có giảng viên đạt trình độ tiến sĩ, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, có thực tiễn công tác phong phú. Do đó, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần có chiến lược bài bản, dài hạn trong xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên. Trước hết, nhà trường cần rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên hiện có về trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy, năng lực nghiên cứu và gắn bó lâu dài. Từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, ưu tiên cử giảng viên trẻ học cao học, nghiên cứu sinh, lớp nghiệp vụ sư phạm, lớp bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức. Đồng thời, chú trọng mời giảng viên thỉnh giảng có uy tín, kinh nghiệm từ các cơ quan trong và ngoài tỉnh để nâng cao chất lượng chuyên môn. Bên cạnh đó, cần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, đoàn kết để thu hút và giữ chân người tài. Tăng cường các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, hội giảng, dự giờ, đánh giá chéo giữa các giảng viên, tạo động lực học hỏi, sáng tạo và nâng cao năng lực thực tiễn. Trường cũng cần chú trọng khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài tạp chí,

tham gia hội thảo khoa học các cấp; qua đó nâng cao trình độ lý luận, năng lực phân tích và phản biện, tạo nền tảng để đội ngũ giảng viên không chỉ đạt chuẩn mà còn vượt chuẩn mức 2 trong thời gian tới. Đây là điều kiện tiên quyết để xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trở thành cơ sở đào tạo lý luận chính trị chất lượng cao, hiện đại, hiệu quả.

*Thứ tư*, mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các đơn vị trong và ngoài tỉnh

Mở rộng hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học là hướng đi chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đào tạo lý luận chính trị, phát huy vai trò trung tâm của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong hệ thống chính trị địa phương. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục lý luận chính trị theo tinh thần Quy định số 11-QĐi/TW, việc thiết lập và phát triển quan hệ phối hợp với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, cơ quan ban ngành trong và ngoài tỉnh là yêu cầu thiết yếu. Trước hết, trường cần tăng cường hợp tác chiều sâu với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị các tỉnh bạn như An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long... để trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề, tọa đàm, hội thảo khoa học về lý luận và thực tiễn phát triển địa

phương. Đây là kênh bổ sung kiến thức đa chiều, cập nhật các mô hình đào tạo tiên tiến và phương pháp giảng dạy hiện đại. Bên cạnh đó, cần phối hợp chặt chẽ với Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành như Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu đề tài khoa học gắn với nhiệm vụ chính trị, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc triển khai các đề tài cấp tỉnh, đề tài cơ sở, đề tài cấp trường sẽ giúp giảng viên, học viên gắn kết lý luận với thực tiễn, phát hiện vấn đề mới trong công tác lãnh đạo, quản lý để phục vụ giảng dạy và hoạch định chính sách. Ngoài ra, nhà trường cần hướng tới hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, trung tâm nghiên cứu để mở rộng không gian học thuật, tìm kiếm nguồn lực tài trợ, trao đổi chuyên gia, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế

của trường trong hệ thống các cơ sở đào tạo chính trị khu vực và toàn quốc. Đây chính là nền tảng để trường chính trị tỉnh phát triển bền vững, hiện đại, hội nhập hiệu quả trong thời gian tới.

Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển (1955 - 2025), Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã không ngừng khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên kế cận của tỉnh. Với sứ mệnh đặc thù, nhà trường đã triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng chức danh, cập nhật kiến thức và lý luận cho hàng vạn lượt cán bộ, góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh. Những thành tựu trong đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng, phát triển nghiên cứu khoa học, mở rộng hợp tác

đào tạo đã tạo nền tảng vững chắc để Trường từng bước đạt các tiêu chí của chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐi/TW của Ban Bí thư. Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới, hiện đại hóa và chuyển đổi số, nhà trường cũng đối mặt với nhiều thách thức về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo. Để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần tiếp tục phát huy truyền thống, chủ động đổi mới, sáng tạo, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng tầm chất lượng đào tạo, nghiên cứu và hợp tác. Qua đó, từng bước xây dựng Trường đạt chuẩn mức 2 vào năm 2030, xứng đáng là nơi “trồng mầm lý luận - bồi dưỡng bản lĩnh - phát triển đội ngũ cán bộ” vững vàng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Tháp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Quy định số 11-QĐi/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn*.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Hướng dẫn thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW về trường chính trị chuẩn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*.
4. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2022), *Kế hoạch thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW về xây dựng trường chính trị chuẩn đến năm 2030*.
5. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2024), *Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW về trường chính trị chuẩn*.

# VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ NGUỒN CÓ NĂNG LỰC CHO HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỦA TỈNH

## 1. Vai trò của Trường Chính trị Tỉnh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn có năng lực

Trường Chính trị Tỉnh là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương, giữ vai trò trung tâm trong việc hình thành, phát triển đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Thể hiện vai trò quan trọng trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn của Tỉnh.

**Thứ nhất**, Trường Chính trị Tỉnh là trung tâm đào tạo lý luận chính trị của Tỉnh.

Trường Chính trị Tỉnh là nơi trang bị cho đội ngũ cán bộ nguồn những kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thông qua các chương trình đào tạo như Trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm..., giúp cán bộ nguồn củng cố bản lĩnh chính trị, nâng cao nhận thức lý luận và năng lực tư duy, từ đó hình thành thế giới quan và phương pháp luận

✪ ThS. NGUYỄN VĂN SƠN\*

**Tóm tắt:** Công tác đào tạo cán bộ nguồn tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong thời gian qua là công việc rất quan trọng và được quan tâm đúng mức nhằm đảm bảo sự kế thừa và phát triển bền vững đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Tỉnh. Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác đào tạo cán bộ nguồn hiện nay, chỉ ra những thành tựu và các hạn chế, chủ yếu xoay quanh chương trình, phương pháp giảng dạy và tính gắn kết giữa đào tạo với quy hoạch sử dụng. Bài viết đề xuất hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng như: đổi mới chương trình theo hướng thực tiễn, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, tăng cường rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý và củng cố cơ chế phối hợp giữa Trường Chính trị Tỉnh với các cơ quan quản lý cán bộ của Tỉnh.

**Từ khóa:** Cán bộ nguồn, trường chính trị, đào tạo, bồi dưỡng, hệ thống chính trị.

khoa học trong công tác lãnh đạo, quản lý.

**Thứ hai**, nâng cao năng lực thực tiễn và kỹ năng công vụ cho cán bộ nguồn.

Ngoài việc trang bị kiến thức lý luận, Trường Chính trị Tỉnh còn chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành cho cán bộ nguồn như: kỹ năng lãnh đạo, điều hành, xử lý tình huống, giao tiếp hành chính, soạn thảo văn bản, kỹ năng tham mưu và

tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng ở cơ sở... Việc gắn kết giữa giảng dạy lý luận với thực tiễn quản lý ở địa phương giúp học viên vận dụng kiến thức vào công việc, phát triển tư duy lãnh đạo, đổi mới phương pháp làm việc.

**Thứ ba**, phát hiện, bồi dưỡng những cán bộ có triển vọng, có năng lực trở thành cán bộ lãnh đạo, quản lý tốt cho hệ thống chính trị của Tỉnh.

\* Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.



Thông qua quá trình học tập, rèn luyện, giảng viên và lãnh đạo Trường Chính trị Tỉnh có điều kiện đánh giá, phát hiện những cán bộ có phẩm chất, năng lực nổi bật để giới thiệu với cấp ủy, chính quyền địa phương đưa vào quy hoạch, tạo nguồn kế cận. Trường Chính trị Tỉnh trở thành “vườn ươm” cán bộ nguồn cho hệ thống chính trị cơ sở, góp phần chủ động chuẩn bị đội ngũ kế thừa vững vàng về lý luận, bản lĩnh và năng lực thực tiễn.

**Thứ tư**, trung tâm nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận ở địa phương.

Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo, Trường Chính trị Tỉnh còn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước và hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Những kết quả nghiên cứu này không chỉ phục vụ việc nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn cung cấp luận cứ khoa học cho cấp ủy, chính quyền trong hoạch định chính sách cán bộ và công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

**Thứ năm**, là cầu nối giữa Trung ương với địa phương trong công tác đào tạo cán bộ.

Trường Chính trị Tỉnh là đầu mối triển khai các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Tỉnh ủy. Qua đó đảm bảo sự thống nhất trong định hướng, nội

dung, chương trình đào tạo; đồng thời cụ thể hóa để phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp. Trường chủ động liên hệ, kết nối với các Trường Bộ, ngành của Trung ương để bồi dưỡng các kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở.

**Thứ sáu**, xây dựng môi trường học tập, rèn luyện chuẩn mực cho cán bộ nguồn.

Trường chính trị Tỉnh không chỉ là nơi truyền đạt tri thức chính trị mà còn là môi trường để học viên rèn luyện đạo đức, phong cách công tác, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân. Thông qua nền nếp học tập, sinh hoạt, kiểm tra, đánh giá, Trường góp phần hình thành đội ngũ cán bộ nguồn có “đức - trí - năng - tâm - tầm”, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

## **2. Kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong những năm qua**

Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự phân đầu của tập thể Ban Giám hiệu và đội ngũ viên chức, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp từng bước nâng cao đội ngũ giảng viên, quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên có chất lượng và đa dạng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường đạt được những bước tiến lớn. Từ năm 2020 đến nay, Trường đã

mở 218 lớp, với 18.714 học viên học các hệ lớp Trung cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng và các lớp cao cấp lý luận chính trị. Nhà trường từng bước đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, hiện đại, vừa bảo đảm chỉ tiêu đào tạo tập trung, vừa đáp ứng nhu cầu “vừa học, vừa làm” của đội ngũ cán bộ các ngành, địa phương trong Tỉnh.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ở Trường luôn thực hiện nghiêm các quy định về đào tạo, bồi dưỡng theo bộ Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Nội dung chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị từng bước được đổi mới theo hướng phù hợp với đối tượng người học. Đội ngũ giảng viên và giảng viên thỉnh giảng không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng giảng dạy. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Trường đã góp phần quan trọng vào xây dựng đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, nâng cao kiến thức lý luận, bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống, năng lực, kỹ năng công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Qua quá trình hoạt động theo hướng ngày càng đổi mới, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp xét theo các yếu tố trên đã đạt được những kết quả chính như sau:

*Về nội dung, chương trình:*

Trường đã tổ chức thực hiện tốt các chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ cấp cơ sở và cán bộ dự nguồn quy hoạch theo các Quyết định, Hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cân nhắc kỹ, bảo đảm thiết thực và phù hợp với tình hình, nhiệm vụ của địa phương, đất nước trong từng lĩnh vực, từng giai đoạn. Ngoài ra, căn cứ các chương trình khung của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ,... Trường đã chủ động cập nhật, lồng ghép các nội dung mang tính thời sự, thực tiễn địa phương vào các nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng như: Văn kiện, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; con đường đi lên CNXH; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; các tác phẩm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; hội nhập quốc tế; các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy.

Đối với những nội dung mới chưa có chương trình khung, Trường cũng mạnh dạn xây dựng chương trình, nội dung tài liệu phù hợp với từng đối tượng và tình hình thực tiễn của địa phương như chương trình cập nhật, bồi dưỡng cho đối tượng là Bí thư chi bộ kiêm Trưởng khóm, ấp; định hướng trong thời gian tới, Trường sẽ tăng cường các lớp bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ,

công chức ở cơ sở khi có nhu cầu. Nhìn chung các chương trình này đã đáp ứng yêu cầu cơ bản đào tạo cán bộ cấp cơ sở, với hạt nhân là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước,... giúp đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao bản lĩnh cách mạng, củng cố niềm tin; nỗ lực phát triển bản thân, sẵn sàng cống hiến vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Về hình thức đào tạo, bồi dưỡng:*

Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức, cách thức, thể hiện sự linh hoạt nhạy bén trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Trong lúc tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, mặc dù, gặp không ít khó khăn nhưng Trường đã thích ứng linh hoạt, chủ động tổ chức dạy - học bằng hình thức trực tuyến. Đây là lần đầu tiên nhà trường áp dụng hình thức dạy học này; với sự nỗ lực của tập thể đội ngũ cán bộ, giảng viên bước đầu đã vận hành hình thức giảng dạy này một cách thuận lợi, đảm bảo kiến thức chuyên môn. Bên cạnh áp dụng hình thức dạy - học trực tuyến, Trường còn chủ động thay đổi hình thức kiểm tra và thi hết môn đối với các lớp nhưng vẫn đảm bảo đánh giá đúng chất lượng học tập của học viên.

Đối với các lớp bồi dưỡng, mục tiêu của Trường là hướng đến từng bước nâng cao chất lượng việc học tập. Tùy theo yêu cầu, mục đích của từng lớp sẽ có những hình thức khác nhau sao cho người học được tiếp cận nhiều thông tin thực tiễn như: nghe báo cáo, trao đổi thảo luận; nghe báo cáo, tham quan thực tế, trao đổi thảo luận; tham quan thực tế, trao đổi thảo luận, viết thu hoạch;...

*Công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng:*

Trường Chính trị đã phối hợp tốt với các sở, ban, ngành trong Tỉnh thực hiện quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm luôn được Trường quan tâm, chú trọng. Trong quá trình xây dựng kế hoạch luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành có liên quan như Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ. Tổ chức quán triệt học viên ngay từ buổi đầu nhập học để nâng cao nhận thức và ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu lý luận chính trị, tránh tư tưởng “học để lấy bằng” và “ngại học lý luận chính trị”. Vì vậy, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của Trường được Tỉnh ủy phê duyệt luôn sát với nhu cầu thực tế, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng thực hiện. Việc quản lý học viên được thực hiện nghiêm túc theo quy chế, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật

học tập của học viên thông qua cơ chế đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, đảm bảo công minh, công khai, khách quan. Kết hợp nhiều biện pháp phù hợp với nhiều chủ thể tham gia quản lý như chủ nhiệm, đồng chủ nhiệm, phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, thanh tra đào tạo, bồi dưỡng, khoa chuyên môn, giảng viên lên lớp... Ở nhiều khâu từ quá trình lên lớp đến tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận đến các khâu đánh giá kết quả học tập, rèn luyện được thực hiện và quản lý chặt chẽ học viên, từ đó phát huy tính năng động, chủ động và kỹ năng, thực tiễn của từng học viên.

*Về đội ngũ giảng viên với phương pháp giảng dạy:*

Giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm Trường Chính trị Tỉnh từng bước được nâng cao về trình độ, năng lực và chất lượng. Các giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy hiện đại, phương pháp giảng dạy tích cực. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự hỗ trợ, phối hợp của các sở, ban, ngành trong Tỉnh, Trường Chính trị thường xuyên cử giảng viên đi đào tạo, tập huấn cập nhật chuyên môn, nâng cao trình độ, phương pháp giảng dạy, đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn. Vì vậy, chất lượng đội ngũ giảng viên ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Có thể nói, giảng viên Trường Chính trị

Tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp đổi mới; có phẩm chất chính trị, có đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; yêu nghề, gắn bó với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Trường Chính trị Đồng Tháp vẫn còn những hạn chế cần sớm có giải pháp tháo gỡ như:

Việc mở lớp theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường phải thường xuyên điều chỉnh về thời gian, số lượng lớp và số lượng học viên; công tác tuyển sinh các lớp bồi dưỡng gặp nhiều khó khăn về số lượng.

Tỷ lệ giảng viên chính chưa đạt chuẩn; đội ngũ giảng viên đôi lúc còn hụt hẫng do dịch chuyển công tác khác; chất lượng giảng viên trẻ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

So với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng cao, cơ sở vật chất của Trường đang xuống cấp, trang thiết bị phục vụ dạy và học chưa tương xứng; nếu so với yêu cầu, so với nhiều tỉnh thì cơ sở vật chất, kỹ thuật của Trường Chính trị còn hạn chế, chưa đáp ứng đào tạo, bồi dưỡng tập trung.

### **3. Giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới**

Từ thực tiễn công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, để đổi mới đồng bộ, toàn diện công tác này cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là*, tiếp tục thực hiện tốt công tác tham mưu cho Tỉnh ủy trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Căn cứ vào các quy định của Đảng, Nhà nước, các quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ Tỉnh liên quan đến công tác cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ nguồn để tiếp tục tham mưu, phối hợp tham mưu để Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cấp ủy các cấp, lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về vị trí, vai trò của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; về ý thức, trách nhiệm, tinh thần học tập cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; ban hành các quy định, quy chế, chỉ thị để lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Tham mưu công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các văn bản đã ban hành để đảm bảo tính nghiêm



túc, hiệu lực trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ.

**Hai là**, tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII là phải đổi mới căn bản nội dung chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn nhằm khắc phục cả nội dung chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng đồng thời đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Bên cạnh đó, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ở trường chính trị hiện nay có vai trò quan trọng góp phần vào sự thành công trong công tác quán triệt, triển khai Nghị quyết, đường lối của Đảng, nhất là đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, để thực hiện được điều đó đòi hỏi nội dung, chương trình cũng như giảng viên phải thường xuyên đổi mới, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ lý luận khoa học, thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy và đặc biệt phải lồng ghép quá trình giảng dạy lý luận gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch, truyền tải đến học viên những kiến thức cơ bản, kiến thức thực tiễn dễ hiểu, dễ tiếp thu và dễ thực hành.

**Ba là**, tiếp tục đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng

cán bộ, công chức, viên chức. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là đội ngũ vừa lãnh đạo, quản lý vừa tổ chức thực hiện, do vậy cần phải kết hợp hài hòa các hình thức, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ này. Nghiên túc thực hiện các quy chế, quy định quản lý đào tạo do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành; thực hiện đầy đủ hướng dẫn của Bộ Nội vụ về nội dung, chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; các quy định của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên. Tăng cường công tác phối hợp với các Học viện, các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể trong tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm. Căn cứ đặc thù công việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

**Bốn là**, xây dựng đội ngũ giảng viên đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn của hệ thống chính trị. Về lâu dài phải xây dựng được đội ngũ giảng viên bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu lứa tuổi, giới tính, có tính kế thừa liên tục. Cần có kế hoạch tuyển chọn giảng viên công tác lâu dài, tạo điều kiện để giảng viên tham gia học tập chương trình sau đại học. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ đội ngũ giảng viên trẻ trong học tập nâng cao trình độ. Tăng

cường cử giảng viên đi thực tế về cơ sở một thời gian để tăng hiểu biết thực tiễn địa phương.

**Năm là**, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Thống kê, kiểm kê, phân loại các tài sản, trang thiết bị dạy học để thanh lý và trang bị mới kịp thời. Triển khai kế hoạch nâng cấp, sửa chữa lại khu làm việc, hội trường tương xứng một trường đào tạo cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh; đảm bảo các trang thiết bị, phương tiện cần thiết phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt với chất lượng ngày càng cao. Sớm thực hiện các hạng mục đã được phê duyệt từ ngân sách của Đề án xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2.

**Tóm lại**, đào tạo cán bộ nguồn là một quá trình liên tục, chiến lược và đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc cả về trí tuệ và nguồn lực. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần chủ động, tích cực đổi mới toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng hiện đại, thực tiễn và gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch, sử dụng cán bộ của tỉnh. Chỉ khi đó, Trường mới thực sự phát huy được vai trò là "bệ phóng" vững chắc, cung cấp đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực để lãnh đạo, quản lý địa phương góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ trong giai đoạn mới./.



**Tóm tắt:** *Tinh gọn tổ chức bộ máy là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, đang được thực hiện quyết liệt, đồng bộ, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, lợi dụng vấn đề này, một bộ phận tổ chức, cá nhân không thiện chí và các thế lực thù địch đưa ra những luận điệu xuyên tạc, thông tin giả để chống phá Đảng, Nhà nước, gây hoang mang dư luận. Bài viết làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của chủ trương cải cách, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII) và các văn bản liên quan. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, gắn với vai trò của đội ngũ giảng viên trường chính trị, góp phần thực hiện thành công chủ trương đặc biệt quan trọng này.*

**Từ khóa:** *Cải cách bộ máy, nâng cao nhận thức, trường chính trị, đấu tranh phản bác, chủ trương của Đảng.*

# GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ VỚI NHIỆM VỤ NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC CẢI CÁCH BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

✧ NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG\*  
✧ NGUYỄN VĂN TƯƠI\*\*

## 1. Đặt vấn đề

Cải cách tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được khẳng định từ Đại hội VI (1986) đến nay. Việc sắp xếp giảm đầu mối, tránh chồng chéo chức năng, tinh giản biên chế v.v... vừa là yêu cầu tất yếu từ thực tiễn phát triển của đất nước, vừa là xu hướng chung của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, bên cạnh sự đồng thuận rộng rãi, trong quá trình triển khai chủ trương, có nơi có lúc xuất hiện tình trạng hiểu chưa đúng, dẫn đến tâm lý lo lắng, e dè, thậm chí có các thông tin sai lệch. Các thế lực thù

địch và một số phần tử cơ hội lợi dụng cải cách bộ máy để xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, gây hoang mang trong cán bộ, đảng viên và dư luận. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên là yêu cầu cấp thiết. Trường chính trị với vai trò là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải chủ trương, chính sách, đồng thời định hướng nhận thức và tư duy cho đội ngũ cán bộ của tỉnh, góp phần thực hiện thành công công cuộc cải cách bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay.

\* Thạc sĩ, Trưởng khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

\*\* Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Căn cứ khoa học của việc sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

*Việc sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay dựa trên nền tảng lý luận tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.*

Vận dụng sáng tạo lý luận về xây dựng nhà nước của chủ nghĩa Mác – Lênin, kế thừa có chọn lọc truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa nhân loại về vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng và đặt nền móng cho việc tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, việc tinh gọn bộ máy trong toàn hệ thống chính trị luôn đi liền với vấn đề tiết kiệm chi phí, chống lãng phí, chống quan liêu, cửa quyền. Người chỉ rõ: “Giản chính - Chính quyền và đoàn thể tìm mọi cách để giảm bớt những cơ quan và những nhân viên không cần thiết để tiết kiệm sức người và của, để thêm sức vào việc sản xuất.

Đồng thời, tìm mọi cách để nâng cao năng suất của những nhân viên và các cơ quan”<sup>1</sup>. Theo Hồ Chí Minh, hoạt động của một người, một bộ phận sẽ tác động đến sự vận hành của cả bộ máy, việc tinh gọn phải diễn ra trong cả bộ máy chứ không chỉ trong các cơ quan hành chính, do vậy: “Các cơ quan chính quyền và đoàn thể, các cơ quan kinh tế và các ủy ban, cần phải nâng cao năng suất, giảm bớt số người (tinh gọn)...”<sup>2</sup>. Người giải thích, tinh gọn bộ máy nhà nước: “tinh là đưa năng suất lên cao, làm cho mau cho tốt, giản là vừa phải, không kèn càng, tránh hình thức”<sup>3</sup>. Tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị nhằm để xây dựng cơ quan nhà nước hoạt động ngày càng có hiệu lực, hiệu quả, mang lại lợi ích cho đất nước, tránh được hiện tượng rườm rà, chồng chéo trong các hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị, thực hiện chủ trương nhanh, gọn và tiện lợi, góp phần giảm bớt chi phí ngân sách cho Nhà nước và mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Với tinh thần muốn tốt thì phải cắt bỏ, muốn phát triển thì phải tinh gọn bộ máy, Hồ Chí Minh yêu cầu, phải sắp xếp một bộ máy khoa học, sử

dụng nhân lực một cách hiệu quả. Người chỉ rõ: “Tổ chức phải gọn gàng. Nhiệm vụ của mỗi bộ phận, mỗi người phải quy định rõ ràng. Các cấp và các cán bộ lãnh đạo phải giúp đỡ và đôn đốc thường xuyên, phải kiểm tra chặt chẽ”<sup>4</sup>.

Tư tưởng xây dựng Nhà nước kiểu mới của Hồ Chí Minh thể hiện tầm nhìn chiến lược sâu sắc, đồng thời mang tính định hướng quan trọng cho việc thiết lập Nhà nước kiểu mới của giai cấp vô sản hiệu lực, hiệu quả, lấy lợi ích của nhân dân làm trung tâm, đặt nền móng cho sự phát triển bền vững đất nước.

*Việc sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay xuất phát từ thực tiễn phát triển của đất nước.*

Xuất phát từ tầm quan trọng đặc biệt và đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn phát triển của đất nước, từ Đại hội VI của Đảng (1986) đến nay, Đảng ta liên tục ban hành các nghị quyết, kết luận để lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả. Nghị quyết số 06-NQ/HNTW, ngày 29/3/1989, Hội nghị

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 6, tr. 477.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 7, tr. 432.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 7, tr. 432.

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 5, tr. 122.

Trung ương 6 khóa VI, về kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới và các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, XII, XIII đều nhấn mạnh nhiệm vụ tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Nghị quyết số 18-NQ/TW ra đời ngày 25/10/2017, được triển khai và đạt được một số kết quả quan trọng, bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển đất nước đến năm 2030, đó là “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”<sup>5</sup> và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, không thể phủ nhận.

Việc sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị không phải là ý muốn chủ quan của một cá nhân hay một nhóm lợi ích mà là chủ trương lớn của Đảng, có cơ sở lý luận là nền

tăng tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức bộ máy nhà nước và các quan điểm đổi mới của Đảng xuyên suốt từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Đây là bước đi chiến lược của Đảng và Nhà nước, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Do đó, cần tuyên truyền rộng rãi để cán bộ, đảng viên và nhân dân thông suốt, qua đó góp phần thực hiện thành công chủ trương lớn này.

## ***2.2. Những nhận thức lệch lạc, luận điệu sai trái, xuyên tạc công cuộc cải cách tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở Việt nam hiện nay***

Cuộc cách mạng cải cách bộ máy nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tiết kiệm ngân sách, nguồn lực, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phù hợp với bối cảnh đổi mới, hội nhập và yêu cầu thời đại mới. Tuy nhiên, các thế lực thù địch và một số phần tử cơ hội lợi dụng cải cách bộ máy để xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, gây hoang mang trong cán bộ, đảng viên và dư luận. Đơn cử một vài luận điệu xuyên tạc như sau:

*Thứ nhất, tinh giản bộ máy là do “ý chí chủ quan” của lãnh đạo.*

Tinh gọn tổ chức bộ máy là chủ trương xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta. Trong nhiều nhiệm kỳ qua, Đảng ta đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết về công tác xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Từ năm 2015, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 39-NQ/TW “Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”. Đặc biệt, ngày 25-10-2017, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Nghị quyết 18-NQ/TW đặt ra mục tiêu đến năm 2021 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian; giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015... Đến năm 2030, hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn

<sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1, tr. 332.

mới. Qua hơn 7 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, tổ chức bộ máy của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương được sắp xếp đồng bộ, tinh gọn, giảm nhiều cơ quan, đơn vị cấp Trung ương, cấp tỉnh và đầu mối bên trong; giảm cấp trung gian; từng bước hoàn thiện mô hình tổng thể tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức được rà soát, điều chỉnh, bổ sung rõ ràng hơn; quản lý chặt chẽ, giảm số lượng lớn cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là cấp phó, giảm biên chế; hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức bước đầu được nâng lên. Việc thực hiện thí điểm một số mô hình tổ chức mới và kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đã làm rõ thêm lý luận và thực tiễn về tổ chức bộ máy<sup>6</sup>. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều tầng nấc trung gian, nhiều đầu mối, chồng chéo, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của sự phát triển đất nước. Vì vậy, tiếp tục, quyết liệt thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW

để tinh gọn tổ chức bộ máy phù hợp với điều kiện, tình hình mới là việc làm tất yếu khách quan.

*Thứ hai, tinh giản bộ máy chỉ là biện pháp hình thức, không có hiệu quả thực tế.*

Các thế lực thù địch tuyên truyền rằng việc tinh giản bộ máy chỉ là thay đổi về danh nghĩa, trong khi thực tế bộ máy vẫn công kênh, nhiều đơn vị chỉ “gộp tên” nhưng chức năng, nhiệm vụ vẫn chồng chéo, không hiệu quả. Trên thực tế, việc sắp xếp lại bộ máy đã đem lại những kết quả cụ thể và rõ ràng, hàng nghìn đầu mối đơn vị hành chính đã được sắp xếp lại một cách hợp lý. Việc tinh giản biên chế đã giúp giảm gánh nặng ngân sách, tạo động lực cải thiện chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Chính phủ đã và đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, giảm bớt thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình làm việc, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Việc tinh giản bộ máy không phải chỉ là thay đổi về danh nghĩa, mà là cuộc cách mạng về bản chất, là tất yếu không thể trì hoãn để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình và phát triển.

*Thứ ba, “Càng tinh gọn lại càng phình ra”.*

Đây là luận điệu xuyên tạc, chống phá của các đối tượng xấu trên một số đài, báo nước ngoài khi “đưa tin”, “bình luận” về việc Chính phủ, Quốc hội, một số bộ, cơ quan sau khi sáp nhập, tổ chức lại thì số cán bộ cấp phó tăng hơn so với quy định. Thực tế sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại thì số cán bộ cấp phó ở một số cơ quan từ Trung ương đến địa phương tăng cao hơn so với quy định. Tuy nhiên, đây là giải pháp phù hợp cho giai đoạn chuyển tiếp. Việc tăng số lượng cấp phó của người đứng đầu Chính phủ, Quốc hội, các bộ, cơ quan v.v... chỉ là giải pháp tình thế cho giai đoạn chuyển tiếp, tồn tại trong một thời gian nhất định.

Những luận điệu xuyên tạc nêu trên đều có chung một mục đích, đó là gây hoang mang, khiến cán bộ, đảng viên và nhân dân mất lòng tin vào Đảng và Nhà nước, làm suy yếu sự đoàn kết toàn dân, kích động tâm lý hoài nghi, bất mãn. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên và người dân cần tỉnh táo, nâng cao nhận thức chính trị, nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc đồng thời tích cực tuyên truyền về những lợi ích thiết

<sup>6</sup> Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.



thực mà chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy mang lại, góp phần xây dựng một hệ thống chính trị vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

### ***2.3. Giảng viên trường chính trị với nhiệm vụ nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên đối với công cuộc cải cách bộ máy của hệ thống chính trị***

Giảng viên trường chính trị là những người trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên, với sứ mệnh quan trọng trong việc định hướng, thống nhất và củng cố nhận thức về công cuộc cải cách bộ máy của hệ thống chính trị, nhiệm vụ này được thể hiện toàn diện qua ba nội dung cốt lõi sau:

*Thứ nhất, người “truyền lửa và định hướng tư tưởng”.*

Đây là vai trò trung tâm, thể hiện chức năng cơ bản nhất của người giảng viên lý luận chính trị. Giảng viên không chỉ là người truyền đạt thông tin một chiều mà phải là người thắp lên ngọn lửa nhiệt huyết, niềm tin và quyết tâm chính trị cho học viên. Giảng dạy, phân tích sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, biến những nội dung trong các nghị quyết, đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW, thành kiến thức sống động, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao. Giảng viên cần phân tích

một cách có hệ thống, làm rõ bối cảnh ra đời, mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, và những nội dung cốt lõi của công cuộc cải cách, chỉ ra được tính tất yếu khách quan và ý nghĩa chiến lược của việc tinh gọn bộ máy: không chỉ để giảm biên chế, tiết kiệm ngân sách, mà sâu xa hơn là để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, và củng cố niềm tin của nhân dân. Phương pháp giảng dạy tích cực, như thảo luận tình huống, đối thoại chính sách, phải được ưu tiên để học viên từ chỗ “biết” đến “hiểu sâu”, và quan trọng nhất là “tin tưởng” vào sự lãnh đạo của Đảng và tương lai của đất nước. Mặt khác, để bài giảng không khô cứng, giáo điều, giảng viên phải là người đi trước, đón đầu trong việc cập nhật tri thức. Cần liên tục nghiên cứu, chắt lọc và đưa vào bài giảng những mô hình cải cách thành công ở các bộ, ngành, địa phương khác cũng như bài học kinh nghiệm quý báu từ quốc tế. Những dẫn chứng thực tiễn “người thật, việc thật” này chính là minh chứng sống động nhất cho thấy cải cách bộ máy là con đường đúng đắn, mang lại lợi ích thiết thực. Việc hệ thống hóa kiến thức giúp học viên có cái nhìn toàn cảnh, liên thông, thấy được mối quan hệ biện chứng giữa cải cách

bộ máy với phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

*Thứ hai, nhà khoa học, chuyên gia phản biện.*

Giảng viên trường chính trị không chỉ là người giảng dạy trên bục giảng mà còn là một nhà khoa học, một chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, lý luận. *Một là*, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn: Vai trò này đòi hỏi giảng viên phải chủ động, tiên phong trong việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các cuộc khảo sát thực tế về quá trình triển khai cải cách bộ máy tại cơ sở. Hoạt động này giúp giảng viên đi sâu vào thực tiễn, phát hiện những “điểm nghẽn”, những vướng mắc trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên ở địa phương. Kết quả nghiên cứu không chỉ làm giàu thêm cho bài giảng mà còn cung cấp những luận cứ khoa học sắc bén để đề xuất, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền những giải pháp cụ thể, khả thi nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến trình cải cách. *Hai là*, tham gia đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch: Trong bối cảnh bùng nổ thông tin, các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề cải cách bộ máy để xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước. Giảng viên trường chính trị, với kiến thức

lý luận sắc bén và thông tin chính thống, phải là lực lượng nòng cốt trong cuộc đấu tranh này. Thông qua việc viết các bài báo chuyên sâu, tham gia các hội thảo khoa học, giảng viên cần chủ động phân tích, nhận diện và vạch trần các luận điệu sai trái. Bằng những lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực, giảng viên góp phần định hướng dư luận, củng cố “thế trận lòng dân”, và bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Thứ ba, người nêu gương và lan tỏa.*

Hành động của người thầy luôn có sức ảnh hưởng lớn hơn vạn lời nói. Vì vậy, vai trò nêu gương của giảng viên trường chính trị là vô cùng quan trọng để biến nhận thức thành hành động cụ thể. Giảng viên phải gương mẫu trong nhận thức và hành động: “Nói phải đi đôi với làm”. Mỗi giảng viên phải là

một tấm gương sống về việc nhận thức đúng đắn, kiên định và tin tưởng vào chủ trương cải cách. Sự gương mẫu đó phải được thể hiện ngay trong chính cơ quan, đơn vị mình công tác, qua việc ủng hộ và chấp hành nghiêm túc các quyết định về sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế. Khi học viên thấy được người thầy của mình không chỉ nói hay về cải cách mà còn sẵn sàng hành động vì lợi ích chung, sự thuyết phục sẽ tăng lên gấp bội. Chính tấm gương này sẽ tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ, củng cố niềm tin và thúc đẩy hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên sau khi họ trở về đơn vị công tác.

### **3. Kết luận**

Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy là vấn đề hệ trọng, nhạy cảm, những thông tin liên quan đến vấn đề này luôn được đông đảo cán bộ, đảng viên và người dân quan tâm

nên rất dễ bị các đối tượng xấu, các thế lực thù địch lợi dụng tung tin giả, thông tin sai trái nhằm gây nhiễu loạn xã hội, chống phá Đảng, Nhà nước. Bởi vậy, mỗi cán bộ, đảng viên, người dân cần hết sức tỉnh táo, cảnh giác, có bản lĩnh khi tiếp nhận các thông tin liên quan để phân biệt rõ đúng-sai, phải-trái, tuyệt đối tránh tình trạng chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng để không vô tình trở thành “tuyên truyền viên” của kẻ xấu, tiếp tay cho âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Đội ngũ giảng viên trường chính trị cần phát huy vai trò quan trọng trong việc truyền tải chủ trương, chính sách, đồng thời định hướng nhận thức và tư duy cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần thực hiện thành công công cuộc cải cách bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, t. 1, tr. 332.
2. Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.
3. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 6, tr. 477.
4. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 7, tr. 432.
5. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 7, tr. 432.
6. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.5, tr. 122.

# **Hãy dựng đội ngũ giảng viên, viên chức**

## **Trường Chính trị có “BẢN SẮC”**

### **đáp ứng yêu cầu mới của công tác**

### **đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**

✪ NGUYỄN QUỐC TRUNG\*

#### **1. Đặt vấn đề**

Trong bối cảnh hiện nay, công cuộc đổi mới đất nước đã bước sang thời kỳ phát triển mới, đất nước đang chuyển giai đoạn và chuyển mình mạnh mẽ, quyết liệt chưa từng thấy, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng cao cả về phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn lẫn phương pháp làm việc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các trường chính trị không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà còn phải rèn luyện bản lĩnh, tác phong, đạo đức công vụ, khả năng tư duy độc lập và sáng tạo. Để thực hiện sứ mệnh ấy, chính đội ngũ giảng viên, viên chức của nhà Trường phải là những người tiên phong, mẫu mực; không chỉ giỏi về lý luận, kỹ năng giảng dạy mà còn phải có “bản sắc” riêng - tức hệ giá trị, phẩm chất, năng lực, phong cách,... đó là những giá trị riêng biệt, đang trở thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

**Tóm tắt:** Thực tế hiện nay đang đặt ra yêu cầu rất cao đối với phẩm chất, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ để có thể đáp ứng yêu cầu mới, yêu cầu chuyển đổi số, tinh giản, sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức cán bộ, yêu cầu của thời kỳ vươn mình, ... Do đó, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của trường chính trị cũng phải có sự chuyển mình mạnh mẽ. Tuy nhiên, bối cảnh mới cũng đặt ra nhiều thách thức, vì vậy, cần thiết phải xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức “có bản sắc”, để “giữ ngọn lửa”, “khơi dậy khát vọng”, “thắp sáng niềm tin” cho đội ngũ cán bộ trong điều kiện mới.

**Từ khóa:** Trường chính trị; bản sắc; đào tạo, bồi dưỡng; cán bộ.

#### **2. Nội dung nghiên cứu**

##### **2.1. Bối cảnh và yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị trong điều kiện mới**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số nhanh chóng hiện nay đang đặt ra và đòi hỏi người cán bộ phải có năng lực thích ứng nhanh, đổi mới sáng tạo mạnh mẽ, tư duy

phản biện sắc bén. Điều đó đòi hỏi người giảng viên trường chính trị phải cập nhật liên tục kiến thức mới, phương pháp mới và khả năng truyền cảm hứng đổi mới cho học viên.

Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi cán bộ phải

\* Tiến sĩ, Phó Trường khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

thấm nhuần pháp luật, đạo đức công vụ, minh bạch, liêm chính. Vì vậy, đòi hỏi giảng viên giảng dạy lý luận chính trị phải là người chuẩn mực, mẫu mực trong việc truyền đạt và thực hành những giá trị đó trong thực tế cuộc sống.

Trong hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và nhanh chóng của Việt Nam hiện nay đã và đang đặt ra những yêu cầu về các tiêu chuẩn quốc tế về năng lực quản trị, kỹ năng lãnh đạo, giao tiếp đa văn hóa,... Điều đó đòi hỏi giảng viên lý luận chính trị phải biết so sánh, đối chiếu, phân tích mô hình quốc tế để học viên có góc nhìn mới hiện đại và vươn tầm ra thế giới.

Thực tiễn xã hội và yêu cầu công tác cán bộ của Đảng hiện nay đang đặt ra những yêu cầu mới đó là phải xây dựng được đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất năng lực để đáp ứng yêu cầu. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của BCHTW (Hội nghị Trung ương 7 khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ và Kết luận 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, đã nhấn mạnh quan điểm xây dựng đội ngũ cán bộ: dám nghĩ, dám nói,

dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu khó khăn, thử thách và quyết liệt hành động vì lợi ích chung. Để xây dựng được đội ngũ cán bộ với yêu cầu và phẩm chất theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương thì đội ngũ giảng viên, viên chức của Trường Chính trị trước hết phải là hiện thân tiêu biểu là tấm gương trong thực tế nhất.

Trong công tác giảng dạy lý luận hiện nay, để đáp ứng yêu cầu mới đòi hỏi người giảng viên giảng dạy lý luận chính trị không chỉ là truyền đạt kiến thức, mà còn góp phần hình thành nhân cách, bản lĩnh cho học viên. Muốn thực hiện được điều đó, yêu cầu đội ngũ giảng viên phải hội tụ đủ ba trụ cột chính: (1) bản lĩnh chính trị vững vàng; (2) năng lực chuyên môn-phương pháp giảng dạy hiện đại; (3) đạo đức, phong cách làm gương. Một vấn đề đặt ra là làm thế nào để hình thành được một đội ngũ có đủ phẩm chất như vậy? Làm thế nào để có những giảng viên, viên chức dám dân thân, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm, nhưng không chạy theo đám đông, không bè phái, không vì lợi ích nhóm? Đây không chỉ là những vấn đề mà quan trọng hơn là nó phải được nhận thức và đảm bảo tính hiện thực, đó là yêu cầu cấp thiết đối với các trường chính trị hiện nay.

## ***2.2. Quan niệm và giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức trường chính trị có “bản sắc” trong điều kiện mới***

### ***2.2.1. Bản sắc và bản sắc của giảng viên, viên chức của trường chính trị***

Trong khoa học xã hội, “bản sắc” thường được hiểu là hệ giá trị, đặc điểm, phong cách, dấu ấn riêng biệt của một cá nhân hay tổ chức, được hình thành từ phẩm chất, năng lực và môi trường. Bản sắc ở đây không chỉ là sự khác biệt cá nhân mà là hệ giá trị chung được nội tại hóa: trung thành với lý tưởng, kiên định nguyên tắc nhưng linh hoạt trong phương pháp; dân thân, đổi mới, sáng tạo nhưng không cơ hội chủ nghĩa; liêm chính, không lợi ích nhóm. Bản sắc vừa là kết quả của quá trình tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, vừa là sản phẩm của môi trường làm việc, cơ chế chính sách và văn hóa tổ chức. Đối với lĩnh vực giáo dục chính trị, “bản sắc” không chỉ là cá tính nghề nghiệp, mà là: Hệ giá trị cốt lõi mà giảng viên kiên trì theo đuổi (trung thành với lý tưởng, liêm chính, phục vụ lợi ích công); Phong cách và phương pháp riêng thể hiện sự sáng tạo nhưng vẫn chuẩn mực; những dấu ấn tích cực mà giảng viên để lại cho người học, đồng nghiệp và xã hội (uy tín, ảnh hưởng).



Từ quan niệm trên có thể nhận rõ được bản sắc của giảng viên, viên chức trường chính trị, bao gồm: (1) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, trung thành với Tổ quốc, Nhân dân; không cơ hội, không lợi ích nhóm; (2) Có đạo đức nghề nghiệp liêm chính, làm gương; dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhưng không chạy theo đám đông, không bè phái; (3) Có năng lực chuyên môn sâu, phương pháp hiện đại; nắm vững lý luận, cập nhật kiến thức mới, truyền đạt hấp dẫn, gắn lý luận với thực tiễn; (4) Có tinh thần đổi mới sáng tạo; tích cực nghiên cứu khoa học, cải tiến bài giảng, ứng dụng công nghệ, khuyến khích tư duy phản biện của học viên; (5) Có phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp; quản lý lớp học tốt, hợp tác với đồng nghiệp, hội nhập quốc tế, lan tỏa giá trị tích cực.

Như vậy, có thể thấy bản sắc của giảng viên trường chính trị không phải là sự “khác người” mà là “khác biệt tích cực”, tạo niềm tin, truyền cảm hứng và là tấm gương cho học viên - những cán bộ tiêu biểu, có năng lực, có trách nhiệm và có phẩm chất. Đội ngũ giảng viên, viên chức có bản sắc là lực lượng nòng cốt góp phần nâng cao

chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng của đất nước.

### *2.2.2. Một số giải pháp cơ bản định hướng trong công tác xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức có bản sắc của trường chính trị*

Trường chính trị là đơn vị chuyên môn, nên yêu cầu về tiêu chuẩn và năng lực đối với viên chức phải vừa đảm bảo yêu cầu chung, vừa có tính chất đặc thù riêng. Do đó, cần có sự quan tâm nhiều hơn của các cấp lãnh đạo, các cơ quan, ban ngành đối với cơ chế tuyển dụng, quy hoạch, sử dụng viên chức. Tuyển chọn giảng viên, viên chức cần dựa trên hai tiêu chuẩn: phẩm chất chính trị - đạo đức và năng lực chuyên môn. Cần ưu tiên người có năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện, tinh thần đổi mới, có kinh nghiệm thực tiễn. Phải có tiêu chuẩn riêng đối với viên chức lãnh đạo, quản lý; công khai, minh bạch các quy trình bổ nhiệm, đánh giá để loại bỏ “chạy chọt”, bè cánh trong công tác cán bộ.

Thay đổi tư duy, nhận thức trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, mở rộng môi trường đào tạo; đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên theo hướng tăng cường bồi dưỡng

lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới về kinh tế - xã hội, quản trị nhà nước, chuyển đổi số,... Khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, thực tiễn cơ sở để nâng cao tính thực chứng trong giảng dạy. Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm: phương pháp giảng dạy hiện đại, kỹ năng phản biện, quản trị lớp học, tư vấn chính sách.

Đội ngũ giảng viên của trường chính trị không chỉ giảng lý thuyết mà là một hiện thực cụ thể nhất về tính liêm chính, tinh thần dân chủ,... Do đó, cần tập trung xây dựng môi trường làm việc dân chủ, liêm chính; thiết lập văn hóa tổ chức dựa trên tính minh bạch, công bằng, trách nhiệm và khuyến khích sáng tạo; thực hiện cơ chế “bảo vệ người dám nghĩ, dám làm” để khích lệ đổi mới; đề cao tinh thần “tự soi, tự sửa” của mỗi giảng viên, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả tập thể.

Quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện chính sách, chế độ chính sách đãi ngộ cho giảng viên, viên chức. Tạo điều kiện để giảng viên có sự bảo đảm thu nhập, phúc lợi, điều kiện nghiên cứu - giảng dạy để giảng viên yên tâm công tác, không bị chi phối bởi lợi ích ngoài lề. Có chính sách khuyến khích cán bộ trẻ tài năng, người giỏi ngoại ngữ, có khả năng

hội nhập quốc tế tham gia các chương trình đào tạo ngoài nước. Thực hiện đánh giá theo kết quả đầu ra, gắn trách nhiệm cá nhân với hiệu quả công việc.

Tập trung xây dựng văn hóa trường chính trị tạo ra hệ giá trị hệ giá trị chung của hệ thống các trường chính trị. Cần xác định rõ về “tầm nhìn - sứ mệnh - giá trị cốt lõi” của trường chính trị; truyền thống nội bộ để mỗi giảng viên, viên chức thấm nhuần và góp phần tích cực trọng việc vun bồi cho những giá trị. Lấy tiêu chuẩn về “Trung thành - Liêm chính - Đổi mới - Chuyên nghiệp” làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của đội ngũ giảng viên, viên chức. Thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua, hội thảo khoa học, diễn đàn để lan tỏa các giá trị tích cực và đưa hoạt động trở thành giá trị.

Trường chính trị là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cho địa phương, không chỉ là giảng dạy các vấn đề lý luận, nghiệp vụ, trường chính trị còn là môi trường rèn luyện tốt nhất cho giảng viên và học viên. Do đó, trong hoạt động và những vấn đề có liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị cần có sự quan tâm sâu sắc và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

### ***2.3. Kinh nghiệm thực tiễn từ trường chính trị tỉnh Đồng Tháp trong xây dựng đội ngũ giảng viên có bản sắc***

*Một số đặc điểm làm nên bản sắc Trường Chính trị Đồng Tháp.* Trải qua gần bảy thập niên hình thành và phát triển Trường Chính trị Đồng Tháp mang trong mình những đặc trưng riêng, vừa mang dấu ấn riêng của địa phương, vừa phản ánh quy luật phát triển chung của hệ thống trường chính trị trong cả nước, đó là: (1) Trường gắn bó mật thiết với phong trào cách mạng địa phương, coi thực tiễn Đồng Tháp là “giảng đường lớn” và là môi trường rèn luyện sinh động cho công tác đào tạo, bồi dưỡng; (2) Trường luôn thích ứng nhanh với yêu cầu từng thời kỳ lịch sử. Đặc biệt, trong giai đoạn chuẩn hóa hiện nay, Trường đã đi tiên phong trong ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức lớp trực tuyến, xây dựng thư viện số, đồng thời chú trọng nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên. Khả năng “thích ứng nhanh” chính là một nét bản sắc giúp Trường luôn bắt kịp yêu cầu mới của cách mạng; (3) Trường chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ “bám cơ sở”, coi trọng rèn luyện bản lĩnh chính trị và kỹ năng thực tiễn. Đây là đặc điểm xuyên suốt từ khi thành lập đến nay. Ngày nay, Trường Chính trị

tỉnh Đồng Tháp tiếp tục thực hiện sứ mệnh ấy, đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở, coi đây là nền tảng xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từ gốc.

Những giá trị truyền thống có tính bản sắc của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Trong suốt chặng đường phát triển, nhà trường đã hình thành và vun đắp nên những giá trị truyền thống quý báu, đó là nền tảng tinh thần, là “ngọn lửa ấm” nuôi dưỡng lý tưởng, khơi dậy khát vọng và thúc đẩy Trường tiếp tục phát triển vững chắc trong thời kỳ mới. các giá trị đó là: (1) Truyền thống đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo, toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Truyền thống quý báu ấy không chỉ là “chất keo” kết nối các thế hệ, mà còn là nền tảng cho mọi thành tựu mà Nhà trường đã và đang đạt được. Chặng đường 70 năm đủ dài để khẳng định rằng: đoàn kết và thống nhất không chỉ là truyền thống, mà còn là chiến lược phát triển bền vững của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp; (2) Truyền thống gắn bó thủy chung với mái trường, nơi gìn giữ lý tưởng. Đó là sự gắn bó thủy chung với mái trường, là tinh thần gắn kết, tương trợ giữa

đồng nghiệp, và là sự tận tâm, trách nhiệm trong công việc, đặc biệt là trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Truyền thống ấy vừa là nguồn lực tinh thần to lớn, vừa là nền tảng vững chắc để Nhà trường tiếp tục vươn lên trong giai đoạn phát triển mới. Gắn bó, không chỉ là tình cảm, mà còn là cam kết, là niềm tin, là sự đồng hành bền chặt giữa con người với tổ chức, giữa cá nhân với tập thể, giữa thế hệ hôm nay với thế hệ mai sau. Chính truyền thống gắn bó ấy đã và đang tiếp sức mạnh để Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp không ngừng đổi mới, sáng tạo, vững bước trên hành trình “trồng người” vì một Đồng Tháp phát triển bền vững, dân chủ và hiện đại;

(3) Truyền thống vượt khó,

tự học tập không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Chính tinh thần “học để phụng sự”, “học trong gian khó, dạy trong thiếu thốn” đã trở thành nền tảng hình thành truyền thống tự học vượt khó, một phẩm chất được truyền lại và phát huy xuyên suốt các thế hệ giảng viên của nhà trường. Truyền thống vượt khó, tự học để trưởng thành không phải là điều gì trừu tượng, mà chính là mạch nguồn làm nên bản sắc và sức mạnh nội sinh của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Chính nhờ vậy, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp ngày càng khẳng định vị thế, đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ trong tình hình mới.

### 3. Kết luận

Xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức “có bản sắc” là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự đồng bộ về nhận thức, cơ chế chính sách và hành động thực tiễn. Đó không chỉ là nhiệm vụ quản lý nhân sự thuần túy mà phải là một chiến lược trong quản trị nhân sự, đồng thời, đó còn là chiến lược phát triển trường và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - những người sẽ trực tiếp vận hành bộ máy Nhà nước và giữ vững niềm tin của Nhân dân vào chế độ. Khi đội ngũ giảng viên, viên chức của trường chính trị thực sự dần thân, liêm chính, sáng tạo và có giá trị riêng, nhà trường sẽ luôn hoàn thành tốt sứ mệnh “đào tạo cán bộ vừa hồng vừa chuyên” trong giai đoạn mới./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của BCTTW (tại Hội nghị Trung ương 7 khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.*
2. Đảng cộng sản Việt Nam, *Kết luận 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.*
3. Đảng cộng sản Việt Nam, *Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13/11/2018 Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*
4. Đảng cộng sản Việt Nam, *Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn.*
4. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, *Lịch sử Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (1955 - 2015)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.

# VIỆT NAM ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ SỰ LỰA CHỌN ĐÚNG ĐẮN

✪ ĐỖ THANH LÂM\*

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch trong và ngoài nước không ngừng tìm cách xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, chống phá Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, những thành tựu to lớn mà đất nước ta đã đạt được trong gần 40 năm đổi mới đã khẳng định tính đúng đắn của việc vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội, cũng như con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đồng thời lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng hoàn thiện và hiện thực hóa. Điều đó khẳng định, đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn phù hợp với quy luật khách quan và điều kiện lịch sử cách mạng Việt Nam.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

## 1. Đặt vấn đề

Năm 1991 chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, Liên Xô tan rã đánh dấu kết thúc của thời kỳ chủ nghĩa xã hội (CNXH) trong khu vực, điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến công cuộc xây dựng CNXH ở một số nước trên thế giới. Cho

đến nay các thế lực thù địch vẫn không ngừng rêu rao: “chủ nghĩa xã hội mà Mác nêu ra chỉ là một lý tưởng, một chủ nghĩa xã hội “không tưởng”, “không bao giờ thực hiện được” hay học thuyết của Mác là “viển vông”, “ảo tưởng” nên áp dụng vào thực tiễn chỉ có thể sinh ra những

“quái thai lịch sử”. “Trong hàng ngũ cách mạng cũng có người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội, quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Thế nhưng Việt Nam vẫn lựa chọn con đường đi lên CNXH và Đại hội XIII của Đảng cũng đã khẳng định: tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Vậy cơ sở lý luận và thực tiễn nào khẳng định việc lựa chọn con đường đi lên CNXH ở nước ta là đúng đắn?

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự lựa chọn phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử

Học thuyết Mác - Lênin chỉ ra quy luật phát triển của xã hội loài người là sự thay thế tuần tự của các hình thái kinh tế - xã hội, trong đó xã hội cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn đầu là CNXH) là hình

\* Thạc sĩ, giảng viên Phòng QLĐT&NCKH, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

<sup>1</sup> Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 18.



thái kinh tế - xã hội tất yếu của tương lai. Quy luật bao trùm chi phối sự vận động đó chính là sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Chủ nghĩa tư bản (CNTB), mặc dù có những bước tiến vượt bậc, song đã và đang bộc lộ mâu thuẫn cơ bản giữa tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, đồng thời đối kháng giai cấp tư sản - vô sản ngày càng gay gắt. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, những mâu thuẫn này tất yếu dẫn đến sự sụp đổ của CNTB và sự ra đời của một xã hội mới tiến bộ hơn - CNXH, nơi “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”.

Lênin cũng khẳng định, đi lên CNXH là xu thế tất yếu của lịch sử, song không có một mô hình chung áp đặt cho mọi dân tộc. Con đường, cách thức đi lên CNXH ở mỗi quốc gia phụ thuộc vào điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội cụ thể. Đây là cơ sở lý luận và phương pháp luận quan trọng để các dân tộc vận dụng trong quá trình xây dựng CNXH hiện thực.

Trên nền tảng đó, việc Việt Nam lựa chọn con đường đi lên CNXH là phù hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử, đồng thời phản

ánh khát vọng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH - mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam.

Thực tiễn qua 95 năm đã chứng minh rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển của dân tộc. Ngay từ khi ra đời (1930), Đảng ta đã xác định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, coi đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong mọi giai đoạn cách mạng. Chính sự lựa chọn này đã dẫn dắt nhân dân ta giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám 1945, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; đánh thắng thực dân, đế quốc, bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Sau 30/4/1975, đất nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với muôn vàn khó khăn về kinh tế, chính trị, xã hội. Đặc biệt, công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay đã khẳng định sức sống và hiệu quả của con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhờ kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: kinh tế tăng trưởng liên tục, đời sống nhân dân không ngừng cải thiện, tỷ lệ đói nghèo giảm mạnh, hệ thống chính trị ngày

càng được củng cố, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng nâng cao.

Qua gần 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên nhiều lĩnh vực. Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt khoảng 6 - 7%/năm, đưa quy mô nền kinh tế từ mức rất thấp vào những năm 1980 trở thành gần 500 tỉ USD vào năm 2024, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 4.700 USD, tăng hơn 50 lần so với thời kỳ đầu đổi mới. Việt Nam cũng đã trở thành một trong những quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững nhất thế giới, tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2022 chỉ còn khoảng 4,3%, đã có hàng chục triệu người thoát nghèo. Về chính trị - xã hội, đất nước giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển; hệ thống chính trị được củng cố và hoàn thiện theo hướng ngày càng dân chủ, pháp quyền và hiệu quả. Về văn hóa - xã hội, sự nghiệp giáo dục, y tế, an sinh xã hội có bước phát triển mạnh: phổ cập giáo dục cơ bản được hoàn thành, mạng lưới y tế được mở rộng, phong trào xây dựng đời sống văn hóa phát triển sâu rộng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, chênh lệch vùng miền từng bước thu

hẹp. Trên lĩnh vực đối ngoại, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc, tham gia tích cực hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư quốc tế. Vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao, khẳng định vai trò tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Những thành quả đó chứng minh rằng lựa chọn đi lên chủ nghĩa xã hội không chỉ phù hợp với khát vọng của nhân dân ta về một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mà còn đáp ứng xu thế phát triển tiến bộ của thời đại. Con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vừa mang tính tất yếu lịch sử, vừa là sự lựa chọn tự giác của Đảng, của dân tộc; đã, đang và sẽ tiếp tục được kiểm nghiệm, khẳng định trong thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## **2.2. Đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là khát vọng của nhân dân, sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Thực tiễn lịch sử cho thấy, chủ nghĩa tư bản dù tạo ra nhiều thành tựu nhưng cũng bộc lộ bản chất hiếu

chiến, áp bức và bất công, nhất là khi thực dân, đế quốc xâm lược Việt Nam. Vì vậy, chủ nghĩa tư bản không thể là con đường phát triển mà nhân dân ta mong muốn. Khát vọng của nhân dân ta là một xã hội công bằng, không còn áp bức, bóc lột, nơi con người được giải phóng toàn diện và phát triển tự do - đó chính là chủ nghĩa xã hội.

Trong hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”<sup>2</sup>. Người xác định, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, CNXH ở Việt Nam là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ, có kinh tế phát triển, văn hóa tiến bộ, công bằng, dân chủ, nơi con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển.

Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ ra: đi lên CNXH ở nước ta phải trải qua thời kỳ quá độ từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là quá trình lâu dài, khó khăn, đòi hỏi vừa làm vừa học,

kết hợp sức mạnh nội lực với sức mạnh thời đại, đồng thời tránh sao chép máy móc, rập khuôn mô hình từ bên ngoài.

*Đảng Cộng sản Việt Nam, ngay từ Chính cương văn tắt năm 1930, đã khẳng định con đường cách mạng vô sản để tiến tới CNXH. Các văn kiện sau này, từ Đại hội II (1951), Cương lĩnh 1991, Cương lĩnh bổ sung 2011 đến Đại hội XIII đều nhất quán tư tưởng: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn Việt Nam. Tổng kết 35 năm đổi mới, Đảng ta khẳng định: con đường đi lên CNXH ở nước ta là đúng đắn, phù hợp xu thế phát triển của thời đại.*

Như vậy, đi lên CNXH ở Việt Nam vừa là khát vọng cháy bỏng của nhân dân về một xã hội công bằng, nhân văn, vừa là sự lựa chọn sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp quy luật phát triển của lịch sử.

## **2.3. Đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự lựa chọn phù hợp với điều kiện lịch sử và thực tiễn cách mạng Việt Nam**

Sau sự sụp đổ của mô hình CNXH ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu. Các thế lực thù địch, chống cộng, bọn phản động, cơ hội chính

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.563.

trị cho rằng “chúng ta đã chọn đường sai, cần phải đi con đường khác”?, “Có phải Việt Nam chúng ta đã chọn con đường đi sai không?”<sup>3</sup>.

Có thể thấy, dưới góc độ lịch sử, sự ra đời, phát triển và thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội luôn gắn với những bước thăng trầm, điều chỉnh và cả sự đổ vỡ cục bộ. Chủ nghĩa tư bản để phát triển mạnh mẽ, trở thành chế độ thống trị thế giới cũng đã trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, nhiều lần thất bại trước khi khẳng định được vị thế. Vì thế, không thể lấy sự sụp đổ của một mô hình để phủ nhận tính ưu việt và triển vọng phát triển của CNXH, nhất là khi CNXH hiện thực vẫn tồn tại và phát triển ở Việt Nam, Trung Quốc, Cuba, Lào.

Trong hơn 70 năm tồn tại, Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội, thể hiện rõ ưu thế vượt trội so với CNTB: công nghiệp hóa thành công, phóng vệ tinh và đưa người vào vũ trụ sớm nhất, đảm bảo giáo dục, y tế, việc làm, an sinh xã hội cho toàn dân, thực hiện công bằng và bình đẳng giới. Mặc dù CNTB hiện nay đã có những điều chỉnh và đạt thành tựu về kinh tế, khoa học, phúc

lợi xã hội, song vẫn không khắc phục được mâu thuẫn cơ bản vốn có giữa tư bản và lao động, thậm chí ngày càng làm sâu sắc thêm bất công xã hội. Do đó, chỉ có CNXH mới có khả năng giải quyết triệt để vấn đề giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng con người.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh tính đúng đắn của con đường đi lên XHCN. Chỉ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, dân tộc ta mới giành được thắng lợi vĩ đại: Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân; chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 và Đại thắng mùa Xuân 1975 thống nhất đất nước; cùng những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới gần 40 năm qua. Việc Việt Nam lựa chọn bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi thẳng lên CNXH không chỉ là sự sáng tạo phù hợp điều kiện lịch sử cụ thể của một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu, mà còn nằm trong quy luật phát triển không đều của lịch sử, vốn từng cho phép nhiều quốc gia (như Mỹ, Canada, Úc) bỏ qua chế độ phong kiến để tiến thẳng lên tư bản chủ nghĩa.

*Đặc biệt, công cuộc đổi*

*mới từ năm 1986 đến nay đã khẳng định tính khoa học và sức sống bền vững của con đường XHCN ở Việt Nam. Sau gần 40 năm đổi mới và hơn 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ngày càng hoàn thiện và được hiện thực hóa. Đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, phát triển toàn diện hơn trước, vị thế quốc tế được nâng cao chưa từng có. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới.*

Chúng ta có thể nhận định rằng: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định

<sup>3</sup> Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, sdd, tr.18.



con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới”<sup>4</sup>.

Những thành tựu toàn diện và to lớn đạt được qua gần 40 năm đổi mới là minh chứng sinh động, khẳng định tính đúng đắn và sáng tạo của

con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự lựa chọn này không chỉ đáp ứng khát vọng của nhân dân về độc lập, tự do, hạnh phúc, mà còn phù hợp với xu thế phát triển tiến bộ của thời đại, tạo nền tảng vững chắc để đất nước tiếp tục vươn lên, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Chúng đồng thời là minh chứng thuyết phục cho sự lựa chọn con đường XHCN - sự lựa chọn phù hợp với điều kiện lịch sử, với thực tiễn cách mạng Việt Nam, và là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta tiếp tục tiến bước vững chắc trong giai đoạn mới.

### 3. Kết luận

Vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta sau gần 40 năm đổi mới đã khẳng định sự lựa chọn con đường đi lên CNXH là con đường đúng đắn, phù hợp quy luật khách quan, đáp ứng khát vọng của nhân dân. Mặc dù hiện nay trên thế giới sự phát triển của hệ thống XHCN đang gặp không ít khó khăn, thách thức, các thế lực thù địch, phản động, phản tư cơ hội chính trị vẫn không ngừng chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta. Song với những kết quả mà nước ta đã đạt được cho đến nay đã cho thấy việc lựa chọn và đi lên CNXH là con đường duy nhất và đúng đắn nhất mà Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
7. Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2022.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 25, 26.



# VIỆT NAM TỪ NỀN NÔNG NGHIỆP TỰ CUNG TỰ CẤP ĐẾN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI

## *Thành tựu sau thời kỳ đổi mới*

✪ LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC\*

**Tóm tắt:** Trong suốt 50 năm qua, nông nghiệp Việt Nam đã có sự chuyển mình mạnh mẽ, từ nền sản xuất tự cung tự cấp, chủ yếu phục vụ sinh tồn, đến kinh tế nông nghiệp hiện đại, phát triển bền vững và hướng tới thị trường. Quá trình chuyển đổi này không chỉ thể hiện ở sự thay đổi phương thức sản xuất mà còn trong cách tiếp cận và tư duy quản lý, phát triển. Những thành tựu đạt được trong việc tăng trưởng sản lượng, cải tiến kỹ thuật canh tác và áp dụng công nghệ mới là rất đáng ghi nhận. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra không ít thách thức, đặc biệt là khi Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Những yếu tố như biến đổi khí hậu, cạnh tranh quốc tế và sự thay đổi nhu cầu của thị trường yêu cầu nông nghiệp Việt Nam tiếp tục đổi mới, nâng cao tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Hội nhập quốc tế, nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp Việt Nam, phát triển bền vững, tự cung tự cấp.

### 1. Đặt vấn đề

Sau khi đất nước thống nhất, nông nghiệp đóng vai trò trụ cột trong nền kinh tế, cung cấp lương thực, thực phẩm cho đại bộ phận dân cư và hỗ trợ quá trình tái thiết đất nước sau chiến tranh. Trong thời kỳ khó khăn, nông nghiệp không chỉ đảm bảo an ninh lương thực mà còn là nguồn sinh kế chủ yếu cho hàng triệu người dân, đặc biệt là ở nông thôn. Nền nông nghiệp trong giai đoạn này chủ yếu dựa vào sản xuất nhỏ lẻ, công cụ thô sơ và lao động thủ công, với mục đích chính là đáp ứng

nhu cầu lương thực cơ bản cho gia đình và cộng đồng địa phương. Mặc dù đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định xã hội, nền kinh tế tự cung tự cấp lại bộc lộ nhiều hạn chế: năng suất thấp, không đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội; khả năng thích ứng với biến đổi thị trường hạn chế; thiếu sự liên kết và hiệu quả trong quản lý tài nguyên. Đứng trước yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân và xu thế hội nhập quốc tế, việc chuyển đổi từ nông nghiệp tự cung tự cấp sang nông nghiệp hiện đại

đã trở thành tất yếu. Điều này không chỉ giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm mà còn tăng cường khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế. Trong đó, các hiệp định thương mại tự do (FTA) đặt ra tiêu chuẩn cao về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, đòi hỏi nông nghiệp phải thay đổi để thích nghi. Những thay đổi về điều kiện tự nhiên cũng buộc nông nghiệp phải áp dụng các công nghệ mới và các giải pháp sản xuất bền vững. Và việc hiện đại hóa nông nghiệp còn giúp

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

cải thiện đời sống của nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới. Như vậy, bối cảnh lịch sử và những thách thức thực tiễn đã đặt nền móng cho sự cần thiết phải chuyển đổi từ một nền nông nghiệp truyền thống, tự cung tự cấp sang một nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Quá trình chuyển đổi từ nền nông nghiệp tự cung tự cấp sang nông nghiệp hiện đại***

#### ***2.1.1. Giai đoạn trước thời kỳ đổi mới***

Trước năm 1986, nền nông nghiệp Việt Nam chủ yếu mang tính chất tự cung tự cấp, quy mô sản xuất nhỏ lẻ và dựa vào lao động thủ công. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu sử dụng các công cụ thô sơ như cuốc, xẻng, cày kéo,... dẫn đến năng suất lao động thấp. Cây trồng chủ yếu là lúa, khoai, bắp và các loại cây ngắn ngày khác, đáp ứng chủ yếu nhu cầu tiêu dùng của gia đình và cộng đồng. Đời sống của người nông dân gắn chặt với việc sản xuất hàng hóa chỉ để tự cung tự cấp, thiếu sự trao đổi, giao thương và ít có sản phẩm dư thừa để bán ra thị trường. Mỗi gia đình tự sản xuất lương thực, thực phẩm cho chính mình, từ việc gieo trồng, chăn nuôi đến việc thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm. Tuy

nhien, sự thiếu thốn về công cụ sản xuất, kỹ thuật canh tác lạc hậu và sự đầu tư từ chính sách nhà nước còn hạn chế đã dẫn đến năng suất lao động thấp, thu nhập của người nông dân chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và khó có thể cải thiện được. Hơn nữa, các chính sách nông nghiệp trong giai đoạn này còn nhiều hạn chế, như quản lý chưa chặt chẽ, thiếu quy hoạch sản xuất, chính sách hỗ trợ cho nông dân chưa đủ mạnh, và phần lớn các nguồn lực đều tập trung vào việc đảm bảo an ninh lương thực thay vì phát triển nền nông nghiệp bền vững, hiện đại. Tình trạng này đã khiến nền nông nghiệp không phát triển mạnh mẽ và đời sống của nông dân vẫn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ lạm phát lên đến 700% vào năm 1986.

#### ***2.1.2. Giai đoạn đổi mới, hội nhập và phát triển***

Giai đoạn từ năm 1986 đến nay, nền nông nghiệp Việt Nam đã trải qua một cuộc cách mạng mạnh mẽ, với nhiều thay đổi sâu rộng trong tư duy và phương thức sản xuất. Một trong những bước chuyển lớn nhất là thay đổi tư duy về kinh tế nông nghiệp, từ mô hình tự túc, sản xuất nhỏ lẻ, gắn liền với sinh tồn, sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Người nông dân không còn chỉ sản xuất để tiêu dùng mà bắt đầu tập trung vào việc sản

xuất để tiêu thụ, bán ra thị trường trong nước và quốc tế. Điều này đòi hỏi sự thay đổi không chỉ về phương thức canh tác mà còn về nhận thức, cách thức tổ chức sản xuất và trên tinh thần đó, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 05/4/1988, “về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”. Từ đó, mở ra cơ hội mới cho nền nông nghiệp Việt Nam, chuyển nền nông nghiệp, từ mang nặng tính tự cung, tự cấp ở nhiều vùng sang sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên môn hóa kết hợp kinh doanh tổng hợp phù hợp với đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng.

Một trong những biểu hiện rõ nét của sự đổi mới trong giai đoạn này là sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi. Các loại cây trồng như lúa, ngô, khoai đã được thay thế hoặc bổ sung thêm các loại cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, hồ tiêu, và rau quả xuất khẩu. Cùng với đó, ngành chăn nuôi cũng phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là nuôi gia súc, gia cầm, với nhiều giống vật nuôi mới, năng suất cao hơn, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Việc chuyển dịch cơ cấu này không chỉ giúp tăng giá trị sản xuất nông nghiệp mà còn làm tăng thu nhập cho người nông dân.

Trong quá trình đổi mới, hệ thống hợp tác xã và các doanh nghiệp nông nghiệp đã có những bước tiến quan trọng. Các hợp tác xã đã được hình thành và phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là trong việc hợp tác cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật canh tác, tiêu thụ sản phẩm và chia sẻ lợi ích giữa các thành viên. Bên cạnh đó, sự ra đời và phát triển của các doanh nghiệp nông nghiệp đã tạo ra những động lực mới cho nền nông nghiệp, từ việc đầu tư vào sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, đóng góp vào việc nâng cao giá trị gia tăng và phát triển ngành nông nghiệp. Những doanh nghiệp này cũng đã góp phần quan trọng trong việc hình thành chuỗi giá trị nông sản, từ sản xuất đến tiêu thụ.

Một yếu tố quan trọng khác trong sự phát triển của nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn này là việc ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa và hiện đại hóa sản xuất. Kể từ khi các chính sách đổi mới được triển khai, nền nông nghiệp Việt Nam đã đón nhận những tiến bộ khoa học kỹ thuật, từ giống cây trồng, vật nuôi đến các phương pháp canh tác mới, giúp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Cùng với đó, cơ giới hóa trong nông nghiệp cũng đã được đẩy mạnh, với việc sử dụng máy móc hiện đại trong các công đoạn như làm đất,

gieo trồng, thu hoạch, giảm bớt sức lao động thủ công và tiết kiệm thời gian. Các công nghệ mới như hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước, công nghệ chế biến sau thu hoạch và các phần mềm quản lý nông nghiệp thông minh đã giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu thất thoát và tổn thất sau thu hoạch. Nhờ đó, nông nghiệp Việt Nam không chỉ tăng trưởng về quy mô mà còn về chất lượng, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

## ***2.2. Những thành tựu nổi bật của nền nông nghiệp Việt Nam sau thời kỳ đổi mới năm 1986***

### ***2.2.1. Về năng suất và sản lượng nền nông nghiệp Việt Nam***

Sau thời kỳ đổi mới năm 1986, nền nông nghiệp Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật, đặc biệt trong lĩnh vực tăng trưởng năng suất và sản lượng, với sự chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp. Trước đó, nền nông nghiệp Việt Nam chủ yếu mang tính tự cung tự cấp, với sản xuất nhỏ lẻ và năng suất thấp. Tuy nhiên, từ khi chính sách đổi mới được triển khai, nền nông nghiệp đã có sự chuyển mình vượt bậc.

Giai đoạn 1986-1990, sản xuất nông nghiệp khởi sắc với giá trị tăng trung bình 3,5%/năm. Lạm phát phi mã năm

1986 (700%) giảm mạnh còn 67,5% năm 1990; chỉ số giá bình quân tháng giảm từ 20% (1986) xuống 4,4% (1990). Lương thực, thực phẩm từ thiếu hụt triền miên (năm 1988 nhập 45 vạn tấn gạo) đã đáp ứng đủ nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, cải thiện cán cân thương mại. Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 439 triệu rúp, 384 triệu USD (1986) lên 1.019 triệu rúp, 1.170 triệu USD (1990). Hàng hóa trên thị trường phong phú, chất lượng cải thiện; đời sống nhân dân ổn định hơn, nhà ở và nhu cầu mặc được cải thiện rõ rệt. Từ cuối năm 1988, vấn đề lương thực cơ bản được giải quyết trên phạm vi cả nước.

Trong giai đoạn 1991-2000, sau thời gian đổi mới sản lượng lương thực quy thóc tăng từ 22 triệu tấn (1991) lên 35,6 triệu tấn (2000), bình quân tăng 1,36 triệu tấn/năm. Lương thực bình quân đầu người tăng từ 327,5 kg (1990) lên 458,2 kg (2000). Sản lượng thủy sản tăng từ 890,6 nghìn tấn (1990) lên 2.148,8 nghìn tấn (2000), tốc độ tăng 8,4%/năm, trở thành ngành xuất khẩu chủ lực. Diện tích rừng tăng thêm 1,8 triệu ha, đạt 10,9 triệu ha (2000), năng độ che phủ từ 27,7% (1990) lên 33,2% (2000). Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng bình quân 1,2%/năm.

Giai đoạn 2001-2010, tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt gần 5,5%/năm.

Lương thực bình quân đầu người tăng từ 445 kg (2000) lên hơn 500 kg (2010), đảm bảo an ninh lương thực trong nước và xuất khẩu trung bình hơn 4 triệu tấn gạo/năm. Thủy sản phát triển nhanh, tỷ trọng tăng cao, xuất khẩu nông sản đạt 19,15 tỷ USD (2010), với các mặt hàng chủ lực như gạo, cà phê, hồ tiêu, hạt điều, và đồ gỗ. Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 38,7% nhờ chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng.

Giai đoạn 2011-2020, GDP ngành nông nghiệp tăng 2,93%/năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt 341,7 tỷ USD, bình quân 34,17 tỷ USD/năm, tăng 5,38%/năm, riêng năm 2020 đạt 41,2 tỷ USD. Nông nghiệp giữ vai trò “trụ đỡ” kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân nông thôn.

Từ năm 2021 đến nay, cả nước đẩy mạnh đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hướng đến phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Đặc biệt, qua thời gian dài đổi mới nền nông nghiệp Việt Nam đã chuyển dịch mạnh mẽ từ một nền sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự chuyển dịch này thể hiện rõ ở việc đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp,

mở rộng các ngành cây trồng và vật nuôi có giá trị gia tăng cao, phục vụ xuất khẩu, vươn lên đứng trong nhóm dẫn đầu về xuất khẩu, với chất lượng vượt trội và sản lượng lớn, được ưa chuộng tại các thị trường khó tính.

### *2.2.2. Về công nghệ và cơ giới hóa*

Sau thời kỳ đổi mới năm 1986, một trong những điểm nổi bật là việc áp dụng công nghệ cao vào sản xuất và chế biến nông sản, giúp nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp. Các công nghệ hiện đại như hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước, nhà kính, nhà lưới, công nghệ tự động hóa trong canh tác đã được áp dụng rộng rãi, đặc biệt ở các vùng chuyên canh rau quả, hoa và cây ăn trái. Những công nghệ này không chỉ giảm thiểu lao động thủ công mà còn giúp quản lý hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường. Trong lĩnh vực chăn nuôi, công nghệ tự động hóa trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và xử lý chất thải đã cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Việc cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp cũng được đẩy mạnh, đặc biệt trong các khâu làm đất, gieo trồng, thu hoạch và chế biến. Những

chiếc máy cày, máy gặt đập liên hợp và máy gieo hạt hiện đại đã thay thế sức lao động thủ công, giúp tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất. Đặc biệt, các máy móc này đã được nội địa hóa hoặc nhập khẩu từ các quốc gia phát triển với chi phí hợp lý, phù hợp với điều kiện sản xuất tại Việt Nam.

Theo kết quả Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ của Tổng cục Thống kê, trong những năm 2016 - 2020, bình quân 100 hộ hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 có 0,74 ô tô phục vụ sản xuất (gấp 3,89 lần năm 2016) và 1,93 máy phát điện (gấp 5,36 lần). Trong 100 hộ trồng lúa, có 28,87 bình phun thuốc trừ sâu có động cơ (gấp 2,23 lần), 0,44 máy gặt đập liên hợp (gấp 1,61 lần), 2,84 máy gặt khác (gấp 1,32 lần) và 4,02 máy tuốt lúa có động cơ (gấp 1,25 lần). Diện tích gieo trồng lúa vụ đông xuân 2020 sử dụng máy làm đất đạt 92,23%, gieo sạ bằng máy 31,18%, và thu hoạch bằng máy 86,63%. Với cây trồng hàng năm khác, máy làm đất chiếm 51,64% và máy thu hoạch 4,17%. Như vậy, cơ giới hóa cũng góp phần tăng hiệu quả sử dụng đất đai, mở rộng diện tích trồng trọt và chăn nuôi, từ đó nâng cao tổng sản lượng nông sản.

Bên cạnh đó, một yếu tố quan trọng khác là việc



sử dụng giống cây trồng và vật nuôi chất lượng cao. Các viện nghiên cứu và trung tâm giống cây trồng đã không ngừng phát triển và phổ biến các giống cây trồng năng suất cao, chống chịu sâu bệnh và thích nghi với biến đổi khí hậu. Điển hình là các giống lúa lai, lúa chất lượng cao, cà phê, hồ tiêu, và cây ăn trái như xoài, thanh long, nhãn, vải. Những giống cây này không chỉ giúp tăng năng suất mà còn nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường trong nước và quốc tế. Trong chăn nuôi, các giống gia súc, gia cầm và thủy sản năng suất cao, có khả năng thích nghi với điều kiện khí hậu Việt Nam, đã được phát triển và nhân rộng. Điều này giúp ngành chăn nuôi đạt được những thành tựu đáng kể về sản lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Hơn nữa, công nghệ chế biến sau thu hoạch cũng có những bước phát triển đáng kể, góp phần giảm thiểu tổn thất và nâng cao giá trị sản phẩm. Các nhà máy chế biến nông sản hiện đại đã được xây dựng và đưa vào hoạt động, áp dụng các công nghệ tiên tiến như đông lạnh, sấy khô, đóng gói hút chân không, và xử lý bằng tia cực tím. Những công nghệ này không chỉ kéo dài thời gian bảo quản mà còn giữ được chất lượng sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi

cho việc xuất khẩu sang các thị trường khó tính như châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhờ vào sự phát triển công nghệ chế biến, nông sản Việt Nam ngày càng khẳng định được thương hiệu và giá trị trên thị trường quốc tế.

### *2.2.3. Phát triển nông thôn và đời sống nông dân*

Sau thời kỳ đổi mới năm 1986, nông nghiệp Việt Nam không chỉ đạt được những bước tiến lớn về sản xuất mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nông thôn và cải thiện đời sống của người dân. Một trong những thành tựu nổi bật nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao được triển khai rộng rãi trên toàn quốc, cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển bền vững các vùng nông thôn. Chương trình đã giúp thay đổi diện mạo nông thôn Việt Nam với hàng loạt công trình như đường giao thông liên xã, hệ thống thủy lợi, trường học, trạm y tế và các kết cấu hạ tầng khác. Những con đường đất lầy lội trước đây được thay thế bằng đường bê tông sạch sẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương và phát triển kinh tế địa phương. Hệ thống điện, nước sạch cũng được mở rộng đến hầu hết các thôn, xã, mang lại điều kiện sống tốt hơn cho người dân. Những

cải thiện này không chỉ tạo nền tảng để phát triển kinh tế mà còn nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và đời sống văn hóa trong khu vực nông thôn.

Song song với việc cải thiện kết cấu hạ tầng, chương trình xây dựng nông thôn mới cũng tập trung vào việc nâng cao thu nhập và giảm tỷ lệ nghèo trong khu vực nông thôn. Với sự hỗ trợ của Nhà nước và các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế, người nông dân được tạo điều kiện để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ứng dụng công nghệ mới, mở rộng các ngành nghề phi nông nghiệp. Các mô hình kinh tế hợp tác, trang trại và doanh nghiệp nhỏ đã phát triển mạnh mẽ, giúp người dân có thêm nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập. Nhiều chương trình hỗ trợ vốn vay ưu đãi, đào tạo nghề, xúc tiến thương mại cho nông sản đã được triển khai, giúp người dân tăng năng suất lao động và tiếp cận được các thị trường tiêu thụ lớn.

Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn cũng giảm mạnh, đặc biệt tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, các tỉnh miền núi, bình quân giảm từ 1-1,5%/năm, về đích trước 10 năm thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ về xóa đói, giảm nghèo. Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững, như chương trình 135, chương trình hỗ trợ nhà ở cho người

nghèo, chương trình giảm nghèo đa chiều đã giúp hàng triệu hộ gia đình thoát nghèo và có điều kiện vươn lên làm giàu. Nhiều gia đình không chỉ thoát nghèo mà còn xây dựng được những mô hình kinh tế vững mạnh, trở thành điển hình tiên tiến trong cộng đồng. Điều này không chỉ giúp cải thiện đời sống vật chất mà còn nâng cao tinh thần tự lực, tự cường của người dân nông thôn.

Ngoài ra, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn cũng có nhiều khởi sắc. Các hoạt động văn hóa, thể thao, phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn văn hóa được đẩy mạnh, tạo ra một môi trường sống lành mạnh, gắn kết cộng đồng. Hệ thống giáo dục và y tế ở nông thôn cũng được cải thiện rõ rệt, với tỷ lệ trẻ em đến trường tăng cao và người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản. Những thay đổi này không chỉ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn tạo động lực để người dân tham gia tích cực hơn vào các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội.

### **2.3. Một số bài học kinh nghiệm từ phát triển nông nghiệp hiện đại ở Việt Nam**

#### **2.3.1. Hoàn thiện chính sách phát triển nông nghiệp hiện đại**

Để phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại, Việt Nam đã rút ra nhiều bài học kinh

nghiệm quan trọng, trong đó hoàn thiện chính sách đóng vai trò then chốt. Một trong những định hướng trọng tâm là xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp xanh, bền vững. Điều này bao gồm việc khuyến khích các mô hình canh tác thân thiện với môi trường, giảm sử dụng hóa chất, tăng cường tái chế phụ phẩm nông nghiệp và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên. Các chính sách này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, việc thúc đẩy các chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao cũng là một bài học quan trọng. Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa về vốn, đất đai, thuế và cơ chế hợp tác công - tư để thu hút doanh nghiệp tham gia vào nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại trong sản xuất. Những bài học này sẽ giúp nền nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững, cạnh tranh hiệu quả trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

#### **2.3.2. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ trong phát triển nông nghiệp hiện đại**

Một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng cho nền sản xuất nông nghiệp hiện đại là tăng cường ứng

dụng khoa học - công nghệ vào các khâu quản lý và sản xuất. Trước những tác động ngày càng rõ rệt của biến đổi khí hậu, việc đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chịu hạn, chịu mặn và thích ứng với điều kiện thời tiết khắc nghiệt trở thành ưu tiên hàng đầu. Điều này không chỉ giúp ổn định năng suất mà còn đảm bảo an ninh lương thực trong dài hạn. Song song đó, phát triển hạ tầng công nghệ số cũng là một bước đi cần thiết. Những bài học này khẳng định vai trò cốt lõi của khoa học - công nghệ trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp hiện đại, thông minh và bền vững.

#### **2.3.3. Nâng cao năng lực nguồn nhân lực - nhân tố nội lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp hiện đại**

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định cho sự phát triển bền vững và hiện đại hóa nền nông nghiệp. Trong bối cảnh chuyển đổi từ sản xuất truyền thống sang mô hình hiện đại và công nghệ cao, việc nâng cao năng lực của lực lượng lao động nông nghiệp là một nhiệm vụ cấp thiết. Đào tạo kỹ năng cho nông dân, kết hợp với việc thu hút lực lượng trí thức trẻ tham gia vào phát triển nông nghiệp, sẽ tạo động lực mạnh mẽ để ngành này tiếp tục đổi mới và phát triển bền vững.

Đào tạo nông dân và lao động nông nghiệp về kỹ năng sản xuất hiện đại. Nông dân và lao động trong lĩnh vực nông nghiệp là lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất, nhưng nhiều người vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống và thiếu kiến thức, kỹ năng áp dụng công nghệ mới. Để đáp ứng nhu cầu của nền nông nghiệp hiện đại, cần tập trung đào tạo cho nông dân các kỹ năng sản xuất tiên tiến trong canh tác, chăn nuôi, và quản lý sản xuất.

Các chương trình đào tạo cần thiết kế phù hợp với đặc thù của từng địa phương và đối tượng lao động, từ kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi đến kỹ năng quản lý và kinh doanh. Đặc biệt, nông dân cần được hướng dẫn sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại như hệ thống cảm biến, máy móc tự động hóa, hay các ứng dụng công nghệ số trong quản lý nông trại. Các khóa học về sản xuất hữu cơ, bảo vệ môi trường, và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm cũng rất cần thiết để giúp người lao động đáp ứng được các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường trong và ngoài nước.

Ngoài việc đào tạo trực tiếp, cần tận dụng các hình thức đào tạo trực tuyến và truyền thông qua các nền tảng công nghệ để mở rộng phạm vi tiếp cận. Các ứng dụng di

động, video hướng dẫn, và hội thảo trực tuyến có thể giúp nông dân tiếp cận kiến thức mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời, cần phát triển các trung tâm khuyến nông tại địa phương để hỗ trợ nông dân trong việc áp dụng kiến thức và kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất.

#### *2.3.4. Xây dựng chuỗi giá trị bền vững đảm bảo sự liên kết giữa các thành phần trong chuỗi sản xuất nông nghiệp hiện đại*

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập sâu rộng và yêu cầu ngày càng cao từ thị trường quốc tế, việc xây dựng chuỗi giá trị bền vững là một trong những yếu tố cốt lõi để hiện đại hóa nền nông nghiệp Việt Nam. Chuỗi giá trị bền vững không chỉ gia tăng giá trị nông sản mà còn góp phần bảo vệ môi trường, tăng cường sự liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi sản xuất, đặc biệt là liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Tăng cường liên kết chặt chẽ giữa nông dân, doanh nghiệp và thị trường là yếu tố quan trọng để đảm bảo chuỗi giá trị bền vững. Trong đó, nông dân là người trực tiếp sản xuất, doanh nghiệp đóng vai trò hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư vốn, và tiêu thụ sản phẩm, còn thị trường là nơi xác định giá trị cuối cùng của nông sản. Để tăng cường liên kết này, cần thúc đẩy các hình thức hợp tác

như hợp tác xã, tổ hợp tác và các liên minh sản xuất. Hợp tác xã không chỉ giúp nông dân tiếp cận nguồn vốn, kỹ thuật mà còn tạo cơ hội đàm phán tốt hơn với các doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ. Đồng thời, các doanh nghiệp cần đóng vai trò cầu nối, hỗ trợ nông dân trong việc áp dụng các quy trình sản xuất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm.

Ngoài ra, việc xây dựng các hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản là cần thiết để tạo sự ổn định cho cả nông dân và doanh nghiệp. Các hợp đồng này giúp đảm bảo đầu ra cho nông sản, giảm thiểu rủi ro về giá cả và thị trường, đồng thời khuyến khích nông dân đầu tư sản xuất theo hướng chất lượng cao. Bên cạnh đó, tăng cường vai trò của chính phủ và các tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ xây dựng cơ chế hợp tác công tư. Những chương trình hợp tác này có thể giúp giải quyết các khó khăn trong quá trình liên kết, từ việc cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ pháp lý đến việc tổ chức đào tạo kỹ năng cho các bên tham gia.

### **3. Kết luận**

Nông nghiệp Việt Nam đã thực hiện thành công một cuộc cách mạng kinh tế vĩ đại, chuyển từ mô hình tự cung tự cấp sang kinh tế nông nghiệp

hiện đại. Những thành tựu đạt được trong 50 năm qua là vô cùng ấn tượng, không chỉ bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia mà còn đưa Việt Nam trở thành một trong những cường quốc xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới. Thành công này là kết quả của việc nâng cao năng suất, đổi mới công nghệ và gia tăng giá trị chuỗi cung ứng, từ đó cải thiện rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của hàng triệu nông dân, đồng thời kiến tạo

một diện mạo mới cho khu vực nông thôn. Để duy trì và phát huy những thành quả đã đạt được, con đường phát triển bền vững là định hướng không thể đảo ngược. Mục tiêu của chúng ta là xây dựng một nền nông nghiệp thông minh, sinh thái và tích hợp đa giá trị. Việc này đòi hỏi phải tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ vào mọi khâu sản xuất và quản lý. Thành công trong giai đoạn tiếp theo sẽ phụ thuộc vào sự

hợp tác chiến lược và đồng bộ giữa các bên, một mặt cần có sự đầu tư chính sách và nguồn lực từ Nhà nước, mặt khác là tinh thần tiên phong của doanh nghiệp trong việc dẫn dắt thị trường và sự chủ động tiếp thu kiến thức của người nông dân. Sự liên kết chặt chẽ này sẽ là chìa khóa vàng giúp nông nghiệp Việt Nam vươn lên tầm cao mới, hướng đến phát triển hiện đại, bền vững, đóng góp vào sự phồn vinh chung của đất nước./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI trình tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 22/02/2017, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/bao-cau-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-khoa-vi-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vii-cua-dang-1800>.
2. Quốc Bình, (2019), *Xóa rào cản để phát triển nông nghiệp*, Báo Nhân Dân điện tử, ngày 30/10/2019, <https://nhandan.vn/xoa-rao-can-de-phat-trien-nong-nghiep-post375408.html>.
3. Đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 17/11/2022, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/da-tu-phat-trien-ha-tang-thuy-loi-theo-huong-da-muc-tieu-624803.html>.
4. Nguyễn Thị Hương, (2020), *Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê: Những dấu ấn quan trọng về kinh tế - xã hội trong hành trình 75 năm thành lập và phát triển đất nước qua số liệu thống kê*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo online, ngày 2/9/2020, <http://kinhtevadubao.vn/nhung-dau-an-quan-trong-ve-kt-xh-trong-hanh-trinh-75-nam-thanh-lap-va-phat-trien-dat-nuoc-qua-so-lieu-thong-ke-15850.html>.
5. Nguyễn Duy Hưng, (2024), Những thành tựu trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Tạp chí công sản, ngày 21/11/2024, [https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nhung-thanh-tuu-trong-phat-trien-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-qua-gan-40-nam-thuc-hien-cong-cuoc-doi-moi](https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nhung-thanh-tuu-trong-phat-trien-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-qua-gan-40-nam-thuc-hien-cong-cuoc-doi-moi).
6. Ngô Anh Tuấn, (2020), *53 năm Thủy sản Việt Nam: Không ngừng phát triển, hướng tới tương lai*. Tạp chí Thủy sản Việt Nam, ngày 06/7/2020, <https://thuysanvietnam.com.vn/53-nam-thuy-san-viet-nam-khong-ngung-phat-trien-huong-toi-tuong-lai/>.
7. GS, TS, NGND Trần Đức Viên, (2023), *Phát triển nông nghiệp Việt Nam: Vấn đề đặt ra và một số giải pháp*, Tạp chí Công sản, ngày 23-10-2023, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/828917/phat-trien-nong-nghiep-viet-nam--van-de-dat-ra-va-mot-so-giai-phap.aspx>.



# Ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý giáo dục để đảm bảo phổ cập công nghệ số theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

✶ NGUYỄN TẤN TRẠNG\*

## 1. Đặt vấn đề:

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế, chuyển đổi số trong giáo dục đã trở thành yêu cầu cấp thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị nhấn mạnh đột phá trong phát triển giáo dục và đào tạo, xác định công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) là công cụ trọng tâm để phổ cập giáo dục chất lượng cao, xây dựng nền tảng dữ liệu quốc gia và đào tạo nhân lực số đáp ứng yêu cầu kỷ nguyên số<sup>1</sup>. Việc ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý giáo dục không chỉ tối ưu hóa quy trình quản lý mà còn hỗ trợ cá nhân hóa học tập, nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng miền, từ đó thực hiện mục

**Tóm tắt:** Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý giáo dục là cần thiết để thực hiện mục tiêu phổ cập công nghệ số theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị. Nghị quyết này khẳng định công nghệ số là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm công bằng trong tiếp cận học tập. AI và dữ liệu lớn sẽ hỗ trợ tối ưu hóa công tác quản lý, cá nhân hóa học tập và cải thiện đánh giá kết quả học tập. Để đạt được mục tiêu này, cần có đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ, phát triển kỹ năng số cho giáo viên và học sinh và xây dựng nền tảng học trực tuyến. Các giải pháp này sẽ giúp nâng cao chất lượng giáo dục và giảm thiểu sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

**Từ khóa:** Trí tuệ nhân tạo (AI); Dữ liệu lớn; Nghị quyết 71-NQ/TW.

tiêu “phổ cập công nghệ số” của Nghị quyết.

Tại Việt Nam, hệ thống giáo dục đang đối mặt với nhiều thách thức trong quản lý, bao gồm sự thiếu đồng bộ trong phân bổ nguồn lực, hạn chế về hạ tầng công nghệ số và bất bình đẳng trong tiếp

cận giáo dục, đặc biệt tại các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa<sup>2</sup>. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ sinh viên đại học tại Đồng bằng sông Cửu Long chỉ chiếm 8,8% tổng số sinh viên cả nước, thấp hơn nhiều so với bình quân quốc gia, phản

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

<sup>1</sup> Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.

<sup>2</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Báo cáo phát triển giáo dục và đào tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8325>.

ánh sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ<sup>3</sup>. Ngoài ra, việc quản lý học tập truyền thống thường thiếu dữ liệu thời gian thực để đưa ra quyết định kịp thời, dẫn đến hiệu quả quản lý chưa tối ưu.

Trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn mang lại tiềm năng to lớn trong việc giải quyết các vấn đề này. Các hệ thống AI có thể phân tích dữ liệu học tập để cá nhân hóa chương trình học, dự đoán nhu cầu giáo dục và hỗ trợ ra quyết định chiến lược. Ví dụ, các quốc gia như Singapore và Trung Quốc đã áp dụng AI để tự động hóa đánh giá học sinh, tối ưu hóa lịch trình học tập và quản lý nguồn lực giáo dục hiệu quả hơn<sup>4</sup>. Tại Việt Nam, các dự án thí điểm tại Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Cần Thơ đã triển khai nền tảng học trực tuyến tích hợp AI, nhưng vẫn gặp khó khăn do thiếu khung pháp lý về đạo đức công nghệ và hạ tầng số đồng bộ<sup>5</sup>.

Nghị quyết 71-NQ/TW đặt ra yêu cầu cụ thể về việc ứng dụng AI có kiểm soát, xây dựng nền tảng dữ liệu quốc gia và đào tạo cán bộ quản lý giáo dục về kỹ năng

số. Tuy nhiên, việc triển khai tại Việt Nam vẫn đối mặt với những hạn chế, như thiếu hụt nhân lực công nghệ cao và khung pháp lý chưa hoàn thiện để bảo đảm an toàn dữ liệu cũng như đạo đức AI. Do đó, nghiên cứu ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý giáo dục không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn mang tính thực tiễn cao, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục của đất nước.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

Việc ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, đặc biệt là AI và dữ liệu lớn, đang ngày càng trở nên quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Những công nghệ này không chỉ hỗ trợ việc giảng dạy mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý giáo dục một cách hiệu quả, giúp các nhà quản lý đưa ra các quyết định chính xác dựa trên dữ liệu phân tích. Cùng với đó, AI và dữ liệu lớn có thể tối ưu hóa các quy trình giáo dục và giảng dạy, tạo ra một môi trường học tập thông minh, cá nhân hóa và hiệu quả hơn. Đặc biệt, AI có thể đóng vai trò quan trọng trong việc

phân tích dữ liệu học tập và hỗ trợ các quyết định quản lý giáo dục. Ứng dụng AI trong quản lý giáo dục được thể hiện qua việc phân tích dữ liệu học tập, từ đó cải thiện các quy trình giảng dạy và quản lý hiệu quả hơn.

### **2.1. Cơ sở lý luận của ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý giáo dục**

Trí tuệ nhân tạo được định nghĩa là khả năng của máy móc thực hiện các nhiệm vụ thông minh như học tập, suy luận và ra quyết định dựa trên dữ liệu. Trong giáo dục, AI hỗ trợ cá nhân hóa học tập, tự động hóa đánh giá và tối ưu hóa quản lý hành chính. Dữ liệu lớn (big data) đề cập đến việc thu thập, xử lý và phân tích khối lượng dữ liệu lớn để tạo ra thông tin có giá trị, từ đó cải thiện hiệu quả quản lý giáo dục. Cả hai công nghệ này là trụ cột của chuyển đổi số, đáp ứng mục tiêu “phổ cập công nghệ số” trong Nghị quyết 71-NQ/TW.

Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị nhấn mạnh ba mục tiêu chính liên quan đến công nghệ số: xây dựng nền tảng

<sup>3</sup> VnExpress. (27/02/2023), *Đồng bằng sông Cửu Long cần gia tăng quy mô đào tạo đại học*. <https://vnexpress.net/dong-bang-song-cuu-long-can-gia-tang-quy-mo-dao-tao-dai-hoc-4574231.html>.

<sup>4</sup> Tuổi Trẻ (2025), *Trung Quốc đưa môn AI vào trường tiểu học và trung học cơ sở*. Tuổi Trẻ Online. <https://tuoitre.vn/trung-quoc-dua-mon-ai-vao-truong-tieu-hoc-va-trung-hoc-co-so-20250311165833923.htm>.

<sup>5</sup> Báo Ấp Bắc. (25/8/2023), *Trường Đại học Cần Thơ triển khai đào tạo ngành công nghệ cao*. <https://www.baoapbac.vn/giao-duc/202308/truong-dai-hoc-can-tho-trien-khai-dao-tao-nganh-cong-nghe-cao-1011031>.

dữ liệu giáo dục quốc gia, ứng dụng AI có kiểm soát để cá nhân hóa học tập và đào tạo nhân lực số đáp ứng kinh tế số. Nền tảng dữ liệu quốc gia cho phép tích hợp thông tin về học sinh, giáo viên và cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho các quyết định quản lý dựa trên dữ liệu thời gian thực. AI, thông qua các thuật toán học máy (machine learning), hỗ trợ dự đoán nhu cầu giáo dục, tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực và phát hiện các rủi ro trong quá trình học tập. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng yêu cầu “ứng dụng có kiểm soát” để đảm bảo đạo đức công nghệ và an toàn dữ liệu, tránh rủi ro như phân biệt đối xử hoặc xâm phạm quyền riêng tư<sup>6</sup>.

Kinh nghiệm quốc tế cung cấp cơ sở lý luận quan trọng. Tại Singapore, hệ thống quản lý giáo dục thông minh (iSAMS) sử dụng AI để theo dõi tiến độ học tập và phân bổ giáo viên hiệu quả, giảm 30% thời gian quản lý hành chính<sup>7</sup>. Trung Quốc ứng dụng AI trong giáo dục để cá nhân hóa học tập cho hàng triệu học sinh, sử dụng dữ liệu lớn để phân tích hành vi học tập và tối ưu hóa

chương trình giảng dạy, với các nền tảng như askpku.com hỗ trợ giảng viên và sinh viên<sup>8</sup>. Mỹ tích cực ứng dụng AI trong các nền tảng học trực tuyến như edX để tự động hóa đánh giá và cung cấp phản hồi tức thì, nâng cao hiệu quả học tập. Trên nền tảng edX, các công cụ AI như trợ lý học tập tích hợp ChatGPT hỗ trợ học viên giải đáp thắc mắc, tóm tắt bài học và cung cấp phản hồi cá nhân hóa, phục vụ hàng trăm nghìn người dùng trong các khóa học như kỹ thuật điện tử của MIT. Các công cụ AI khác, như plugin tìm kiếm khóa học, giúp học viên dễ dàng tiếp cận nội dung và bài kiểm tra phù hợp, đồng thời giảm tải thời gian cho giảng viên. Việc ứng dụng AI trong giáo dục trực tuyến tại Mỹ tạo ra môi trường học tập linh hoạt, hiệu quả và tối ưu hóa quy trình giảng dạy<sup>9</sup>. Những mô hình này cho thấy AI và dữ liệu lớn không chỉ tối ưu hóa quản lý mà còn thúc đẩy bình đẳng giáo dục, phù hợp với mục tiêu Nghị quyết 71-NQ/TW.

Lý luận về AI và dữ liệu lớn trong giáo dục nhấn mạnh ba lợi ích chính: (1) cá nhân

hóa học tập thông qua phân tích dữ liệu học sinh, (2) tối ưu hóa quản lý nguồn lực giáo dục và (3) hỗ trợ ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu thời gian thực. Tuy nhiên, việc triển khai chuyển đổi số trong giáo dục Việt Nam đòi hỏi các biện pháp bảo mật thông tin và quyền riêng tư, đặc biệt khi hạ tầng công nghệ số và nhân lực công nghệ còn nhiều hạn chế<sup>10</sup>. Cơ sở lý luận này định hướng cho việc phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp với chiến lược đột phá của Nghị quyết 71-NQ/TW.

## 2.2. Thực trạng ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý giáo dục tại Việt Nam

Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục đã đạt một số kết quả đáng ghi nhận, nhưng vẫn còn nhiều thách thức trong ứng dụng AI và dữ liệu lớn. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nền tảng học trực tuyến như VNEDU và SMAS (Viettel) đã tích hợp một số tính năng AI cơ bản, như phân tích tiến độ học tập và gợi ý nội dung học tập nhưng chưa phát triển thành hệ thống quản lý toàn

<sup>6</sup> Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.

<sup>7</sup> VietnamNet (2023), *Tăng tốc trong phát triển và triển khai trí tuệ nhân tạo ở Singapore*. <https://vietnamnet.vn/tang-toc-trong-phat-trien-va-trien-khai-tri-tue-nhan-tao-o-singapore-2198228.html>

<sup>8</sup> Nhân Dân (2025), *Trung Quốc: Đổi mới giáo dục nhờ AI*. <https://nhandan.vn/trung-quoc-doi-moi-giao-duc-nho-ai-post803759.html>.

<sup>9</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Tích cực thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/chi-tiet.aspx?ItemID=9749>.

<sup>10</sup> Tạp chí điện tử Quản lý Nhà nước (2023), *Cơ hội và thách thức mới trong quá trình chuyển đổi số giáo dục ở Việt Nam hiện nay*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/09/19/co-hoi-va-thach-thuc-moi-trong-qua-trinh-chuyen-doi-so-giao-duc-o-viet-nam-hien-nay>.



diện<sup>11</sup>. Các trường đại học lớn như Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Cần Thơ đã triển khai thí điểm AI trong quản lý học tập, với hệ thống phân tích dữ liệu để hỗ trợ sinh viên và dự báo nhu cầu học tập<sup>12</sup>. Tuy nhiên, quy mô ứng dụng còn nhỏ, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn. Thách thức chính bao gồm:

(1) *Thiếu hạ tầng công nghệ số đồng bộ*. Nhiều trường học, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa như ở Đồng bằng sông Cửu Long, thiếu thiết bị và kết nối internet ổn định, khiến việc triển khai AI gặp khó khăn. Tỷ lệ sinh viên đại học tại ĐBSCL chỉ chiếm 8,8% tổng số sinh viên cả nước, phản ánh hạn chế trong tiếp cận giáo dục số<sup>13</sup>.

(2) *Thiếu nhân lực công nghệ cao*. Theo Báo Nhân Dân, chỉ 14,9% lao động tại ĐBSCL được đào tạo chuyên sâu, dẫn đến thiếu chuyên gia vận hành hệ thống AI<sup>14</sup>.

(3) *Khung pháp lý chưa hoàn thiện*. Việc sử dụng dữ

liệu học sinh chưa được điều chỉnh bởi các quy định rõ ràng về quyền riêng tư và đạo đức AI, gây rủi ro về an toàn dữ liệu<sup>15</sup>.

Một số trường đại học tại Việt Nam đã bắt đầu ứng dụng AI để cải thiện quản lý và giảng dạy. Chẳng hạn, một số hệ thống tại Hà Nội đã thử nghiệm sử dụng AI để theo dõi tiến độ học tập của sinh viên, với khả năng dự đoán nguy cơ bỏ học đạt độ chính xác cao, lên đến khoảng 85%. Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, AI cũng được áp dụng để phân tích dữ liệu tuyển sinh, giúp tối ưu hóa việc chọn lọc thí sinh và phân bổ học bổng hiệu quả hơn. Tuy nhiên, các dự án này vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm, chưa được mở rộng do hạn chế về kinh phí và đội ngũ chuyên môn. Hơn nữa, hệ thống dữ liệu giáo dục quốc gia còn phân tán, với các cơ sở dữ liệu giữa các địa phương chưa được tích hợp chặt chẽ, gây khó khăn cho việc triển khai AI trên diện rộng<sup>16</sup>.

Thực trạng này cho thấy Việt Nam có tiềm năng lớn nhưng cần khắc phục các rào cản về hạ tầng, nhân lực và pháp lý để thực hiện mục tiêu phổ cập công nghệ số theo Nghị quyết 71-NQ/TW. Việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế và triển khai thí điểm tại các địa phương như ĐBSCL sẽ là bước đi quan trọng.

### 2.3. Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn góp phần thực hiện tốt Nghị quyết 71-NQ/TW

Để thực hiện mục tiêu phổ cập công nghệ số trong giáo dục theo các chính sách chuyển đổi số quốc gia, cần triển khai các giải pháp đồng bộ, tập trung vào hạ tầng, nhân lực và khung pháp lý. Các giải pháp cụ thể bao gồm:

Một là, *xây dựng nền tảng dữ liệu giáo dục quốc gia tích hợp AI*. Nền tảng này cần thu thập và phân tích dữ liệu về học sinh, giáo viên và cơ sở vật chất trên toàn quốc, sử dụng AI để hỗ trợ ra quyết định thời gian thực, như dự

<sup>11</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. <https://kinhtevdubao.vn/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-30674.html>.

<sup>12</sup> Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ (27-5-2023). *Dự báo kết quả học tập bằng kỹ thuật học sâu với mạng nơ-ron đa tầng*. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. <https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/download/3625/194/194>.

<sup>13</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Báo cáo phát triển giáo dục và đào tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. <https://vnexpress.net/ty-le-hoc-dai-hoc-o-dong-bang-song-cuu-long-thap-4575424.html>.

<sup>14</sup> Nhan dân (22/01/2025), *Chủ trọng đào tạo nguồn nhân lực tốt đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. <https://nhandan.vn/chu-trong-dao-tao-nguon-nhan-luc-tot-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-vung-dong-bang-song-cuu-long-post857297.html>.

<sup>15</sup> Hoàng Trọng Nghĩa, Nguyễn Văn Huân (2024). *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. <https://kinhtevdubao.vn/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-30674.html>.

<sup>16</sup> Tạp chí Giáo dục (2024), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục phổ thông và định hướng phát triển*. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89573/174/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-giao-duc-pho-thong-va-dinh-huong-phat-trien>.



đoán nhu cầu giáo viên và phân bổ nguồn lực hợp lý. Các hệ thống như vậy đã giúp các nước như Singapore tối ưu hóa quản lý giáo dục<sup>17</sup>. Việt Nam cần đầu tư vào cơ sở dữ liệu đám mây và công nghệ học máy để nâng cao hiệu quả.

*Hai là, đào tạo nhân lực số cho quản lý giáo dục.* Các chương trình bồi dưỡng cần được thiết kế để trang bị cho giáo viên và cán bộ quản lý kỹ năng sử dụng AI và dữ liệu lớn, như phân tích dữ liệu học tập và thiết kế chương trình cá nhân hóa. Các trường đại học, học viện, trong đó có Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Đà Nẵng, Đại học Cần Thơ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Kỹ thuật Mật mã và nhiều cơ sở giáo dục khác, cần mở rộng đào tạo ngành AI và kỹ thuật số để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho nền kinh tế số và phục vụ các yêu cầu chuyển đổi số trong quản lý nhà nước.

*Ba là, phát triển hạ tầng công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.* Các khu vực như Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và các vùng khó

khắc cần được ưu tiên đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ số, bao gồm internet và thiết bị học tập, nhằm đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục<sup>18</sup>. Chính phủ có thể hợp tác với doanh nghiệp như Viettel để triển khai mạng 5G và thiết bị học tập giá rẻ.

*Bốn là, xây dựng khung pháp lý về đạo đức và an toàn dữ liệu.* Cần ban hành quy định bảo vệ dữ liệu học sinh, tránh lạm dụng AI hoặc phân biệt đối xử. Các chính sách chuyển đổi số yêu cầu quản lý rủi ro công nghệ một cách minh bạch<sup>19</sup>.

*Năm là, hợp tác quốc tế trong ứng dụng AI giáo dục.* Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm từ các nước như Singapore và Trung Quốc thông qua nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Các trường đại học nên tham gia mạng lưới giáo dục số quốc tế để cập nhật xu hướng công nghệ.

Các giải pháp này cần được thí điểm tại các địa phương như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đồng bằng sông Cửu Long trước khi nhân rộng

toàn quốc. Sự phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và khu vực tư nhân sẽ đảm bảo thực hiện thành công chuyển đổi số giáo dục.

### **3. Kết luận**

Việc ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý giáo dục không chỉ là xu thế của cách mạng công nghiệp 4.0 mà còn là giải pháp then chốt để thực hiện mục tiêu “phổ cập công nghệ số” theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị. Những công nghệ này mang lại khả năng phân tích dữ liệu học tập quy mô lớn, dự đoán nhu cầu giáo dục, cá nhân hóa chương trình cho từng học sinh và hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định kịp thời, chính xác. Kinh nghiệm từ các quốc gia như Singapore, Trung Quốc, Mỹ và nhiều quốc gia khác cho thấy AI đã giúp tối ưu hóa quản lý nguồn lực, tự động hóa đánh giá và nâng cao chất lượng dạy - học. Đây là minh chứng cho thấy nếu được đầu tư đồng bộ, AI và dữ liệu lớn có thể trở thành “đòn bẩy” cải cách giáo dục. Với Việt Nam, ý nghĩa càng rõ rệt khi bất bình đẳng về hạ tầng số và tiếp cận giáo dục vẫn tồn tại, đặc biệt ở vùng sâu, vùng

<sup>17</sup> Thông Tin Đối Ngoại - Ban Tuyên giáo Trung ương (29/7/2024), *Kinh nghiệm Singapore về quản trị trí tuệ nhân tạo (AI) và bài học cho Việt Nam*. TTĐN. Truy cập từ <https://ttdn.vn/nguyen-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/kinh-nghiem-singapore-ve-quan-tri-tri-tue-nhan-tao-ai-va-bai-hoc-cho-viet-nam>-107676.

<sup>18</sup> Bộ Thông tin & Truyền thông (27/12/2024), *Đẩy mạnh phủ sóng viễn thông, phổ cập Internet băng rộng đến vùng sâu, vùng xa*. Truy cập từ <https://mst.gov.vn/day-manh-phu-song-vien-thong-pho-cap-internet-bang-rong-den-vung-sau-vung-xa-197241227121215584.htm>.

<sup>19</sup> Bộ Khoa học và Công nghệ, (12/4/2024), *Sẽ xây dựng khuyến nghị về đạo đức AI ở Việt Nam*. Chinhphu.vn. Truy cập từ <https://baochinhphu.vn/se-xay-dung-khuyen-nghi-ve-dao-duc-ai-o-viet-nam-102240411195141269.htm>.

xa như đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Để đạt được mục tiêu của Nghị quyết, cần triển khai bốn giải pháp trọng tâm: xây dựng nền tảng dữ liệu giáo dục quốc gia tích hợp AI; phát triển nhân lực số cho giáo viên, học sinh và cán bộ quản lý; đầu tư hạ tầng công nghệ số cho vùng

khó khăn; và ban hành khung pháp lý về an toàn dữ liệu, đạo đức AI. Song song đó, mở rộng hợp tác quốc tế sẽ giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ tiên tiến và rút ngắn khoảng cách phát triển. Như vậy, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn không chỉ giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý giáo dục mà còn bảo đảm tính công

bằng và minh bạch. Đây là nền tảng quan trọng để thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW, đồng thời xây dựng một nền giáo dục Việt Nam hiện đại, công bằng, hội nhập và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

❖ Báo Nhân Dân (2023), *Đột phá thể chế để phát triển giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long*. <https://nhandan.vn/dot-pha-the-che-de-phat-trien-giao-duc-vung-dong-bang-song-cuu-long-post740648.html>.

❖ Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-71-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-giao-duc-va-dao-tao-119250828110759964.htm>.

❖ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Báo cáo phát triển giáo dục và đào tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. <https://vnexpress.net/ty-le-hoc-dai-hoc-o-dong-bang-song-cuu-long-thap-4575424.html>.

❖ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Những con số về kết quả thực hiện chuyển đổi số và Đề án 06 của ngành giáo dục*. <https://giaoduc.net.vn/nhung-con-so-ve-ket-qua-thuc-hien-chuyen-doi-so-va-de-an-06-cua-nganh-giao-duc-post244370.gd>.

❖ Chính phủ (2023). *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Nghi-dinh-13-2023-ND-CP-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-465185.aspx>.

❖ Đại học Cần Thơ (2025), *Trường Đại học Cần Thơ nắm bắt xu thế, nâng cao năng lực AI trong giáo dục đại học*. <https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc-su-kien-t/truong-dai-hoc-can-tho-nam-bat-xu-the-nang-cao-nang-luc-ai-trong-giao-duc-dai-hoc.html>.

❖ Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển. (2025). *Các phương pháp học máy để dự đoán tình trạng bỏ học của sinh viên*. <https://www.vjol.info.vn/index.php/tcdhnamcantho/article/view/115245>.

❖ Tạp chí Giáo dục (2024), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục phổ thông và định hướng phát triển*. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89573/174/ung-dung-tri-tue-nhan-cao-trong-giao-duc-pho-thong-va-dinh-huong-phat-trien/>.

❖ Viettel Solutions, *Phần mềm quản lý nhà trường (SMAS)*. <https://solutions.viettel.vn/en/vi/giao-duc-so/school-management-system-smas.html>.

❖ VnExpress (2024). *Giải pháp công nghệ cho giáo dục vùng sâu, vùng xa*. <https://vnexpress.net/giai-phap-cong-nghe-cho-giao-duc-vung-sau-vung-xa-4589231.html>.

# Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG, LÃNG PHÍ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển nhanh, bền vững, đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới với khát vọng vươn lên mạnh mẽ, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí không còn là nhiệm vụ mang tính tình thế, đơn lẻ mà đã trở thành yêu cầu cấp bách, có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Với vai trò là lực lượng lãnh đạo toàn diện, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, được triển khai đồng bộ, quyết liệt với nhiều chủ trương và giải pháp thiết thực. Bài viết tập trung phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đồng thời đề xuất một số giải pháp.

**Từ khóa:** Vai trò, Đảng Cộng sản, tham nhũng, lãng phí, ...

## 1. Đặt vấn đề

Trước yêu cầu cấp bách của giai đoạn mới, khi đất nước đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí không chỉ là nhiệm vụ cấp bách trước mắt mà còn

mang tầm chiến lược lâu dài, giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh của Đảng, xây dựng bộ máy nhà nước liêm chính, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để củng cố niềm tin của nhân dân, phát huy sức mạnh

✪ LÊ NGUYỄN DUY\*  
✪ NGUYỄN VĂN TƯƠI\*\*

đại đoàn kết toàn dân tộc và thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Thời gian qua, công tác phòng, chống tham nhũng đã đạt nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện qua việc phát hiện, xử lý nghiêm minh nhiều vụ tham nhũng lớn liên quan đến cán bộ cấp cao, với quan điểm nhất quán “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Kết quả này khẳng định quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân và lan tỏa văn hóa liêm chính trong toàn hệ thống chính trị. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phòng, chống tham nhũng vẫn còn nhiều hạn chế như tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, thiếu quyết liệt, né tránh trách nhiệm, thậm chí bao che sai phạm ở một số nơi. Tâm lý nể nang, xử lý chưa dứt điểm và thiếu phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành làm giảm hiệu quả, trong khi việc xử lý tham nhũng gây bức xúc trong dân

\* Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

\*\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

chưa thật sự triệt để. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, không chỉ ở tầm chiến lược mà còn trong chỉ đạo, điều hành cụ thể trên tất cả các lĩnh vực, bảo đảm sự thống nhất, quyết liệt và hiệu quả cao hơn trong thời gian tới.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí**

Theo từ điển tiếng Việt, tham nhũng là lợi dụng quyền hành để những nhiều dân và lấy của dân<sup>1</sup>. Trên phương diện pháp lý, tham nhũng là hành vi vi phạm pháp luật do người có chức vụ, quyền hạn cố ý thực hiện, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để vụ lợi và gây ra những hậu quả xấu cho xã hội.

Lãng phí là hành vi quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động, tài nguyên và các nguồn lực khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân không hiệu quả gây ra những thiệt hại cho xã hội và làm chậm tiến trình phát triển bền vững của xã hội.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là bao gồm

các hoạt động của hệ thống cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân, dựa vào chủ trương, đường lối của Đảng và căn cứ vào pháp luật để phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Nhà nước, các tổ chức và của công dân, bảo vệ thành quả cách mạng, góp phần vào việc giữ vững ổn định và phát triển của toàn xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, đất nước ta đang đẩy mạnh công cuộc tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, tạo nền tảng vững chắc để bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của quốc gia, dân tộc. Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là “kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu...”<sup>2</sup>, vì vậy đòi hỏi từ thực tiễn mới đang đặt ra cho Đảng và hệ thống chính trị nhiều nhiệm vụ ở tầm chiến lược, trong đó công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục giữ vai trò then chốt và

cấp bách. Nhiệm vụ này cần phải được thực hiện một cách khoa học, đồng bộ và toàn diện; với tinh thần chủ động, kiên quyết, kiên trì; không ngừng, không nghỉ; không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

Là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò trung tâm trong định hướng tư tưởng, hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện và nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Vai trò đó được thể hiện rõ qua các khía cạnh sau:

*Thứ nhất, xây dựng nền tảng tư tưởng, chính trị vững chắc - tiền đề vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.*

Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò trung tâm trong việc định hình hệ giá trị, tư tưởng chỉ đạo và đường lối hành động xuyên suốt cho toàn bộ hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tiếp nối quyết tâm chính trị và những thành tựu từ các nhiệm kỳ trước, Đại hội XIII của Đảng đã đề ra phương châm: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ hơn và hiệu

<sup>1</sup> Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 910.

<sup>2</sup> GS.TS. Tô Lâm: “Một số nhận thức cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, Tlđđ, tr. 3.



quả hơn”<sup>3</sup>. Việc kiên quyết giữ vững nền tảng tư tưởng và bản lĩnh chính trị không chỉ tạo động lực cho hành động quyết liệt trong công tác phòng chống tham nhũng, mà còn là yếu tố then chốt củng cố niềm tin của nhân dân, bảo vệ sự liêm chính của Đảng và bảo đảm tính bền vững, minh bạch trong vận hành của cả hệ thống chính trị. Tinh thần này được cụ thể hóa qua việc ban hành và thực hiện nhiều nghị quyết, quy định quan trọng như Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Quy định số 08 về trách nhiệm nêu gương, và Quy định 69-QĐ/TW về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm và gần đây Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định 144 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong thời kỳ mới. Đặc biệt, việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trực thuộc Bộ Chính trị, do Tổng Bí thư làm Trưởng ban, là bước đi mang tính đột phá, khẳng định quyết tâm chính trị nhất quán của Đảng.

*Thứ hai, vai trò của Đảng trong xây dựng đường lối chủ trương và thể chế hóa và hoạch định chính sách.*

Với vai trò lãnh đạo

toàn diện, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí trung tâm trong việc xây dựng đường lối chủ trương và định hình hệ thống pháp luật liên quan đến phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thông qua việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định nội bộ và định hướng hoạt động của Quốc hội, Chính phủ cùng các cơ quan có thẩm quyền, Đảng từng bước thể chế hóa các chủ trương lớn thành quy phạm pháp luật cụ thể, khả thi và phù hợp với thực tiễn. Đây là quá trình không chỉ mang ý nghĩa pháp lý mà còn phản ánh tư duy đổi mới, tính nhất quán và quyết tâm chính trị cao của Đảng trong việc xây dựng một nền quản trị quốc gia liêm chính, minh bạch. Nhờ vai trò định hướng và giám sát xuyên suốt của Đảng, hệ thống pháp lý về phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã không ngừng được hoàn thiện, đồng bộ và thống nhất, tạo cơ sở vững chắc cho việc triển khai các giải pháp đồng bộ, toàn diện trong thực tiễn.

*Thứ ba, lãnh đạo và triển khai thực hiện nghị quyết, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.*

Đảng không chỉ đề ra chủ trương mà còn trực tiếp

lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí một cách quyết liệt, đồng bộ. Thông qua việc thành lập các Ban Chỉ đạo ở Trung ương và địa phương, Đảng phân công rõ ràng trách nhiệm cho từng cấp ủy, tổ chức Đảng, đồng thời tăng cường vai trò của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện. Đại hội XIII của Đảng đã xác định rõ quan điểm chỉ đạo là: “Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật. Thực hiện quyết liệt, nghiêm minh, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Khẩn trương xây dựng cơ chế phòng ngừa, cơ chế răn đe để kiểm soát tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”<sup>4</sup>. Đặc biệt, công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kỷ luật Đảng được triển khai sâu rộng, hiệu quả, góp phần phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi sai phạm. Qua đó, khẳng định quyết tâm chính trị cao của Đảng trong việc xây dựng một bộ máy trong sạch, liêm chính, thực sự vì dân, vì nước.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2021, t. 2.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2021, t. 2, tr. 145-146.

*Thứ tư, vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.*

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định nêu gương là nguyên tắc cốt lõi trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ vai trò lãnh đạo, quản lý. Yêu cầu cao nhất được đặt ra đối với người đứng đầu các cấp, từ Trung ương đến địa phương, là phải thật sự gương mẫu về đạo đức, lối sống, bản lĩnh chính trị và hành động thực tiễn.

Minh chứng rõ nét cho vai trò nêu gương là việc xử lý nghiêm minh, công khai các sai phạm của cán bộ cấp cao: từ việc kỷ luật nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc sau sai phạm liên quan đến công tác phòng, chống dịch COVID-19, đến việc kỷ luật, khởi tố nhiều Ủy viên Trung ương, nguyên Bộ trưởng, Chủ tịch tỉnh trong các vụ án như Việt Á, FLC, Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát. Những quyết định này cho thấy Đảng kiên quyết thực hiện phương châm “nói đi đôi với làm”, không có ngoại lệ, không có “vùng cấm”. Không chỉ dừng ở xử lý sai phạm, Đảng còn tôn vinh những tấm gương điển hình dám đấu tranh với tiêu cực, tham nhũng, bảo vệ lợi ích của nhân dân. Những cán bộ gương mẫu trong việc tự giác kê khai tài sản, minh

bạch thu nhập, hoặc tích cực phát hiện, tố cáo sai phạm được biểu dương, nhân rộng, góp phần xây dựng văn hóa liêm chính trong toàn Đảng, toàn xã hội.

*Thứ năm, vai trò trong công tác kiểm tra, giám sát công tác phòng chống tham nhũng.*

Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất và toàn diện trong công tác kiểm tra, giám sát phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đây được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống chính trị. Thông qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương cùng các cơ quan chức năng, Đảng tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; kiên quyết phát hiện, xử lý nghiêm mọi sai phạm. Quan điểm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” được quán triệt sâu rộng, tạo chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động.

Điển hình là chiến dịch phòng, chống tham nhũng được ví như “lò nóng” do Tổng Bí thư trực tiếp chỉ đạo, đã đưa ra ánh sáng nhiều vụ án lớn như Việt Á, kit test COVID-19, FLC, Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát, xử lý

nghiêm các sai phạm trong đấu thầu, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp. Hàng loạt cán bộ cấp cao thuộc diện Trung ương quản lý, kể cả Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng, Chủ tịch tỉnh đã bị kỷ luật, khởi tố theo pháp luật, thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Đảng. Song song đó, Đảng phát huy vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, báo chí và các tổ chức chính trị - xã hội; khuyến khích tinh thần tố giác, bảo vệ người tố cáo. Cơ chế giám sát đa chiều này góp phần tăng cường tính minh bạch, củng cố niềm tin của nhân dân, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, xây dựng bộ máy Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh.

## ***2.2. Một số giải pháp phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí***

Để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cần tổ chức thường xuyên, nghiêm túc các đợt học tập nghị quyết, bồi dưỡng lý luận gắn với thực tiễn, lấy việc học tập và làm

theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh làm nền tảng rèn luyện. Đồng thời, phải khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, liêm chính, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tiên phong đấu tranh với cái sai, cái xấu, góp phần giữ vững kỷ cương và sự liêm chính trong bộ máy.

*Thứ hai*, kiên quyết sàng lọc, loại bỏ những cán bộ suy thoái, xử lý nghiêm minh mọi hành vi tham nhũng, tiêu cực và biểu hiện “lợi ích nhóm”. Trong bối cảnh một bộ phận cán bộ, đảng viên có dấu hiệu suy thoái, vụ lợi, thậm chí tiếp tay cho tham nhũng, việc làm trong sạch bộ máy trở thành yêu cầu cấp bách. Đảng phải kiên trì, mạnh mẽ thực hiện công tác sàng lọc, đưa ra khỏi hệ thống những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; đồng thời xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực, không chỉ trong nội bộ mà còn bằng các biện pháp hành chính, hình sự theo pháp luật, thể hiện tinh thần “nói đi đôi với làm”, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Cùng với đó, cần đặc biệt chú trọng phát hiện, triệt phá các nhóm lợi ích thao túng chính sách, can thiệp vào công tác cán bộ, phân bổ ngân sách, đầu tư công - những lĩnh vực tiềm

ẩn nhiều nguy cơ tham nhũng tinh vi, có tổ chức. Đây là bước đi mang tính quyết định trong công cuộc chỉnh đốn Đảng, làm sạch bộ máy từ bên trong, qua đó củng cố và giữ vững niềm tin của nhân dân.

*Thứ ba*, hoàn thiện thể chế, bịt kín kẽ hở pháp luật - hành lang pháp lý minh bạch trong công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Muốn chống tham nhũng hiệu quả, trước hết phải trị tận gốc, đó là từ những lỗ hổng trong hệ thống thể chế và quy định pháp luật. Thực tế cho thấy, không ít quy định còn mập mờ, chồng chéo hoặc thiếu kiểm soát trong khâu ban hành, đã vô tình trở thành “vùng xám” để lợi ích nhóm thao túng, biến công cụ quản lý thành công cụ trục lợi. Vì vậy, nhiệm vụ cấp thiết hiện nay là đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng rõ ràng, minh bạch, đồng bộ, dễ giám sát và khó bị lợi dụng. Mỗi chính sách, mỗi văn bản quy phạm pháp luật phải được soi chiếu dưới lăng kính phòng, chống tham nhũng, từ khâu soạn thảo, ban hành đến tổ chức thực hiện. Đặc biệt, cần thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực trong chính quá trình xây dựng pháp luật, ngăn chặn từ sớm hiện tượng “cài cắm lợi ích” trong quy định.

*Thứ tư*, phát huy vai trò làm chủ, giám sát và phản

biện xã hội của nhân dân, tạo nền tảng đồng thuận và sức mạnh toàn dân trong phòng, chống tham nhũng. Phòng, chống tham nhũng không thể thành công nếu thiếu sự tham gia chủ động và tích cực của nhân dân. Chính người dân, với vai trò là chủ thể giám sát quyền lực, là lực lượng gần gũi nhất với thực tiễn, có khả năng phát hiện sớm và phản ánh trung thực các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động của cán bộ, công chức. Do đó, cần hoàn thiện cơ chế pháp lý để nhân dân thực hiện quyền giám sát một cách thực chất, dễ tiếp cận, đồng thời bảo vệ an toàn cho người tố giác và phản ánh sai phạm. Tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, nhất là ở cấp cơ sở, nơi dễ phát sinh “tham nhũng vặt”. Bên cạnh đó, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và báo chí trong việc tiếp nhận, truyền tải tiếng nói của nhân dân, góp phần hình thành môi trường chính trị - xã hội lành mạnh, không dung dưỡng cho tham nhũng tồn tại. Khi người dân được tin tưởng, trao quyền và bảo vệ, phòng, chống tham nhũng sẽ trở thành phong trào của toàn xã hội, góp phần xây dựng một nền quản trị công khai, minh bạch và liêm chính.

*Thứ năm*, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác phòng, chống tham

những có đủ phẩm chất, năng lực và bản lĩnh để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia vào công tác phòng, chống tham nhũng giữ vai trò nòng cốt trong cuộc chiến đầy cam go này. Do đó, cần đặc biệt chú trọng tuyển chọn, bồi dưỡng và sử dụng những cán bộ thực sự liêm chính, có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới với tiêu cực và không bị chi phối bởi áp lực lợi ích hay quan hệ cá nhân. Bên cạnh đạo đức và bản lĩnh chính trị, họ cũng cần được trang bị đầy đủ kiến thức pháp lý, kỹ năng điều tra, kiểm tra, giám sát hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, và khả năng phối hợp liên ngành. Cần xây dựng cơ chế bảo vệ, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi

cho những cán bộ “dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm” trong phòng, chống tham nhũng; đồng thời kiên quyết loại bỏ những người yếu kém về năng lực, mờ nhạt về lập trường, thỏa hiệp với cái sai, làm mất uy tín của cơ quan chống tham nhũng. Có như vậy, lực lượng này mới thật sự trở thành “thanh bảo kiếm” sắc bén, góp phần hiện thực hóa quyết tâm chính trị của Đảng trong làm trong sạch bộ máy và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

### 3. Kết luận

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí không chỉ là cuộc đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, mà quan trọng hơn, đó còn là quá trình củng cố niềm tin của nhân

dân, giữ gìn phẩm chất cách mạng, bảo vệ sự trong sạch và uy tín của Đảng - nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong nhiệm vụ này, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò then chốt, với bản lĩnh chính trị vững vàng, trí tuệ sắc bén và sức mạnh tổ chức đủ để lãnh đạo toàn hệ thống chính trị hành động kiên quyết, đồng bộ và hiệu quả. Khi thể chế được hoàn thiện, kỷ cương được siết chặt, đội ngũ cán bộ được sàng lọc nghiêm túc và vai trò giám sát của nhân dân được phát huy thực chất, tham nhũng sẽ không còn đất sống. Một Đảng mạnh về tư tưởng, trong sạch về đạo đức, vững vàng về tổ chức sẽ là nền tảng vững chắc để đất nước bước vào kỷ nguyên mới./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.
2. Đặng Văn Dũng, “Tiếp tục cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực - Nhân tố cốt lõi bảo đảm thành công trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, [https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK3lGf/content/tiep-tuc-cuoc-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-nhan-to-cot-loi-bao-dam-thanh-cong-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc](https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK3lGf/content/tiep-tuc-cuoc-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-nhan-to-cot-loi-bao-dam-thanh-cong-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc).
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, H. 2021.
4. Nguyễn Phú Trọng: *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb CTQGST, H. 2023.
5. Trần Thị Minh, Quan điểm chỉ đạo của Đảng ta về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ hiện nay, *Tạp chí Nhà nước và Lao động*, <https://tcnn.vn/news/detail/63500/Quan-diem-chi-dao-cua-Dang-ta-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-trong-cong-tac-can-bo-hien-nay.html>.



# XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY THỂ TRẬN LÒNG DÂN THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

✪ LÊ VĂN BỐT\*

**T**ăng cường quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một nội dung quan trọng được trình bày trong Báo cáo Chính trị trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Xuất phát từ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, Đảng ta đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, và giải pháp quan trọng trong việc xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân. Trong đó, lần đầu tiên Đảng ta đưa nội dung xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thể trận lòng dân” trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân vào trong báo cáo chính trị nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

*Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin:* Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Lênin nhấn mạnh: “Trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường”.

Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính ra lịch sử và quyết định sự phát triển của lịch sử. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga là một minh chứng cho sức mạnh của lòng dân và thể trận lòng dân.

*Theo tư tưởng Hồ Chí Minh:* Người cho rằng: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”; “dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”; “gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”.

Trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng và xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Lực lượng và sức mạnh chính là ở dân”, “có dân là có tất cả”. “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân thì hết làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”. Sinh thời Bác từng nói: “Ở trong xã hội, muốn thành công phải có ba điều kiện là thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Ba điều kiện ấy đều quan trọng cả. Nhưng thiên thời không quan trọng

bằng địa lợi, mà địa lợi không quan trọng bằng nhân hòa. Nhân hòa là thế nào? Nhân hòa là tất cả mọi người đều nhất trí”.

Trong buổi trả lời các nhà báo nước ngoài vào năm 1946 sau thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bác nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.

Trong Di chúc, Bác viết: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng. Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”.

Chính việc vận dụng sáng

\* Thiếu tá, Trưởng ban Dân vận, Phòng Chính trị - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp

tạo, khoa học chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh lòng dân, cuộc cách mạng nước ta đã giành được nhiều thắng lợi to lớn trong chống phát xít Nhật, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ để giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

*Quan điểm của Đảng ta về xây dựng “thể trận lòng dân” qua các kỳ Đại hội:* Trước Đại hội lần thứ XIII của Đảng, thì trong các kỳ Đại hội lần thứ VI, VII, VIII, Đảng ta luôn quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Đến các kỳ Đại hội lần thứ IX, X, XI, XII phát triển quan điểm “lấy dân làm gốc” và xây dựng “lòng dân” được thể hiện sâu sắc hơn một bước.

Như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ: “Làm hợp lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn. Ngược lại, nếu làm cái gì trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả”.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, việc xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thể trận lòng dân” những năm qua đạt được những thành tựu đó là:

Những năm qua, để xây dựng “thể trận lòng dân”, Đảng ta đã tăng cường xây dựng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng

của nhân dân. Biểu hiện cụ thể là đã tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đặc biệt, công cuộc phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh, với quyết tâm của lãnh đạo Đảng về việc “không có vùng cấm” đã đạt những kết quả to lớn, bước đầu mang lại niềm tin lớn lao trong nhân dân.

Chính trị, xã hội cơ bản ổn định; an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, không để bị động, bất ngờ, ứng phó kịp thời với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Việc xây dựng “thể trận lòng dân” được coi trọng, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, xung yếu, các khu vực phòng thủ đã phát huy tốt vai trò xây dựng, củng cố quốc phòng, tiềm lực chính trị - tinh thần luôn được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa việc thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” và cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân

dân làm chủ”. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở những năm gần đây được chỉ đạo quyết liệt, quyền làm chủ của nhân dân được coi trọng, phát huy, qua đó tạo bầu không khí dân chủ cởi mở hơn trong xã hội. Nhân dân tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Mô hình “Dân vận khéo” và các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực đã tác động rất lớn đến xây dựng “thể trận lòng dân”.

Chủ trương thực hiện một Chính phủ “kiến tạo, liêm chính, nghiêm minh” và công cuộc cải cách hành chính bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tiếp tục được thực hiện có nền nếp, nghiêm túc. Chính phủ và chính quyền các cấp đã ban hành nhiều văn bản quan trọng, tập trung chỉ đạo tăng cường đối thoại với công dân; chủ động nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo ngay từ khi phát sinh ở cơ sở; nâng cao chất lượng giải quyết các khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài; hạn chế đến mức thấp nhất việc hình thành các “điểm nóng”.

Với những thành tựu trên đã góp phần quan trọng củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, “củng cố thể trận lòng dân”, phát huy sức mạnh

của cả dân tộc, tạo ra thế và lực cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình mới.

*Tuy nhiên, việc xây dựng “thế trận lòng dân” những năm qua cũng còn những hạn chế như:*

Sự tác động từ mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đã dẫn tới tình trạng phân hóa giàu, nghèo ngày càng gia tăng, đời sống vật chất của nhân dân, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, phần nào đã ảnh hưởng đến xây dựng “thế trận lòng dân” khi mà các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá Đảng, Nhà nước ta.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhận thức chưa sâu sắc, chưa đầy đủ về “lòng dân” và xây dựng “thế trận lòng dân”, có sống xa dân, tác phong, phương pháp làm việc còn hạn chế, làm phiền hà nhân dân, điều này đã ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân.

Ở một số nơi, trật tự và an toàn xã hội chưa được bảo đảm, tệ nạn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp; một số cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước ta là đúng, nhưng quá trình triển khai thực hiện lại bộc lộ nhiều sai sót; việc xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần trong xây dựng khu vực phòng thủ có lúc chưa thật sự bền vững, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ củng cố quốc phòng trong tình hình mới.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã thực sự coi mặt trận tư tưởng, văn hóa là hướng tiến công chủ đạo để thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm chia rẽ “thế trận lòng dân”, nhất là lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer ở Tây Nam bộ và những diễn biến phức tạp của tình hình biển Đông để chống phá Đảng, Nhà nước ta nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận, thực tiễn và những thành tựu, hạn chế, đòi hỏi sự cần thiết phải xây dựng “thế trận lòng dân”. Đây là vấn đề vừa mang tính cấp thiết vừa là chiến lược lâu dài trong tình hình mới.

*Nội dung xây dựng “thế trận lòng dân” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng:*

So với các kỳ đại hội trước “thế trận lòng dân” được đặt lên hàng đầu trong mối quan hệ với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Đây không đơn thuần là sự sắp xếp cơ học mà đó là sự khẳng định, bổ sung, có sự phát triển mới trong tư duy của Đảng ta về đường lối quân sự, quốc phòng và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở kế thừa truyền thống của dân tộc, sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tình hình thực tiễn của đất nước trong thời gian qua.

Cùng với khẳng định, nâng tầm “thế trận lòng dân” là một trong những sức mạnh nội sinh của dân tộc, văn kiện Đại hội XIII cũng nêu vấn đề này một cách rõ nét, toàn diện hơn, đó là: Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; xây dựng, củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Điều này có nghĩa phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” phải gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, đặt trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; xây dựng, củng cố “thế trận lòng dân phải gắn bó chặt chẽ với xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân.

*Trên cơ sở đó Đại hội XIII của Đảng đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp xây dựng “thế trận lòng dân”, cụ thể như sau:*

*Thứ nhất*, tập trung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức gắn với thực hiện Kết luận số 01 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

*Thứ hai*, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đi đôi với phát triển kinh tế cần có những chủ



trương, chính sách phù hợp, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật để không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân nhất là ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo (*thời gian qua Đảng, Nhà nước ta cũng có nhiều chính sách quan trọng trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, xây dựng cơ sở hạ tầng...*).

*Thứ ba*, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, tạo nền tảng xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân vững mạnh.

*Thứ tư*, Đảng và Nhà nước phải luôn có chủ trương, chính sách đúng đắn trong việc giải quyết tốt những vấn đề bức xúc, nổi cộm; xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc Việt Nam, kể cả những người đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài để tạo nên sự đồng thuận trong toàn xã hội. (*Điều này được thể hiện rõ nhất là trong thời gian qua Đảng, Nhà nước ta đã đề ra các chính sách phù hợp, tạo được sự đồng thuận của nhân dân trong việc phòng, chống Covid-19 và gây quỹ ủng hộ mua vắc xin tiêm phòng Covid-19*).

*Thứ năm*, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, xử lý nghiêm khắc, dứt điểm các vụ việc nhằm củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.

*Thứ sáu*, xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục, phổ biến, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng (*thời gian qua thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, nhất là các chức sắc, chức việc, nhà tu hành...*).

Từ những nhiệm vụ và giải pháp xây dựng thể trận lòng dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng thì những vấn đề rút ra đó là:

(1) Xây dựng và phát huy mạnh mẽ “*thể trận lòng dân*” là một quan điểm đúng đắn, tư duy mới, một vấn đề mang tính cốt lõi, phù hợp với quy luật và tình hình thực tiễn của đất nước. (2) Việc quán triệt, thực hiện tốt quan điểm của Đảng về xây dựng “*thể trận lòng dân*” tạo cơ sở, nền tảng vững chắc trong xây thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. (3) Làm thất bại chiến lược “*diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, ngăn chặn, đẩy lùi “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ.

Xây dựng “*thể trận lòng dân*” là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó Quân đội có vị trí vai trò đặc biệt quan trọng. Vì vậy, trách nhiệm của Quân đội trong thời gian tới cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất*, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong Quân đội nghiêm túc quán triệt các quan điểm của Đảng, Nhà nước ta và vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện các giải pháp xây dựng “*thể trận lòng dân*” phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

*Thứ hai*, không ngừng giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng, của từng địa phương gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại nhằm nâng cao ý thức cho cán bộ, chiến sĩ và mọi người dân đối với nhiệm vụ xây dựng “*thể trận lòng dân*” trong thời kỳ mới.

*Thứ ba*, xây dựng Quân đội vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Chăm lo xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “*Mẫu mực, tiêu biểu*”, thực hiện tốt phong trào thi đua Quyết thắng của đơn vị với phong trào thi đua yêu nước của địa phương.

*Thứ tư*, thực hiện tốt chức năng đội quân công tác và làm tốt công tác dân vận; thực hiện tốt công tác vận động quần chúng với các mô hình “*Dân vận khéo*”; các hoạt động “*Tết Quân - Dân*” và các hoạt động “*Đền ơn*,



*đáp nghĩa”, sẵn sàng tham gia thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.*

Như đồng chí Đại tướng Ngô Xuân Lịch, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó bí thư Quân ủy Trung ương, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng từng khẳng định: *“Trong mỗi bước phát triển, trưởng thành và chiến thắng của Quân đội đều có sự giúp đỡ, bao bọc, chở che của nhân dân”.*

*Thứ năm, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ để đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, cơ hội nhằm chia rẽ mối quan hệ đoàn kết quân - dân.*

*Tóm lại, xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” là một giá trị độc đáo, đặc sắc trong nghệ thuật quân sự Việt Nam, một vấn đề lý luận và thực tiễn có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược*

*bảo vệ Tổ quốc được Đảng ta nhận thức và phát triển trong văn kiện các kỳ đại hội Đảng; trong các Nghị quyết Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc theo sự phát triển của tình hình và trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thực tiễn nhiều năm qua. Xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” là nền tảng để củng cố niềm tin, tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới./.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Vấn đề tăng cường quốc phòng trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự - Bộ Quốc phòng xuất bản tháng 12 năm 2016.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI, XII, XIII của Đảng.
3. Những bài viết, nói về quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, xuất bản năm 1985.
4. Bộ Quốc phòng: *Quốc phòng Việt Nam năm 2009*, Hà Nội, 2009.
5. Xây dựng thế trận lòng dân trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc, tạp chí Quốc phòng toàn dân (website: tapchiquptd.vn), ngày 20-1-2012.
6. Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng (Chủ trì): *Xây dựng và phát triển bền vững nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới*, đề tài cấp nhà nước, Hà Nội, 2016.
7. Học viện Quốc phòng: *Phát triển lý luận về tăng cường sức mạnh quốc phòng và chiến tranh nhân dân*, đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số: KX - 04.21, Hà Nội, 2010.
8. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
9. Tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân thời kỳ mới, tạp chí Quốc phòng toàn dân (website: tapchiquptd.vn), ngày 13-12-2010.
10. *Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, tạp chí Cộng sản, số 12-2012.
11. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số vấn đề cơ bản trong quốc phòng quân sự và đại đoàn kết, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011.
12. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự - Bộ Quốc phòng: *Nền quốc phòng toàn dân trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.
13. Trích Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh
14. Bản dịch của Viện khoa học xã hội Việt Nam, in trong Đại Việt sử ký toàn thư, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

# XÂY DỰNG “VĂN HÓA NÊU GƯƠNG” TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở CƠ SỞ - GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN 21-KL/TW

✧ NGUYỄN THỊ HỒNG MUỘI\*  
✧ NGUYỄN THỊ TRÚC LINH\*\*

**Tóm tắt:** Xây dựng “văn hóa nêu gương” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ sở là yêu cầu cấp thiết để củng cố nền tảng chính trị, giữ vững niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Nêu gương được nâng từ hành vi cá nhân thành giá trị tập thể, gắn chặt với kỷ luật tổ chức và văn hóa công vụ, tạo ra sức mạnh thuyết phục từ thực tiễn. Khi nêu gương trở thành văn hóa, nó không chỉ góp phần rèn luyện đạo đức cách mạng mà còn trực tiếp nâng cao hiệu quả quản trị, làm cho sinh hoạt đảng nền nếp, quan hệ Đảng - dân bền chặt. Đó là con đường bảo đảm cho tổ chức cơ sở đảng giữ vững sức chiến đấu, phát huy uy tín lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khoá:** Văn hoá nêu gương, cán bộ, đảng viên, Kết luận 21-KL/TW.

## 1. Đặt vấn đề

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ trọng yếu, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng. Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII khẳng định: “phải kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; đồng thời đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Thực tiễn cho thấy, ở đâu cán bộ nêu gương tốt, ở đó niềm tin của nhân dân được củng cố, khối đoàn kết được tăng cường, tổ chức đảng giữ vững sức chiến đấu”<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh

từng nhấn mạnh: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn trăm bài diễn văn tuyên truyền”<sup>2</sup>. Tư tưởng ấy khẳng định nêu gương không chỉ là phương thức giáo dục hiệu quả, mà còn là chuẩn mực đạo đức cách mạng để rèn luyện cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, nêu gương nếu chỉ dừng lại ở hành vi cá nhân sẽ khó bền vững; cần được nâng lên thành một “văn hóa nêu gương”, trở thành hệ giá trị chung định hướng hành vi, điều chỉnh chuẩn mực, hình thành động lực tinh thần cho cả tập thể.

Trong bối cảnh hiện nay, khi yêu cầu xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ đặt ra ngày

\* Thạc sĩ, Ủy viên BTV Đảng uỷ, Trưởng Ban Xây dựng Đảng, Giám đốc Trung tâm Chính trị xã Phú Hựu

\*\* Giảng viên, viên chức Trung tâm Chính trị xã Phú Hựu.

<sup>1</sup> Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, Hà Nội, 2021.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 552.

càng cao, việc xây dựng “văn hóa nêu gương” ở đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ sở có ý nghĩa then chốt. Đây không chỉ là biện pháp phòng ngừa suy thoái, mà còn là giải pháp tạo dựng môi trường chính trị lành mạnh, củng cố uy tín của Đảng, khơi dậy niềm tin và đồng thuận xã hội.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc nêu gương***

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nêu gương là phương thức giáo dục và thuyết phục hiệu quả nhất, trực tiếp định hướng hành vi của cán bộ, đảng viên. Từ nền tảng tư tưởng của Người, Đảng ta phát triển thành quan điểm nhất quán: nêu gương không chỉ là yêu cầu đạo đức cá nhân mà là phương thức lãnh đạo của Đảng; chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nêu gương trước về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, trách nhiệm công vụ. Hệ chuẩn này được thể chế hóa trong các văn kiện quan trọng của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, nhấn mạnh gắn nêu gương với kiểm tra, giám sát, đánh giá cán bộ, với kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng.

Về phương diện thực tiễn, kinh nghiệm ở cơ sở cho thấy

nêu gương tạo ra trật tự giá trị chung trong tổ chức, tăng tính tự giác và tính chiến đấu của đảng viên, củng cố niềm tin của nhân dân, qua đó nâng cao hiệu lực lãnh đạo, quản lý và chất lượng giải quyết công việc. Khi người đứng đầu và cấp ủy nêu gương nhất quán, sinh hoạt chi bộ đi vào nề nếp, công tác dân vận, cải cách thủ tục hành chính, phòng chống tiêu cực đạt hiệu quả rõ rệt; ngược lại, nơi nào nêu gương lỏng lẻo, hình thức, thi kỷ luật tổ chức suy giảm, niềm tin xã hội bị bào mòn. Có thể thấy, cơ sở lý luận và thực tiễn đều thống nhất ở một nhận định chung, nêu gương vừa là tiêu chuẩn rèn luyện của người cán bộ, đảng viên, vừa là cơ chế vận hành để chuyển hóa chủ trương của Đảng thành kết quả cụ thể ở cơ sở.

### ***2.2. Ý nghĩa của việc xây dựng văn hóa nêu gương***

Xây dựng “văn hóa nêu gương” có ý nghĩa trực tiếp trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Trước hết, đó là điều kiện để chuyển yêu cầu nêu gương từ hành động mang tính cá nhân thành chuẩn mực chung, bảo đảm tính bền vững, ổn định và có khả năng chi phối hành vi tập thể. Khi nêu gương trở thành văn hóa, cán bộ, đảng

viên không chỉ gương mẫu trong những tình huống cụ thể, mà còn hình thành thói quen chính trị, lối sống công vụ, tác phong chuẩn mực, qua đó nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh từ rất sớm đã khẳng định nêu gương là nguyên tắc căn bản trong rèn luyện và lãnh đạo. Người viết: “Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”<sup>3</sup>. Câu nói ấy thể hiện rõ quan điểm: nêu gương không phải là khẩu hiệu hình thức, mà là điều kiện tiên quyết để thuyết phục, tập hợp và dẫn dắt quần chúng. Trên cơ sở đó, Đảng ta xác định “nêu gương là một trong những phương thức lãnh đạo quan trọng”<sup>4</sup>, đồng thời cụ thể hóa bằng những quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Về phương diện xã hội, văn hóa nêu gương tạo ra niềm tin chính trị bền chặt. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin, niềm tin của nhân dân không thể củng cố chỉ bằng khẩu hiệu hay tuyên truyền một chiều, mà cần được đảm bảo và minh chứng bởi hành vi thực tế của cán bộ, đảng viên. Ở nơi nào cán bộ giữ gìn lối sống trong sạch, làm việc tận tụy, gần dân và vì dân, nơi

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 552.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 181.

đó lòng dân quy tụ, khối đoàn kết được củng cố, kỷ cương được giữ vững.

Như vậy, xây dựng văn hóa nêu gương không chỉ là một biện pháp rèn luyện đạo đức cá nhân, mà còn là nền tảng để nâng cao hiệu quả lãnh đạo ở cơ sở, phòng ngừa suy thoái, góp phần củng cố uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng. Đây chính là “sức mạnh” để hệ thống chính trị giữ vững niềm tin, phát huy đồng thuận, bảo đảm mọi chủ trương của Đảng đi vào cuộc sống.

### **2.3. Thực trạng và những vấn đề đặt ra ở cơ sở**

Nhìn từ cơ sở, yêu cầu nêu gương đã được đưa vào nền nếp lãnh đạo, quản lý: cấp ủy xác định rõ vai trò nêu gương của người đứng đầu; nhiều nơi lồng ghép nội dung này trong quy chế làm việc, sinh hoạt chi bộ định kỳ; công tác tiếp dân, giải quyết thủ tục hành chính, phòng chống tiêu cực được chú trọng hơn. Khi cán bộ tự giác giữ kỷ luật phát ngôn, giữ gìn lời sống và tác phong công vụ, quan hệ Đảng - dân trở nên gần gũi, công việc chuyển biến theo hướng “nói ít, làm nhiều”, tạo cảm nhận thực chất về hiệu lực của bộ máy.

Tuy vậy, nêu gương vẫn còn chênh lệch giữa nơi này với nơi khác. Có tổ chức đảng coi nêu gương như thủ tục hình thức: báo cáo đủ,

làm chưa tới; nói đi đôi với làm chưa nhất quán; việc nêu gương của người đứng đầu chưa trở thành thước đo, chưa dẫn dắt được hành vi tập thể. Ở một số nơi, vẫn còn tâm lý an toàn, ngại va chạm làm cho nêu gương nhạt dần; có trường hợp công - tư lẫn lộn, nể nang, né tránh phê bình, dẫn đến “trên nêu, dưới không theo”, làm suy giảm tính chiến đấu. Bên cạnh đó, sự phát triển của truyền thông số cũng đặt ra thách thức mới: hành vi không tương xứng giữa trên mạng và ngoài đời dễ làm tổn hại uy tín tổ chức đảng, tạo kẽ hở cho thông tin sai lệch xuất hiện.

Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc chuẩn mực nêu gương chưa được cụ thể hóa theo vị trí việc làm; cơ chế kiểm tra, giám sát chủ yếu nội bộ, thiếu kênh phản hồi độc lập của nhân dân; đánh giá nêu gương còn thiên về thủ tục cuối năm, ít căn cứ trên kết quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Ở cấp cơ sở, điều kiện công vụ, áp lực thực thi nhiệm vụ, sự thiếu hụt bồi dưỡng thường xuyên về đạo đức công vụ và kỹ năng số cũng là rào cản để nêu gương trở thành thói quen bền vững. Thêm vào đó, công tác phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình chưa kịp thời; khen - chê thiếu minh bạch làm giảm tác dụng giáo dục.

Từ thực trạng đó, vấn đề đặt ra không chỉ là yêu cầu mỗi cá nhân gương mẫu, mà là kiến tạo một môi trường tổ chức trong đó nêu gương trở thành chuẩn mực chung, gắn chặt với kiểm tra, giám sát và công tác cán bộ; được phản hồi thường xuyên bởi nhân dân; được củng cố bằng sinh hoạt đảng nghiêm túc và văn hóa công vụ mạch lạc. Đặt nêu gương ở tầm “gốc rễ” của xây dựng Đảng ở cơ sở như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>5</sup>. Khi “cái gốc” ấy được chăm bón bằng rèn luyện đạo đức, kỷ luật tổ chức và trách nhiệm giải trình, nêu gương sẽ không dừng ở biểu hiện nhất thời, mà kết tinh thành văn hóa chính trị, đủ sức chống lại mọi biểu hiện hình thức, tạo dựng niềm tin bền vững của nhân dân.

### **2.4. Giải pháp xây dựng văn hóa nêu gương**

*Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và người đứng đầu*

Muốn xây dựng văn hóa nêu gương bền vững, trước hết phải xuất phát từ cấp ủy và người đứng đầu. Ở cơ sở, khi Bí thư, Chủ tịch, Trưởng các Phòng, Ban, Ngành, Đoàn thể thực sự gương mẫu, toàn bộ hệ thống chính trị sẽ chuyển động theo. Người đứng đầu không chỉ cần nêu gương

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh, Sửa đổi lối làm việc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 269.



trong lời nói và hành động, mà còn phải kiên định lập trường, giữ vững kỷ luật phát ngôn, tinh thần trách nhiệm và phong cách công tâm. Nêu gương từ trên cao không chỉ tạo niềm tin trong tổ chức mà còn lan tỏa tới quần chúng, vì vậy, sự nêu gương của người lãnh đạo phải trở thành động lực khơi dậy tinh thần trách nhiệm, chống lại biểu hiện hình thức, tạo nền tảng để củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

*Thể chế hóa nêu gương thành chuẩn mực sinh hoạt đảng và công tác thường xuyên*

Để nêu gương không dừng lại ở khẩu hiệu, cần thể chế hóa thành quy định cụ thể trong quy chế làm việc, nghị quyết chi bộ, nội dung sinh hoạt định kỳ. Việc này không chỉ bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức mà còn tạo cơ sở để cán bộ, đảng viên thực hiện tự giác, thường xuyên. Chuẩn mực có thể bắt đầu từ những việc thiết thực như: tác phong tiếp dân, kỷ luật giờ giấc, thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm trong giải quyết công việc. Mỗi chuẩn mực cụ thể sẽ trở thành thước đo khách quan, giúp hạn chế tính hình thức, đồng thời làm cho nêu gương đi vào chiều sâu. Thể chế hóa cũng đồng nghĩa với việc biến nêu gương thành “nền nếp tổ chức”, gắn kết chặt chẽ

với xây dựng văn hóa công vụ, qua đó tăng cường sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

*Kết hợp chặt chẽ nêu gương với công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ*

Một khi không có cơ chế kiểm tra, giám sát, nêu gương dễ rơi vào hình thức. Do đó, cấp ủy phải đưa tiêu chí nêu gương vào hệ thống kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ hằng năm. Đặc biệt, kết quả nêu gương phải trở thành căn cứ quan trọng trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Song song với kiểm tra nội bộ, cần phát huy vai trò giám sát của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, tạo điều kiện để nhân dân tham gia góp ý, phản biện, kiểm chứng những cam kết nêu gương của cán bộ, đảng viên. Chính sự kết hợp này sẽ bảo đảm cho nêu gương đi vào thực chất, không bị che khuất bởi thành tích bề nổi. Văn kiện Đại hội XIII đã xác định rõ: nêu gương phải gắn liền với kiểm soát quyền lực, phòng ngừa lạm quyền, quan liêu. Đây chính là điểm tựa để xây dựng môi trường chính trị lành mạnh ở cơ sở.

*Xây dựng môi trường văn hóa chính trị lành mạnh, dân chủ, nhân văn*

Văn hóa nêu gương không thể hình thành trong môi trường thiếu dân chủ,

thiếu kỷ luật. Vì vậy, cần chú trọng xây dựng không khí sinh hoạt đảng thẳng thắn, chân thành, đề cao tự phê bình và phê bình. Thường xuyên tổ chức các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tổ chức các diễn đàn, tọa đàm đề cán bộ, đảng viên đối thoại với nhân dân. Khi văn hóa công vụ được củng cố, từ việc tiếp dân đến giải quyết thủ tục hành chính đều minh bạch, tận tình, cán bộ, đảng viên sẽ tạo dựng uy tín bền vững, qua đó tăng sức đề kháng của tổ chức đảng trước những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

*Biểu dương điển hình, xử lý nghiêm vi phạm để giữ vững kỷ luật đảng*

Một nền văn hóa chỉ có sức sống khi biết khích lệ điều tích cực và ngăn chặn kịp thời điều tiêu cực. Vì vậy, cần phát hiện và biểu dương kịp thời những tấm gương cán bộ, đảng viên tận tụy, sáng tạo, gần dân, vì dân; đồng thời nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả để tạo sức lan tỏa. Ngược lại, với những hành vi vi phạm chuẩn mực nêu gương, tổ chức đảng phải xử lý nghiêm minh, công bằng, công khai. Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Có thưởng thì phải có phạt, thưởng phạt cho công minh”<sup>6</sup>. Đó là nguyên

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 234.

tắc để duy trì kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, bảo đảm cho văn hóa nêu gương không bị hình thức hóa, mà thực sự trở thành giá trị cốt lõi của đời sống chính trị - xã hội ở cơ sở.

### **3. Kết luận**

Xây dựng “văn hóa nêu gương” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở là yêu cầu khách quan, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay. Nêu gương không chỉ dừng lại ở một phẩm chất đạo đức cá nhân, mà đã được Đảng ta xác định là phương thức lãnh đạo quan trọng, là chuẩn mực chính trị - xã hội để bảo đảm uy tín và sức mạnh của Đảng. Khi nêu gương hóa thành văn hóa, nó sẽ kiến tạo nên một trật tự giá trị bền vững, điều chỉnh hành vi tập thể, đồng thời khẳng định bản lĩnh của tổ chức đảng trong mối quan hệ với nhân dân. Thực tiễn chứng minh, nơi nào cán bộ thực sự gương mẫu, nơi đó

sinh hoạt đảng nền nếp, kỷ luật tổ chức nghiêm minh, công việc chuyển biến tích cực và niềm tin xã hội được củng cố. Ngược lại, khi nêu gương hình thức, không nhất quán, thì tính chiến đấu suy giảm, kỷ luật lỏng lẻo, sự đồng thuận trong nhân dân cũng bị bào mòn.

Trong bối cảnh toàn Đảng đang tập trung triển khai Kết luận số 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, việc thực hiện văn hóa nêu gương càng trở thành giải pháp then chốt. Kết luận 21 nhấn mạnh: kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; đồng thời đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Đây không chỉ là yêu cầu chính trị, mà còn là thước đo phẩm chất, năng lực của từng tổ chức cơ sở đảng. Thực hiện nghiêm túc văn hóa nêu gương chính là cách thiết

thực nhất để biến những định hướng đó thành hành động cụ thể, thành sức mạnh tinh thần trong đời sống hằng ngày của cán bộ, đảng viên.

Có thể khẳng định rằng, văn hóa nêu gương chính là “chìa khóa” nâng cao hiệu quả thực hiện Kết luận 21-KL/TW. Bởi chỉ khi nêu gương trở thành văn hóa - tức là được nội tâm hóa thành thói quen chính trị, lối sống công vụ và trách nhiệm xã hội - thì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng mới đi vào chiều sâu, có sức lan tỏa rộng lớn và bền vững. Đó cũng là con đường để củng cố niềm tin của nhân dân, phát huy khối đoàn kết toàn dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, từ đó nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập. Văn hóa nêu gương, vì thế, không chỉ là một giải pháp quan trọng mà còn là điều kiện cốt lõi bảo đảm cho uy tín và sức mạnh của Đảng trong tình hình mới./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2021.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 181.
4. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
6. Hồ Chí Minh, Sửa đổi lối làm việc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

## 1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp ở nước ta đang được triển khai mạnh mẽ, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, đây là tất yếu khách quan đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” là yêu cầu và nhiệm vụ phát triển đất nước ở tầm cao mới trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy dù có được thiết kế hợp lý đến đâu cũng không thể phát huy hiệu quả nếu thiếu một đội ngũ cán bộ phù hợp, có năng lực và phẩm chất. Chính vì vậy, công tác đánh giá cán bộ có vai trò then chốt, là cơ sở để lựa chọn cán bộ có “*đủ đức, đủ tài*”; bố trí, sử dụng và tinh giản cán bộ, góp phần quyết định thành công trong sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Vai trò của công tác đánh giá trong cuộc cách mạng sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “Muôn việc thành

# VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ TRONG CUỘC CÁCH MẠNG SẮP XẾP TINH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY

✪ NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG\*

**Tóm tắt:** Hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện cuộc cách mạng sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW nhằm xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, hướng tới phục vụ nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội. Trong cuộc cách mạng này, công tác đánh giá cán bộ là khâu then chốt giúp lựa chọn những người có năng lực, phẩm chất, uy tín để bổ trí vào vị trí phù hợp sau khi sáp nhập, tinh gọn.

**Từ khoá:** Đánh giá cán bộ, tinh gọn, tổ chức bộ máy.

công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém” hay “cán bộ là gốc của mọi công việc”[1]. Muốn có cán bộ tốt phải xây dựng được nguồn, phải đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đánh giá họ. Trong đó, đánh giá cán bộ có vai trò quan trọng trong việc theo dõi và đo lường mức độ thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, từ đó giúp nhà lãnh đạo, quản lý đưa ra các quyết định điều chỉnh để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc, lựa chọn và đào tạo cán bộ phù hợp, phát huy tiềm năng và

động viên cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần xây dựng đoàn kết nội bộ và thúc đẩy sự nghiệp chung. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay khi thực hiện cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, công tác đánh giá giữ vai trò then chốt, vừa là cơ sở, vừa là động lực thực hiện thành công cuộc cách mạng này, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, đánh giá là cơ sở cho việc hoạch định và ra quyết định

\* Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng TC, HC, TTTL, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Trước khi tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cần có cái nhìn toàn diện, khách quan về thực trạng tổ chức bộ máy như: số lượng tổ chức, hiệu quả hoạt động, chức năng nhiệm vụ có chồng chéo hay bỏ sót, cũng như chất lượng đội ngũ cán bộ. Có thể nói, đánh giá cán bộ là khâu tiền đề “*Đầu có xuôi, thì đuôi mới lọt*”, cung cấp thông tin cần thiết cho việc hoạch định, ban hành chính sách, quyết định. Công tác đánh giá đóng vai trò như “*tám gương phản chiếu*” - cung cấp thông tin phản hồi về quá trình thực thi nhiệm vụ của cán bộ, giúp cơ quan, tổ chức, lãnh đạo nhận diện đúng điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đưa ra chính sách, quyết định phù hợp. Đánh giá chính là cơ sở để hoạch định: phải biết rõ thực trạng bộ máy có những bất cập gì, ở đâu đang chồng chéo chức năng, ở đâu dư thừa nhân lực, ở đâu còn thiếu năng lực... thì mới có cơ sở để thiết kế lại tổ chức hợp lý.

*Thứ hai*, đánh giá là công cụ đảm bảo tính công bằng, minh bạch

Trong quá trình tinh gọn bộ máy, đặc biệt là tinh giản biên chế, việc đánh giá năng lực, phẩm chất cán bộ có ý nghĩa quyết định. Cụ thể tại Nghị định 178/2024/NĐ-CP

và Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ đã cụ thể hóa chế độ, chính sách, coi đánh giá là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, miễn nhiệm, tinh giản biên chế. Đây là sự khẳng định vai trò pháp lý của công tác đánh giá trong tiến trình sắp xếp tổ chức bộ máy [2].

Một trong những điểm đổi mới quan trọng của Luật Cán bộ, công chức năm 2025 chính là nội dung về đánh giá cán bộ, công chức. Nếu như trước đây việc đánh giá còn thiên về hình thức, dựa nhiều vào cảm tính thì Luật mới đã xác lập nguyên tắc đánh giá theo vị trí việc làm, thường xuyên, đa chiều, công khai và minh bạch. Kết quả công việc được coi là thước đo chủ yếu, với các mức xếp loại rõ ràng từ “hoàn thành xuất sắc” đến “không hoàn thành nhiệm vụ” [3]. Đây là bước tiến lớn nhằm bảo đảm sự công bằng, khách quan trong công tác cán bộ, đồng thời tạo động lực để công chức nỗ lực phấn đấu, nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ. Có thể thấy, quy định mới về đánh giá không chỉ giúp “*chọn đúng người, dùng đúng việc*” mà còn góp phần xây dựng đội ngũ công chức liêm chính, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và phát triển đất nước.

*Thứ ba*, đánh giá là động lực thúc đẩy đổi mới và phát triển

Công tác đánh giá không chỉ nhằm “*chọn ai ở, ai đi*” mà quan trọng hơn là tạo ra cơ chế khuyến khích công hiến, đề cao hiệu quả công việc. Thông qua đánh giá định kỳ, cán bộ sẽ ý thức rõ hơn về trách nhiệm, năng lực của mình, từ đó chủ động học tập, đổi mới phương pháp làm việc. Điều này góp phần tạo động lực làm việc, tăng khả năng hoàn thành công việc của cán bộ, tăng cường sự hợp tác trong công việc, đoàn kết nội bộ, xây dựng một nền văn hóa tổ chức chuyên nghiệp, hướng đến kết quả và hiệu quả phục vụ.

*Thứ tư*, đánh giá bảo đảm tính bền vững của quá trình tinh gọn

Sắp xếp bộ máy không phải là hoạt động nhất thời mà là một quá trình lâu dài, liên tục; không phải chỉ là cắt giảm đầu mối hay tinh giản biên chế trong một giai đoạn nhất định, mà là duy trì sự gọn nhẹ, hiệu quả ấy một cách bền vững. Thông qua công tác đánh giá giúp cơ quan, tổ chức, lãnh đạo, quản lý nhận diện kịp thời những bất cập mới nảy sinh sau cải cách như: liệu bộ máy có thực sự gọn nhẹ hơn, hoạt động có hiệu quả hơn, chi phí hành



chính có giảm, chất lượng phục vụ có nâng cao?... Đây chính là cơ sở để điều chỉnh kịp thời, bảo đảm cho công cuộc cải cách không chỉ thành công ở bước khởi đầu mà còn duy trì được tính bền vững. Nếu không thường xuyên, liên tục, định kỳ, bộ máy có thể tái phình to, chức năng nhiệm vụ lại chồng chéo, dẫn đến vòng luẩn quẩn “sắp xếp - phình to - lại sắp xếp”. Chính việc đánh giá thường xuyên, khách quan, dựa trên tiêu chí rõ ràng mới giúp kiểm soát quá trình này, điều chỉnh kịp thời các sai lệch và bảo đảm cho cải cách đi đúng hướng.

Đồng thời, đánh giá còn cung cấp bằng chứng về hiệu quả thực tiễn của việc tinh gọn: có tiết kiệm ngân sách không, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp có nâng cao không, đội ngũ cán bộ có phát huy được năng lực không. Những kết quả này vừa là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện bộ máy, vừa tạo sự đồng thuận xã hội, qua đó gia tăng tính bền vững của cả quá trình.

## ***2.2. Thực trạng công tác đánh giá cán bộ trong cuộc cách mạng sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy***

Có thể khẳng định, công tác đánh giá cán bộ có vai trò then chốt, là cơ sở để lựa chọn cán bộ, bố trí, sử dụng và tinh

giảm cán bộ, góp phần quyết định thành công trong sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị.

Trong những năm qua, cùng với tiến trình thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, công tác đánh giá cán bộ đã có nhiều bước đổi mới đáng kể.

Nếu như trước đây, đánh giá cán bộ còn nặng về hình thức, thiên về phẩm chất chính trị chung chung, thì trong thời gian qua đã có sự đổi mới mạnh mẽ về nội dung và tiêu chí. Việc đánh giá cán bộ ngày càng gắn chặt với kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm công việc cụ thể. Luật Cán bộ, công chức năm 2025 tiếp tục khẳng định nguyên tắc: cán bộ, công chức được đánh giá dựa trên phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn và hiệu quả công việc [4]. Điều này đã tạo sự chuyển biến từ “đánh giá cảm tính” sang “đánh giá theo kết quả thực chất”. Nhiều cơ quan, đơn vị đã triển khai các phương pháp đánh giá đa chiều, lấy kết quả làm thước đo chủ yếu, hạn chế tối đa tình trạng “cào bằng”. Cách

tiếp cận này góp phần khuyến khích tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của cán bộ trong công việc.

Một điểm tiến bộ rõ nét trong thời gian qua là việc mở rộng phạm vi, đối tượng tham gia đánh giá. Không chỉ dừng ở tự đánh giá và đánh giá của cấp trên trực tiếp, nhiều cơ quan, đơn vị đã coi trọng lấy ý kiến từ đồng nghiệp, tập thể nơi công tác và cả quần chúng nhân dân. Hình thức đánh giá đa nguồn này giúp phản ánh trung thực, toàn diện hơn về phẩm chất, năng lực và uy tín của cán bộ. Thực tế cho thấy, nhiều trường hợp cán bộ được tập thể tín nhiệm cao cũng đồng thời là những người hoàn thành tốt nhiệm vụ, có đóng góp thiết thực cho đơn vị, qua đó tăng cường niềm tin trong tổ chức và xã hội.

Một thành tựu nổi bật là việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, nghị định nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách về đánh giá cán bộ, đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, giúp cho công tác đánh giá cán bộ đi vào nề nếp, thống nhất, công khai, minh bạch hơn. Việc đánh giá cán bộ khách quan, minh bạch cũng góp phần tạo niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính trị.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc đánh giá hiện nay vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Trong Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII chỉ rõ: *“Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, không ít trường hợp còn cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến”* [5]. Đến Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII xác định: *“Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, mặc dù đã có nhiều đổi mới nhưng vẫn còn không ít trường hợp chưa phản ánh đúng thực chất”*[6]. Cụ thể như: (1) Tiêu chí đánh giá còn chung chung, thiên về định tính, thiếu những thước đo cụ thể về hiệu quả công việc. Mặc dù hệ thống văn bản quy định về công tác đánh giá ban hành khá đầy đủ và kịp thời, nhưng thực tế vẫn chưa có thang đo cụ thể về đánh giá cán bộ, một số ngành, lĩnh vực, cơ quan đơn vị đặc thù chưa cụ thể hoá các tiêu chí đánh giá phù hợp với chức năng nhiệm vụ, với yêu cầu vị trí công việc, dẫn đến đánh giá công việc khó định lượng mà chỉ có thể định tính. (2) Ở nhiều nơi, quy trình đánh giá chưa thực sự khách quan, minh bạch. Tâm lý “dĩ hòa vi quý”; ý thức trách nhiệm đánh giá của cán bộ chưa cao, còn nể nang, né tránh xung đột khiến việc đánh

giá còn mang tính hình thức; thậm chí, nhiều người đứng đầu cơ quan, đơn vị không thẳng thắn đánh giá cán bộ dưới quyền yếu kém, vì sợ bị mất lòng. Kết quả đánh giá “ai cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ”, dẫn đến tình trạng bình quân chủ nghĩa, không phân loại rõ người giỏi - người yếu. (3) Công tác đánh giá chưa gắn chặt với chế độ đãi ngộ, khen thưởng hay kỷ luật. Hệ quả là cán bộ thiếu động lực phấn đấu, người làm tốt không được khích lệ xứng đáng, trong khi người làm chưa tốt lại không bị xử lý nghiêm minh. Điều này làm giảm tác dụng của đánh giá như một công cụ thúc đẩy đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ.[7]

Những hạn chế trên nếu không được khắc phục sẽ làm giảm giá trị thực tiễn của công tác đánh giá, thậm chí cản trở tiến trình cải cách bộ máy. Bởi lẽ, khi đánh giá thiếu chính xác và công bằng, mọi quyết định sắp xếp, bổ nhiệm hay tinh giản đều khó đạt hiệu quả, đồng thời dễ gây tâm lý hoài nghi, mất niềm tin trong đội ngũ cán bộ.

### 3. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, trong tiến trình thực hiện cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, công tác đánh giá cán bộ giữ vai trò then chốt. Đánh giá không

chỉ giúp nhận diện đúng thực trạng, làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định và ra quyết định, mà còn bảo đảm tính công bằng, minh bạch trong lựa chọn nhân sự, đồng thời tạo động lực đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ. Quan trọng hơn, đánh giá còn là cơ chế giám sát, điều chỉnh, giúp duy trì sự bền vững của bộ máy sau cải cách. Tuy nhiên, đánh giá cán bộ là một khâu khó, còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập, cần phải tiếp tục đưa ra những giải pháp đồng bộ nhằm hạn chế những lỗ hổng và sai sót, đem lại hiệu quả thực chất đóng góp vào thành công chung của cả bộ máy. Bởi một hệ thống đánh giá cán bộ hiệu quả sẽ giúp cơ quan, đơn vị tận dụng tối đa tài sản quý giá nhất của họ, đó là nguồn nhân lực, xây dựng được đội ngũ cán bộ thực sự *“đủ đức, đủ tài”*, đem lại thành công lâu dài và bền vững, tạo sự đồng thuận, đoàn kết trong nội bộ. Nói cách khác, nếu không đánh giá đúng, cải cách dễ rơi vào hình thức; ngược lại, với đánh giá chuẩn xác, bộ máy sẽ thực sự tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 18-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - *“Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”*.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, sđd, tr. 280, tr. 309, tr.313, tr.314;

[2] Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

[3] [4] Luật cán bộ, công chức năm 2025;

[5] Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 205;

[7] Trang thông tin điện tử cải cách hành chính nhà nước: Thực trạng công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hiện nay, <http://caicachhanhchinh.gov.vn/>, năm 2023.

# NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VĂN HOÁ CHO SINH VIÊN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✪ NGUYỄN HOÀI VINH\*

**Tóm tắt:** Đạo đức, lối sống thuộc hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội và do tồn tại xã hội quyết định. Tác động của mạng xã hội cùng với quá trình giao lưu hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực hiện nay đã làm ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống của sinh viên ở cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Trên cơ sở phân tích tác động của mạng xã hội đến đạo đức, lối sống của sinh viên, làm rõ nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra. Bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm giáo dục đạo đức, lối sống của sinh viên hiện nay.

**Từ khoá:** Giáo dục đạo đức, sinh viên, không gian mạng.

## 1. Đặt vấn đề

Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề giáo dục con người, đặc biệt là giáo dục thế hệ trẻ. Giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và cho thanh niên sinh viên nói riêng, là một trong những vấn đề được Người quan tâm hàng đầu. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đạo đức là gốc của người cách mạng”; “Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ

cách mạng vẻ vang”. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nước thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”.

Sinh viên là một bộ phận ưu tú của thanh niên Việt Nam, đóng vai trò quan trọng kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, khi đất nước chuyển sang giai đoạn mới, với những tác động cả tích cực và tiêu cực từ

mạng xã hội đến đạo đức, lối sống của sinh viên, ảnh hưởng lớn đến quá trình học tập, rèn luyện và phát triển nhân cách của sinh viên. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội; xây dựng môi trường, điều kiện học tập, lao động,

\* Thạc sĩ, giảng viên Phòng QLĐT&NCKH, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp



giải trí, rèn luyện để phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hòa cả về trí tuệ, thể chất và giá trị thẩm mỹ”<sup>1</sup>. Do đó, giáo dục đạo đức, lối sống của sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng trước tác động của mạng xã hội hiện nay là yêu cầu tiên quyết.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

Sinh viên là những công dân có độ tuổi từ 18 - 25 đang học tập ở bậc đại học, cao đẳng. Sinh viên là lớp người năng động, nhạy cảm và sẵn sàng tiếp thu cái mới; là bộ phận trí tuệ và ưu tú trong các thế hệ thanh niên, là nơi kết tinh nhiều tài năng sáng tạo, là nguồn lao động có học vấn cao, có chuyên sâu và đại bộ phận sinh viên sẽ trở thành người trí thức của đất nước; Do đặc điểm lứa tuổi, thanh niên sinh viên là lớp người đang hình thành và khẳng định nhân cách, còn thiếu kinh nghiệm sống, có xu hướng chung là tính tích cực chính trị - xã hội, tính tự lập, độc lập và nhu cầu tự khẳng định phát triển khá cao.

Mạng xã hội (MXH) là một trang web hay một nền tảng trực tuyến với rất nhiều dạng hình thức kết nối với người cùng sở thích trên Internet, không phân biệt đối tượng sử dụng, thời gian, không gian. Tham gia MXH là xu thế tất yếu, nhất là trong

thời đại cách mạng số. Hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp giấy phép hoạt động cho 436 MXH. Các MXH đang được sử dụng chủ yếu tại Việt Nam gồm: Facebook, Zalo, Youtube, Instagram, TikTok.

MXH là công cụ truyền thông vô cùng đặc lực, giúp cập nhật tin tức đa dạng, kịp thời; Là kho kiến thức khổng lồ giúp tìm kiếm thông tin dễ dàng, nhanh chóng; Tiếp nhận thông tin, học hỏi kiến thức và kỹ năng, đào tạo từ xa, học online; giúp ta có thể nắm bắt được các kiến thức và kỹ năng phục vụ cho công việc và cuộc sống của mình. Trên MXH có nhiều trang dạy kỹ năng sống như ngoại ngữ, nấu ăn, sửa chữa, giao tiếp, tâm lý, thể thao... giúp người dùng có những kỹ năng cơ bản cần thiết trong cuộc sống hiện đại mà không cần đến lớp hay đóng học phí; quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kết nối kinh doanh; kết nối với bạn bè, giới thiệu bản thân mình với mọi người, tạo các mối quan hệ hỗ trợ, chia sẻ; lưu giữ những khoảnh khắc, dấu ấn cuộc đời. Ngày nay, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, vai trò của MXH đã và đang được các cơ quan, tổ chức nhà nước sử dụng một cách có hiệu quả. MXH giúp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội,

an ninh, quốc phòng; là “cánh tay nối dài” của chính quyền các cấp, là cầu nối giúp thu hẹp khoảng cách với người dân; MXH ngày càng góp phần quan trọng trong việc phát triển của văn hóa cộng đồng; thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế trên lĩnh vực văn hóa của Việt Nam...

Ngoài những mặt tích cực trên thì MXH vẫn có những mặt tiêu cực như: mạng xã hội làm giảm tương tác giữa con người với nhau, tạo ra xu hướng tình cảm ảo, xa rời những giá trị tình cảm chân thật của con người; nhiều thông tin không chính thống, làm sai lệch nhận thức người dùng; trở thành công cụ hàng đầu để các thế lực thù địch lợi dụng tiến hành chống phá tư tưởng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong triển khai các chính sách phát triển kinh tế- xã hội của chính quyền các cấp, các vụ việc phức tạp, phủ nhận thành tựu của công cuộc đổi mới, tìm mọi cách thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ ta. Giới trẻ và sự lệ thuộc vào mạng xã hội trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của xã hội hiện nay.

Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách để tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, đặc biệt là giáo dục đạo đức lối sống cho sinh viên trên không gian mạng: Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030; Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khoá XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; Kế hoạch số 14-KH/TW ngày 25/3/2019 của Ban Bí thư thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khoá XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến

cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”.

Theo đó, UBND Tỉnh Đồng Tháp cũng đã ban hành Kế hoạch số 405/KH-UBND ngày 02/12/2022 triển khai thực hiện Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 – 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Kế hoạch số 429/KH-UBND ngày 31/12/2022 triển khai thực hiện Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030” trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp với chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa trên không gian mạng, qua đó góp phần xây dựng thế hệ trẻ có lý tưởng cách mạng, bản lĩnh vững vàng, giàu lòng yêu nước, có tri thức, văn hóa,

có ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm với cộng đồng, có ước mơ, hoài bão, khát vọng và trau dồi kiến thức khoa học kỹ thuật trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp thu kỹ năng hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số hóa cho học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp; hình thành và phát triển các kỹ năng nhận diện, xử lý, làm chủ thông tin và các công cụ, phương tiện kỹ thuật trong hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa trên không gian mạng; chủ động sàng lọc, nhận diện được các thông tin “xấu”, “độc”, tiếp nhận thông tin tích cực trên không gian mạng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cho học sinh, sinh viên.

Để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên trên không gian mạng hiện nay, xin đề xuất một số giải pháp sau:

*Một là*, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho sinh viên khi tham gia các hoạt động trên không gian mạng an toàn, hiệu quả. Thông qua các bài giảng, các buổi tuyên truyền miệng, sinh hoạt tư tưởng, ấn phẩm truyền thông, các cuộc thi, diễn đàn, hội thảo, mạng thông tin nội bộ, các hoạt động văn hóa văn nghệ, về nguồn để giáo dục thanh niên

sinh viên về đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức trách nhiệm, tính cộng đồng, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

*Hai là*, nâng cao kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn, hiệu quả cho thanh niên sinh viên, phổ biến cảm nang hướng dẫn sinh viên khi tham gia các hoạt động trên không gian mạng được an toàn, lành mạnh. Tập huấn cho thanh niên sinh viên những vấn đề cơ bản khi sử dụng MXH như: tuân thủ nguyên tắc sử dụng MXH (quy tắc tôn trọng, tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; quy tắc lành mạnh; quy tắc an toàn, bảo mật thông tin và quy tắc trách nhiệm), lựa chọn MXH phù hợp, chính thống, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

*Ba là*, ngăn chặn, xử lý thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng ảnh hưởng tiêu cực đến sinh viên, phát hiện, kịp thời ngăn chặn những thông tin xấu, chủ động đấu tranh phản bác trực diện những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch theo nội dung, lĩnh vực và nhóm đối tượng cụ thể, tố giác hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

*Bốn là*, lưu ý cho sinh viên những điều nên tránh khi tham gia MXH: những hành vi vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; những hành vi vi phạm quyền nhân thân, uy tín của cá nhân và tổ chức; những hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ, sở hữu tài sản, đánh bạc; những hành vi vi phạm đến việc bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng; việc tuyên truyền, quảng cáo, giới thiệu các hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không phù hợp quy định của pháp luật, trái với thuần phong, mỹ tục, lối sống văn minh, tiến bộ; các nội dung xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm hoặc phân biệt đối xử về tôn giáo, về giới, về chủng tộc, về vùng miền.

*Năm là*, đẩy mạnh Cuộc vận động “*Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp*”, tăng cường đăng tải, chia sẻ những thông tin chính thống, tích cực liên quan đến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước qua đó, tác động tích cực đến suy nghĩ, quan niệm, lối sống của thanh niên sinh viên; tăng số lượng, tần suất đăng tải những câu chuyện truyền cảm hứng về việc làm tốt, hành động đẹp thể hiện lòng yêu nước, tinh

thần tự hào dân tộc; những tấm gương người tốt, việc tốt, thể hiện tinh thần trách nhiệm, tấm lòng yêu thương, nhân hậu của con người, tinh thần quả cảm, trung thực, sẵn sàng hy sinh lợi ích của bản thân vì đất nước và cộng đồng; về những tấm gương vượt khó vươn lên, thành công trong cuộc sống và có những đóng góp thiết thực cho xã hội.

*Sáu là*, thường xuyên đăng tải, chia sẻ và xây dựng các bộ công cụ tuyên truyền theo hướng hiện đại, trẻ trung, ngắn gọn, dễ hiểu như: đồ họa thông tin, đồ họa chuyển động, video clip, phim ngắn, tuyên truyền trên không gian mạng về các giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc, văn hóa truyền thống địa phương, tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Bảy là*, lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức lối sống thông qua những sản phẩm truyền thông hiện đại, cuộc thi trực tuyến trên môi trường Internet, không gian mạng xã hội. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, như: thư viện, đọc sách báo, văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí, các cuộc thi tìm hiểu..., hướng tất cả các hoạt

động đó vào nâng cao nhận thức về lối sống văn hóa cho thanh niên sinh viên, mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các lớp, các khóa trong trường, các trường với nhau; củng cố, xây dựng, phát triển mối quan hệ văn hóa lành mạnh giữa thầy trò, bạn bè, tập thể lớp với nhau.

### 3. Kết luận

Tuổi trẻ là tuổi của sức

sống, của sáng tạo, rất nhạy cảm với cái mới và luôn luôn đòi hỏi đổi mới. Do đó việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn hoá cho sinh viên trên không gian mạng trong giai đoạn hiện nay là việc làm rất quan trọng, đây là một quá trình lâu dài, diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau cần phải thực hiện thường xuyên, liên tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ nhiều lực lượng xã hội,

đặc biệt nên cần sự quan tâm, kết hợp, giữa nhà trường – gia đình và xã hội. Trong đó, nhà trường giữ vai trò định hướng, uốn nắn những hành vi của sinh viên theo chuẩn mực giá trị xã hội; gia đình đóng vai trò quyết định đến việc hình thành đạo đức, lối sống cho các em. Đồng thời phải có sự quan tâm, đầu tư thích đáng nhằm tạo điều kiện tối đa cho sinh viên học tập, lao động và cống hiến./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021
2. Phạm Tuấn Xuân Tước (2006), “*Hồ Chí Minh với vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên*”, Tạp chí Khoa học chính trị, số 4/2006, tr.18-24.
3. Vũ Thuỳ Hương (2018), “*Cơ sở tâm lý học về định hướng giá trị của thanh niên - sinh viên*”, Tạp chí Giáo dục, số 433 (Kì 1-7/2018), tr. 21-26.
4. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2022), “*Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý, nhà giáo, người làm công tác giáo dục chính trị, đạo đức, lối sống và công tác HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp*”.



# Tín ngưỡng và tôn giáo

## MỘT SỐ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT

✦ TRẦN VĂN KHUÊ\*

*Tín ngưỡng, tôn giáo là nhóm chữ thường đi chung với nhau và được nghe đến rất nhiều trong đời sống xã hội của cộng đồng dân cư và cả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tín ngưỡng và tôn giáo là hai lĩnh vực liên quan đến niềm tin của con người. Thực chất thì tín ngưỡng và tôn giáo là hai lĩnh vực cùng phản ánh đời sống tâm linh của con người nhưng ít ai biết được tín ngưỡng và tôn giáo có một số điểm tương đồng và khác biệt.*

**T**ín ngưỡng hay tín ngưỡng dân gian là khái niệm dùng để chỉ những hiện tượng tôn giáo xuất hiện trong thời kỳ công xã thị tộc, bộ lạc, những hành vi cúng tế trong dân tộc, gia đình, dòng họ, sùng bái đa thần, không tuân theo một nghi thức nhất định, tùy từng vùng, từng miền có những nghi lễ khác nhau, không có giáo chủ hay người khai sáng, không có giáo lý, giáo luật.

Tôn giáo là khái niệm dùng để chỉ các loại hình tôn giáo nhất thần đã được thể chế hóa bằng các tổ chức gọi là

giáo hội hay hội thánh, được hình thành khi xã hội bắt đầu phân chia giai cấp, có giáo chủ (có người sáng lập), có hệ thống giáo lý, giáo luật, giáo lễ, giáo sĩ (chức sắc, nhà tu hành, người hướng dẫn tu học), giáo hội (có cơ cấu tổ chức chặt chẽ), giáo dân (người tin theo hay tín đồ) có tên ghi trong sổ sách giáo hội, giáo đường (cơ sở thờ tự).

### 1. Về mặt tương đồng

Tín ngưỡng và tôn giáo cũng có những điểm chung đó là niềm tin, là ước vọng của con người, cùng thờ cúng lực lượng siêu nhiên, phản ánh ý

thức xã hội, đồng thời xoa dịu nỗi đau, huyệt hẫng, mất mát của con người trong cuộc sống đời thường.

*Thứ nhất*, tín ngưỡng và tôn giáo thể hiện niềm tin, sự ngưỡng vọng và thờ cúng đối với lực lượng siêu nhiên thuộc lĩnh vực đời sống tâm linh của con người, có thể là thượng đế, thần, thánh, phật hoặc tổ tiên.

*Thứ hai*, tín ngưỡng và tôn giáo là một bộ phận của ý thức xã hội, phản ánh hư ảo, hoang đường hiện thực khách quan và lý giải chúng không dựa trên cơ sở khoa học.

*Thứ ba*, tín ngưỡng và tôn giáo đều có chức năng đền bù hư ảo nỗi khổ đau, an ủi những mất mát, huyệt hẫng của con người trong cuộc sống.

*Thứ tư*, tín ngưỡng và tôn giáo có hệ thống nghi lễ, những biểu tượng mang tính thần thánh, những điều răn dạy và cấm kỵ.

### 2. Về mặt khác biệt

Song song với các điểm tương đồng thì tín ngưỡng và tôn giáo cũng có những điểm khác biệt chính như: giáo lý, giáo luật, giáo lễ (cách thức thờ phượng), giáo đường, giáo hội, giáo dân, giáo sĩ, quan niệm về con người khi sống và sau khi chết, kinh sách, cách thức bài tỏ niềm tin cũng khác.

\* Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp.

*Thứ nhất, về giáo lý và sự thờ phụng (đối tượng thờ phượng hay thờ cúng)*

Tôn giáo thì có giáo lý, giáo lý là học thuyết, là hệ thống tín điều, là sự lý giải của tôn giáo về thế giới siêu nhiên, giải thích về thế giới con người.

Hệ thống tín điều của tôn giáo là những câu hỏi và câu trả lời về thế giới như: thế giới được tạo ra như thế nào? Vận hành ra làm sao? Ai điều khiển? v.v.... Các tôn giáo như Do Thái Giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo,... đều cho rằng thế giới do Đấng tối cao (Thượng đế) tạo ra từ hư vô, Thượng đế là Đấng toàn năng vận hành thế giới. Thượng đế có các tên gọi như Chúa Trời đối với Ki-tô giáo, Ala đối với Hồi giáo, Ngọc Hoàng Thượng đế đối với đạo Cao đài,... Phật giáo không thờ Thượng đế, Phật giáo giải thích thế giới mang tính duy vật giản đơn, các sự vật, hiện tượng là thế giới vạn pháp do nhân duyên mà có, đó là thành - trụ - hoại - không (sinh, trụ, dị, diệt/ sinh, lão, bệnh, tử).

Hệ thống tín điều của tôn giáo là những câu hỏi và câu trả lời về con người như: Con người sinh ra từ đâu? Sống thế nào? Sau khi chết đi về đâu? Mối quan hệ giữa con người lúc sống với lúc chết như thế nào?... Các tôn giáo cho rằng con người là tạo vật

đặc biệt của Thượng đế, con người có phần hồn (linh hồn) và phần xác. Phần linh hồn có thuộc tính siêu nhiên nên tồn tại vĩnh cửu. Phần xác của con người là vật chất được tạo thành từ cát bụi, nên khi chết sẽ thân cát bụi trở về với cát bụi.

Trong khi đó, tín ngưỡng không có hệ thống tín điều như tôn giáo. Lý thuyết của tín ngưỡng chỉ giải thích trời, đất một cách chung chung, qua loa, tập trung chủ yếu vào các quan niệm về thần, thánh và nguồn gốc, hạnh tích các thần thánh. Lý thuyết của tín ngưỡng đề cao vai trò, uy tín của các thần thánh đối với cuộc sống hằng ngày của con người, ...Như vậy, ta có thể thấy rằng các tôn giáo thờ nhất thần, còn tín ngưỡng thờ đa thần.

Tín ngưỡng và tôn giáo đều tin con người có linh hồn nhưng quan niệm thế giới linh hồn của con người là khác nhau. Linh hồn của người theo tôn giáo sau khi chết là lên thiên đàng, nhập niết bàn hay xuống địa ngục, hỏa ngục tùy theo đức tin và việc làm lành, việc làm thiện, việc làm tốt hay việc làm ác, việc dữ, việc xấu của mỗi người tạo ra khi sống. Do vậy hầu hết các tôn giáo không thờ linh hồn người đã chết mà chỉ dành một dịp để tưởng nhớ như lễ cúng Các đấng linh hồn của Công giáo (ngày 02/11 dương

lịch) mà dân gian người ta gọi là ngày tảo mộ của người theo đạo Công giáo, lễ Hiếu kính cha mẹ của đạo Tin lành (Chủ nhật tuần thứ 2 tháng 5 dương lịch), lễ Vu lan của Phật giáo (ngày 15 tháng 7 âm lịch),... Còn người theo tín ngưỡng cho rằng cuộc sống của linh hồn sau khi chết lại ở với người sống được người sống cúng bái, chăm sóc nên người sống phải lập bàn thờ để cúng người chết, nếu không thờ cúng thì linh hồn bơ vơ, không có nơi ở và chỉ con trai mới lập bàn thờ. Vì quan niệm khác nhau về linh hồn nên việc thờ cúng linh hồn giữa tín ngưỡng và tôn giáo khác nhau.

*Thứ hai, về giáo luật, lễ nghi*

Trong quá trình hình thành tôn giáo, các tôn giáo đều có giáo luật, giáo lễ (lễ nghi). Giáo luật, giáo lễ là những qui định được thiết lập để hướng dẫn việc tu học và hành đạo, cúng kiếng của tôn giáo. Đối với Phật giáo có Luật tạng do Đức Phật Thích Ca chế định để hướng dẫn tín đồ Phật giáo tu học, Công giáo có Luật Ca-non (bộ giáo luật), Hồi giáo có luật Sa-ri-at, Đạo Cao đài có Tân luật - Pháp chánh truyền.

Đối với tín ngưỡng không có giáo luật, giáo lễ để hướng dẫn sinh hoạt riêng cho từng loại hình tín ngưỡng. Sinh hoạt tín ngưỡng chỉ có

những nghi thức cúng bái, tế tự nhưng lại không thống nhất mà có sự khác biệt trong cùng một loại hình tín ngưỡng và thường theo tập quán của từng địa phương, từng dân tộc, từng vùng miền. Cùng thờ Thành hoàng nhưng mỗi làng thờ cúng Thành hoàng một kiểu; cùng thờ Mẫu nhưng mỗi vùng cúng Mẫu một cách khác nhau, cùng thờ tổ tiên nhưng mỗi dân tộc cúng tổ tiên cũng khác nhau.

### *Thứ ba, về kinh sách*

Các tôn giáo đều có kinh sách, như Phật giáo có Kinh tạng (kinh, luật, luận), Ki tô giáo có Kinh Cựu ước và Tân ước, Hồi giáo có kinh Cô-ran, Phật giáo Hòa Hảo có Sấm giảng, Thi văn giáo lý,... Theo quan niệm của các tôn giáo, kinh điển là lời của Thượng đế hay Đấng sáng lập ra tôn giáo (giáo chủ) được truyền thừa và tồn tại mãi mãi với thời gian và không gian. Còn đối với tín ngưỡng hầu như không có kinh sách truyền thừa. Sau này các nhà nghiên cứu về tín ngưỡng viết lại thành sách để nghiên cứu. Các sách về tín ngưỡng là những chuyện tích về các vị thần, vị thánh, hoặc chính sử, hoặc là dã sử, hoặc huyền sử.

### *Thứ tư, về chức sắc và nhà tu hành*

Chức sắc, nhà tu hành (người hướng dẫn hay quản lý tín đồ tu học) là những

người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp của các tôn giáo như tăng ni (gồm có Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Ni trưởng, Ni sư, Sư cô) của Phật giáo; Giáo hoàng, Hồng y, Giám mục, Linh mục, thầy sáu, tu sĩ nam nữ của Công giáo; Mục sư, Mục sư nhiệm chức, Truyền đạo (thầy giảng nam nữ) của đạo Tin lành; chức sắc Hiệp thiên đài và Cửu trùng đài của đạo Cao đài,... Đa số chức sắc các tôn giáo được tuyển chọn, đào tạo kỹ lưỡng và có ảnh hưởng lớn đối với tín đồ.

Trong khi đó các tín ngưỡng không có chức sắc, nhà tu hành hoạt động chuyên nghiệp. Các tín ngưỡng chỉ có thầy cúng theo từng loại hình tín ngưỡng như các ông thống, bà đồng, thầy tào, thầy mo,... không được đào tạo bài bản.

### *Thứ năm, về người tin theo*

Tín ngưỡng và tôn giáo đều có đông người tin theo. Người tin theo tôn giáo gọi là tín đồ. Tuy nhiên tùy từng tôn giáo mà có cách gọi khác nhau. Tín đồ Công giáo gọi là giáo dân; tín đồ đạo Tin lành gọi là tín hữu; tín đồ đạo Phật gọi là phật tử; tín đồ đạo Cao đài gọi là đạo hữu; tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu nghĩa gọi là thân bằng, tín đồ đạo Phật giáo Hòa Hảo gọi là đồng đạo,... Để trở thành tín đồ thì phải thực hiện các nghi lễ bắt buộc

của tôn giáo mình tin theo. Ví dụ như đối với đạo Công giáo phải chịu phép rửa tội (bí-tích rửa tội); đối với đạo Tin lành phải chịu phép báp-têm; đối với đạo Phật phải quy y tam bảo; đối với đạo Phật giáo Hòa Hảo và Cao đài phải chịu lễ nhập môn,... Người theo tôn giáo phải sinh hoạt tôn giáo, chịu sự quản lý của giáo hội, của cơ sở tôn giáo và có nghĩa vụ, trách nhiệm với tôn giáo mình tin theo.

Điều đáng quan tâm, người theo tôn giáo chủ yếu là để chuẩn bị cho thế giới linh hồn sau khi chết. Do đó, trong cuộc sống, tín đồ các tôn giáo nỗ lực làm việc lành, việc thiện, tránh việc ác, việc xấu, để sau khi chết linh hồn được lên thiên đàng, không phải xuống địa ngục hay hỏa ngục.

Còn người theo tín ngưỡng không xác định được qua các tiêu chí cụ thể nào như các tôn giáo, do đó, thường không ổn định, khó định lượng. Khác với tôn giáo, người theo tín ngưỡng, ngoài việc thể hiện tình cảm, đạo đức theo truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” đối với bậc sanh thành, dưỡng dục, những người có công với nước, với cộng đồng,... và đa số họ đến với tín ngưỡng là để cầu xin những việc cuộc sống hàng ngày, như cầu xin học hành đỗ đạt, quan trường thuận lợi, công danh phát đạt, cuộc

sống bình an, làm ăn tấn tới,... Các tình huống đưa người ta đến với tín ngưỡng thường là: chuẩn bị cho kỳ thi cử, trước khi ký kết hợp đồng, bỏ thầu, hoặc khi ốm đau, khi thăng quan tiến chức. Đây cũng là điểm khác biệt quan trọng của tín ngưỡng và tôn giáo.

*Thứ sáu, về tổ chức giáo hội*

Các tôn giáo đều hình thành bộ máy hành chính của giáo hội. Giáo hội của tổ chức tôn giáo là bộ máy hành chính của tôn giáo được thiết lập để đảm nhiệm chức năng riêng như hướng dẫn các sinh hoạt tôn giáo, thực hiện các hoạt động chung, như: quản lý tổ chức giáo hội, đào tạo chức sắc, phong phẩm, bổ nhiệm, chuyển chức sắc, xuất bản kinh sách, xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự của tôn giáo,... Thường tổ chức giáo hội của tôn giáo được hình thành sau khi tôn giáo ra đời với những cơ cấu tổ chức, thiết chế quyền lực khác nhau. Nếu so sánh tương đối thì luật lệ các tôn giáo tương tự luật pháp nhà nước, chức sắc tôn giáo tương tự như cán bộ nhà nước, tổ chức giáo hội tôn giáo (giáo quyền) như bộ máy tổ chức nhà nước (thể quyền). Chính những điều này tạo ra sức mạnh của tôn giáo và cũng chính điều này

trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định, một số tổ chức tôn giáo có liên quan đến chính trị ở những mức độ khác nhau.

Công giáo thiết lập tổ chức giáo hội toàn thế giới với 3 cấp hành chính: giáo triều Va-ti-can, giáo phận (địa phận) và giáo xứ (cơ sở), Giáo hoàng đứng đầu giáo hội có quyền tối thượng; Tin lành hình thành các hệ phái riêng lẻ, quản lý giáo hội theo cơ chế dân chủ; Phật giáo có nhiều tổ chức và hệ phái, giáo quyền thực hiện theo từng hệ phái (biệt truyền); Đạo Cao đài (ở Việt Nam) có nhiều hệ phái, giáo quyền thực hiện theo từng hệ phái,...

Tín ngưỡng không hình thành tổ chức mà tồn tại theo phương thức tự quản ở các cơ sở tín ngưỡng, với cơ chế lỏng lẻo. Đây là điểm khác biệt khá rõ giữa tín ngưỡng và tôn giáo.

*Thứ bảy, về cơ sở thờ tự*

Tín ngưỡng và tôn giáo đều có cơ sở thờ tự. Cơ sở thờ tự của tín ngưỡng, tôn giáo đều là nơi thờ các đấng bậc mà tín ngưỡng, tôn giáo tôn thờ và là nơi diễn ra các sinh hoạt cộng đồng.

Cơ sở thờ tự của tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường. Tôn giáo có cơ sở thờ

tự với những tên gọi khác nhau cho từng tôn giáo. Ví dụ cơ sở thờ tự của Phật giáo có 8 tên gọi là chùa, tổ đình, tịnh xá, tịnh thất, thiền viện, tịnh viện, tu viện và niệm Phật đường; Công giáo và Tin lành có tên gọi là nhà thờ, thánh đường, nhà nguyện; Hồi giáo có tên gọi là thánh đường; đạo Cao đài có tên gọi là thánh thất, thánh tịnh, nhà tu, nhà đàn; Minh sư đạo có tên gọi là chùa, Phật đường; Tịnh độ cư sĩ Phật hội có tên gọi là hội quán, đạo Phật giáo Hòa Hảo có tên gọi là chùa,...

Cơ sở thờ tự của tôn giáo có quy mô lớn, kiến trúc và bài trí theo đặc trưng của từng tôn giáo. Chùa Phật giáo có kiến trúc mái ngóc đầu đao, bố trí theo chữ đinh, chữ công (ở miền Bắc), chữ nôm, chữ tam (ở miền Trung và miền Nam); nhà thờ Công giáo có kiến trúc theo gô-tích, có tháp chuông cao; thánh đường Hồi giáo có kiến trúc mái vòm; thánh thất Cao đài có cấu trúc pha trộn giữa kiến trúc phương Đông với phương Tây, với hai lầu chuông, trống,...

Còn cơ sở thờ tự của tín ngưỡng là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác. Cơ sở thờ tự của tín ngưỡng cũng có nhiều tên gọi khác nhau



và việc thờ cúng ở nơi thờ tự cũng khác. Ví dụ: đình nơi thờ Thành hoàng hay Thần Thành hoàng, Thần hoàng (các Thần này có thể là nhiên thần hay nhân thần), miếu nơi thờ Thần, đền nơi thờ Thánh, phủ nơi thờ Mẫu, từ đường nơi thờ tổ tiên, dòng họ. Các cơ sở của tín ngưỡng trừ đình làng có quy mô đồ sộ, còn các cơ sở khác thường được xây dựng với qui mô nhỏ hơn như miếu, đền, phủ,... theo lối kiến trúc truyền thống.

*Thứ tám, về cách thức hoạt động*

*Hoạt động tôn giáo* là hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo. Các hoạt động của tôn giáo chú trọng vấn đề tâm linh với các hình thức cụ thể. Đặc biệt, tôn giáo có lực lượng chức sắc và tổ chức giáo hội nên các hoạt

động thường ảnh hưởng đến chính trị, xã hội ở trong và ngoài nước. Vì vậy, khi nhà nước giải quyết vấn đề tôn giáo phải chú trọng đến ổn định chính trị, xã hội.

*Còn hoạt động tín ngưỡng* là hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng; tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội. Các hoạt động tín ngưỡng ở Việt Nam thường gắn với các lễ hội truyền thống nên ngoài yếu tố tâm linh, tín ngưỡng chứa đựng yếu tố văn hóa rất phong phú, đa dạng. Các lễ hội tín ngưỡng có thể diễn ra trong phạm vi làng xã nhưng cũng có lễ hội diễn ra rộng lớn, một tỉnh, nhiều tỉnh, thậm chí cả nước. Giải quyết vấn đề tín

ngưỡng mang ý nghĩa văn hóa là chính.

*Tóm lại, các điểm tương đồng và khác biệt của tín ngưỡng và tôn giáo nêu trên là tư liệu, là cẩm nang quan trọng giúp cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo xác định đâu là tín ngưỡng, đâu là tôn giáo để tự tin, mạnh dạn tham mưu đề xuất các cấp ủy Đảng, Chính quyền quan tâm chăm lo đời sống tinh thần cho nhân dân, từ đó phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đạo đức xã hội, đạo đức tôn giáo, phát huy các nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo trong xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, đồng thời đấu tranh chống lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo xuyên tạc đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc./.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ, *Tập bài giảng môn học lịch sử Việt Nam trong cơ sở đào tạo tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, 2020.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ, *Tài liệu tập huấn công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026*.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ, *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đối với báo cáo viên làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo 2023*.
4. Bộ Thông tin và Truyền Thông, *Phát huy giá trị nhân văn của các tín ngưỡng dân tộc*, Nxb Thông tin và Truyền thông, 2022.
5. Hiến chương của các tôn giáo: Tin lành Việt Nam (miền Nam), Phật giáo, Cao đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam, Minh sư đạo, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.
6. Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016.
7. Nguyễn Thanh Xuân, *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, 2023.

# PHÁT HUY VAI TRÒ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

✪ LƯU THUYẾT HIỀN\*

**T**rường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, với vai trò là trung tâm đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh, đã không ngừng nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Năm 2024, Nhà trường là 1 trong 2 trường chính trị đầu tiên của khu vực đồng bằng sông Cửu Long được công nhận trường chính trị đạt chuẩn mức 1, trường đạt chuẩn về đích sớm hơn 1 năm so với mục tiêu đề ra.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp sáp nhập lấy tên là tỉnh Đồng Tháp, trung tâm hành chính tại Thành phố Mỹ Tho. Theo đó, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp và Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang hợp nhất lấy tên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Hiện tại, Trường đang sở hữu một trong những

đội ngũ giảng viên có học vị cao trong hệ thống các trường chính trị cấp tỉnh trong cả nước. Tổng số biên chế của Trường là 78 người, với 62 cán bộ, viên chức có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 10 tiến sĩ và 07 nghiên cứu sinh. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường sau sáp nhập hiện có 55/78 (chiếm 70,5%) cán bộ công chức, viên chức tham gia giảng dạy.

Trường có 3 khoa và 02 phòng chức năng. Trong đó, Khoa Xây dựng Đảng có 12 giảng viên. Trong đó, 02 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh và 07 thạc sĩ và 01 cử nhân đang học cao học. Khoa Xây dựng Đảng trong thời gian qua đã không ngừng khẳng định vị trí, vai trò nòng cốt của mình trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhiều thành tích đạt được là minh chứng

*Trải qua 70 năm thực hiện nhiệm vụ chính trị, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp có nhiều đóng góp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng các thế hệ cán bộ lãnh đạo từ cơ sở đến cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh. Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Một trong những dấu ấn nổi bật là sự trưởng thành vượt bậc của đội ngũ giảng viên khoa Xây dựng Đảng - những người đang từng ngày khẳng định vị trí, vai trò và năng lực chuyên môn trong sự nghiệp đào tạo cán bộ của Đảng.*

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

rõ nét cho tinh thần đoàn kết, ý chí vươn lên và quyết tâm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ chính trị được giao. Đội ngũ giảng viên của Khoa ngày càng được nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, không chỉ đáp ứng yêu cầu giảng dạy trong tình hình mới mà còn góp phần lan tỏa tinh thần học tập, nghiên cứu khoa học trong toàn trường. Với ý thức trách nhiệm cao, các giảng viên luôn nêu gương sáng về đạo đức, lối sống, phong cách làm việc; vừa là người truyền đạt tri thức, vừa là gương mẫu đi đầu trong thực hiện nhiệm vụ. Chính sự gương mẫu, tận tụy và kiên định ấy đã tạo dựng uy tín, khẳng định chất lượng và trách nhiệm của Khoa Xây dựng Đảng, góp phần trực tiếp vào thành công chung của trường chính trị trong sự nghiệp đào tạo đội ngũ cán bộ cho địa phương.

Trước đó, tháng 5/2025 Khoa Xây dựng Đảng cử 02 giảng viên tham dự Hội thi Giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lần thứ IX - Năm 2025. Kết quả có 01 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy xuất sắc và 01 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi. Nối tiếp thành tích đó, 6/2025, Khoa Xây dựng Đảng có 01

giảng viên đạt giải Nhì tại Hội thi giảng viên dạy giỏi Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, do Ban Tuyên giáo và Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp cùng Trường Chính trị tỉnh tổ chức; 01 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp trường 2025.

Giai đoạn 2020-2025, Khoa Xây dựng Đảng đã có 3 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên xuất sắc, 02 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp Học viện. Đây là thành tích đáng tự hào, thể hiện bản lĩnh, sự tự tin, năng lực chuyên môn và khả năng sư phạm ngày càng được nâng cao của giảng viên nhà trường. Kết quả này không chỉ phản ánh nỗ lực cá nhân mà còn là thành quả của một quá trình đầu tư nghiêm túc, bài bản từ phía Ban Giám hiệu nhà trường trong công tác huấn luyện, bồi dưỡng giảng viên tham gia các hội thi. Các hoạt động chuyên môn được tổ chức chặt chẽ, khoa học, từ khâu lựa chọn nội dung đến rèn luyện kỹ năng giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong bài giảng.

Thành tích giành được tại các hội thi là minh chứng sinh động cho sự phát triển toàn diện của đội ngũ giảng viên nhà trường. Thành công tại các hội thi còn cho thấy một bước chuyển mạnh mẽ trong

tư duy, phương pháp sư phạm của đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Giảng viên không ngừng đổi mới, sáng tạo trong cách truyền đạt, sử dụng linh hoạt các phương tiện hỗ trợ hiện đại, tăng tính tương tác và hấp dẫn trong từng bài giảng, tạo được sự hứng thú, lôi cuốn đối với học viên – đối tượng là cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị. Các hội thi là môi trường rèn luyện, học tập, giúp giảng viên tự đánh giá, hoàn thiện năng lực bản thân. Qua đó, khơi dậy khát vọng cống hiến, tinh thần cầu thị và ý thức trách nhiệm đối với sứ mệnh “truyền lửa” lý luận chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ của tỉnh.

Đây là bước chuẩn bị vững chắc, tạo nền tảng quan trọng để Khoa Xây dựng Đảng nói riêng và Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp nói chung phấn đấu đạt chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn. Mục tiêu ấy đòi hỏi sự quyết tâm cao độ từ toàn thể nhà trường, trong đó đội ngũ giảng viên - đặc biệt là lớp trẻ - tiếp tục đóng vai trò then chốt trong việc nâng tầm chất lượng đào tạo, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn xây dựng trường chính trị hiện đại, uy tín, xứng tầm nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Trường chính trị chuẩn không chỉ “chuẩn” về trình độ của đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy mà còn phải thực sự “chuẩn” về môi trường học tập, nghiên cứu. Các phong trào thi đua được phát động và triển khai rộng khắp với tinh thần “Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Nêu gương - Chất lượng - Hiệu quả”, góp phần tạo khí thế thi đua sôi nổi trong toàn trường. Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường đã chủ động đề ra nhiều giải pháp đổi mới đồng bộ, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên. Cùng với đó, chú trọng rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống

trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và học viên. Đây mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, nhân rộng những kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo phục vụ tốt công tác giảng dạy và đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương, cơ chế, chính sách và phù hợp nguyện vọng của Nhân dân.

*Tóm lại*, với nền tảng vững chắc được gây dựng qua gần bảy thập kỷ, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đang từng bước khẳng định vị thế là trung tâm đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng cán bộ có chất lượng trong khu vực. Những kết quả đạt được của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp nói chung và Khoa Xây dựng Đảng nói riêng, đã khẳng định rõ bản lĩnh, trí tuệ và tinh thần trách nhiệm của một tập thể đoàn

kết, tiên phong trên mặt trận đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên. Đây không chỉ là niềm tự hào của Nhà trường mà còn là minh chứng sinh động cho sự đúng đắn trong đường lối, chủ trương của Đảng về công tác giáo dục lý luận chính trị. Trong giai đoạn mới, với yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần tiếp tục phát huy truyền thống, giữ vững uy tín, không ngừng đổi mới, sáng tạo, phấn đấu sớm đưa trường đạt chuẩn mức 2 theo qui định, xứng đáng là trung tâm đào tạo lý luận chính trị có uy tín, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng về tư tưởng, kiên định về lập trường, đủ năng lực đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy định 350-QĐ/TW của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị được ban hành ngày 29/08/2025.
2. Quy định 54-QĐ/TU ngày 11/7/2025 của Tỉnh ủy Đồng Tháp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.
3. Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn.



# Khát vọng cống hiến CỦA GIẢNG VIÊN TRẺ VỚI SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

✧ TRẦN KIM HOÀNG\*

✧ NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN\*\*

**Tóm tắt:** Khát vọng cống hiến của đội ngũ giảng viên trẻ tại các trường chính trị thể hiện qua tinh thần trách nhiệm, sự đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và khát khao gắn kết lý luận với thực tiễn. Qua trải nghiệm giảng dạy, giảng viên trẻ nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Khát vọng đó vừa mang tính tri ân nghề giáo nhân dịp 20/11, vừa thể hiện trách nhiệm kế thừa, phát triển và cống hiến cho sự nghiệp xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về bản lĩnh chính trị, trong sáng về đạo đức, phong cách.

**Từ khóa:** Giảng viên, đổi mới phương pháp, chuyển đổi số.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ngày càng trở nên cấp thiết. Đội ngũ giảng viên tại các Trường Chính trị giữ vai trò quan trọng trong việc truyền tải, giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh, có trí tuệ và đạo đức cách mạng. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên trẻ - những người mới vào nghề với khát vọng, hoài bão và tinh thần đổi mới - đang trở thành lực lượng

kế cận, góp phần tạo nên sức sống mới cho sự nghiệp đào tạo lý luận chính trị. Khát vọng cống hiến của họ không chỉ là mong muốn khẳng định bản thân mà còn là sự gắn bó, trách nhiệm với nghề, với Đảng và với sự phát triển của đất nước. Đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vai trò của giảng viên trẻ càng được đề cao, đòi hỏi sự chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Vai trò của giảng viên trẻ trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị

Giảng viên trẻ là lực lượng kế cận trực tiếp tham gia giảng dạy, nghiên cứu và truyền đạt những kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng. Họ mang đến sức sống mới, góp phần làm phong phú và sinh động thêm cho hoạt động đào tạo. Vai trò của giảng viên trẻ không chỉ dừng ở việc truyền thụ kiến thức,

\* Thạc sĩ, Phó Trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, tỉnh An Giang.

\*\* Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, tỉnh An Giang

mà còn thể hiện ở khả năng định hướng tư tưởng, khơi dậy tinh thần học tập, bồi dưỡng niềm tin chính trị và lòng tự hào dân tộc cho học viên.

Trong môi trường trường chính trị, nơi đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, giảng viên trẻ vừa là người thầy, vừa là người bạn đồng hành với học viên. Họ không chỉ dạy lý luận mà còn hướng dẫn cách vận dụng lý luận vào thực tiễn, từ đó hình thành năng lực tư duy và bản lĩnh chính trị vững vàng. Chính sự trẻ trung, nhiệt huyết và gần gũi của giảng viên trẻ giúp tạo dựng không khí học tập cởi mở, dân chủ, phát huy tính chủ động và sáng tạo của học viên. Sự có mặt của giảng viên trẻ còn thể hiện tính kế thừa và phát triển trong đội ngũ giảng viên chính trị. Họ tiếp nối thế hệ đi trước, đồng thời thổi vào môi trường học tập những phương pháp, ý tưởng mới phù hợp với bối cảnh hiện nay. Đây là yếu tố quan trọng góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị tại các trường chính trị.

## **2.2. Khát vọng đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập**

Một trong những đặc trưng nổi bật của giảng viên trẻ là tinh thần đổi mới phương pháp giảng dạy. Nếu như trước đây, cách tiếp cận

thường thiên về giảng giải, thuyết trình một chiều, thì hiện nay, giảng viên trẻ chú trọng nhiều hơn đến phương pháp dạy học tích cực. Họ nỗ lực khuyến khích sự tham gia chủ động của học viên, coi người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình nhận thức.

Giảng viên trẻ cũng tìm tòi, thử nghiệm nhiều cách truyền đạt sáng tạo, kết hợp giữa phương pháp truyền thống với phương tiện hiện đại. Họ sử dụng tình huống giả định, thảo luận nhóm, phản biện, hoặc nghiên cứu tình huống cụ thể để học viên rèn luyện tư duy phản biện, tư duy logic. Sự linh hoạt và sáng tạo này giúp bài giảng trở nên sinh động, khắc phục sự khô khan của các môn lý luận chính trị. Quan trọng hơn, đổi mới phương pháp không chỉ dừng lại ở kỹ thuật giảng dạy, mà còn thể hiện ở tư duy dám thay đổi, dám thử nghiệm. Đây chính là khát vọng đổi mới của giảng viên trẻ, nhằm giúp cho việc học lý luận chính trị trở nên hấp dẫn và gần gũi với người học hơn.

## **2.3. Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong giảng dạy**

Sự thâm nhập mạnh mẽ của công nghệ vào giáo dục đặt ra nhu cầu tất yếu: chuyển đổi số trong đào tạo lý luận chính trị. Giảng viên trẻ có lợi thế lớn trong việc tiếp cận,

khai thác và ứng dụng các nền tảng kỹ thuật số: hệ thống quản lý học tập (LMS), phần mềm hội họp trực tuyến, công cụ tương tác trong lớp (polls, quiz trực tuyến), nền tảng lưu trữ bài giảng, video bài giảng ngắn (microlearning), và các nguồn tư liệu mở. Việc số hóa học liệu giúp gia tăng khả năng tiếp cận, cho phép học viên học theo tốc độ riêng, ôn tập dễ dàng và tương tác với nội dung mọi lúc mọi nơi.

Kinh nghiệm từ giai đoạn dịch bệnh COVID-19 cho thấy giảng viên trẻ nhanh chóng chuyển đổi sang giảng dạy trực tuyến, thiết kế bài giảng tương tác, tận dụng video, đồ họa và công cụ kiểm tra trực tuyến. Bài học rút ra là tính linh hoạt và khả năng thiết kế học liệu số là năng lực cơ bản mà giảng viên trẻ cần được bồi dưỡng. Hơn nữa, dữ liệu học tập (learning analytics) từ hệ thống trực tuyến cho phép giảng viên theo dõi tiến trình, mức độ tương tác và kịp thời điều chỉnh phương pháp.

Tuy nhiên, ứng dụng công nghệ không chỉ là dùng công cụ; đó còn là nghệ thuật kết hợp nội dung khoa học chính trị với hình thức truyền đạt phù hợp. Nội dung phải được biên tập, chuyển đổi thành các đơn vị học tập ngắn, dễ tiếp thu; tình huống thực tế cần được số hóa thành mô-đun tương tác; các bài tập cần thiết kế để tận dụng lợi thế

của môi trường số. Đồng thời, việc bảo đảm an toàn thông tin, bản quyền học liệu và tính chính xác của nguồn tư liệu là yêu cầu nền tảng. Đầu tư cho chuyển đổi số cần được coi là đầu tư chiến lược: trang bị hạ tầng, đào tạo kỹ năng số cho giảng viên, xây dựng kho học liệu chất lượng, và hình thành chính sách khuyến khích sản xuất nội dung số. Giảng viên trẻ với khát vọng đổi mới sẽ là lực lượng tiên phong nếu được hỗ trợ đầy đủ.

#### **2.4. Gắn lý luận với thực tiễn địa phương**

Một trong những yêu cầu quan trọng trong giảng dạy lý luận chính trị là phải gắn lý luận với thực tiễn. Giảng viên trẻ thường xuyên nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề thực tiễn tại địa phương, từ kinh tế, văn hóa, xã hội, đến công tác xây dựng Đảng, an ninh – quốc phòng. Việc đưa các dẫn chứng cụ thể từ thực tiễn địa phương vào bài giảng giúp nội dung trở nên sinh động, dễ hiểu và gần gũi. Qua những chuyến đi nghiên cứu thực tế, giảng viên trẻ không chỉ thu thập thông tin phục vụ giảng dạy, mà còn nâng cao năng lực thực tiễn, tích lũy kinh nghiệm. Đây cũng là cơ sở để họ viết các công trình nghiên cứu khoa học, tham luận hội thảo, góp phần bổ sung nguồn tư liệu phong phú cho giảng dạy. Khi lý luận được minh họa bằng thực tiễn, người học

sẽ thấy được tính đúng đắn, sức thuyết phục của lý luận, từ đó củng cố niềm tin chính trị và nâng cao năng lực vận dụng trong công việc. Đây là một trong những giá trị lớn mà giảng viên trẻ mang lại cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

#### **2.5. Tinh thần học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là nền tảng đạo đức nghề nghiệp đối với giảng viên lý luận chính trị. Đối với giảng viên trẻ, tinh thần này không chỉ là nội dung truyền đạt mà còn là chuẩn mực ứng xử, lối sống, và thái độ nghề nghiệp. Việc nêu gương, sống giản dị, trung thực, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung là biểu hiện cốt lõi. Giảng viên trẻ cần thường xuyên tu dưỡng phẩm chất chính trị, rèn luyện tác phong sư phạm để làm gương cho học viên. Trong giảng dạy, phong cách nêu gương biểu hiện ở sự tận tâm chuẩn bị bài giảng, tôn trọng người học, lắng nghe ý kiến khác biệt và đối thoại chân thành. Điều này góp phần xây dựng môi trường học thuật lành mạnh, nơi mọi ý kiến được thảo luận trên cơ sở khoa học và tôn trọng. Hơn nữa, việc gắn kết khát vọng cống hiến với học tập làm theo Bác giúp giảng viên trẻ tìm thấy ý nghĩa sâu

sắc trong nghề: không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn góp phần đào tạo con người có lý tưởng, đạo đức, trách nhiệm. Khi giảng viên thực hành lối sống và phong cách phù hợp, họ không chỉ truyền đạt lý luận mà còn truyền cảm hứng hành động, qua đó góp phần nâng lên giá trị đạo đức trong đội ngũ cán bộ.

#### **2.6. Những khó khăn, thách thức và yêu cầu đặt ra**

Khát vọng cống hiến của giảng viên trẻ không phải lúc nào cũng dễ thực hiện bởi nhiều rào cản khách quan và chủ quan. Về khách quan, chế độ đãi ngộ ở nhiều cơ sở đào tạo còn hạn chế, khối lượng công việc lớn (giảng dạy, soạn bài, nghiên cứu, làm quản lý), thời gian dành cho nghiên cứu khoa học bị bó hẹp. Về chủ quan, nhiều giảng viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm, kỹ năng viết bài khoa học, xây dựng chương trình giảng dạy và xử lý tình huống sư phạm phức tạp. Thêm vào đó, áp lực đổi mới liên tục đòi hỏi giảng viên phải thường xuyên cập nhật kiến thức, nắm bắt diễn biến xã hội, chính sách và yêu cầu thực tiễn. Trong khi đó, môi trường làm việc đôi khi chưa thực sự khuyến khích thử nghiệm; rủi ro khi thử nghiệm phương pháp mới có thể khiến giảng viên e ngại. Mối quan hệ giữa nhà trường và địa phương một số nơi chưa chặt chẽ, gây khó khăn

cho hoạt động gắn lý luận với thực tiễn.

Những yêu cầu đặt ra là toàn diện: cần có chính sách đãi ngộ, cơ chế hỗ trợ khoa học, môi trường khuyến khích đổi mới; đồng thời giảng viên phải nỗ lực tự học, chủ động tìm kiếm cơ hội bồi dưỡng, kết nối, và rèn luyện kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý, kỹ năng số.

### **2.7. Giải pháp phát huy khát vọng cống hiến của giảng viên trẻ**

*Một là*, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Cần tổ chức chương trình đào tạo, tập huấn định kỳ về phương pháp dạy học tích cực, thiết kế bài giảng, đánh giá kết quả học tập, kỹ năng nghiên cứu khoa học. Các khóa bồi dưỡng nên kết hợp giảng viên cao cấp và chuyên gia thực tiễn; tạo điều kiện để giảng viên trẻ thực hành, nhận phản hồi và hoàn thiện.

*Hai là*, xây dựng cơ chế khuyến khích sáng tạo và thử nghiệm. Nhà trường cần có

chính sách công nhận, khen thưởng các sáng kiến sư phạm; cho phép thử nghiệm phương pháp mới trong phạm vi an toàn; cung cấp nguồn lực hỗ trợ (thời gian, kinh phí nhỏ, thiết bị) để giảng viên triển khai mô hình mới.

*Ba là*, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần, tạo cơ hội thăng tiến, phát triển nghề nghiệp, giúp giảng viên trẻ có thêm động lực phấn đấu, cống hiến. Khi nhu cầu chính đáng của giảng viên được đáp ứng, họ sẽ toàn tâm toàn ý với công việc.

*Bốn là*, tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, viết bài, tham luận, giao lưu học thuật để giảng viên trẻ tích lũy kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng và lan tỏa tinh thần cống hiến. Đây cũng là cách để họ trưởng thành nhanh chóng trong nghề nghiệp.

### **3. Kết luận**

Khát vọng cống hiến của giảng viên trẻ là nguồn lực quý giá, mang tính chiến lược đối với sự nghiệp đào tạo, bồi

dưỡng lý luận chính trị. Khát vọng ấy biểu hiện qua tinh thần đổi mới, năng động ứng dụng công nghệ, nỗ lực gắn lý luận với thực tiễn và quyết tâm rèn luyện phẩm chất đạo đức theo tấm gương Hồ Chí Minh. Để nguồn lực này phát huy hết tiềm năng, cần có chính sách, cơ chế và môi trường phù hợp: từ bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn đến đãi ngộ, hỗ trợ nghiên cứu, khuyến khích sáng tạo và xây dựng mạng lưới kết nối. Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, giảng viên trẻ không chỉ là người thuyết trình lý luận mà còn là người đồng hành cùng cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc triển khai chủ trương, đào tạo đội ngũ cán bộ hành động hiệu quả. Việc nuôi dưỡng khát vọng cống hiến nơi họ là đầu tư cho tương lai: một thế hệ giảng viên vừa “hồng” vừa “chuyên”, có khả năng kết nối lý luận với thực tiễn, góp phần xây dựng Đảng, nhà nước trong sạch, vững mạnh và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của đất nước./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị*.
3. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.



# PHÁT HUY NĂNG LỰC THỰC TIỄN CỦA HỌC VIÊN NHẪM TĂNG CƯỜNG GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✪ VÕ NGUYỄN DUY BÌNH\*

**Tóm tắt:** Trong giảng dạy lý luận chính trị, việc gắn lý luận với thực tiễn là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Thực tiễn là cơ sở của lý luận, còn lý luận soi sáng và định hướng thực tiễn. Đối với học viên là cán bộ, công chức, viên chức, năng lực thực tiễn thể hiện ở khả năng vận dụng linh hoạt tri thức vào công tác, giải quyết hiệu quả tình huống, đồng thời định hướng cho người khác. Để phát huy năng lực này, giảng viên cần áp dụng các phương pháp tích cực như tình huống có vấn đề, đối thoại và thảo luận nhóm. Đây là giải pháp hiệu quả, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ vững vàng về lý luận, nhạy bén trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Lý luận, thực tiễn, năng lực, giảng dạy lý luận chính trị.

## 1. Lý luận gắn với thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng; lý luận mà không gắn với thực tiễn thì là lý luận suông”<sup>1</sup>. Trong giảng dạy chính trị, giảng viên luôn chú trọng việc kết hợp chặt chẽ hai yếu tố này nhằm làm sáng rõ nội dung bài giảng. Đây được xem là giải pháp cơ bản, góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp hiện nay.

Trong bối cảnh hiện nay, đội ngũ giảng viên giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hiện thực hóa yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn. Với ưu thế về khả năng tiếp cận nhanh chóng các tri thức mới, tinh

thần sáng tạo và sự nhạy bén trước những biến động của đời sống xã hội, giảng viên có điều kiện thuận lợi để vận dụng linh hoạt kiến thức lý luận vào thực tiễn giảng dạy. Đồng thời, việc chủ động nghiên cứu các vấn đề thực tiễn địa phương và gắn chúng vào nội dung bài học không chỉ giúp nâng cao tính thuyết phục của bài giảng mà còn khơi dậy sự hứng thú học tập của học viên. Qua đó, giảng viên vừa góp phần khẳng định giá trị khoa học của lý luận, vừa đóng vai trò cầu nối đưa lý luận vào đời sống, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

*Phạm trừ thực tiễn:* Theo quan điểm triết học Mác-xít, thực tiễn được hiểu là những hoạt động vật chất cảm tính, có mục đích và mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội. Thông qua hoạt động này,

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 8, tr. 496.

con người tạo ra một “hiện thực mới”, bảo đảm điều kiện cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Thực tiễn biểu hiện dưới các hình thức cơ bản như hoạt động sản xuất vật chất, hoạt động chính trị - xã hội và hoạt động thực nghiệm khoa học; bên cạnh đó còn có các dạng phát sinh trong những lĩnh vực như đạo đức, nghệ thuật, giáo dục hay tôn giáo. Chính thực tiễn là cơ sở để con người nhận thức đúng đắn các sự vật, hiện tượng, từ đó khái quát thành hệ thống lý luận khoa học. Thông qua thực tiễn, năng lực và trí tuệ của con người không ngừng được rèn luyện, hoàn thiện và phát triển.

*Phạm trù lý luận:* Lý luận là hệ thống tri thức được khái quát từ thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là sự tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội được tích lũy trong quá trình lịch sử”<sup>2</sup>. Lý luận phản ánh các quy luật vận động của từng lĩnh vực trong hiện thực khách quan. Do đó, lý luận không thể hình thành một cách độc lập, mà chính quá trình tổng kết kinh nghiệm thực tiễn đã góp phần bổ sung, hoàn thiện và phát triển lý luận theo hướng ngày càng mới mẻ, phong phú và đa dạng.

*Lý luận và thực tiễn thống nhất biện chứng với nhau:* Sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn là một trong những luận điểm nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định, thực tiễn và lý luận luôn đồng hành trong tiến trình phát triển xã hội; cả hai vừa là sự phản ánh toàn diện các hoạt động của con người, vừa hướng tới mục tiêu cải tạo tự nhiên và xã hội để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của con người. Điều đó cho thấy, lý luận không thể tách rời thực tiễn, mà chính sức sống của nó bắt nguồn từ việc giải quyết những yêu cầu do thực tiễn đặt ra

*Đảm bảo sự gắn kết lý luận và thực tiễn trong giảng dạy chính trị:* Với chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức địa phương về lý luận chính trị, hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở địa phương, Trường Chính Trị tỉnh có nhiệm vụ quan trọng trong việc nâng cao năng lực chính trị, chuyên môn và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ. Trong giảng dạy lý

luận chính trị, yêu cầu đặt ra cho giảng viên là phải làm sáng tỏ quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, quốc phòng - an ninh,... nhằm giúp học viên nâng cao trình độ lý luận, đồng thời có khả năng vận dụng hiệu quả tri thức vào thực tiễn công tác tại địa phương.

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin theo hướng phù hợp với từng đối tượng, phát huy tính chủ động, tự nghiên cứu của cán bộ, đảng viên, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên, so với yêu cầu trong bối cảnh mới, công tác này vẫn còn một số hạn chế, nhất là kinh nghiệm và vốn thực tiễn của đội ngũ giảng viên. Bên cạnh đó, việc khai thác, phát huy năng lực thực tiễn của học viên, họ là cán bộ, công chức, viên chức có nhiều trải nghiệm công tác ở các cơ quan trên toàn tỉnh chưa được khai thác tốt. Điều này làm giảm tính sinh động, sức thuyết phục của bài giảng, khiến một số nội dung lý luận

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật 1987, t. 7, tr. 789.

chưa đủ sức giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn đặt ra. Do đó, yêu cầu cấp thiết hiện nay là không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo hướng gắn chặt lý luận với thực tiễn, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

## **2. Năng lực thực tiễn của học viên theo học chương trình Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp**

*Năng lực* là “khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó”<sup>3</sup>.

*Năng lực thực tiễn* là khả năng của cá nhân trong việc vận dụng tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm và phẩm chất đã có để giải quyết hiệu quả những tình huống, nhiệm vụ trong đời sống và lao động thực tế. Người có năng lực thực tiễn là người biết vận dụng một cách linh hoạt lý luận vào thực tiễn, có khả năng giải quyết hiệu quả những tình huống nảy sinh trong thực tế, đồng thời có khả năng hướng dẫn người khác ứng xử kịp thời trong những hoàn cảnh và môi trường tương tự.

*Năng lực thực tiễn của học viên là cán bộ, công*

*chức, viên chức:* được hiểu là khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức lý luận vào thực tế công tác, từ đó giải quyết hiệu quả các tình huống phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp và đời sống xã hội. Năng lực này không chỉ gắn với tri thức chuyên môn mà còn thể hiện ở bản lĩnh, thái độ, phương pháp xử lý công việc, cũng như khả năng định hướng, dẫn dắt người khác trong môi trường công tác.

Trên thực tế, năng lực thực tiễn của học viên được hình thành và phát triển thông qua nhiều yếu tố: khả năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động; sự phù hợp trong việc sử dụng lực lượng, phương tiện; khả năng phát hiện và xử lý mâu thuẫn để tạo động lực cho sự phát triển; đồng thời hình thành niềm say mê, gắn bó với nghề nghiệp. Quá trình công tác còn giúp học viên rèn luyện năng lực kiểm tra, đánh giá, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động.

Đặc thù của đội ngũ học viên là sự đa dạng về vị trí công tác, nhiệm vụ và môi trường làm việc. Chính sự khác biệt này tạo nên tính phong phú trong biểu hiện năng lực thực tiễn của mỗi cá nhân. Những thử thách trong thực tế giúp học viên tích lũy

nhiều kinh nghiệm quý báu, rút ra bài học sâu sắc, đồng thời bộc lộ cả những hạn chế cần khắc phục. Thực tiễn công vụ luôn chứa đựng sự đan xen giữa cái mới và cái cũ, tiến bộ và lạc hậu, đúng và sai, cũng như mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn.

Trong quá trình đào tạo, nếu giảng viên biết khơi gợi, khai thác những kinh nghiệm thực tế của học viên và gắn kết với nội dung lý luận, thì năng lực thực tiễn của học viên sẽ được phát huy mạnh mẽ. Điều này không chỉ làm sáng tỏ cơ sở khoa học của vấn đề mà còn giúp bài giảng trở nên sinh động, tạo hứng thú học tập và nâng cao chất lượng đào tạo.

## **3. Một số phương pháp nhằm phát huy năng lực thực tiễn của học viên nhằm tăng cường gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị**

Để phát huy năng lực thực tiễn của học viên, giảng viên cần vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực, trong đó nổi bật là sử dụng tình huống có vấn đề, phương pháp đối thoại và thảo luận nhóm:

*Sử dụng tình huống có vấn đề:* là tình huống nảy sinh mâu thuẫn giữa yêu cầu thực

<sup>3</sup> Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê, 2003, NXB Đà Nẵng).

tiến với vốn tri thức hiện có của học viên, buộc họ phải tư duy, vận dụng lý luận, kết hợp với kinh nghiệm thực tế để tìm ra cách giải quyết. Đây không chỉ là phương pháp dạy học tích cực mà còn là công cụ hữu hiệu để phát triển năng lực thực tiễn. Giảng viên có thể xuất phát từ thực tiễn công tác của học viên để thiết kế các tình huống liên quan trực tiếp đến chuyên đề đang giảng dạy. Chẳng hạn, trong môn Xây dựng Đảng, tình huống có thể là việc xử lý mâu thuẫn trong chi bộ; trong môn Quản lý hành chính nhà nước, tình huống có thể là giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tại địa phương,... Học viên sẽ được yêu cầu phân tích nguyên nhân, cơ sở lý luận, đề xuất phương án giải quyết và đánh giá tính khả thi. Thông qua tình huống có vấn đề, học viên buộc phải huy động vốn tri thức lý luận kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn để tìm lời giải cho những mâu thuẫn nảy sinh từ thực tế công tác. Quá trình này rèn luyện năng lực nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề, đồng thời tạo cơ hội để học viên kiểm nghiệm tính đúng đắn của lý luận trong thực tiễn.

*Phương pháp đối thoại:* đây là hình thức giảng dạy trong đó giảng viên và học viên cùng tham gia trao đổi, thảo luận, chất vấn và phản

biện về một vấn đề lý luận hoặc thực tiễn. Đây là quá trình tương tác hai chiều, khuyến khích học viên chủ động tiếp nhận tri thức, bày tỏ chính kiến và rèn luyện tư duy phản biện. Giảng viên đưa ra các vấn đề có liên hệ trực tiếp với chuyên đề đang học, gắn với thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị của học viên. Ví dụ: “Xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, “Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính ở cấp cơ sở”. Giảng viên gợi mở bằng hệ thống câu hỏi, tình huống, sau đó khuyến khích học viên trình bày quan điểm, kinh nghiệm thực tiễn. Học viên có thể tranh luận, phản biện quan điểm của nhau dưới sự điều tiết của giảng viên. Cuối cùng, giảng viên tổng hợp, khái quát để rút ra kiến thức lý luận và liên hệ thực tiễn. Với phương pháp đối thoại, học viên được khuyến khích trao đổi, phản biện, từ đó hình thành tư duy phản biện và năng lực diễn đạt, thuyết phục. Sự tương tác hai chiều giữa giảng viên và học viên không chỉ giúp người học tiếp nhận tri thức một cách chủ động mà còn gắn lý luận với những vấn đề thực tiễn tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

*Phương pháp thảo luận nhóm:* là hình thức tổ chức dạy học, trong đó giảng viên chia

học viên thành các nhóm nhỏ để cùng trao đổi, phân tích và giải quyết một vấn đề lý luận hoặc thực tiễn dưới sự định hướng của giảng viên. Đây là phương pháp phát huy tính chủ động, tinh thần hợp tác và khả năng tư duy phản biện của học viên. Phương pháp này thường được giảng viên kết hợp sử dụng trong các buổi xêmina theo chủ đề có sẵn, mỗi chuyên đề chọn 4 - 5 chủ đề. Muốn sử dụng tốt phương pháp này giảng viên thường căn cứ vào chủ đề đã chọn, có thể nêu lên một số nhóm các câu hỏi có tính chất gợi mở, nêu vấn đề. Sau đó hướng dẫn cho học viên chủ động nghiên cứu, trao đổi, thảo luận bài học trong nhóm và giữa các nhóm với nhau. Ở đây, vai trò chủ động, tích cực của học viên trong quá trình thảo luận nhóm thường được khơi dậy ở mức tối đa, vai trò của giảng viên trong quá trình này chỉ là hướng dẫn, gợi mở và thống nhất nhận thức chung cho học viên sau mỗi buổi thảo luận. Phương pháp thảo luận nhóm góp phần phát huy tinh thần hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao khả năng phân tích, tổng hợp và đưa ra quyết định tập thể. Đây cũng là môi trường thuận lợi để học viên học hỏi lẫn nhau, củng cố tri thức lý luận thông qua việc so sánh, đối chiếu với những trải nghiệm thực tiễn khác nhau.



Ba phương pháp trên không chỉ đổi mới cách thức tổ chức dạy học mà còn là công cụ hữu hiệu để tăng cường gắn lý luận với thực tiễn, góp phần hình thành và phát triển năng lực thực tiễn của học viên. Điều này giúp cho quá trình giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị trở nên thiết thực, sinh động và hiệu quả hơn, đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giai đoạn hiện nay.

Phát huy năng lực thực tiễn của học viên trong giảng dạy lý luận chính trị không

chỉ giúp tăng cường gắn kết giữa lý luận với thực tiễn, mà còn góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển bền vững kỹ năng giải quyết vấn đề của họ. Đây là yêu cầu cần thiết và có ý nghĩa sâu sắc, nhằm bảo đảm người học - vốn là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức - có khả năng nhận thức đúng đắn, hệ thống và toàn diện những tri thức lý luận cơ bản. Từ đó, họ có điều kiện tự bồi dưỡng thế giới quan cộng sản, phương pháp luận cách mạng và khoa học, để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công tác, hình thành suy nghĩ và hành động đúng

đắn, xứng đáng là những cán bộ gương mẫu, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Trong thời gian tới, việc tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo và trải nghiệm thực tiễn của học viên sẽ là giải pháp chiến lược. Điều này không chỉ giúp họ ngày càng hoàn thiện năng lực thực tiễn, mà còn tạo ra đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tư duy khoa học, hành động đúng đắn, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lênin (1980): *Toàn tập* (Tập 18), Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcova.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995): *Toàn tập* (Tập 3), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập* (Tập 7, 8), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2018): *Chỉ thị số 23-CT/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*, Hà Nội.
5. Nguyễn, N. H. (Chủ biên) (2022): *Phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo hướng phát huy năng lực người học*, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, Hà Nội.

# TĂNG CƯỜNG ĐỀ XUẤT VÀ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✧ NGUYỄN THÁI NGỌC\*

**Tóm tắt:** Đề xuất và thực hiện đề tài khoa học là một yêu cầu đặt ra đối với thực hiện nhiệm vụ của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp gắn với nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Bên cạnh sự quan tâm của lãnh đạo Trường, việc phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên, viên chức là một nhân tố quan trọng thúc đẩy nâng cao chất lượng đề xuất và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Trên cơ sở đánh giá thực trạng đề xuất và thực hiện đề tài khoa học các cấp ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong thời gian qua, bài viết đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng nhiệm vụ này trong thời gian tới góp phần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Trường trong bối cảnh mới.

**Từ khóa:** Trường chính trị, nghiên cứu khoa học, đề tài khoa học...

## 1. Đặt vấn đề

Đề xuất và thực hiện đề tài khoa học là hoạt động thường xuyên của đội ngũ cán bộ, viên chức Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương, cơ sở. Trong bối cảnh mới,

trong nước và thế giới có nhiều thay đổi lớn về kinh tế, chính trị, xã hội trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt đất nước đang đẩy mạnh thực hiện cuộc cách mạng sắp xếp tổ chức, bộ máy cơ quan, chính quyền các cấp, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, viên chức phải tiếp tục tăng cường nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công

tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở. Qua đó, nâng cao vị thế, uy tín khoa học của trường chính trị, đề xuất và thực hiện có hiệu quả đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và đề xuất giải pháp để giải quyết các vấn đề đặt ra hiện nay phục vụ cho xây dựng và phát triển của địa phương. Vì vậy, tăng cường đề xuất và thực hiện đề tài khoa học các cấp là một trọng những hoạt động trọng tâm của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đánh giá thực trạng đề xuất và thực hiện đề tài khoa học các cấp ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong thời gian qua

Thứ nhất, một số kết quả đạt được.

Thực hiện nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp theo Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13-11-2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19-5-2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn, trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp thực hiện tốt chức

\* Thạc sĩ, Phó Trường phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

năng, nhiệm vụ được giao, cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng, hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được Trường xác định là một nhiệm vụ quan trọng, trong đó đặc biệt quan tâm tổ chức đề xuất và thực hiện đề tài khoa học các cấp. Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, giảng viên, viên chức luôn cố gắng phát huy tốt vai trò, trách nhiệm và trí tuệ, đẩy mạnh nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học đề xuất và thực hiện đề tài khoa học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, Ban Giám hiệu Trường đã lãnh đạo các khoa, phòng tổ chức triển khai đến giảng viên, viên chức tích cực thực hiện các quy trình, thủ tục đăng ký đề tài khoa học cấp trường, cấp cơ sở, cấp tỉnh để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, đồng thời hướng đến hoàn thành tốt các chỉ tiêu của trường chính trị chuẩn theo quy định. Giai đoạn 2021 - 2025, tập thể lãnh đạo, giảng viên, viên chức của Trường đã chủ động đề xuất và thực hiện và nghiệm thu 09 đề tài khoa học cấp tỉnh, 31 đề tài khoa học cấp trường, cấp cơ sở. Đây là một kết quả lớn, thể hiện sự quyết tâm cao của tập thể cán bộ, viên chức và giảng viên của trường trong suốt thời gian tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu, phấn đấu vượt qua các khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ của các đề tài theo đúng tiến độ thời gian được giao.

Đối với đề tài khoa học

cấp tỉnh, cấp cơ sở do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh quản lý: Để nâng cao tầm nghiên cứu và chất lượng nghiên cứu khoa học đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức gắn với nhiệm vụ tổng kết thực tiễn ở địa phương, Ban Giám hiệu Trường đã chỉ đạo Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, các sở, ban ngành tỉnh, các khoa chuyên môn tổ chức, kết nối, định hướng cho giảng viên, viên chức có điều kiện đăng ký đề xuất và thực hiện các đề tài khoa học cấp tỉnh. Trong quá trình thực hiện đề tài, Ban Giám hiệu thường xuyên quan tâm, theo dõi tiến độ các công việc, có phương hướng chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ giúp cho các chủ nhiệm đề tài hoàn thành tốt nhiệm vụ khoa học.

Đối với đề tài khoa học cấp trường (cấp cơ sở) do Trường quản lý: Mặc dù trong giai đoạn đầu thực hiện còn gặp nhiều trở ngại, khó khăn, nhưng Ban Giám hiệu Trường luôn quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, giảng viên, viên chức có năng lực về chuyên môn, khoa học tham gia đề xuất và thực hiện tốt các nhiệm vụ khoa học cấp trường (cấp cơ sở). Chỉ đạo Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học nghiên cứu xây dựng các quy định, hướng dẫn về quy trình thực hiện đăng ký đề

xuất và thực hiện đề tài khoa học các cấp và cấp trường (cấp cơ sở), ban hành các thủ tục, hồ sơ, tổ chức triển khai, hướng dẫn để đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên có thể tiếp cận, dễ dàng thực hiện. Tại các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học cấp trường (cấp cơ sở), các giảng viên đều phát huy tốt năng lực chuyên môn, đóng góp tích cực cho các chủ nhiệm đề tài, góp phần nâng cao năng lực, uy tín của cán bộ, giảng viên và của trường trong thực hiện đề tài khoa học.

Sau khi sáp nhập hai trường (Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cũ và Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang) thành Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, với một đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức đông về số lượng, cao về chất lượng, có trình độ chuyên môn sâu, có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, đây là một lực lượng hùng hậu góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung, đề xuất và thực hiện đề tài khoa học nói riêng. Hiện nay, Trường đang hoàn tất các hồ sơ đề xuất thực hiện 02 đề tài khoa học cấp tỉnh báo cáo trước Hội đồng khoa học cấp tỉnh; triển khai thực hiện 11 đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp trường (dự kiến nghiệm thu cuối năm 2025). Điều đó cho thấy, hoạt động thực hiện đề tài khoa học các cấp ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp luôn được quan tâm kế thừa

thực hiện liên tục, không bị gián đoạn, vừa thể hiện trình độ, năng lực nghiên cứu ngày càng cao, vừa khẳng định uy tín nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức.

*Thứ hai, một số hạn chế.*

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc đề xuất và thực hiện khoa học ở Trường vẫn còn nhiều hạn chế:

Giảng viên, viên chức đề xuất và thực hiện đề tài khoa học còn gặp nhiều khó khăn, một số đề xuất thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh chưa gắn với nhu cầu tổng kết lý luận và thực tiễn phát triển của địa phương, cơ sở;

Việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong thực hiện các đề tài khoa học chưa chặt chẽ, chưa có giải pháp chuyển giao kết quả nghiên cứu thực tế ở địa phương, cơ sở.

Một số giảng viên, viên chức tham gia đề tài khoa học chưa tập trung đầu tư nghiên cứu; việc phân công thành viên thực hiện đề tài khoa học chưa cụ thể, sát với chuyên môn, gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

Việc thực hiện các đề tài khoa học cấp trường (cấp cơ sở) còn gặp nhiều vướng mắc, do chưa có định mức kinh phí để thực hiện đề tài.

**2.2. Những giải pháp tăng cường đề xuất và thực hiện đề tài khoa học ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới**

*Thứ nhất, tăng cường sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh.*

Ban Giám hiệu có kế hoạch đề xuất để tăng cường sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng có liên quan trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện đề tài khoa học của Trường. Tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy tạo điều kiện về cơ chế đặt hàng để Trường chủ trì, tham gia các đề tài tổng kết thực tiễn, tham mưu chính sách tại địa phương. Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Giám hiệu đề xuất các nhiệm vụ khoa học, tổng kết thực tiễn phục vụ hoạt động lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy, chính quyền các cấp. Đề xuất Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

*Thứ hai, lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện đề tài khoa học các cấp.*

Trên cơ sở tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học của Trường hằng năm và theo giai đoạn, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh nâng cao chất lượng đề xuất và thực hiện đề tài khoa học các cấp. Thường xuyên theo dõi chỉ đạo các khoa chuyên môn xây dựng và tổ chức thực hiện các đề tài khoa học theo quy định, đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá tiến độ, chất lượng thực hiện để có những chỉ đạo kịp

thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Tổ chức các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học khách quan, trung thực và đúng thực chất.

Lãnh đạo các khoa, phòng, giảng viên, viên chức thường xuyên đổi mới phương pháp đề xuất và thực hiện các đề tài khoa học gắn kết với các mô hình nghiên cứu thực tế, giảng dạy, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn, tham gia tổng kết thực tiễn tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh gắn với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương, cơ sở.

*Thứ ba, nâng cao năng lực, tâm huyết, trí tuệ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức trong thực hiện đề tài khoa học.*

Thực hiện đề tài khoa học là một nhiệm vụ quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học, từng bước nâng cao tư duy khoa học, phát triển hoàn thiện năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, viên chức. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với cán bộ, giảng viên, viên chức là phải luôn chủ động, tích cực tham gia đề xuất và thực hiện đề tài khoa học, thường xuyên theo dõi nhu cầu, định hướng phát triển của tỉnh, của các địa phương, gắn với nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt, trong bối cảnh mới của đất nước, đòi hỏi rất cao



về trí tuệ và tâm huyết của đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức, đóng góp công sức cho sự nghiệp nghiên cứu, phát triển của đất nước. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức phải thường xuyên học tập, tự học tập nâng cao kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu các đề tài khoa học nói riêng để tạo ra những sản phẩm đầy tâm huyết, trí tuệ, phục vụ tốt cho nhiệm vụ phát triển của địa phương, cơ quan, đơn vị.

*Thứ tư, tăng cường phối hợp với các Học viện, cơ quan, tổ chức và các trường chính trị trong đề xuất và thực hiện các đề tài khoa học.*

Ban Giám hiệu lãnh đạo thực hiện tốt công tác phối hợp với các cơ quan, ban ngành chức năng của Tỉnh để xây dựng chính sách cho đề tài khoa học cấp trường (cấp cơ sở). Chủ động phối hợp với các cơ quan trong việc xác định, lựa chọn nội dung, chủ

đề nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra, đề xuất các chủ trương, chính sách, giải pháp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương.

Phối hợp với các cơ quan, địa phương tổ chức các hội thảo khoa học phục vụ các đề tài khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, làm căn cứ lý luận và thực tiễn góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, quản lý và hoạt động của ngành, địa phương.

Tăng cường công tác phối hợp, kết hợp với các Học viện, các trường chính trị để tổ chức các hội thảo, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện các đề tài khoa học, đặc biệt quan tâm chia sẻ kinh nghiệm xây dựng các đề tài khoa học, chủ trì, tham gia tổng kết thực tiễn, tham mưu chính sách tại địa phương.

### **3. Kết luận**

Đề xuất và thực hiện đề tài khoa học là một nhiệm vụ quan trọng của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong hoạt động nghiên cứu khoa học, gắn với thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Phát huy vai trò của Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, tập thể cán bộ, viên chức, giảng viên là một yêu cầu quyết định trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng đề xuất và thực hiện đề tài khoa học của trường chính trị. Để thực hiện có hiệu quả đề xuất và thực hiện đề tài khoa học của Trường trong thời gian tới, cần phải thường xuyên và kịp thời tranh thủ sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời phối hợp tốt với các cơ quan chức năng thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng, uy tín khoa học của Trường trong thực hiện các đề tài khoa học./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2018): Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13-11-2018 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quy-dinh-so-09-qditw-ngay-13112018-cua-ban-bi-thu-ve-chuc-nang-nhiem-vu-to-chuc-bo-may-cua-truong-chinh-tri-tinh-thanh-4977>.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021): Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 về trường chính trị chuẩn, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quy-dinh-so-11-qdtw-ngay-1952021-cua-ban-bi-thu-ve-truong-chinh-tri-chuan-7753>.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021): *Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21-12-1-21 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*.
4. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025): *Báo cáo tổng kết phong trào thi đua, công tác khen thưởng giai đoạn 2020-2025, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2025 - 2030*.

# NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, HÀNH CHÍNH, THÔNG TIN, TƯ LIỆU - YẾU TỐ CỐT LÕI ĐẢM BẢO VẬN HÀNH TRƯỜNG CHÍNH TRỊ SAU SÁP NHẬP

**Tóm tắt:** Công tác tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu tại trường chính trị đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc kết nối giữa các “dây chuyền” hoạt động chung của trường. Trên cơ sở khảo sát thực trạng, bài viết đề xuất các giải pháp khoa học và sát thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp, đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời và hiện đại hóa công tác quản lý, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

**Từ khóa:** Công tác tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu; vận hành; trường chính trị; sau sáp nhập.

✧ LÂM ÁI CHINH\*

✧ LÊ TRẦN MINH SA\*\*

ra càng cao; thông tin phải được truyền đạt nhanh chóng, chính xác; văn bản xử lý kịp thời; tư liệu lưu trữ khoa học; hệ thống kỹ thuật vận hành ổn định. Cùng với đó, ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị số trở thành công cụ không thể thiếu, giúp nâng cao năng suất, giảm thiểu sai sót và tăng cường minh bạch. Chính vì vậy công tác tổ chức - hành chính - thông tin - tư liệu không chỉ là nghiệp vụ hậu cần, mà là yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo của trường chính trị trong giai đoạn mới.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tầm quan trọng của công tác tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu và “dây chuyền” trong bối cảnh quản lý giáo dục lý luận chính trị

Trong hệ thống quản lý giáo dục lý luận chính trị, tổ

## 1. Mở đầu

Trong kỷ nguyên mới giáo dục lý luận chính trị và chuyển đổi số, công tác tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu giữ vai trò “mạch máu” bảo đảm cho bộ máy trường chính trị vận hành thông suốt. Đây không chỉ là hoạt động hỗ trợ, mà còn là bộ phận điều phối trung tâm, kết nối chặt chẽ các khâu đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và hội

thảo. Chỉ một sai sót nhỏ như thiếu thông tin, văn bản lỗi, hay trục trặc kỹ thuật cũng có thể tạo hiệu ứng dây chuyền, ảnh hưởng toàn bộ quy trình đào tạo. Do đó, nâng cao hiệu quả công tác này chính là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính liên tục, chính xác và chất lượng đầu ra trong giáo dục lý luận chính trị. Đặc biệt trong bối cảnh sau sáp nhập, tinh gọn bộ máy, yêu cầu đặt

\* Thạc sĩ, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị thành phố Cần Thơ.

\*\* Thạc sĩ, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

hợp các hoạt động nghiệp vụ như tổ chức, hành chính, thông tin và tư liệu đóng vai trò then chốt, kiến tạo nên một quy trình vận hành khép kín và đồng bộ. Tầm quan trọng của hệ thống này được thể hiện rõ nét thông qua việc triển khai bốn nhóm nhiệm vụ trọng yếu sau:

Nhóm thứ nhất, tham mưu cho Ban Giám hiệu về các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, hành chính, thông tin và tư liệu.

Nhóm thứ hai, triển khai các chức năng, nhiệm vụ theo sự phân công.

Nhóm thứ ba, chủ trì và phối hợp tổ chức các hoạt động với các đơn vị trong và ngoài trường.

Nhóm thứ tư, chấp hành nghiêm các quy định, quy chế của nhà trường cũng như các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trên cơ sở đó, các nhóm được cụ thể hóa thành 12 nhiệm vụ cốt lõi, bao gồm: quản lý công tác tổ chức cán bộ; thi đua, khen thưởng; xây dựng và hoàn thiện quy chế nội bộ; quản lý hành chính, văn thư, lưu trữ; xây dựng kế hoạch hoạt động; quản lý cơ sở vật chất và tài chính, kinh phí; đảm bảo thông tin tư liệu; ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng văn hóa nhà trường và bảo đảm an ninh trật tự.

Mười hai nhiệm vụ này được cấu thành từ bốn yếu tố không tách rời mà có sự liên kết chặt chẽ, tạo thành một chuỗi hệ thống vận hành xuyên suốt, tương tự như một “dây chuyền sản xuất tri thức”. Đó là sự phối hợp đồng bộ giữa bộ phận tổ chức, hành chính (trong việc chuẩn bị nhân sự và kế hoạch), bộ phận đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu (trong việc triển khai chuyên môn), bộ phận thông tin, tư liệu (trong việc cung cấp tài liệu, dữ liệu, công nghệ) và các đơn vị hỗ trợ khác, nhằm tạo ra những “sản phẩm giáo dục” chất lượng cao.

Ngược lại, nếu một mắt xích trong chuỗi quy trình này bị gián đoạn, ví dụ như văn bản triển khai chậm trễ, thông tin cung cấp sai lệch hoặc tài liệu không đầy đủ, hiệu quả công việc sẽ suy giảm đáng kể, tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo lý luận chính trị. Tính liên tục và chính xác của từng khâu đóng vai trò quyết định đến sự thành công chung của toàn bộ hệ thống. Do đó, việc đảm bảo sự vận hành trơn tru và hiệu quả của “dây chuyền” này là vô cùng quan trọng để đạt được mục tiêu giáo dục đề ra.

Để duy trì hoạt động thông suốt và tối ưu, Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin tư liệu xây dựng quy trình

làm việc trên nền tảng các quy định mang tính khoa học, chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định và định hướng cụ thể. Mọi hoạt động được triển khai theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn đã thiết lập, đảm bảo tính chính xác và hiệu quả. Trong đó, việc tuân thủ tuyệt đối các quy định là yếu tố quyết định để đạt được mục tiêu chung.

Hoạt động của Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu được triển khai trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt khung pháp lý và các định hướng chiến lược. Cụ thể, Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn, tạo nền tảng pháp lý cho mọi hoạt động. Công tác văn thư, lưu trữ được thực hiện theo Luật Lưu trữ 2011 và Nghị định 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo tính chuẩn mực và thống nhất. Đặc biệt, Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030, định hướng việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, phát triển hạ tầng số và nâng cao hiệu quả quản lý. Các văn bản này không chỉ là cơ sở pháp lý mà còn là kim chỉ nam

định hướng để tất cả các bộ phận trong trường phối hợp nhịp nhàng, xây dựng một “dây chuyền” làm việc hiệu quả, minh bạch và hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh và tình hình mới. Tuy có tầm quan trọng và cơ sở pháp lý rõ ràng, nhưng trên thực tế, sự phối hợp “dây chuyền” này tại trường chính trị vẫn còn những hạn chế nhất định

## ***2.2. Thực trạng công tác tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu và sự phối hợp “dây chuyền” tại trường chính trị***

Trong giai đoạn đầu sáp nhập, trường chính trị đã triển khai đồng bộ các hoạt động quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Trong đó, công tác tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu giữ vai trò then chốt, vừa đảm bảo sự vận hành liên tục, vừa kết nối các đơn vị trong toàn bộ hệ thống. Điểm nổi bật là nhà trường đã thiết lập được cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, trong đó bộ phận tổ chức, hành chính đảm trách việc xây dựng kế hoạch, điều phối nhân sự, quản lý văn bản và thực thi các quy định; bộ phận thông tin, tư liệu thực hiện việc cập nhật, lưu trữ, số hóa tài liệu và cung cấp thông tin kịp thời cho giảng viên và

học viên; các bộ phận chuyên môn triển khai hiệu quả các hoạt động giảng dạy, hội thảo và nghiên cứu khoa học.

Quy trình vận hành tại trường chính trị được xây dựng tương đối bài bản. Các bước từ lập kế hoạch, thông báo, triển khai đến lưu trữ, quản lý tài liệu đã được thể chế hóa thông qua các quy định cụ thể, đồng thời phân công trách nhiệm chi tiết cho từng cá nhân và đơn vị. Đội ngũ viên chức thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng làm việc ngoài giờ khi có yêu cầu, đặc biệt là trong các sự kiện quan trọng như lễ khai giảng, bế giảng hoặc tiếp đón các đoàn khách, các Hội nghị.

Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, sự phối hợp này vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Cụ thể, thời gian luân chuyển văn bản còn chậm ở một vài khâu, việc cập nhật thông tin chưa đồng bộ giữa các đơn vị và hệ thống cơ sở dữ liệu số chưa được kết nối hoàn chỉnh. Vai trò tham mưu, phục vụ của phòng ban chưa thực sự phát huy tối đa hiệu quả; một số công việc của cá nhân viên chức còn chậm trễ so với tiến độ chung, đặc biệt là sự phối hợp giữa các khâu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chưa thật sự nhịp nhàng và đồng bộ.

Các hạn chế này xuất phát từ cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Về khách quan, khối lượng công việc đột xuất phát sinh lớn, đòi hỏi xử lý nhanh chóng và kịp thời, gây ảnh hưởng đến tiến độ các công việc đã được lên kế hoạch. Về chủ quan, việc một số cán bộ phải thực hiện nhiệm vụ tại các điểm trường ở xa khiến cho hiệu quả phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chung chưa đạt được như mong đợi. Điều này tác động tiêu cực đến hiệu quả tổng thể của quá trình đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu.

Để khắc phục những vấn đề này, cần có những giải pháp đồng bộ và hiệu quả, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường chính trị trong thời gian tới. Các giải pháp này cần tập trung vào việc tối ưu hóa quy trình làm việc, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và cải thiện cơ chế phối hợp giữa các đơn vị. Chỉ khi đó, trường chính trị mới có thể hoàn thành tốt vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực và quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường chính trị.



### **2.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp “dây chuyền”**

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, công tác này vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Để khắc phục những hạn chế đó và tối ưu hóa hiệu quả tổ chức, quản lý hành chính và tăng cường sự gắn kết giữa các đơn vị, việc triển khai đồng bộ các biện pháp là vô cùng quan trọng.

*Thứ nhất*, Ban Giám hiệu cần sớm ban hành và triển khai một Quy chế phối hợp thống nhất với trách nhiệm và thời hạn rõ ràng, tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động. Trong đó xác định rõ trách nhiệm, thời gian thực hiện và cơ chế kiểm soát cho từng nhiệm vụ cụ thể. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ. Trong đó, cần duy trì tổ chức các buổi giao ban định kỳ để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc phát sinh. Về phía các phòng, khoa, cần chủ động phối hợp theo nguyên tắc giải quyết dứt điểm, tránh tình trạng tồn đọng công việc.

*Thứ hai*, việc nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ và thường xuyên lấy phản hồi để hoàn thiện quy trình là những yếu tố quan trọng không thể thiếu. Song song với đó, nhà trường cần đầu tư nâng cấp hạ tầng

công nghệ thông tin (như phần mềm quản lý, lưu trữ tập trung, chữ ký số) để số hóa và đồng bộ các quy trình, nâng cao hiệu suất làm việc. Dựa trên nền tảng này, việc số hóa công tác quản lý sẽ mang lại hiệu quả tối ưu. Cụ thể, việc sử dụng phần mềm quản lý công việc tích hợp và hệ thống lưu trữ dữ liệu trên nền tảng đám mây sẽ giúp số hóa toàn bộ thông tin, tạo ra một kho dữ liệu tập trung, minh bạch và dễ dàng tiếp cận.

*Thứ ba*, là tối ưu hóa quy trình hành chính. Thông qua việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử, chữ ký số và quy trình phê duyệt trực tuyến, thời gian xử lý công việc sẽ được rút ngắn đáng kể, loại bỏ các thủ tục phức tạp, rườm rà. Tuy nhiên, hiệu quả của công nghệ chỉ được phát huy khi con người có đủ năng lực để vận hành. Việc quản lý tập trung và hiệu quả dữ liệu sẽ giúp cho việc ra quyết định được chính xác và kịp thời hơn, đồng thời giảm thiểu rủi ro sai sót trong quá trình vận hành. Đồng thời, công tác truyền thông nội bộ đóng vai trò quan trọng như một kênh kết nối, liên kết mọi hoạt động thông qua bản tin điện tử và các nền tảng trực tuyến, đảm bảo thông tin được truyền tải kịp thời và thống nhất đến toàn thể cán bộ, nhân viên.

*Thứ tư*, là giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ là yếu tố then chốt, bao gồm việc đào tạo kỹ năng số và tổ chức các chương trình trải nghiệm thực tế để loại bỏ tư duy cục bộ, xây dựng tinh thần làm việc nhóm hiệu quả. Cần xây dựng hệ thống chỉ số KPI đa chiều là vô cùng cần thiết, cung cấp dữ liệu khách quan để đánh giá và điều chỉnh kịp thời. Bên cạnh đó, việc tạo ra một môi trường làm việc mở, minh bạch và khuyến khích sự hợp tác sẽ thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới, giúp tổ chức thích ứng nhanh chóng với những thay đổi của môi trường bên ngoài.

Tất cả các giải pháp trên chỉ thực sự bền vững khi được xây dựng trên một văn hóa hợp tác theo mô hình “mắc xích”, nơi mỗi cá nhân, đơn vị đều nhận thức rõ vai trò của mình trong hệ thống chung, tuân thủ nguyên tắc “một đầu mối - một việc” để tránh tình trạng chồng chéo né tránh trách nhiệm. Khi những giải pháp này được triển khai đồng bộ và phối hợp chặt chẽ, chúng sẽ tạo ra một hệ sinh thái vận hành tối ưu, không chỉ nâng cao năng suất làm việc mà còn góp phần nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động của tổ chức. Quan trọng hơn, việc

chú trọng đến việc phát triển năng lực của đội ngũ nhân viên sẽ đảm bảo rằng tổ chức luôn có đủ nguồn lực để đáp ứng những thách thức trong tương lai.

### 3. Kết luận

Công tác tổ chức, hành chính, thông tin và tư liệu đóng vai trò then chốt trong vận hành trường chính trị. Chính việc cải thiện hiệu quả phối

hợp, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong công việc sẽ nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động của nhà trường, giúp đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong tình hình mới./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 của Ban Chấp hành TW (Khóa VIII) về *chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước*; Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về *tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý*; Kết luận số 117-KL/TW ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*.

2. Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về *chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*; Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *trường chính trị chuẩn*.

3. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về *đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức*; Thông tư 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ về *hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ*; Quyết định số 587/QĐ/TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ *phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2019-2030*.

4. Kế hoạch số 19/KH-HVCTQG ngày 17/02/2016 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về *thực hiện “Kết luận số 117-KL/TW ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”*.

# Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tỉnh Đồng Tháp - **Thực trạng và giải pháp**

## 1. Đặt vấn đề

✪ NGUYỄN NGỌC HƯƠNG\*

Trong bối cảnh xây dựng chính quyền địa phương hai cấp tỉnh - xã theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, công tác giảng dạy LLCT càng cần được đặt vào vị trí chiến lược, coi đó là nền tảng để hình thành bản lĩnh chính trị, tư duy lý luận, năng lực hành động cho đội ngũ cán bộ các cấp. Đặc biệt, nhiệm vụ của trường chính trị tỉnh không chỉ là truyền thụ lý luận, mà còn là cầu nối giữa lý luận chính trị với thực tiễn địa phương; giữa định hướng của Trung ương với hành động cụ thể.

Văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ đạo: Cần tiến hành đổi mới nội dung, chương trình, và phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại, và đặc biệt là gắn lý luận với thực tiễn. Đồng thời, văn kiện cũng đặt ra một mục tiêu quan trọng là tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ ở mọi cấp, đặc biệt là ở

cấp chiến lược và người đứng đầu, với đầy đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, xây dựng và hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài. Ngoài ra, cần thiết lập cơ chế bảo vệ cho những cán bộ có tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm và dám đương đầu với khó khăn, thách thức, quyết liệt trong hành động vì lợi ích

chung. Để thực hiện những quan điểm chỉ đạo của Đảng và cụ thể hóa mục tiêu trên, Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn được ban hành.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.2. Thực trạng trường chính trị tỉnh Đồng Tháp trong việc đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị

Ngày 13-11-2018, Ban

**Tóm tắt:**  
*Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu xây dựng Đảng ngày càng cao, việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trở thành nhiệm vụ có ý nghĩa rất quan trọng trong tiến trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phát triển đất nước, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị (LLCT) cho cán bộ, đảng viên giữ vai trò nền tảng, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.*

**Từ khóa:** Trường chính trị, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.

\* Tiến sĩ, Trường Khoa Nhà nước và pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Bí thư ban hành Quy định số 09-QĐi/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường chính trị cấp tỉnh được xác định là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Tỉnh ủy. Nhiệm vụ chính của các trường là tham mưu giúp Tỉnh ủy tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị ở cấp cơ sở về lý luận chính trị - hành chính; chịu trách nhiệm về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; chịu trách nhiệm về kiến thức về một số lĩnh vực khác và tham gia vào tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cấp tỉnh.

Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng được hình thành bởi sự tác động đa chiều của nhiều yếu tố, trong đó đội ngũ cán bộ và giảng viên, những người trực tiếp tham gia công tác giảng dạy và quản lý đào tạo, bồi dưỡng đóng vai trò quan trọng. Nhận thức về điều này, các trường chính trị không ngừng quan

tâm và đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức có trình độ, phẩm chất và năng lực đầy đủ, bao gồm nhà giáo, nhà khoa học và nhà lãnh đạo quản lý. Nhà trường đặt nhiệm vụ này không chỉ là cấp bách ngay trong thời gian ngắn mà còn mang tính chiến lược dài hạn, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới.

Xác định tầm quan trọng trong giai đoạn hiện nay, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã tích cực triển khai các hoạt động nhằm thu hút và tuyển dụng nguồn cán bộ mới, nhằm thay thế cho những giảng viên đã về hưu hoặc chuyển công tác, đảm bảo ổn định nguồn nhân lực của Trường. Đồng thời, nhà trường cũng tập trung mạnh mẽ vào công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giảng viên. Đặc biệt, ngoài việc đào tạo chuyên môn, trường chính trị còn quan tâm đến việc nâng cao trình độ lý luận chính trị và cung cấp các văn bằng chứng chỉ phù hợp với yêu cầu của từng vị trí công việc của cán bộ và giảng viên.

Bên cạnh đó, với trách nhiệm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đang giữ chức vụ và cung cấp nguồn nhân sự cho các cấp ủy Đảng, chính

quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, trường chính trị tỉnh không ngừng nỗ lực để đạt và vượt kế hoạch đào tạo đã đề ra mỗi năm. Điều này bao gồm việc mở rộng loại hình lớp, cập nhật và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo để đảm bảo tính hiệu quả và thiết thực. Hầu hết học viên tham gia đã thể hiện năng lực, trí tuệ và bản lĩnh chính trị vững vàng thông qua việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Đặc biệt, người học đã trở thành những nhân tài cốt lõi, đảm nhiệm các vị trí then chốt trong các cấp, các ngành ở địa phương và cơ sở. Đóng góp quan trọng vào việc thực hiện chiến lược cán bộ của tỉnh, đặc biệt trong kỷ nguyên mới kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Một điểm nhấn quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo lý luận chính trị tại tỉnh Đồng Tháp là việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Giai đoạn 2021 - 2025 sau khi sáp nhập giữa 2 tỉnh Tiền Giang (cũ) và Đồng Tháp (cũ) về số lớp bồi dưỡng của Trường bình quân khoảng 100 lớp/năm.

Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2021 - 2025 của Trường đã tổ chức được 458 lớp với 44.603 lượt học viên. Kết quả, qua 5 năm đã tổ



chức thực hiện và nghiệm thu được 05 đề tài khoa học cấp tỉnh, 24 đề tài khoa học cấp trường; 01 hội thảo khoa học cấp Bộ, 14 hội thảo khoa học cấp tỉnh, 01 hội thảo khoa học cấp Cụm thi đua, 13 hội thảo khoa học trường; xuất bản nhiều kỷ yếu, tọa đàm, sách chuyên khảo, bản tin; tham gia viết nhiều bài viết cho các báo, tạp chí.

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức của việc xuất bản Thông tin lý luận và thực tiễn. Thực hiện chỉ tiêu về số lượng bản Thông tin lý luận và thực tiễn trong năm theo Quy định số 11-QĐ/TW, so với những năm trước chỉ xuất bản từ 1-2 số/năm, đến nay đã xuất bản định kỳ 3-4 số/năm. Hoạt động nghiên cứu không chỉ nâng cao năng lực tư duy khoa học của giảng viên, mà còn tạo nguồn tư liệu thực tiễn phong phú để bổ sung vào bài giảng.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên được sự quan tâm của Học viện, Vụ Các trường chính trị, Tỉnh ủy, đặc biệt từ khi Ban Bí thư ban hành Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn và danh mục vị trí việc làm, đội ngũ cán bộ, giảng viên đã nâng cao ý thức hơn trong việc rèn luyện, bồi dưỡng và phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đến nay Trường đã có 08

tiến sĩ, 49 thạc sĩ; 38 cao cấp lý luận chính trị, 20 trung cấp lý luận chính trị. Học viện thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cập nhật cho giảng viên các khoa chuyên môn...

Mặc dù công tác đào tạo, bồi dưỡng LLCT tại tỉnh đã đạt nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn tồn tại những hạn chế cần sớm khắc phục. Trước hết, nhận thức của một số ít cán bộ về vai trò của công tác này chưa toàn diện, dẫn đến việc đi học mang tính hình thức, chủ yếu để hoàn thiện hồ sơ chứ chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu rèn luyện, nâng cao năng lực. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy còn thiếu đồng bộ; Chính sách đãi ngộ đối với giảng viên và hỗ trợ học viên còn hạn chế, chưa tạo được động lực mạnh mẽ trong quá trình giảng dạy và học tập. Trong thời gian gần đây, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch tại giảng viên trường chính trị vẫn đối mặt với một số hạn chế. Một số ít giảng viên chưa thực sự tích cực đầu tư công sức và trí tuệ để lồng ghép nội dung này vào các chuyên đề giảng dạy, thảo luận ở các lớp, các hệ đào tạo, bồi dưỡng vẫn

chưa đạt đến mức cao nhất. Đây là những vấn đề cần được quan tâm giải quyết nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo lý luận chính trị trong thời gian tới.

Trong thời gian tới, để phát huy và khẳng định vai trò của trường chính trị góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, cần có những giải pháp cụ thể để nâng cao vai trò trong việc đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị đạt được hiệu quả cao nhất.

### ***2.3. Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới***

*Thứ nhất*, cần nâng cao nhận thức và khẳng định lại vai trò quan trọng của việc học tập lý luận chính trị. Việc này đòi hỏi sự khẳng định rõ vai trò của việc học tập và bồi dưỡng lý luận chính trị để học viên có nhận thức chính xác, xác định trách nhiệm và nhiệm vụ của mình, cũng như tự giác trong quá trình học tập.

Để thực hiện điều này, đội ngũ giảng viên cần tập trung vào việc làm nổi bật tính hữu ích của môn học, giúp học viên nhận thức giá trị của việc học tập lý luận chính trị đối với cuộc sống và công việc cá nhân.

*Thứ hai*, trong giảng dạy, cần làm rõ vấn đề đấu tranh loại bỏ những ý kiến lạc hậu, xây dựng những ý kiến tiến bộ liên quan đến lợi ích của cộng đồng, lợi ích chung. Đồng thời, phải tích cực đấu tranh từng bước để loại bỏ những quan điểm lạc hậu, bảo thủ liên quan đến lợi ích của một nhóm nhỏ hoặc các thế lực chống đối xã hội. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, đây cần được coi là tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực và hiệu quả giảng dạy của từng giảng viên. Nhà trường cũng cần thiết kế kế hoạch tập huấn và bồi dưỡng cho giảng viên, giúp họ nắm vững các phương pháp giảng dạy tích cực và hiện đại, từ đó áp dụng vào quá trình đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị.

*Thứ ba*, cần đổi mới các phương thức đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị để phản ánh chính xác thực tế đang diễn ra. Trước sự biến động và phát triển không ngừng của thực tế, việc đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị để có hiệu quả tốt nhất đòi hỏi sự linh hoạt trong cách thức đào tạo và bồi dưỡng. Điều này bao gồm việc kết hợp các hình thức đào tạo và bồi dưỡng trực tiếp cùng với các phương tiện trực tuyến, với học viên được đặt ở trung tâm của quá trình học.

Tổng hợp giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp mới, sáng tạo, tích hợp công nghệ hiện đại là cần thiết. Nhằm tăng tính trực quan và hấp dẫn cho các buổi giảng lý luận chính trị, việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật tiên tiến là rất quan trọng. Điều này giúp làm giàu trải nghiệm học tập, làm cho bài giảng trở nên sống động và thu hút sự chú ý của học viên.

Trong quá trình truyền đạt, cần lựa chọn những nội dung chính, rõ ràng, nổi bật, mang giá trị về thế giới quan và phương pháp luận. Đồng thời, cần loại bỏ những giải thích phức tạp, không còn phù hợp với thực tiễn đời sống hiện đại, nhằm tránh lãng phí thời gian của học viên.

*Thứ tư*, cần tập trung vào những nội dung quan trọng, nhấn mạnh tính ưu việt trong công tác hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng đất nước của Đảng và Nhà nước. Điều này giúp củng cố niềm tin, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho người học, theo đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử lý mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của

chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để làm, lý luận đi đôi với thực tiễn.

Ngoài ra, việc cân đối thời gian giảng dạy trực tiếp trên lớp với các hoạt động trao đổi, thảo luận, và nghiên cứu thực tế giúp học viên có cơ hội áp dụng kiến thức vào thực tiễn, kiểm nghiệm, và kiểm chứng lý luận trong hoạt động thực tế. Điều này khuyến khích sự sáng tạo trong quá trình học tập lý luận chính trị, đồng thời thực hiện đúng theo tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Thứ năm*, đa dạng hóa nội dung, hình thức đào tạo, gắn lý luận chính trị với thực tiễn địa phương. Trong xu thế chuyển đổi số và nhu cầu học tập linh hoạt, trường chính trị tỉnh cần chủ động triển khai mô hình đào tạo xây dựng nền tảng học tập số hóa để mở rộng đối tượng học tập, đặc biệt ở vùng xa. Đồng thời, cần tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn, mô phỏng tình huống lãnh đạo, quản lý sát thực tiễn địa phương; đưa lớp học về cơ sở, mời lãnh đạo thực tiễn tham gia giảng dạy để tăng tính tương tác và khả năng vận dụng kiến thức LLCT. Đổi mới hình thức đánh giá học viên theo hướng đánh giá

năng lực tư duy, khả năng vận dụng vào công tác thực tiễn là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ sáu*, để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của nhà trường trong giai đoạn mới, việc tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ và giảng viên có chuyên môn cao, năng lực giỏi về quản lý và nghiệp vụ là hết sức quan trọng. Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị cần không ngừng đổi mới và nâng cao khả năng giảng dạy, cũng như rèn luyện về phẩm chất đạo đức và tư cách. Trở thành những tấm gương xuất sắc trong học tập và rèn luyện, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nhà trường.

*Thứ bảy*, để nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình tham gia đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị, quan trọng nhất là phải tăng cường ý thức tự giác của cán bộ và đảng viên. Đối với mỗi cá nhân, việc tham gia học tập lý luận chính trị không chỉ là nhiệm vụ và trách nhiệm mà còn là quyền lợi của bản thân.

Ý thức tự rèn luyện của từng người đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung và hoàn thiện kiến thức về lý luận chính trị, cũng như nâng cao năng lực và kinh nghiệm trong công tác. Điều này giúp

đáp ứng mạnh mẽ sự vận động và phát triển của cách mạng trong giai đoạn hiện tại.

*Thứ tám*, cần tăng cường kỷ luật và xây dựng văn hóa trường Đảng chuẩn mực. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, giảng viên, và nhân viên nhà trường thành gương mẫu về đạo đức và lối sống theo tư tưởng, đạo đức, cũng như phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hết sức quan trọng. Đồng thời, nhấn mạnh đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ là những yêu tố cơ bản. Đội ngũ này cần sở hữu uy tín cao, kỹ năng chuyên môn xuất sắc, và thành thạo nghiệp vụ để đảm bảo hiệu suất và uy tín của trường chính trị tỉnh.

*Thứ chín*, thiết lập cơ chế phối hợp, giám sát và nâng cao trách nhiệm lãnh đạo trong đào tạo lý luận chính trị.

Cần thiết lập một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa trường chính trị tỉnh với các ban xây dựng Đảng, các đơn vị cử cán bộ đi học nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng. Mô hình phối hợp “3 bên” giữa cơ sở đào tạo, cơ quan cử cán bộ, và học viên cần được thể chế hóa bằng quy chế phối hợp rõ ràng. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập, rèn

luyện, vận dụng lý luận sau đào tạo; đưa kết quả này vào đánh giá cán bộ, xem xét thi đua, khen thưởng. Đặc biệt, người đứng đầu các cấp, các ngành cần xác lập trách nhiệm cụ thể trong lãnh đạo công tác giáo dục lý luận chính trị, gắn tiêu chí này vào nội dung kiểm điểm hằng năm.

### **3. Kết luận**

Trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh và xã), đặc biệt sau sáp nhập đơn vị hành chính, yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ sở ngày càng cấp thiết. Do đó, việc đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cần được triển khai đồng bộ với các giải pháp như: cập nhật nội dung gắn thực tiễn địa phương, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, ứng dụng công nghệ số và hiện đại hóa cơ sở vật chất. Trường chính trị tỉnh và các trung tâm chính trị cần đóng vai trò trung tâm lan tỏa mô hình giảng dạy lý luận chính trị hiện đại, hiệu quả. Phát huy vai trò đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị trở thành nội dung quan trọng hơn cả của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị hiện nay. Trách nhiệm lớn của trường chính trị đòi hỏi từ mọi cấp, mọi ngành, cán bộ, và đảng viên đều tích cực tham

gia vào công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cũng như tham gia vào cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai lệch và thù địch. Đặc biệt đối với trường chính trị,

càng trở nên quan trọng và cần được coi trọng để thực hiện một cách đúng đắn, từ đó xứng đáng với vị trí, vai trò, và tầm vóc của một trường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ

mà Đảng, Nhà nước, Nhân dân đặt niềm tin và giao phó, từng bước khẳng định vị thế quan trọng của trường chính trị cấp tỉnh trong sự phát triển của đất nước./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), Kết luận số 117-KL/TW, ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư khóa XI về công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”, Hà Nội.

2. *Hội đồng Lý luận Trung ương: Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 235 3. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý*, truy cập ngày 22/12/2024.

3. *Ban Chấp hành Trung ương (2022), Quy định về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị*, số 57-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2022,

4. *Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NxbCTQG - ST, H. 2021, t. 2, tr. 234.

6. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 09-10-2014 về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*, 2014.

7. *Quyết định số 5029 ngày 26-10-2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, quy định về ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*.



## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, phát triển công nghiệp trở thành một trong những động lực then chốt để thúc đẩy tăng trưởng bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Đối với tỉnh Đồng Tháp - một địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với thế mạnh về nông nghiệp, việc định vị vai trò của ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, có ý nghĩa chiến lược nhằm nâng cao giá trị gia tăng, mở rộng chuỗi giá trị và tham gia sâu hơn vào thị trường toàn cầu.

Giai đoạn 2020-2025, tỉnh Đồng Tháp đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển công nghiệp, góp phần nâng cao vị thế kinh tế vùng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình công nghiệp hoá của tỉnh còn bộc lộ nhiều hạn chế, thách thức về quy mô sản xuất, công nghệ, nguồn nhân lực và liên kết chuỗi giá trị. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn vừa

# PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ở TỈNH ĐỒNG THÁP **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

✪ LÊ NHỰT TÂM\*

**Tóm tắt:** Phát triển công nghiệp là nội dung quan trọng và gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiến tới một nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Bài viết phân tích thực trạng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2020-2025, làm rõ những thành tựu nổi bật về tăng trưởng giá trị sản xuất, phát triển hạ tầng khu - cụm công nghiệp, mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời chỉ ra các hạn chế như quy mô nhỏ, công nghệ trung bình, nhân lực kỹ thuật còn thiếu. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm đến năm 2030 gồm: hoàn thiện quy hoạch gắn với hành lang kinh tế, tăng cường liên kết vùng, đầu tư đồng bộ hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới công nghệ và đẩy mạnh hội nhập thị trường quốc tế.

**Từ khóa:** Phát triển công nghiệp, Đồng Tháp...

qua, từ đó đề xuất các giải pháp trọng tâm đến năm 2030 là hết sức cần thiết, góp phần định hình chiến lược phát triển công nghiệp phù hợp với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu hội nhập.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định rõ, sau sáp nhập, tỉnh

Đồng Tháp với không gian phát triển trải dài từ nơi đầu nguồn sông Tiền đến tận Biển Đông, đã mở ra một không gian kinh tế rộng lớn và năng động hơn. Với thế mạnh công nghiệp, xuất khẩu và nông nghiệp hàng hoá, sự kết hợp này được kỳ vọng là sẽ tạo chuỗi giá trị giữa vùng nguyên liệu và vùng chế biến, giữa sản xuất nông nghiệp và công nghiệp hỗ trợ,...

\* Thạc sĩ, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Thực tế cho thấy, tỉnh Đồng Tháp là vừa lúa, vừa trái cây, vừa thủy sản lớn của cả nước. Đây là điều kiện giúp tỉnh trở thành địa phương đi đầu trong xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại. Trong khi đó, xu hướng chuyển dịch đầu tư công nghiệp từ Tp. Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ sang các tỉnh, vùng lân cận có điều kiện giao thông thuận lợi là cơ hội lớn để cho tỉnh phát triển nhanh công nghiệp.

### **2.1. Thực trạng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2020-2025**

Trong giai đoạn 2020 - 2025, ngành công nghiệp Đồng Tháp đã thể hiện rõ vai trò là một trong những động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế tỉnh. Giá trị GRDP công nghiệp (giá hiện hành) ước đạt 59.682 tỷ đồng, tăng từ 34.633 tỷ đồng năm 2020, chiếm 20,52% GRDP (so với 18,79% năm 2020). Tốc độ tăng trưởng GRDP công nghiệp bình quân đạt 6,79%/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đến năm 2025 đạt 206.589 tỷ đồng, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 98,59% cơ cấu công nghiệp<sup>1</sup>.

Các nhóm ngành chủ lực duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định như: sản phẩm ống đồng tăng 15,28%/năm; gạo xay xát tăng 10,27%/năm; thủy sản chế biến tăng 9,28%/năm; sản phẩm bún, hủ tiếu tăng 16,51%/năm; bia tăng 10%/năm<sup>2</sup>. Ngành công nghiệp chế biến đóng vai trò then chốt, tạo nền tảng để thúc đẩy xuất khẩu và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

Hạ tầng công nghiệp được quan tâm đầu tư. Đến nay, toàn tỉnh có 06 khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động với tỷ lệ lấp đầy đạt trên 90%, thu hút 187 dự án (trong đó 101 dự án FDI) với tổng vốn đầu tư đăng ký 3,21 tỷ USD và 12.383,7 tỷ đồng. Hệ thống 23 cụm công nghiệp (CCN) được thành lập, trong đó 17 CCN đã đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy đạt 77,52%, thu hút 126 dự án (11 dự án FDI) với tổng vốn đăng ký 207,9 triệu USD và 14.481 tỷ đồng<sup>3</sup>. Cùng với đó, hạ tầng giao thông - logistics được cải thiện với nhiều dự án trọng điểm như cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Cao Lãnh - An Hữu... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp.

Hoạt động xuất khẩu cũng đạt nhiều kết quả tích cực. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2025 ước đạt 9,2 tỷ USD (năm 2020 đạt 4,24 tỷ USD), tăng bình quân 16,76%/năm. Cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch tích cực, với các nhóm hàng chủ lực gồm kim loại thường (17%), gạo (13%), thủy sản (12%), may mặc (12%)<sup>4</sup>... Tuy vậy, công nghiệp Đồng Tháp vẫn còn quy mô nhỏ, năng suất lao động chưa cao, thiếu doanh nghiệp đầu tàu, công nghệ sản xuất còn ở mức trung bình. Công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, liên kết chuỗi giá trị yếu. Việc triển khai quy hoạch hạ tầng ở một số Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp còn chậm; thị trường khoa học - công nghệ còn non trẻ; tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn quản lý tiên tiến còn thấp. Nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao còn thiếu, liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo chưa hiệu quả.

### **2.2. Nguyên nhân của những hạn chế**

*Về khách quan:* Tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu, căng thẳng thương mại và dịch Covid-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng, giảm sức

<sup>1</sup> UBND tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo chuyên đề về định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp*, Số 161/BC-UBND ngày 26/9/2025.

<sup>2</sup> UBND tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo chuyên đề về định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp*, Số 161/BC-UBND ngày 26/9/2025.

<sup>3</sup> UBND tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo chuyên đề về định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp*, Số 161/BC-UBND ngày 26/9/2025.

<sup>4</sup> UBND tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo chuyên đề về định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp*, Số 161/BC-UBND ngày 26/9/2025.

cầu thị trường, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất công nghiệp; Biến đổi khí hậu, thiên tai, xâm nhập mặn và sạt lở tác động tiêu cực đến nguồn nguyên liệu và hạ tầng; Vị trí địa lý xa trung tâm công nghiệp lớn, hạ tầng vùng còn hạn chế đã làm giảm sức hấp dẫn đầu tư.

*Về chủ quan:* Công tác quy hoạch, định hướng chiến lược còn thiếu tính đột phá; một số dự án hạ tầng triển khai chậm, hiệu quả sử dụng đất công nghiệp chưa cao; Năng lực tài chính, trình độ công nghệ của doanh nghiệp còn hạn chế; thiếu liên kết chuỗi giá trị; Công tác cải cách hành chính ở một số khâu còn chậm, phối hợp giữa các ngành, cấp chưa thật sự hiệu quả; Công tác đào tạo nghề chưa gắn chặt với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

### **2.3. Định hướng và giải pháp trọng tâm phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030**

*Về định hướng chiến lược:* Mục tiêu đến năm 2030, Đồng Tháp là địa phương có công nghiệp phát triển nhanh, nông nghiệp sinh thái, hàng đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đến năm 2045,

tỉnh sẽ là địa phương dẫn đầu cả nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp, phát triển công nghiệp tiên tiến. Trên cơ sở đó, tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, đại biểu đã thống nhất hoạch định tổ chức không gian phát triển cho chiến lược “hai trong một”. Theo đó, đến năm 2030 tỉnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại<sup>5</sup>, tăng trưởng theo chiều sâu, giá trị gia tăng cao; phần đầu GRDP công nghiệp đạt 143.247 tỷ đồng, chiếm 26,7% GRDP; giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 408.000 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng GRDP công nghiệp bình quân đạt 14,5%/năm<sup>6</sup>. Trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến sâu nông - thủy sản gắn với vùng nguyên liệu, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường, hướng đến trở thành trung tâm chế biến - xuất khẩu nông sản hàng đầu quốc gia.

*Về giải pháp:* trong thời gian tới, Tỉnh cần tập trung một số vấn đề để phát triển công nghiệp đến năm 2030:

*Thứ nhất,* về công tác quy hoạch, liên kết vùng. Tỉnh cần hoàn thiện quy hoạch phát triển công nghiệp gắn với các hành lang kinh tế. Đồng thời, tăng cường liên kết vùng với

Tp. Hồ Chí Minh, An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tây Ninh để phát triển chuỗi giá trị, giảm chi phí logistics, tiếp cận công nghệ và nhân lực chất lượng cao.

*Thứ hai,* về hạ tầng và môi trường đầu tư. Cần có sự đầu tư một cách đồng bộ hạ tầng Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, logistics; tạo quỹ đất sạch, tháo gỡ điểm nghẽn về thủ tục; Hoàn thiện hệ thống năng lượng, hạ tầng giao thông chiến lược; Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi.

*Thứ ba,* về doanh nghiệp, công nghệ và nhân lực. Cần phải có những chính sách phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế, chuyển đổi số trong sản xuất; Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao.

*Thứ tư,* về xúc tiến thương mại và hội nhập. Tỉnh cần nhận diện và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để phát triển công nghiệp. Đồng thời,

<sup>5</sup> <https://dantri.com.vn/toai-su/dong-thap-phan-dau-den-2030-la-tinh-co-nen-cong-nghiep-phat-trien-nhanh-20251001102221165.htm>.

<sup>6</sup> UBND tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo chuyên đề về định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp*, Số 161/BC-UBND ngày 26/9/2025

phát triển hệ thống logistics, cảng biển, trung tâm thương mại công nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường.

### 3. Kết luận

Phát triển công nghiệp là một trong những trụ cột chiến lược của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh Đồng Tháp. Những

thành tựu đạt được giai đoạn 2020-2025 đã tạo nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển mới. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đến năm 2030, tỉnh cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp về quy hoạch chiến lược, hạ tầng, công nghệ, nhân lực và hội nhập thị trường, trên cơ sở phát huy lợi thế địa phương

và tăng cường liên kết vùng. Việc thực hiện thành công các giải pháp này sẽ góp phần đưa Đồng Tháp trở thành địa phương có ngành công nghiệp phát triển hiện đại, bền vững, đóng vai trò đầu tàu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của vùng ĐBSCL trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2020), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.
2. UBND tỉnh Đồng Tháp (2025), Báo cáo chuyên đề định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp.
3. Bộ Công Thương (2022), Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045.
4. <https://dantri.com.vn/thoi-su/dong-thap-phan-dau-den-2030-la-tinh-co-nen-cong-nghiep-phat-trien-nhanh>.



# *Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp*

## THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

✪ LÊ THỊ THANH KIỀU\*

**Tóm tắt:** Với quyết tâm chính trị cao và sự nhạy bén trong quản lý điều hành, lãnh đạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã thực hiện đồng bộ các biện pháp để hiện thực hóa các Nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Trong những năm qua, với những kết quả đạt được, Trường đã tạo nên sự thay đổi vượt bậc về chất lượng công tác quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học,... Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá thực trạng, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Trường theo Nghị quyết 57-NQ/TW trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Trường Chính trị tỉnh, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

### 1. Đặt vấn đề

Trước sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ, Đảng ta sớm lãnh đạo ban hành và thực hiện các Nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đối với giáo dục,

năm 2021, tại Đại hội XIII, Đảng ta chủ trương: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập

quốc tế (công dân toàn cầu)”<sup>1</sup>. Xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yếu tố quyết định, là thời cơ tốt nhất phát triển của quốc gia nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp với vai trò là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên của Đảng phải tiên phong, gương mẫu, đi đầu thực hiện nhiệm vụ này. Chính vì vậy, lãnh đạo Trường đã chỉ đạo, điều hành để thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng dụng công nghệ nâng cao chất lượng hoạt động trên các mặt của công tác quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, mang đậm dấu ấn của sự chuyển đổi sang ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, trang 232 - 233.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Thực trạng thực hiện Nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong hoạt động ở trường chính trị thời gian qua***

Nhằm tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngay từ năm 2012, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012, về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Tiếp đó, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;... và năm 2024, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, về đột phá phát triển khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết khẳng định: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”<sup>2</sup>. Trước xu hướng phát triển chung này, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sớm ứng dụng khoa học, công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thể hiện tính tiên phong, gương mẫu của một đơn vị thực hiện “công việc gốc của Đảng” - “huấn luyện cán bộ”.

*Trong công tác quản lý và chỉ đạo điều hành:*

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sớm được đầu tư và đưa vào hoạt động trên thực tế các ứng dụng và phần mềm công nghệ như: Eoffice, iDesk, DongThapG,... trong việc triển khai các văn bản chỉ đạo từ các cấp đến giảng viên, viên chức của Trường thay cho phương thức quản lý truyền thống bằng giấy. Giúp số hóa quy trình, tự động hóa công việc, hỗ trợ làm việc

từ xa và cộng tác trực tuyến. Qua đó, lãnh đạo Trường có thể xử lý kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành. Viên chức của Trường cũng có thể nhanh chóng nắm bắt và xử lý thông tin kể cả khi đang tham gia giảng dạy tại các Trung tâm chính trị hoặc công tác xa Trường.

Để thực hiện có hiệu quả khoa học, công nghệ vào thực tế. Lãnh đạo Trường chỉ đạo quán triệt về tư tưởng tại các cuộc họp chuyên môn hoặc trong sinh hoạt lệ chi bộ. Ngoài ra, trường còn liên hệ với các Trường, Học viện,... mở các lớp học, tổ chức hội nghị phổ biến, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, viên chức của Trường, cho giảng viên kiêm nhiệm và lãnh đạo, giảng viên, viên chức tại các Trung tâm chính trị. Trong đó, nổi bật là ngay trước đại dịch Covid-19, Trường đã chủ động trang bị nền tảng kỹ thuật số, mạng, tạo tài khoản và mở lớp hướng dẫn giảng dạy trực tuyến cho giảng viên. Chính vì vậy, trong thời gian khó khăn này, các lớp học của Trường vẫn được vận hành hiệu quả; các cuộc họp lệ chi bộ, các cuộc họp chuyên môn, hội thảo khoa học,... diễn ra

<sup>2</sup> <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-11162>.

đảm bảo đúng tiến độ và kế hoạch hoạt động.

*Trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học:*

Trong giảng dạy, việc sử dụng công nghệ để tạo ra phương pháp học tập linh hoạt được giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp thực hiện hiệu quả. Nhờ Trường trang bị đầy đủ nền tảng công nghệ, trong giảng dạy, giảng viên thuận lợi tổ chức lớp học theo hướng mở, tạo ra môi trường học tập kết nối với các nền tảng trực tuyến gắn với tự học hoặc học tập suốt đời.

Trên cơ sở được trang bị kỹ năng số từ các lớp học đã tham gia, một số giảng viên sử dụng khá thành thạo các công cụ AI trong tạo giáo án điện tử và các phần mềm công nghệ để cung cấp đến học viên kiến thức trong các chương trình học tập. Ngoài ra, giảng viên còn trang bị kỹ năng số cho người học, định hướng cho học viên khai thác, sử dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo cảm hứng học tập và kỹ năng ứng dụng, vận dụng giúp học viên tiếp cận tri thức dễ dàng hơn. Qua đó, ngoài cung cấp kiến thức lý luận, trường góp phần trang bị kỹ năng giúp

học viên phục vụ tốt hơn cho công tác sau các khóa học. Bảo đảm học viên đủ khả năng làm việc trong môi trường số, góp phần cùng cả nước thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” hiện nay.

Bên cạnh đó, giảng viên, viên chức Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp còn góp phần hiệu quả vào việc phát triển hạ tầng số phục vụ đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, thực hiện ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia qua công tác nghiên cứu khoa học. Giảng viên, viên chức của Trường đã hoàn thành và đưa vào vận hành trên thực tế các phần mềm cung cấp dữ liệu phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu như: xây dựng nền tảng *thư viện số* giúp khai thác các nguồn tài liệu sách, hội thảo, giáo trình,...; *hệ thống thông tin quản lý đào tạo tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp*<sup>3</sup> làm nền tảng cho công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác, đào tạo, phát triển và chuyển giao công nghệ cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp; giúp số hóa các khâu trong công tác quản lý học tập và hoạt động của học viên trong quá trình học tập tại Trường; cập

nhật, chia sẻ thông tin về công tác đào tạo, bồi dưỡng với hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức của Tỉnh góp phần khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu của phần mềm quản lý cán bộ, công chức,...

Những thành công trên không chỉ thể hiện sự nỗ lực to lớn của tập thể viên chức Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp mà còn là minh chứng cho sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh, tầm nhìn của lãnh đạo Trường đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khi đầu tư, tạo điều kiện về vật chất để Trường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, hoạt động này tại Trường cũng còn gặp khó khăn trong tiên phong ứng dụng khoa học, công nghệ, còn tồn tại một số hạn chế như: một số giảng viên gặp khó khăn hoặc chưa ứng dụng thành thạo các công cụ và phần mềm mới vào công tác; hạ tầng mạng tại trường mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng đều và thỉnh thoảng gặp lỗi, gây trở ngại khi triển khai hoạt động trên nền tảng số; các khóa học giúp giảng

<sup>3</sup> Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), Báo cáo số 04-BC/TCT, ngày 22/8/2025, Báo cáo sơ kết phong trào thi đua 06 tháng đầu năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025.

viên, viên chức rèn luyện thành thạo về ứng dụng công nghệ số cũng chưa được tổ chức thường xuyên,...

**2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia ở trường chính trị theo Nghị quyết 57-NQ/TW trong thời gian tới**

Trong kỷ nguyên số hiện nay, có thể thấy rằng ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia vào công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là hướng đi đúng đắn và thể hiện tầm nhìn và sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo. Đây là yêu cầu tất yếu quyết định đến việc khai mở giá trị mới, giúp trang bị kiến thức, kỹ năng để công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường đáp ứng tốt hơn yêu cầu đối với cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Vì vậy, để tiếp tục phát huy những thành công và khắc phục những tồn tại, trong thời gian tới, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục khai thác sâu hiệu quả những ứng dụng, phần mềm khoa học, công nghệ đã thực hiện tại Trường Chính trị tỉnh Đồng

Tháp: bổ sung thêm cơ sở dữ liệu liên quan đến chương trình học hoặc quy định, quy chế,... trong phần mềm quản lý, đào tạo; khai thác hiệu quả hơn thư viện số để triển khai các nền tảng học tập số, đảm bảo nguồn tài liệu học tập phong phú và dễ dàng cho học viên tiếp cận. Đồng thời, tiếp tục phát huy vai trò của Lãnh đạo Trường trong lãnh chỉ đạo, quán triệt, động viên, khuyến khích giảng viên, viên chức có thành tích vận dụng tốt công nghệ số vào công tác. Tạo điều kiện cho giảng viên, viên chức tiếp tục tham gia nghiên cứu, xây dựng các đề tài ứng dụng công nghệ số, một mặt để nâng cao chất lượng giảng dạy, mặt khác, khơi dậy và thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo trong giảng viên, viên chức.

*Thứ hai*, tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng, khuyến khích giảng viên nghiên cứu ứng dụng công nghệ số. Thực tế khi tiếp xúc với các ứng dụng, phần mềm công nghệ nói riêng và công nghệ số nói chung, sự nhạy bén tiếp cận và ứng dụng của giảng viên, viên chức có sự khác nhau. Đây cũng chính là nguyên nhân chủ yếu của việc ứng dụng công nghệ số của một số giảng viên, viên chức gặp khó khăn. Trong kỷ nguyên số, việc thực hiện “Bình dân học vụ số” đang trở thành

một phong trào, ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy lý luận là yêu cầu tất yếu, giảng viên phải gương mẫu, khắc phục khó khăn này trên cơ sở tiếp tục được tham gia các lớp bồi dưỡng một cách chủ động hoặc từ sự tổ chức, phối hợp giữa nhà trường với các cơ sở có uy tín. Qua đó, khi mở các lớp cập nhật kiến thức hàng năm, Trường chủ động liên hệ, đặt hàng để giảng viên, viên chức tiếp tục được tiếp cận với những phần mềm hoặc ứng dụng công nghệ mới phù hợp và phục vụ hiệu quả cho giảng dạy lý luận chính trị.

*Thứ ba*, tranh thủ các nguồn lực đầu tư để đẩy mạnh xây dựng, phát triển nền tảng phục vụ dạy và học trong môi trường số. Để thích ứng với môi trường giảng dạy theo hướng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số thì điều kiện cơ bản đầu tiên là phải bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật theo hướng số hóa mà trước hết là hệ thống internet. Phải bảo đảm kết nối mạng đồng bộ, mạnh mẽ và liên tục. Đồng thời, hướng đến xây dựng cơ sở vật chất nhằm phục vụ và đáp ứng các điều kiện của lớp học công nghệ số như: quản trị số, xây dựng giảng đường thông minh và cơ sở dữ liệu về học liệu như số hoá các bài giảng về lý luận chính trị, tài liệu tham khảo,...



*Thứ tư*, tăng cường tổ chức các hội thảo, tọa đàm để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy lý luận chính trị. Hiện nay, trong môi trường số và trên không gian mạng việc trao đổi kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng; việc chia sẻ, mở các lớp về công nghệ AI là xu hướng tất yếu,... Tuy nhiên, do đặc thù riêng của giảng dạy lý luận chính trị nên các diễn đàn và các kênh trao đổi phải bảo đảm tính chính thống. Với chức năng tham gia tổng kết thực tiễn, trong thời gian tới, Trường tiếp tục đẩy mạnh tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học,... với các đơn vị uy tín trong lĩnh vực công nghệ. Từ đó, tạo môi trường và tạo điều kiện để giảng viên, viên chức của Trường được gặp gỡ, được lắng nghe, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy lý luận

chính trị, xây dựng hoặc quản lý các tài nguyên số,...

Tại cuộc họp giao ban tháng 8/2025, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã có kết luận liên quan đến việc tham mưu thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và xây dựng mô hình chuyển đổi số của Trường<sup>4</sup>. Từ đó, có thể thấy rằng ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được Trường xem là một nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo, điều hành và nội dung trọng tâm trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường trong thời gian tới.

### 3. Kết luận

Những thành công đạt được trong công tác như quản lý, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học,... thông qua ứng dụng công nghệ số tại

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng về phát triển khoa học công nghệ nói chung và tầm nhìn, sự quyết tâm của lãnh đạo, viên chức trường nói riêng. Trên nền tảng thành công đã đạt được kết hợp với việc tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về nhân lực, vật lực như trên, trường sẽ tiếp tục là môi trường tạo ra các giá trị mới trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, góp phần vào xây dựng cán bộ, đảng viên tỉnh Đồng Tháp với đầy đủ bản lĩnh chính trị và kỹ năng quản trị hành chính,... Đồng thời, góp phần cùng cả nước chung sức tạo nên sự đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
2. <https://dangcongsan.vn>.
3. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 04-BC/TCT*, ngày 22/8/2025, Báo cáo sơ kết phong trào thi đua 06 tháng đầu năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025.
4. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Thông báo số 14-TB/TCT*, ngày 27/8/2025, Thông báo ý kiến kết luận của Hiệu trưởng Trường Chính trị trong cuộc họp giao ban tháng 8/2025.

<sup>4</sup> Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Thông báo số 14-TB/TCT*, ngày 27/8/2025, Thông báo ý kiến kết luận của Hiệu trưởng Trường Chính trị trong cuộc họp giao ban tháng 8/2025.

# PHONG TRÀO TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA ĐỒNG THÁP DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA HỌC

✧ NGUYỄN VĂN QUYÊN\*

✧ NGUYỄN THỊ DUYÊN\*\*

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích thực trạng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” Đồng Tháp giai đoạn 2001 - 2025, làm rõ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, đề xuất khuyến nghị phát triển bền vững dưới góc nhìn văn hóa học. Kết quả cho thấy phong trào đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, như tỷ lệ gia đình, khu dân cư, xã, phường văn hóa tăng mạnh; thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư đồng bộ; mô hình cộng đồng được phát huy và nhân rộng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Tuy nhiên, phong trào vẫn còn tồn tại những hạn chế về công tác tuyên truyền, sự đồng đều giữa các vùng, nguồn lực và ý thức cộng đồng. Bài viết đóng góp ở việc vận dụng cách tiếp cận văn hóa học để lý giải và đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện, nhấn mạnh vai trò của việc xây dựng phong trào như một quá trình bồi đắp giá trị văn hóa, tạo nền tảng cho phát triển bền vững ở địa phương.

**Từ khóa:** Phong trào toàn dân, đoàn kết, đời sống văn hóa, nông thôn mới, phát triển bền vững.

## 1. Đặt vấn đề

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (TĐĐKXDĐSVH) qua 25 năm triển khai đã không ngừng được mở rộng về quy mô, nâng cao về chất lượng và đi vào chiều sâu, lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Phong trào đã góp phần khơi dậy, phát huy tinh thần đoàn kết cộng đồng, hỗ trợ phát triển kinh tế, xóa đói

giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và đời sống văn hóa lành mạnh. Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự chủ động của các ban ngành, đoàn thể và sự đồng thuận cao của Nhân dân, phong trào đã đạt được nhiều kết quả khả quan, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng

Tháp là một trong những địa phương dẫn đầu của cả nước triển khai và phát động phong trào sớm nhất, mang lại hiệu quả thiết thực và được Trung ương đánh giá cao. Với phương châm “Kiên trì, từng bước, tự giác”, vừa cấp bách, vừa lâu dài, phong trào đã thực sự tác động tích cực đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần cải thiện đời sống dân sinh, nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ,

\* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp.

\*\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

bộ mặt nông thôn và đô thị khởi sắc, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong các tầng lớp Nhân dân. Tuy nhiên, trước tình hình thế giới đầy biến động như chiến tranh, tranh chấp biên giới, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường... cùng với những khó khăn, thách thức trong nước như thiên tai, dịch bệnh, tệ nạn xã hội gia tăng... đang tác động không nhỏ đến đời sống Nhân dân và sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương. Tỉnh Đồng Tháp cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng đó. Những hạn chế và khó khăn về tình hình kinh tế - xã hội đã phần nào làm chậm tiến độ, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai thực hiện các phong trào thi đua tại cơ sở.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

Nhằm phân tích thực trạng phong trào TĐĐKXDĐSVH ở tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2001 - 2025, xác định nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém và đề xuất giải pháp duy trì và phát triển phong trào trên cơ sở lý luận văn hóa học. Nội dung nghiên cứu tập trung vào 5 tiêu chí cốt lõi của phong trào, gắn với 5 lĩnh vực văn hóa học (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử, văn hóa sản xuất - sinh hoạt, văn hóa chính trị).

### **2.1. Thực trạng phong trào TĐĐKXDĐSVH ở tỉnh Đồng Tháp**

#### **2.1.1. Những kết quả đạt được**

Việc xây dựng môi trường văn hóa được các ngành, địa phương quan tâm thực hiện như triển khai có hiệu quả các hoạt động văn hóa cơ sở, gia đình, nghệ thuật biểu diễn, di sản văn hóa với phát triển du lịch, tạo dựng hình ảnh địa phương; thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 31/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về “Xây dựng văn hoá và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo”; đẩy mạnh phát triển du lịch, góp phần tạo dựng hình ảnh địa phương giai đoạn 2021 - 2025; phát huy quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện Quy ước khóm, ấp, xây dựng cộng đồng dân cư an toàn, không có tệ nạn xã hội, vệ sinh an toàn thực phẩm... Bên cạnh đó, nhiều cơ quan, đơn vị thường xuyên làm tốt công tác vệ sinh môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng “Văn phòng xanh”, khu - cụm dân cư xanh - sạch - đẹp; việc xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được thực hiện thường xuyên, góp phần xóa bỏ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và hình thành lối sống văn hóa. Cơ sở vật chất

văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng, từng bước phát huy hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí và rèn luyện sức khỏe của Nhân dân. Nhiều mô hình tiêu biểu được triển khai và duy trì thực hiện như Hội thi Trục sở Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn minh, xanh, sạch, đẹp; Trục sở Nhà Văn hoá Ấp (liên ấp) và tuyến đường sáng, xanh, sạch, đẹp... Phong trào đã góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc xây dựng môi trường cảnh quan xanh - sạch - đẹp, thực hiện nếp sống vệ sinh ngăn nắp, tạo vẻ mỹ quan cho gia đình và cộng đồng. Số lượng gia đình văn hóa ngày càng tăng, chất lượng từng bước được nâng lên, cụ thể năm 2001 toàn tỉnh có 479.322/670.308 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 71.51%, năm 2024 toàn tỉnh có 866.442/911084 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 95.1%, tăng 23.59%. Từ năm 2010 đến nay, mỗi năm có hơn 3.662 hộ gia đình được biểu dương khen thưởng trong các cuộc họp mặt biểu dương gia đình văn hóa tiêu biểu các cấp; Phong trào xây dựng khu phố, khóm, ấp văn hóa phát triển rộng khắp, số khóm, ấp đạt chuẩn ngày càng được nâng cao về chất lượng và số lượng. Từ năm 2001 - 2025, tỷ lệ khu phố, khóm, ấp văn hóa bình quân đạt 70.89%. Năm 2001, toàn tỉnh

có 686/1.637 khu phố, khóm, ấp đạt chuẩn, tỷ lệ 41.91%. Đến năm 2024, có 1701/1703 ấp được công nhận “ấp văn hóa”, đạt tỷ lệ 99,88% (*tăng so với năm 2001 là 57.97%*); Năm 2008, tỉnh Đồng Tháp bắt đầu triển khai xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa với kết quả có 45/313 được công nhận, tỷ lệ 14.38%, đến cuối năm 2024, có 287/305 xã, phường, thị trấn được công nhận “xã, phường, thị trấn tiêu biểu”, đạt tỷ lệ 94.09%, có 44/55 phường, thị trấn được công nhận “phường, thị trấn đô thị văn minh”, đạt tỷ lệ 80%; Năm 2002, tỉnh Đồng Tháp bắt đầu triển khai thực hiện xét cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa và đạt tỷ lệ 80.03%. Tỷ lệ này tăng dần, đến năm 2024, có 2.718/2.993 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, tỷ lệ 90.81%, *tăng 10.8% so với năm 2002*.

Tỉnh Đồng Tháp triển khai xây dựng chợ văn minh hạng 1 từ năm 2011 đến nay, với tỷ lệ trung bình đạt 87,86%/năm, kết quả chợ văn minh và chợ nông thôn mới hạng 2 và 3 được triển khai từ năm 2014 với 57/94 chợ đạt chuẩn, tỷ lệ 60,64% đến năm 2024 có 109/112 chợ đạt chuẩn, tỷ lệ 97,32% (*tăng 36.68% so với năm 2014*). Riêng đối với danh hiệu Chợ văn hóa (*tỉnh Tiền Giang cũ*) bắt đầu triển khai thực hiện

từ năm 2000 với kết quả thực hiện như sau: năm 2010 có 17 chợ được công nhận, năm 2015 có 32 chợ được công nhận, năm 2020 có 59 chợ được công nhận và năm 2024 có 71 chợ được công nhận; công tác khuyến học, khuyến tài được các ngành, các cấp triển khai rộng khắp, đến cuối năm 2022, các cấp Hội phối hợp xét công nhận 370.290 gia đình học tập (chiếm 86,4% số hộ), 850 dòng họ học tập (chiếm 84,08%), 684 cộng đồng học tập (chiếm 97,99%), 824 đơn vị học tập (chiếm 94,17%), đồng thời xét và công nhận 36.761 công dân học tập tại các cơ quan, đơn vị. Đặc biệt thành phố Sa Đéc được UNESCO công nhận là thành phố học tập năm 2020 và thành phố Cao Lãnh được UNESCO công nhận là thành phố học tập năm 2022; đến nay, tỉnh Đồng Tháp có 1.703/1.703 Quy ước khu phố, khóm, ấp được phê duyệt (tỷ lệ 100%), trong đó có 373 quy ước đã được sửa đổi, bổ sung; Toàn tỉnh hiện có 02 thư viện cấp tỉnh, 20 thư viện cấp huyện, 305 phòng đọc sách xã, phường, thị trấn, 286 tủ sách khuyến học, 77 điểm Bưu điện - Văn hóa xã, 02 thư viện tư nhân (thư viện Container tư nhân tại huyện Tháp Mười, thư viện Ba Tấn ở thành phố Sa Đéc); 275/278 xã có Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng, Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt

chuẩn và 01 xã đã có kế hoạch xây dựng trong năm 2025 (xã An Bình, huyện Cao Lãnh); đến nay có 883 Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp (liên ấp), cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; 93 Nhà văn hóa sử dụng trụ sở Ban nhân dân ấp”. Có 20 nhà thi đấu, 48 nhà tập, 100 sân bóng đá 11 người, 385 sân bóng đá 05 người bằng cỏ nhân tạo, 724 sân bóng chuyên (*820 sân cấp trường*), 104 sân quần vợt (*gồm sân cấp tỉnh, sân cấp xã và sân của lực lượng vũ trang*), 98 hồ bơi cỏ định vừa và nhỏ, 179 phòng tập thể dục thể thao, điểm tập ở các khu công viên, sân cơ quan, trường học... được sử dụng cho người dân tập thể dục, chơi thể thao rèn luyện sức khỏe, quy tụ đông đảo thanh niên tham gia luyện tập thường xuyên... được sử dụng cho người dân tập thể dục, chơi thể thao rèn luyện sức khỏe; 305/305 đơn vị cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó: 126/305 đơn vị cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20/305 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu), 17 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới (trong đó: 04 huyện nông thôn mới nâng cao); 06 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1038/QĐ-TTg ngày 30/5/2025 công nhận tỉnh Tiền Giang và Quyết



định số 1360/QĐ-TTg ngày 26/6/2025 công nhận tỉnh Đồng Tháp (cũ) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng tỉnh nông thôn mới năm 2024.

Với những kết quả đạt được như trên đã tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đem lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội; thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa văn hóa và tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Các giá trị văn hóa mang bản sắc dân tộc được giữ gìn và phát huy, góp phần củng cố tình làng nghĩa xóm, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

### *2.2.2. Những hạn chế*

Công tác thông tin tuyên truyền hiện vẫn còn hạn chế, thiếu tính sáng tạo và đổi mới, chất lượng tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu ở một số địa phương như một số xã biên giới, người dân ít quan tâm đến buổi tuyên truyền trực tiếp, dẫn đến hiệu quả chưa cao. Các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao chưa phát huy hết công năng sử dụng, việc huy động người dân tham gia các hoạt động tại đây còn hạn chế như có nhà văn hóa liên ấp mới xây ở huyện Hồng Ngự nhưng rất ít người dân đến sinh hoạt vì chưa có câu

lạc bộ hay hoạt động thường xuyên. Mặc dù tỷ lệ gia đình văn hóa ngày càng tăng, nhưng tình trạng tệ nạn xã hội và tội phạm vẫn giảm ít, chưa tương xứng với kết quả đạt được. Đáng lo ngại là một bộ phận Nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên, đang có dấu hiệu suy giảm về đạo đức, lối sống và dễ sa vào các tệ nạn xã hội như tại một số phường của thành phố Hồng Ngự, dù nhiều hộ được công nhận gia đình văn hóa nhưng vẫn còn xảy ra bạo lực gia đình hoặc vi phạm pháp luật.

Phong trào phát triển chưa đồng đều giữa khu vực thành thị, nông thôn, vùng biên giới. Nguồn vốn thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là vùng biên giới, do nhu cầu vốn đầu tư lớn (tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa) như các xã biên giới ở Hồng Ngự và Tân Hồng thường gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực để đầu tư thiết chế văn hóa.

Một vài địa phương chưa phát huy tốt vai trò tự quản và chủ động, tích cực của cộng đồng như tình trạng lấn chiếm vỉa hè, vi phạm trật tự an toàn giao thông; vệ sinh môi trường ở những nơi công cộng, sử dụng âm thanh công suất lớn vi phạm về độ ồn còn diễn ra ở nhiều nơi như tại các chợ huyện, xã nhiều hộ tiểu

thương vẫn còn bày bán lấn chiếm lòng lề đường, gây mất trật tự an toàn giao thông.

*Nguyên nhân của những hạn chế trên là do* đội ngũ cán bộ nhất là ở cấp xã thường xuyên biến động, luân chuyển, nhìn chung còn thiếu và yếu trong khi quy mô và nội dung phong trào ngày càng đa dạng, phong phú; kinh phí đầu tư cho phong trào chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao, do đó các địa phương gặp khó khăn trong triển khai thực hiện phong trào; việc triển khai phong trào ở một số địa phương còn gặp nhiều hạn chế do nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa và hiệu quả của phong trào, dẫn đến thiếu sự quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Bên cạnh đó, ý thức tự nguyện, tự giác của các tầng lớp Nhân dân chưa được phát huy đầy đủ, nhận thức về mục tiêu phong trào còn thiếu thống nhất, đáng chú ý, một bộ phận thanh niên có lối sống thực dụng, đua đòi, thiếu trách nhiệm với cộng đồng và chưa tích cực tham gia các hoạt động của phong trào.

## ***2.2. Giải pháp duy trì và phát triển phong trào dưới góc nhìn văn hóa học***

*Về văn hóa nhận thức:* Thường xuyên đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động bằng ngôn ngữ gần gũi phù

hợp với từng nhóm người, độ tuổi, giới tính... gắn với các duy trì, phát huy các giá trị cốt lõi của người Đồng Tháp: yêu nước - đoàn kết - trung thực - tự lực - chăm chỉ - hợp tác - nghĩa tình - năng động - sáng tạo. Tăng cường giáo dục ý thức cộng đồng trong trường học, đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc gia đình - nhà trường - xã hội trong tuyên truyền, giáo dục con em. Thường xuyên duy trì, thực hiện tốt việc xây dựng cơ quan - đơn vị văn hóa, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của thầy, cô giáo trong triển khai tổ chức thực hiện tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong nhà trường và cộng đồng.

*Về văn hóa tổ chức:* Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo sâu sát của chính quyền, sự phối hợp thường xuyên của các ban ngành, đoàn thể và sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp Nhân dân là yếu tố quyết định. Thường xuyên củng cố, kiện toàn bộ máy hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Vận động các cấp, nhất là vai trò của các thành viên thường trực trong công tác tham mưu, tư vấn các mục tiêu, giải pháp để triển khai, tổ chức thực hiện là yếu tố quan trọng đem lại hiệu quả của phong trào.

*Về văn hóa ứng xử:* Phát động các mô hình “tương trợ

lẫn nhau” trong cộng đồng như tổ, nhóm tiết kiệm - vay vốn xoay vòng; tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất; quỹ vì người nghèo; nuôi heo đất khuyến học. Khuyến khích hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội lành mạnh, phát huy bản sắc địa phương.

*Về văn hóa sinh hoạt - sản xuất:* Phong trào phải thường xuyên kết hợp với các cuộc vận động, các phong trào khác như Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, Ngày vì người nghèo, phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, kết hợp phong trào với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái... để tạo sức mạnh tổng hợp, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa và đảm bảo an ninh trật tự xã hội, xây dựng “không gian văn hóa số” của khu dân cư.

*Về văn hóa chính trị:* Nâng cao năng lực, kỹ năng vận động quần chúng của cán bộ cơ sở. Phát huy tính tích cực, tự quản và sáng tạo của Nhân dân, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở. Đề cao vai trò của công tác xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực của toàn xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới vững mạnh ở cơ sở.

### **3. Kết luận**

Phong trào TĐĐKXDĐSVH ở Đồng Tháp ban đầu là những cuộc vận động để toàn dân cùng tham gia hưởng ứng thực hiện, qua thời gian dài đã nhận được sự đồng tình, hưởng ứng tích cực của cộng đồng dân cư, cuộc vận động đã trở thành sự trở thành phong trào mang tính cộng đồng cao, chất lượng phong trào không ngừng được tăng lên qua các năm, nhiều mô hình mới cách làm hay được phát huy, nhân rộng tạo nên một giá trị văn hóa cộng đồng sâu sắc gắn liền với hình ảnh con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo. Phong trào trở thành động lực quan trọng để phát triển bền vững, cần phải được tiếp cận một cách văn hóa học, coi đây là quá trình bồi đắp giá trị và xây dựng cộng đồng đoàn kết. Đồng thời, khuyến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục đưa tiêu chí văn hóa vào các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ kinh phí, nhân lực, chuyển đổi số trong thực hiện phong trào tỉnh, kịp thời phát hiện nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo để nhân rộng tạo sự lan tỏa tích cực trong cộng đồng cùng hưởng ứng, tham gia thực hiện trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa học - Một số vấn đề lý luận và ứng dụng*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.
4. Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào.
5. Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 31/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về “Xây dựng văn hóa và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo”.
6. Kế hoạch số 46/KH-BCĐ ngày 15/02/2022 của Ban Chỉ đạo Xây dựng đời sống văn hóa tỉnh về việc thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2026.
7. Báo cáo số 1956/BC-SVHTTDL ngày 30/6/2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Đồng Tháp về tổng kết 25 năm triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2001 - 2026, định hướng đến năm 2030.
8. Báo cáo số 1913/BC-SVHTTDL ngày 01/11/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Tiền Giang về kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.
9. Báo cáo số 1786/BC-SVHTTDL ngày 01/11/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Tiền Giang về kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2022; nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2023.
10. Báo cáo số 2260/BC-SVHTTDL ngày 23/11/2023 của Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Tiền Giang về kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023; nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2024.
11. Báo cáo số 2491/BC-SVHTTDL ngày 18/11/2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Tiền Giang về kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2024.

# XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ “DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, DÁM CHỊU TRÁCH NHIỆM” - THỰC TIỄN TỪ SỞ XÂY DỰNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

✦ NGUYỄN MINH VƯƠNG\*

## 1. Đặt vấn đề

Xây dựng đội ngũ cán bộ luôn được Đảng ta xác định là nhiệm vụ then chốt, bởi cán bộ chính là nhân tố quyết định thành bại của cách mạng. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”<sup>1</sup>. Điều đó đòi hỏi cán bộ không chỉ am hiểu chuyên môn mà còn phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao và dám hành động vì lợi ích chung. Hiện nay, tình trạng làm việc cầm chừng, e ngại rủi ro hay né tránh trách nhiệm vẫn là lực cản lớn. Bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số càng đặt ra yêu cầu cấp thiết về một thể hệ cán bộ đổi mới tư duy, quyết đoán trong hành động, đồng thời chấp nhận chịu trách nhiệm trước tổ chức và

**Tóm tắt:** Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng đội ngũ cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” tại Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp. Trên nền tảng những thành tựu và hạn chế, nghiên cứu làm rõ vai trò quyết định của cán bộ trong việc nâng cao hiệu lực quản lý, thúc đẩy quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng và cải thiện môi trường đầu tư. Từ đó đề xuất nhóm giải pháp thiết thực nhằm bồi dưỡng bản lĩnh, khuyến khích đổi mới, đề cao trách nhiệm và phát huy vai trò nêu gương, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chính quyền kiến tạo, liêm chính, hành động và phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Cán bộ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>2</sup>, khẳng định vị trí trung tâm của cán bộ trong mọi lĩnh vực.

Đối với Đồng Tháp, Sở Xây dựng giữ vai trò then chốt trong tham mưu quy hoạch phát triển đô thị, quản lý hạ tầng và nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Vì vậy, chất lượng đội ngũ cán

bộ ở lĩnh vực này không chỉ quyết định hiệu quả quản lý mà còn ảnh hưởng đến uy tín của chính quyền trong mắt doanh nghiệp và xã hội. Thực tiễn tại Sở Xây dựng Đồng Tháp cho thấy nhiều nỗ lực đổi mới, song cũng còn biểu hiện thận trọng quá mức ở một số cán bộ. Từ thực tế đó, việc hình thành đội ngũ cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám

\* Chuyên viên phòng Quy hoạch - Kiến trúc và Phát triển đô thị, Sở Xây dựng Đồng Tháp.

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 180.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh (2000), Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 269.



chịu trách nhiệm” không chỉ là yêu cầu quản lý điều hành mà còn là điều kiện để Đồng Tháp phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Cơ sở lý luận về cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”**

Trong quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ luôn giữ vị trí quyết định trong bộ máy lãnh đạo. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”*<sup>3</sup>. Vì vậy, phẩm chất và năng lực của cán bộ không chỉ được đo lường bằng trình độ chuyên môn mà còn bởi thái độ, bản lĩnh và trách nhiệm trong hành động.

Khái niệm cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” được hình thành trên nền tảng tư duy đổi mới của Đảng. Đây là yêu cầu gắn với nguyên tắc “nói đi đôi với làm”, bảo đảm cán bộ không rơi vào tình trạng thụ động, né tránh, mà phải phát huy tính sáng tạo, quyết đoán trong quá trình lãnh đạo, quản lý. Kết luận số 14-KL/TW ngày

22/9/2021 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: *phải “khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”*<sup>4</sup>. Đây không chỉ là định hướng chính trị mà còn là cơ chế bảo đảm để cán bộ mạnh dạn đổi mới, khắc phục tâm lý e ngại rủi ro, né tránh trách nhiệm. Như vậy, phẩm chất “dám nghĩ, dám làm” gắn liền với sự đổi mới tư duy, khát vọng cống hiến, trong khi “dám chịu trách nhiệm” là thước đo bản lĩnh và đạo đức công vụ.

Từ góc nhìn lý luận, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đã khẳng định: *“Phải có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, thật sự tiên phong, gương mẫu, có khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*<sup>5</sup>. Điều này cho thấy, cán bộ thời kỳ mới không chỉ cần năng lực chuyên môn mà còn phải hội tụ bản lĩnh chính trị, tinh thần đổi mới và ý thức trách nhiệm cá nhân gắn với lợi ích tập thể. Đây là nền tảng lý luận để khẳng định sự cần thiết phải xây dựng đội ngũ cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” trong giai đoạn hiện nay.

### **2.2. Thực trạng đội ngũ cán bộ tại Sở Xây dựng, tỉnh Đồng Tháp**

Tại Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp, đội ngũ cán bộ được sắp xếp theo cơ cấu chuyên môn với 08 phòng tổ chức hành chính (Văn phòng; Kế hoạch - Tài chính; Quản lý nhà và thị trường bất động sản; Quy hoạch - Kiến trúc và Phát triển đô thị; Kết cấu hạ tầng xây dựng; Phòng Vận tải và An toàn giao thông; Kinh tế và Vật liệu xây dựng; Quản lý đầu tư xây dựng) và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (Cảng vụ đường thủy nội địa; Trung tâm Quy hoạch - Kiến trúc và Tư vấn xây dựng; Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 63-01S; Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới thủy, bộ 66-01S; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Kỹ thuật giao thông Đồng Tháp; Bến xe Mỹ Tho; Phà Đồng Tháp; Trung tâm Bảo dưỡng công trình xây dựng Đồng Tháp; Ban Quản lý bảo trì xây dựng Đồng Tháp)<sup>6</sup>, bảo đảm quản lý toàn diện các lĩnh vực từ quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đến quản lý trật tự xây dựng, nhà ở và thị trường bất động

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh (2000), Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 269.

<sup>4</sup> Bộ Chính trị (2021), Kết luận số 14-KL/TW về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, Hà Nội.

<sup>5</sup> Nguyễn Phú Trọng (2021), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 72.

<sup>6</sup> UBND tỉnh Đồng Tháp (2025), Quyết định 90/2025/QĐ-UBND về quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Đồng Tháp.

sản. Cách tổ chức này giúp bộ máy vận hành ổn định, đồng thời tạo nền tảng để đội ngũ cán bộ phát huy vai trò trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển đô thị của tỉnh.

Những năm gần đây, chất lượng đội ngũ có sự chuyển biến rõ rệt. Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp hiện có 203 biên chế. Trong tổng số này, 173 cán bộ có trình độ đại học (chiếm 85,2%) thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc, quy hoạch, kinh tế xây dựng, luật, quản lý đất đai... và 30 cán bộ có trình độ thạc sĩ (chiếm 14,8%) tập trung ở các lĩnh vực quy hoạch đô thị, quản lý hạ tầng, kỹ thuật xây dựng, kinh tế. Cơ cấu nhân sự này phản ánh chất lượng chuyên môn tương đối đồng đều, bảo đảm cho Sở có đủ nguồn lực tham mưu, hoạch định và tổ chức triển khai các nhiệm vụ chiến lược của ngành. Nhiều cán bộ đã chủ động tham gia cải cách thủ tục hành chính, điển hình là quy trình cấp giấy phép xây dựng được chuẩn hóa theo Quyết định 03/2022/QĐ-UBND, giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ<sup>7</sup>. Kết quả này góp phần cải thiện niềm tin xã hội, phản ánh qua chỉ số SIPAS 2023

đạt 91,85 điểm và PAR Index đạt 68,85 điểm<sup>8</sup>. Đây có thể xem là minh chứng cho nỗ lực đổi mới phương thức làm việc, lấy hiệu quả xã hội làm thước đo.

Một điểm tích cực khác là nhiều cán bộ trẻ đã thể hiện tinh thần năng động, nhanh nhạy trong ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của Sở. Song song đó, những cán bộ giàu kinh nghiệm vẫn giữ vai trò nòng cốt trong xử lý nghiệp vụ và truyền đạt kinh nghiệm cho thế hệ kế cận. Sự kết hợp này tạo ra nền tảng vững chắc để bộ máy vừa ổn định vừa có khả năng đổi mới.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số cán bộ thiếu sự quyết đoán khi giải quyết vấn đề phức tạp, có xu hướng lựa chọn giải pháp an toàn. Khoảng cách về kỹ năng công nghệ giữa các thế hệ cũng là thách thức trong quá trình vận hành đồng bộ. Văn kiện Đại hội XIII đã nhấn mạnh: cần “xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”<sup>9</sup>. Chính vì vậy, mặc dù Sở Xây dựng Đồng Tháp đã đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận, song vẫn

cần tiếp tục hoàn thiện để hình thành đội ngũ cán bộ thật sự dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

### ***2.3. Vai trò của đội ngũ cán bộ “dám nghĩ, dám làm” đối với sự phát triển của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp***

Ngành xây dựng giữ vị trí then chốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Đồng Tháp, từ quy hoạch đô thị, hạ tầng kỹ thuật đến quản lý nhà ở và trật tự xây dựng. Trong toàn bộ tiến trình ấy, cán bộ “dám nghĩ, dám làm” có vai trò trung tâm, bởi chính họ là người biến các chủ trương thành quyết sách cụ thể, tổ chức thực thi và chịu trách nhiệm về kết quả.

Trước hết, họ là lực lượng tạo đột phá trong công tác quy hoạch và phát triển hạ tầng. Quy hoạch chỉ thực sự đi vào cuộc sống khi có cán bộ mạnh dạn đề xuất giải pháp phù hợp thực tiễn, sẵn sàng chịu trách nhiệm trước những quyết định khó khăn. Nhờ đó, tiến độ dự án được rút ngắn, nhiều điểm nghẽn được tháo gỡ, qua đó khơi thông dòng vốn đầu tư và tạo động lực phát triển đô thị. Thực tiễn tại Đồng Tháp đã chứng minh rằng những

<sup>7</sup> UBND tỉnh Đồng Tháp (2022), Quyết định 03/2022/QĐ-UBND về thành lập các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp.

<sup>8</sup> Bộ Nội vụ (2024), Báo cáo Chỉ số SIPAS và PAR Index năm 2023, Hà Nội.

<sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 272.

bước tiến trong cải cách thủ tục xây dựng, trong việc mở rộng không gian đô thị đều gắn với tinh thần quyết đoán và dám chịu trách nhiệm của cán bộ ngành xây dựng.

Không chỉ thúc đẩy tiến độ, đội ngũ này còn kiến tạo niềm tin xã hội. Khi cán bộ dám hành động và hành động hiệu quả, môi trường minh bạch được củng cố, doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, còn người dân đồng thuận hơn trong triển khai các dự án hạ tầng. Sự gắn bó này phản ánh đúng tinh thần mà Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: *“Phát triển phải dựa vào nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân làm chủ”*<sup>10</sup>. Như vậy, hiệu quả công việc không chỉ đo bằng kết quả chuyên môn mà còn ở sự đồng thuận xã hội được tạo ra.

Trong thời gian qua, Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp đã xuất hiện nhiều mô hình hiệu quả gắn với tinh thần “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” của đội ngũ cán bộ. Nổi bật là việc cải cách thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng theo Quyết định 03/2022/QĐ-UBND, giúp rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, góp phần nâng cao chỉ số SIPAS và PAR Index. Song

song đó, cán bộ trẻ đã chủ động ứng dụng công nghệ số, xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch điện tử, minh bạch hóa thông tin, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả giám sát. Bên cạnh đó, sự năng động trong tham mưu, phối hợp liên kết vùng để phát triển hạ tầng đô thị - giao thông đã tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Cùng với các kết quả thực tiễn, có thể định hướng triển khai thêm những mô hình thiết thực như “Một cửa - Một hành động” trong giải quyết hồ sơ xây dựng, hay “Tổ phản ứng nhanh trong quản lý trật tự xây dựng”. Đây là những cách làm cụ thể, khả thi, giúp đội ngũ cán bộ phát huy bản lĩnh, trách nhiệm, đồng thời củng cố niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với chính quyền

Có thể thấy, cán bộ “dám nghĩ, dám làm” tại Sở Xây dựng không chỉ là lực lượng thực thi nhiệm vụ chuyên môn, mà còn giữ vai trò hạt nhân lan tỏa tinh thần đổi mới, trách nhiệm và hiệu quả trong toàn hệ thống. Họ góp phần định hướng sự phát triển bền vững của lĩnh vực xây dựng, đô thị tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay.

#### ***2.4. Giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”***

*Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với thực tiễn:* Một trong những hạn chế hiện nay là sự chênh lệch trong năng lực, đặc biệt về kỹ năng số và khả năng xử lý tình huống mới. Để khắc phục, Sở Xây dựng cần chủ động rà soát nhu cầu, lập kế hoạch và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng phù hợp do tỉnh, bộ, ngành hoặc các cơ sở đào tạo chuyên ngành tổ chức. Việc lựa chọn khóa học phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn công việc, chú trọng hình thức đào tạo tình huống, thực hành trên các vấn đề quản lý xây dựng cụ thể, thay vì nặng về lý thuyết. Đồng thời, cần ưu tiên cử cán bộ trẻ, cán bộ quản lý tham gia các chương trình về công nghệ số, dữ liệu xây dựng và quy hoạch thông minh, nhằm nâng cao năng lực hội nhập và thu hẹp khoảng cách thế hệ trong bộ máy. Cách làm này giúp quá trình đào tạo thực sự thiết thực, góp phần hình thành năng lực dám nghĩ, dám làm từ nền tảng tri thức vững vàng.

*Hoàn thiện cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám chịu trách nhiệm:*

<sup>10</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 67.

Tâm lý e ngại sai sót khiến một số cán bộ lựa chọn cách làm an toàn. Do đó, cần có cơ chế khuyến khích cán bộ mạnh dạn hành động vì lợi ích chung, đồng thời có hành lang pháp lý bảo vệ họ khi đưa ra sáng kiến đúng đắn nhưng chưa có tiền lệ. Cơ chế đánh giá, khen thưởng phải gắn trực tiếp với kết quả công việc, khuyến khích người đứng đầu tiên phong trong quyết định khó, đồng thời xử lý nghiêm tình trạng né tránh trách nhiệm. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nhấn mạnh: “*Phải có cơ chế để khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*”<sup>11</sup>. Vì khi cán bộ được bảo đảm về pháp lý và tinh thần, họ mới đủ bản lĩnh đưa ra quyết định quyết đoán, tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển xây dựng của tỉnh.

*Nâng cao vai trò nêu gương và trách nhiệm của người đứng đầu:* Người đứng đầu cơ quan, đơn vị giữ vai trò hạt nhân tạo dựng văn hóa trách nhiệm. Khi lãnh đạo thể hiện tinh thần quyết đoán, sẵn sàng chịu trách nhiệm, tập thể cán bộ cấp dưới sẽ có thêm động lực noi theo. Vì vậy, việc đánh giá, quy hoạch và

bổ nhiệm cán bộ quản lý phải đặt tiêu chí dám nghĩ, dám làm lên hàng đầu, thay vì chỉ dựa vào thâm niên hay bằng cấp. Đồng thời, phải có cơ chế giám sát minh bạch để người đứng đầu thực sự chịu trách nhiệm về kết quả chung. Thực tiễn cho thấy, chất lượng quản lý và hiệu quả hoạt động của bộ máy phụ thuộc trực tiếp vào sự gương mẫu, bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu. Do đó, cần xây dựng cơ chế kiểm tra và đánh giá rõ ràng, để vai trò nêu gương của lãnh đạo thực sự lan tỏa đến toàn thể cán bộ, công chức tại Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp.

*Tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý:* Khoảng cách về kỹ năng công nghệ hiện đang là điểm yếu cản trở sự linh hoạt của đội ngũ cán bộ. Để giải quyết, cần thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình quản lý xây dựng, từ cấp phép trực tuyến, giám sát công trình bằng dữ liệu số đến công khai quy hoạch qua bản đồ số. Khi buộc cán bộ tham gia sâu vào chuyển đổi số, kỹ năng công nghệ của họ sẽ được cải thiện, đồng thời giảm tình trạng xử lý công việc theo lối mòn thủ

công. Báo cáo Chính phủ điện tử năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhấn mạnh rằng chuyển đổi số giúp gia tăng tính minh bạch, giảm chi phí xã hội và nâng cao trách nhiệm giải trình<sup>12</sup>. Với Sở Xây dựng Đồng Tháp, đây không chỉ là xu hướng tất yếu, mà còn là giải pháp thiết thực để hình thành phong cách làm việc hiện đại, năng động, dám hành động.

*Xây dựng văn hóa trách nhiệm và tinh thần phục vụ nhân dân:* Cán bộ, công chức Sở Xây dựng Đồng Tháp thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với người dân và doanh nghiệp. Nếu thiếu tinh thần trách nhiệm, sự đồng thuận xã hội sẽ suy giảm, ảnh hưởng tới tiến độ và hiệu quả các dự án hạ tầng. Vì vậy, xây dựng văn hóa trách nhiệm cần trở thành yêu cầu xuyên suốt. Cán bộ phải được giáo dục về đạo đức công vụ, đặt lợi ích tập thể và nhân dân lên hàng đầu, từ đó tạo thói quen làm việc minh bạch, tận tụy và kiên quyết. Xây dựng văn hóa trách nhiệm sẽ giúp đội ngũ cán bộ không chỉ hoàn thành công việc chuyên môn, mà còn khẳng định bản lĩnh dám chịu trách nhiệm trước nhân dân và pháp luật.

<sup>11</sup> Nguyễn Phú Trọng (2022), Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Hà Nội.

<sup>12</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), Báo cáo Chính phủ điện tử và chuyển đổi số năm 2023, Hà Nội.



### 3. Kết luận

Xây dựng đội ngũ cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” là nhiệm vụ then chốt, quyết định năng lực lãnh đạo và sức mạnh thực thi của bộ máy nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Với Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp, đội ngũ cán bộ có bản lĩnh và trách nhiệm sẽ là nền tảng để đẩy nhanh tiến trình quy hoạch đô thị, phát triển

hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết, bởi sự năng động và dám hành động của cán bộ chính là yếu tố tạo ra sự khác biệt trong quản lý và phát triển. Đồng Tháp hướng đến hình mẫu chính quyền kiến tạo, liêm chính, hành động; để đạt được điều đó, cần có những con người

tiên phong, biết vượt qua tư duy an toàn, gắn bó lợi ích cá nhân với trách nhiệm trước tập thể và nhân dân. Một khi tinh thần dám nghĩ, dám làm trở thành phẩm chất chung của đội ngũ cán bộ ngành xây dựng, Đồng Tháp sẽ có thêm động lực để thực hiện khát vọng phát triển bền vững, trở thành địa phương năng động, hiện đại và giàu bản sắc trong tiến trình đổi mới đất nước.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2021), Kết luận số 14-KL/TW về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, Hà Nội.
2. Bộ Nội vụ (2024), Báo cáo Chỉ số SIPAS và PAR Index năm 2023, Hà Nội.
3. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), Báo cáo Chính phủ điện tử và chuyển đổi số năm 2023, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2000), Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Phú Trọng (2021), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Phú Trọng (2022), Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Hà Nội.
8. UBND tỉnh Đồng Tháp (2022), Quyết định 03/2022/QĐ-UBND về quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

## 1. Đặt vấn đề

Văn hóa chính trị là tổng hòa các giá trị, chuẩn mực và kiểu mẫu hành vi chi phối cách con người tham gia đời sống công, định hình quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân và thâm vào hoạt động công vụ. Nó không dừng ở thái độ, mà kết tinh thành năng lực cảm quyền, khả năng đối thoại và trách nhiệm giải trình; từ đó tạo dựng niềm tin chính trị - xã hội, huy động đồng thuận và sức mạnh cộng đồng cho phát triển bền vững. Trong bối cảnh Phú Hựu triển khai nông thôn mới nâng cao, chuyển đổi số và hội nhập, yêu cầu về một nền văn hóa chính trị minh bạch, dân chủ, pháp quyền, kỷ cương - đồng thời linh hoạt, số hóa - trở nên quyết định, bởi chính chất lượng văn hóa chính trị sẽ quyết định chất lượng quản trị địa phương.

Tư tưởng “văn hóa soi đường” đặt nền tảng phương pháp luận cho cách tiếp cận ấy: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”<sup>1</sup> - mệnh đề xác lập văn hóa như nguồn lực nội sinh dẫn dắt phát triển. Tinh thần đó được phát triển trong Văn kiện Đại hội XIII, coi văn hóa, con người là “nền tảng, sức mạnh nội sinh

# Văn hóa chính trị - NỀN TẢNG TINH THẦN CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA XÃ PHÚ HUY, TỈNH ĐỒNG THÁP

✦ NGUYỄN THỊ TRÚC LINH\*

**Tóm tắt:** Văn hóa chính trị là “hệ giá trị” định hướng hoạt động chính trị và đời sống xã hội, góp phần củng cố niềm tin và bảo đảm sự đồng thuận trong cộng đồng. Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, văn hóa chính trị được xác định là trụ cột tinh thần của phát triển bền vững. Ở Phú Hựu, những giá trị đoàn kết, trách nhiệm và dân chủ đã được phát huy mạnh mẽ, góp phần nâng cao chất lượng đời sống và củng cố đồng thuận xã hội. Thực tiễn cũng cho thấy còn tồn tại một số biểu hiện hình thức và tác động tiêu cực từ môi trường mạng. Chính vì vậy, việc tăng cường giáo dục chính trị, phát huy dân chủ cơ sở, đề cao nêu gương cán bộ và ứng dụng chuyển đổi số là những hướng đi thiết thực, tạo tiền đề vững chắc để địa phương tiếp tục phát triển ổn định, lâu dài.

**Từ khóa:** Văn hoá chính trị, nền tảng tinh thần, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.

quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”<sup>2</sup>, gắn với yêu cầu xây dựng văn hóa trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong quản trị. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn đó, việc nhận diện đúng thực trạng, xác lập

định hướng và giải pháp nâng cao văn hóa chính trị ở Phú Hựu là điều kiện để củng cố “thế trận lòng dân”, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và bảo đảm phát triển bền vững ở cơ sở.

\* Trung tâm Chính trị xã Phú Hựu.

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 458.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 116.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về văn hóa chính trị**

Trong tiếp cận Mác-xít, văn hóa chính trị gắn với bản chất giai cấp của quyền lực và quy định mối quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân trên nền tảng dân chủ, pháp quyền, đạo đức công vụ. Tư tưởng Hồ Chí Minh coi phụng sự Nhân dân, kỷ luật quyền lực và trách nhiệm giải trình là chuẩn mực cốt lõi trong xây dựng thể chế và hành vi công vụ.

Quan điểm của Đảng khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời là mục tiêu và động lực phát triển bền vững. Nghị quyết số 33-NQ/TW (2014) xác định phải đặt văn hóa “ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”, hướng tới xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh làm nguồn lực nội sinh cho phát triển.

Về phương diện khoa học chính trị, văn hóa chính trị được nhìn nhận như tổng hòa tri thức, niềm tin, thái độ và kiểu mẫu hành vi của các chủ thể đối với hệ thống quyền lực; nó định hướng sự hợp pháp hóa quyền lực, mức độ tham gia và chất lượng đồng thuận xã hội. Và tri thức chính trị là “hạt nhân” của văn hóa chính trị và gắn bó mật thiết với chuẩn mực đạo đức công vụ. Thực tiễn cho thấy, nơi nào

văn hóa chính trị gắn với minh bạch, đối thoại, nêu gương, nơi đó niềm tin xã hội tăng; ngược lại, sự lỏng lẻo chuẩn mực dễ dẫn đến hình thức và suy thoái đạo đức công vụ.

### **2.2. Thực trạng văn hóa chính trị ở xã Phú Hựu**

Trong những năm gần đây, văn hóa chính trị ở Phú Hựu được bồi đắp mạnh mẽ, gắn liền với quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và sự chuyển mình trong quản lý cơ sở. Xã hiện có khoảng 53.304 cử tri, tỷ lệ tham gia bầu cử đạt 99,4% trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021–2026 – một minh chứng rõ ràng cho tinh thần trách nhiệm công dân và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Hằng năm, có trên 96% hộ gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa”, 100% áp đạt danh hiệu “Áp văn hóa tiêu biểu”, phản ánh sự lan tỏa của ý thức cộng đồng và tính đồng thuận xã hội.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên, với 1.971 đảng viên sinh hoạt tại 54 tổ chức cơ sở đảng, giữ vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, vận động và thực hiện các phong trào<sup>3</sup>. Phần lớn cán bộ đã thể hiện tinh thần nêu gương, gắn bó mật thiết với nhân dân, góp phần củng cố niềm tin chính trị – xã hội. Sự phối hợp hiệu quả

giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết, điển hình là các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, huy động hàng chục tỷ đồng từ nguồn lực xã hội hóa để đầu tư hạ tầng, trường học, cầu đường.

Tác động của văn hóa chính trị còn thể hiện ở tinh thần thượng tôn pháp luật và kỷ cương trong điều hành, quản lý. Các buổi tiếp xúc cử tri định kỳ thu hút trên 90% cử tri đại diện hộ gia đình tham gia, nhiều ý kiến được ghi nhận và phản hồi kịp thời, thể hiện sự mở rộng dân chủ ở cơ sở. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính giúp tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tăng nhanh, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Thực tiễn ở Phú Hựu cũng là minh chứng sinh động cho chủ trương của Đảng trong việc gắn kết lý luận với thực tiễn, xây dựng văn hóa chính trị như nền tảng tinh thần cho phát triển bền vững ở cơ sở. Thành tựu về dân chủ cơ sở, nêu gương của cán bộ, sự đồng thuận xã hội và kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, chuyển đổi số đều cho thấy sức sống của

<sup>3</sup> Đảng ủy xã Phú Hựu, Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ xã Phú Hựu lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 — 2030, Đồng Tháp, 2025.

giá trị văn hóa chính trị trong đời sống cộng đồng. Những thành tựu ấy không tách rời vai trò đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị Đồng Tháp. Thông qua các chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng chuyên đề, tập huấn kỹ năng công tác Đảng, chuyên môn, nghiệp vụ, Trường Chính trị đã trực tiếp trang bị cho đội ngũ cán bộ cơ sở nền tảng tư tưởng vững vàng, bản lĩnh chính trị kiên định và phương pháp lãnh đạo khoa học. Đây chính là cơ sở giúp cán bộ, đảng viên ở Phú Hựu không chỉ nắm chắc lý luận mà còn biết vận dụng sáng tạo vào thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo, phát huy dân chủ, củng cố niềm tin của nhân dân.

Có thể khẳng định rằng, quá trình phát triển văn hóa chính trị ở Phú Hựu vừa phản ánh kết quả lãnh đạo của Đảng bộ xã, vừa thể hiện rõ tác động tích cực từ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Chính trị Đồng Tháp. Sự gắn kết này đã và đang tạo ra “nguồn lực kép”: một mặt, cung cấp tri thức, phương pháp, kỹ năng cho cán bộ cơ sở; mặt khác, nuôi dưỡng và lan tỏa các chuẩn mực văn hóa chính trị trong đời sống cộng đồng.

Những kết quả tích cực đạt được bắt nguồn trước hết từ sự lãnh đạo kiên định của

Đảng bộ xã, với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” được cụ thể hóa thành quy chế dân chủ cơ sở. Sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội đã tạo ra sức mạnh tổng hợp, huy động được nguồn lực xã hội hóa lớn, đồng thời củng cố niềm tin chính trị trong nhân dân; sự phối hợp giữa Đảng ủy xã, chính quyền cơ sở với Trường Chính trị trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Truyền thống đoàn kết, ý thức cộng đồng của người dân Phú Hựu cũng là nền tảng văn hóa - xã hội quan trọng, giúp địa phương dễ dàng triển khai các phong trào, từ phát triển kinh tế - xã hội đến giữ gìn an ninh trật tự.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như hiện tượng tham gia sinh hoạt chính trị - xã hội mang tính hình thức ở một bộ phận nhỏ nhân dân; sự tác động phức tạp của mạng xã hội đôi khi gây nhiễu loạn thông tin, ảnh hưởng đến nhận thức chính trị. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát tác động khách quan của mặt trái kinh tế thị trường và hội nhập. Sự phân hóa thu nhập khiến một bộ phận dân cư quan tâm nhiều hơn đến lợi ích trước mắt, ít gắn kết với lợi ích chung. Trình độ, kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin chính trị còn hạn chế, dẫn đến dễ bị chi phối bởi các luồng thông tin xấu,

độc trên mạng xã hội. Ngoài ra, một số cán bộ cơ sở chưa thật sự đổi mới phong cách lãnh đạo, vẫn còn biểu hiện hành chính hóa, chưa phát huy hết sức mạnh đối thoại và lắng nghe dân. Đây là nguyên nhân sâu xa khiến dân chủ cơ sở đôi lúc còn hình thức và sự tham gia của nhân dân chưa thật sự chủ động, bình đẳng.

### ***2.3. Văn hóa chính trị như nền tảng tinh thần cho phát triển bền vững***

Văn hóa chính trị là “nền tảng tinh thần” của sự phát triển bền vững: nó điều chỉnh cách điều hành, quản lý, định hướng hành vi công vụ và tạo lập niềm tin. Khi các chuẩn mực như thượng tôn pháp luật, liêm chính, minh bạch và trách nhiệm giải trình được phát huy trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và cộng đồng xã hội, xung đột lợi ích sẽ được xử lý bằng đối thoại, đồng thuận xã hội dần dần được củng cố; nhờ vậy ba trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường có điểm tựa để phát triển cân bằng, dài hạn. Trong tiến trình chuyển đổi số, công nghệ chỉ thật sự mang lại hiệu quả khi đi kèm với văn hóa chính trị minh bạch và dân chủ. Nghĩa là, mọi dữ liệu công phải được công khai, người dân có quyền giám sát và phản biện, cán bộ có trách nhiệm giải trình rõ ràng. Nếu thiếu nền tảng ấy, các ứng dụng số chỉ dừng lại ở thủ tục bề ngoài,



không tạo ra chuyển biến rõ rệt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở.

Quan điểm của Đảng xác lập vị trí trung tâm của văn hóa trong mô hình phát triển, Đại hội XIII nhấn mạnh văn hóa, con người là nền tảng và sức mạnh nội sinh bảo đảm phát triển bền vững; yêu cầu khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường và khát vọng phát triển phồn vinh, hạnh phúc, gắn văn hóa với chính trị, kinh tế và quản lý nhà nước. Những định hướng này đặt văn hóa chính trị như một cấu phần của năng lực quốc gia, liên kết chặt chẽ với hiệu lực pháp quyền và chất lượng điều hành, từ đó nâng cao khả năng thích ứng trước biến động, bảo đảm ổn định và phát triển lâu dài

Tính nguyên tắc ấy được nhấn mạnh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc 2021: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”<sup>4</sup>. Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong vận hành ở cấp cơ sở: nếu văn hóa chính trị được bồi đắp đúng, lòng dân quy tụ, uy tín của Đảng được củng cố, thể chế tăng sức bền; các cải cách - từ thủ tục hành chính, chuyển đổi số đến bảo vệ môi trường, đều có “nguồn lực xã hội” để thực thi hiệu quả. Ngược lại, coi nhẹ chuẩn

mực dẫn tới hình thức, chủ nghĩa cá nhân, nể nang, lợi ích cục bộ, làm suy giảm niềm tin và chất lượng chính sách. Vì thế, để bảo đảm phát triển bền vững, Phú Hựu cần đặt văn hóa chính trị làm nền tảng xuyên suốt: xây dựng đội ngũ cán bộ nêu gương, giữ vững kỷ cương trong Đảng; thực hành dân chủ thực chất gắn với quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; đồng thời phát triển môi trường pháp luật gắn với chuyển đổi số, thân thiện và phục vụ tốt hơn cho người dân.

#### ***2.4. Giải pháp nâng cao văn hóa chính trị ở Phú Hựu***

*Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng.*

Cần đẩy mạnh giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng những hình thức sinh động, gắn với thực tiễn địa phương. Nội dung học tập phải tập trung vào các văn kiện mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời bồi dưỡng kỹ năng nhận diện, phản biện thông tin trên không gian mạng. Các buổi sinh hoạt chuyên đề ở chi bộ, ấp, trường học cần được tổ chức thường xuyên, có đối thoại hai chiều, coi sự chuyển biến trong nhận thức và hành vi là thước đo

hiệu quả. Đặc biệt, việc phổ biến các quy định về Nhà nước pháp quyền, đạo đức công vụ và quyền, nghĩa vụ công dân theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở phải được trình bày bằng ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu, để nhân dân nắm chắc và tham gia giám sát.

*Phát huy dân chủ ở cơ sở, lắng nghe dân.*

Dân chủ chỉ thực chất khi ý kiến của nhân dân được coi trọng và phản hồi kịp thời. Cần công khai đầy đủ chủ trương, kế hoạch phát triển, tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia bàn bạc, quyết định và giám sát các vấn đề liên quan đến đời sống cộng đồng. Những kênh góp ý như tiếp xúc cử tri, hội nghị nhân dân, hòm thư điện tử, đường dây nóng phải hoạt động hiệu quả, có cơ chế phản hồi rõ ràng, tránh hình thức. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải trực tiếp lắng nghe dân, giải trình trước dân, lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo năng lực lãnh đạo và uy tín chính trị.

*Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.*

Sức mạnh của văn hóa chính trị được lan tỏa trước hết qua tấm gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mỗi người phải tự giác rèn luyện,

<sup>4</sup> Nguyễn Phú Trọng, “Toàn văn phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (24/11/2021)”, Cổng thông tin Bộ Công Thương, Hà Nội, 2021.

giữ gìn phẩm chất liêm chính, thực hành tiết kiệm, chống biểu hiện hình thức. Người đứng đầu càng phải gương mẫu trong lời nói và hành động, dám nhận trách nhiệm khi có khuyết điểm, chủ động đối thoại với nhân dân. Việc đánh giá, bổ nhiệm cán bộ cần gắn chặt với kết quả nêu gương; đồng thời, phải tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát chéo của tổ chức Đảng, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân để bảo đảm nêu gương đi vào thực chất, trở thành chuẩn mực ứng xử chung.

*Ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao minh bạch, trách nhiệm giải trình.*

Chuyển đổi số ở cấp xã phải gắn với mục tiêu phục vụ người dân tốt hơn. Mọi thủ tục hành chính cần được chuẩn hóa trên nền tảng số, cho phép người dân theo dõi

tình trạng hồ sơ, tra cứu kết quả và đánh giá mức độ hài lòng. Các thông tin về ngân sách, đầu tư công, quy hoạch phải được công khai trực tuyến, dễ tiếp cận, dễ giám sát. Ứng dụng công nghệ còn giúp xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong xử lý công việc, hạn chế tình trạng né tránh, đùn đẩy. Đồng thời, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ và người dân sẽ tạo môi trường minh bạch, dân chủ, góp phần củng cố niềm tin và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở.

### 3. Kết luận

Văn hóa chính trị không chỉ là tấm gương phản chiếu đời sống tinh thần của một cộng đồng mà còn là yếu tố định hình cách thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở. Thực tiễn ở Phú Hựu cho thấy, khi các chuẩn mực chính trị – xã hội

được tôn trọng, dân chủ được phát huy và niềm tin giữa Đảng, chính quyền với nhân dân được củng cố, mọi chủ trương đều có cơ hội đi vào cuộc sống, biến thành kết quả cụ thể trong phát triển kinh tế - xã hội. Ngược lại, khi chuẩn mực bị xem nhẹ, dân chủ hình thức và trách nhiệm giải trình thiếu rõ ràng, niềm tin công sẽ bị bào mòn, kéo theo sự suy giảm hiệu quả điều hành. Đặt trong bối cảnh đổi mới và hội nhập, văn hóa chính trị càng trở nên thiết yếu, vì nó tạo ra sự gắn kết cộng đồng, nâng cao sức bền thể chế và khả năng thích ứng trước biến động. Với Phú Hựu, việc kiên trì xây dựng văn hóa chính trị minh bạch, dân chủ, nêu gương và gắn bó mật thiết với nhân dân chính là con đường chắc chắn để bảo đảm ổn định, tạo đồng thuận xã hội và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, lâu dài./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
3. Đảng ủy xã Phú Hựu, Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ xã Phú Hựu lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Đồng Tháp, 2025.
4. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
5. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
6. Nguyễn Phú Trọng, “Toàn văn phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (24/11/2021)”, Công thông tin Bộ Công Thương, Hà Nội, 2021.
7. Tạp chí Cộng sản, “Văn hóa chính trị của người cán bộ, đảng viên hiện nay”, 19/5/2023.
8. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, “Quan niệm về văn hóa chính trị”, VJOL.

# NÂNG CAO TINH THẦN TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN SAU SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỘ MÁY

✪ PHAN NGUYỄN CHÁNH TRUNG\*

**Tóm tắt:** Tinh thần trách nhiệm là một trong những phẩm chất quan trọng giúp xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh. Thái độ tích cực cùng tinh thần trách nhiệm cao của mỗi cán bộ, đảng viên sẽ là động lực giúp lan tỏa, kính thích và thúc đẩy tập thể ngày càng tiến bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở phân tích yêu cầu về tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, bài viết đánh giá thực tiễn tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên sau sắp xếp tổ chức, bộ máy ở xã Tân Hòa, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên sau sắp xếp tổ chức, bộ máy ở xã Tân Hòa trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Tinh thần trách nhiệm, cán bộ, đảng viên, vượt khó vươn lên.

## 1. Đặt vấn đề

Tinh thần trách nhiệm là phẩm chất của một cá nhân khi nhận thức được vị trí, vai trò của mình, sẵn sàng làm tròn mọi nhiệm vụ được giao, dù nhỏ hay lớn, khó hay dễ, cũng phải hoàn thành và có kết quả. Nó thể hiện ở việc một người dám nhận trách nhiệm khi có sai sót, không đổ lỗi cho người khác, tự mình phải không ngừng học hỏi, sáng tạo để hoàn thành công việc tốt nhất. Đặc biệt trong

giai đoạn hiện nay, đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thì mỗi cán bộ, đảng viên cần phải không ngừng làm mới bản thân để đáp ứng được các yêu cầu của cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; cải cách thể chế; đột phá phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số,... Mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, tiên phong trong đổi mới tư duy và hành động;

dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích quốc gia, dám hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích của tập thể, vì lợi ích chung của cộng đồng, quốc gia, dân tộc.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Yêu cầu tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên

Trong Bài viết “Tinh thần trách nhiệm” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên Báo Nhân dân số 36, ngày 13/12/1951 (với bút danh C.B), Người viết: “Tinh thần trách nhiệm là gì? Là khi Đảng, Chính phủ, hoặc cấp trên giao cho ta việc gì, bất kỳ to hay nhỏ, khó hay dễ, ta cũng đưa cả tinh thần, lực lượng ra làm cho đến nơi đến chốn, vượt mọi khó khăn, làm cho thành công”. Theo Người, tinh thần trách nhiệm là “*nắm vững chính sách, đi đúng đường lối quần chúng, làm tròn nhiệm vụ*” và “*Bất kỳ ai, ở địa vị nào, làm công tác gì, ở hoàn cảnh nào, đều phải có tinh thần trách nhiệm*”, ví như người nấu bếp, phải luôn lo cho cơm lành canh ngọt, bát đĩa sạch sẽ, khi anh em ốm yếu thì có bát canh bát cháo, khi bộ đội đang mài đánh giặc thì phải tìm cách đưa cơm đến nơi cho anh em ăn, khi tiếp tế khó khăn thì phải tìm cách tăng gia sản xuất, vượt qua khó khăn, không để anh em thiếu đói.

\* Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị xã Tân Hòa, tỉnh Đồng Tháp.





Ảnh: Lãnh đạo UBND xã Tân Hòa khảo sát hoạt động kinh doanh của tiểu thương sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính hai cấp  
(Nguồn Fanpage Tân Hòa 4.0 - Hành chính kết nối)

Cán bộ, đảng viên có tinh thần trách nhiệm không chỉ thể hiện qua sự chăm chỉ, kiên trì trong công việc mà còn phải luôn tìm cách vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ; biết lắng nghe để hoàn thiện bản thân, biết chủ động đề xuất giải pháp, ý tưởng mới nâng cao hiệu quả công việc mà không trông chờ, ỷ lại cấp trên. Để đáp ứng yêu cầu về tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay cần phải tập trung vào các nội dung sau:

*Thứ nhất*, phải thường xuyên thực hành đạo đức cách mạng, đó là cần - kiệm - liêm - chính - chí công vô tư. Bác Hồ đã căn dặn: “*Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi nước mắt của Nhân dân mà ra. Vì vậy chúng ta phải đền bù xứng đáng cho Nhân dân*” [1]. Người cán bộ, đảng viên, làm việc công, tiêu của công,

lại có ít nhiều quyền hành nếu không có ý thức, tinh thần trách nhiệm cao, không có tính tiên phong gương mẫu, không vượt lên được chính bản thân mình thì rất dễ hủ bại, tha hóa, lầy công làm tư, có lợi thì làm, việc nặng nhọc khó khăn thì né tránh, đùn đẩy, vô cảm, vô trách nhiệm.

*Thứ hai*, phải chủ động, sáng tạo, hết lòng, hết sức hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao. Làm việc cần có kế hoạch, đảm bảo tính tổ chức và tiến độ, nhưng không trông chờ, ỷ lại vào người khác và cấp trên. Người phê bình tình trạng “*Khi có công tác thì đem thi hành một cách máy móc. Khi làm xong việc lại chỉ ngồi không, không chịu bới việc ra mà làm nữa, cứ ỳ ra như xe bò lên dốc, không có người đẩy là ỳ như đứng lại*” [2]. Chủ động, dám nghĩ, dám làm, là phẩm chất cao quý của mỗi tổ chức và cá nhân,

nhưng chủ động không phải là tự tiện, muốn làm gì thì làm, chẳng bàn hỏi thảo luận với ai, không theo quy định pháp luật, không vì lợi ích của tập thể, không theo ý nguyện của dân chúng.

*Thứ ba*, có phương pháp làm việc và phân công nhiệm vụ khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy “*Cán bộ chăm chỉ làm việc chưa đủ, cần phải biết làm việc cho có phương pháp*” [3]. Nhiều người có tính được chăng hay chớ, xong việc thì thôi, không biết ưu khuyết điểm của mình. Phân chia công việc thì không khéo, kế hoạch thì sơ sài, phân công không sáng suốt lại thiếu kiểm tra, thành ra bao biện làm thay, đại tài tiểu dụng, người thì làm không xuể, người thì chỉ chạy ra chạy vào tỏ ra mình bận rộn. Nói về dùng người, Bác Hồ có viết “*Việc dùng nhân tài, ta không nên căn cứ vào những điều kiện quá khắt khe. (...) Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cắt làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy. Biết dùng người như vậy, ta sẽ không lo gì thiếu cán bộ*” [4].

*Thứ tư*, cầu thị, khiêm tốn, có chí tiến thủ, không tranh công, đổ lỗi, thẳng thắn tự phê bình để phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế thiếu sót, giúp bản thân ngày càng phát triển và hoàn thiện. Chủ động phòng ngừa



và kiên quyết phê bình, chấn chỉnh tình trạng thờ ơ vô trách nhiệm, ngại đổi mới phong cách, lề lối, tác phong làm việc; không chịu khó trau dồi đạo đức nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ; miễn cưỡng nhận nhiệm vụ mới được giao, làm việc kiểu đôi phốp, kéo bè kéo cánh để vụ lợi cá nhân, gây mất đoàn kết nội bộ, không chấp hành quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

### ***2.2. Thực tiễn tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên sau khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính hai cấp ở xã Tân Hòa***

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII), hệ thống chính trị cả nước tập trung thực hiện cuộc cách mạng về đổi mới tổ chức bộ máy từ trung ương đến cơ sở. Từng cấp ủy, cán bộ, đảng viên đều thể hiện sự đồng thuận và tích cực, chủ động trong tổ chức triển khai thực hiện các công việc nhiệm vụ với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, đảm bảo yêu cầu “vừa chạy vừa xếp hàng”.

Đến nay việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là sắp xếp địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nói chung và ở xã Tân Hòa nói riêng đã cơ bản hoàn thành và đi vào ổn

định. Nhiều cán bộ, đảng viên tuy phải làm việc xa nhà hơn, được bố trí chức danh thấp hơn hoặc được phân công nhiệm vụ mới hơn so với trước đây nhưng cũng đều cố gắng vì mục tiêu chung.

Theo báo cáo đánh giá của Đảng ủy xã Tân Hòa, sau quá trình sáp nhập, tinh gọn bộ máy bước đầu cũng gặp một số khó khăn như áp lực công việc, khối lượng nhiệm vụ tăng, một số nơi còn lúng túng trong phân công, điều hành. Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa kịp thích ứng với mô hình quản lý mới, quá trình ổn định tổ chức công việc còn chậm đi vào nề nếp [5]. Tuy nhiên tác động của việc thay đổi trên cũng ít nhiều ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm, tinh thần và thái độ thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên.

Có nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan dẫn đến những khó khăn, hạn chế như tâm lý nuôi tiếc đơn vị cũ, xa lạ với đơn vị mới để có sự thấu hiểu, chia sẻ lẫn nhau trong quá trình giao tiếp công việc và sinh hoạt ở cơ quan; sự bỡ ngỡ trước công việc, nhiệm vụ mới, tâm lý e dè không dám hỏi, không dám đề nghị hỗ trợ, sợ đánh giá không đủ năng lực đảm nhận nhiệm vụ... Cảm giác choáng ngợp trước khối lượng và áp lực tiến độ công việc liên tục dẫn đến tâm lý

hoang mang, chán nản, muốn buông xuôi,... Những tâm tư, tình cảm này tuy chưa biểu hiện ra thành những hành động cụ thể mang tính tiêu cực, nhưng trên thực tế đã có lúc, có nơi ảnh hưởng ít nhiều đến thái độ và tinh thần trách nhiệm trong công việc của mỗi cán bộ, đảng viên.

### ***2.3. Giải pháp nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên ở xã Tân Hòa trong thời gian tới***

Một là, chú trọng xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gắn gũi giữa cấp trên với cấp dưới và giữa đồng nghiệp với nhau, cũng như duy trì mối quan hệ hỗ trợ công tác tốt đẹp trong nội bộ cơ quan, đơn vị qua đó củng cố mối liên hệ đoàn kết, gắn bó giữa các cá nhân với nhau và không ngừng bồi đắp tình cảm cán bộ, đảng viên với tập thể tổ chức, cơ quan, đơn vị mới.

Hai là, cá nhân mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện để củng cố và nâng cao năng lực, bản lĩnh của cá nhân. Chú trọng học tập và kiên trì thực hành các biện pháp nâng cao tinh thần trách nhiệm bản thân, bao gồm:

*Tự nhận thức và đánh giá bản thân:* Đây là bước quan trọng để phát triển tinh thần trách nhiệm. Việc nhìn nhận rõ ràng về khả năng, sở

trường và điểm yếu của bản thân không chỉ giúp chúng ta tự hiểu mình, biết được những điều gì mình cần cải thiện mà còn giúp chúng ta tự tin để vượt qua khó khăn, thực thành và dám thể hiện để khẳng định vị trí, vai trò của bản thân vào những thời điểm thích hợp.

Đặt mục tiêu và lập kế hoạch: Mục tiêu rõ ràng sẽ giúp chúng ta có động lực tốt hơn để thực hiện nhiệm vụ và lập kế hoạch chi tiết để đạt được những mục tiêu đó. Kế hoạch nên bao gồm các bước cụ thể, thời gian thực hiện, nguồn lực và các vấn đề cần thiết khác. Có mục tiêu rõ ràng và kế hoạch chi tiết sẽ giúp chúng ta luôn có định hướng và dễ dàng hơn trong việc hoàn thành nhiệm vụ.

*Học cách chịu trách nhiệm cho hành động của mình:* Khi sai lầm, hãy thừa nhận và tìm cách khắc phục

thay vì đổ lỗi cho hoàn cảnh hay người khác. Điều này không chỉ giúp chúng ta không ngừng trưởng thành và hoàn thiện hơn mà còn tạo dựng được sự tin tưởng từ đồng nghiệp và cấp trên. Đây không chỉ là phẩm chất của cá nhân mà còn là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển của tổ chức, đơn vị.

*Ba là,* đối với cấp ủy và lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải tiếp tục thực hiện các biện pháp để ổn định tâm lý cho cán bộ, đảng viên. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công việc và kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn để giúp cán bộ, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chú trọng đánh giá đúng năng lực, sở trường của mỗi cán bộ, đảng viên để phân công, giao việc sao cho hợp lý, đảm bảo khối lượng và tiến độ chung. Gắn phê bình với biểu dương, nhắc nhở với động

viên để cán bộ, đảng viên an tâm công tác và tích cực thực hiện nhiệm vụ.

### 3. Kết luận

Nâng cao tinh thần trách nhiệm không phải là việc làm một sớm một chiều mà cần có sự kiên trì và nỗ lực liên tục. Nó thể hiện niềm tin vào bản thân và tâm huyết với công việc. Mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nêu cao tinh thần trách nhiệm để xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng mà Đảng, Nhà nước, Nhân dân cùng tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị đã giao cho cán bộ, đảng viên. Trong thời gian tới, với những nỗ lực, phấn đấu hết mình vì sự nghiệp chung của đất nước, của Tỉnh, cán bộ, đảng viên xã Tân Hòa sẽ thường xuyên nâng cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân giao./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bài nói chuyện với anh chị em công chức ở Thủ đô, vào ngày 30/11/1954, được đăng trên Báo Nhân dân, số 278, ngày 02/12/1954.

[2] Bài viết “*Tinh thần tự động trong Ủy ban nhân dân*”, bút danh Chiến Thắng, đăng trên Báo Cứu quốc, số 59, ngày 05/10/1945.

[3, 4] Bài viết “*Thiếu óc tổ chức - Một khuyết điểm lớn trong các Ủy ban nhân dân*”, bút danh Chiến Thắng, đăng trên Báo Cứu quốc, số 58, ngày 04/10/1945.

[5] Báo cáo số 11-BC/ĐU ngày 28/8/2025 của Đảng ủy xã Tân Hòa về tình hình hoạt động của tổ chức cơ sở đảng quý III/2025.

# QUAN HỆ QUỐC PHÒNG VIỆT NAM - HOA KỲ TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY: THÀNH TỰU, THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

✦ HỒ THỊ KIỀU NƯƠNG\*

## 1. Đặt vấn đề

Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã trải qua bước chuyển lịch sử, từ đối đầu trong chiến tranh đến hợp tác toàn diện sau bình thường hóa năm 1995. Trong đó, hợp tác quốc phòng được coi là lĩnh vực đặc thù, nhạy cảm, phản ánh mức độ tin cậy chiến lược giữa hai nước. Trải qua ba thập kỷ, quan hệ quốc phòng song phương có nhiều bước tiến thực chất, mở rộng từ khắc phục hậu quả chiến tranh đến hợp tác an ninh biển, công nghiệp quốc phòng và gìn giữ hòa bình. Tuy nhiên, tiến trình này vẫn diễn ra thận trọng, chịu tác động từ môi trường khu vực và quốc tế, đặc biệt là cạnh tranh Mỹ - Trung và những khác biệt về hệ giá trị chính trị. Việc nghiên cứu tổng thể quan hệ quốc phòng Việt - Mỹ có ý nghĩa quan trọng trong hoạch định chính sách, thu hẹp khác biệt và thúc đẩy quan hệ phát triển ổn định, bền vững.

### *Tóm tắt: Bài viết*

*phân tích tiến trình quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ từ sau bình thường hóa năm 1995 đến nay. Những thành tựu nổi bật gồm xây dựng lòng tin chiến lược, hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh, an ninh hàng hải, gìn giữ hòa bình và phối hợp đa phương. Tuy nhiên, quan hệ này vẫn đối diện nhiều thách thức như bất cân xứng về sức mạnh, khác biệt ý thức hệ, vấn đề nhân quyền và tác động từ cạnh tranh Mỹ - Trung. Trên cơ sở đó, bài viết dự báo triển vọng đến năm 2030 và đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm phát huy cơ hội, thu hẹp bất đồng, thúc đẩy hợp tác quốc phòng ổn định, bền vững.*

*Từ khóa: Quan hệ quốc phòng; Việt Nam - Hoa Kỳ; an ninh khu vực; hợp tác quốc tế.*

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tiến trình quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2025)

#### 2.1.1. Giai đoạn 1995 - 2008: Khởi đầu hợp tác và xây dựng lòng tin

Sau khi bình thường hóa quan hệ năm 1995, hợp tác quốc phòng Việt - Mỹ

bước đầu được khởi động nhưng còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nhân đạo và tạo dựng lòng tin. Hai bên mở kênh đối thoại, với chuyến thăm lịch sử của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ William Cohen (2000) đánh dấu bước ngoặt mới. Hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh trở thành trọng tâm, nổi bật là

\* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích, rà phá bom mìn và dự án tẩy độc sân bay Đà Nẵng. Từ 2005, Việt Nam tham gia Chương trình IMET, mở rộng đào tạo về ngoại ngữ, quân y, công nghệ, tăng cường hiểu biết lẫn nhau. Hai nước cũng phối hợp chống khủng bố sau 11/9 và tham gia các diễn đàn an ninh khu vực. Nhìn chung, giai đoạn này đặt nền móng xây dựng lòng tin và chuẩn bị cho hợp tác sâu rộng hơn sau này.

#### *2.1.2. Giai đoạn 2009 - 2025: Mở rộng hợp tác và thực chất hóa quan hệ*

Từ 2009, hợp tác quốc phòng Việt - Mỹ chuyển sang giai đoạn thực chất, gắn với điều chỉnh chính sách và bối cảnh khu vực. Cơ chế đối thoại được hoàn thiện với Đối thoại Chính trị - An ninh - Quốc phòng (2008), Đối thoại Chính sách Quốc phòng thường niên (2010) và các Biên bản ghi nhớ mở rộng lĩnh vực hợp tác. Đặc biệt, tháng 9/2023, hai nước nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện, tạo cơ sở pháp lý và chính trị vững chắc. Hợp tác cụ thể trên nhiều lĩnh vực: tàu sân bay Mỹ cập cảng Việt Nam (2018, 2020), dỡ bỏ cấm vận vũ khí sát thương (2016), thúc đẩy công nghiệp quốc phòng, an ninh biển, chuyển giao tàu tuần tra, huấn luyện và diễn tập. Mỹ hỗ trợ Việt

Nam tham gia gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc, cứu trợ thiên tai, viện trợ vaccine Covid-19 và xử lý hậu quả chiến tranh. Trên đa phương, hai nước phối hợp tại ARF (diễn đàn Khu vực ASEAN), ADMM+ (Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng), EAS (Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á), nhấn mạnh giải quyết tranh chấp Biển Đông hòa bình, dựa trên UNCLOS 1982 (Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982). Giai đoạn này khẳng định sự tin cậy chiến lược và mở rộng hợp tác toàn diện.

#### *2.1.3. Đặc điểm và đánh giá quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 1995 - 2025*

Qua ba thập kỷ, quan hệ quốc phòng Việt - Mỹ có những đặc điểm nổi bật. Thứ nhất, đây là mối quan hệ bất đối xứng giữa siêu cường toàn cầu và quốc gia tầm trung, do đó hợp tác mang tính thận trọng và cân bằng. Thứ hai, hợp tác được thúc đẩy bởi lợi ích chiến lược chung như duy trì ổn định khu vực, bảo đảm tự do hàng hải, ứng phó thách thức an ninh phi truyền thống. Thứ ba, quá trình hợp tác vẫn chịu tác động từ khác biệt ý thức hệ và vấn đề nhân quyền, khiến đối thoại nhiều lúc gặp khó khăn. Thứ tư, tiến trình phát triển mang tính tiệm tiến nhưng liên tục mở rộng, từ

khắc phục hậu quả chiến tranh đến công nghiệp quốc phòng, an ninh biển, gìn giữ hòa bình và hợp tác đa phương.

Những thành tựu nổi bật gồm: (i) xây dựng lòng tin chiến lược; (ii) đạt nhiều kết quả trong khắc phục hậu quả chiến tranh; (iii) Mỹ dỡ bỏ cấm vận vũ khí (2016); (iv) thúc đẩy hợp tác trong gìn giữ hòa bình, an ninh biển, cứu trợ nhân đạo; và (v) nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện (2023). Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế: vấn đề nhân quyền là rào cản lớn; cạnh tranh Mỹ - Trung tạo sức ép cân bằng chiến lược; và sự bất cân xứng khiến Việt Nam khó tiếp cận công nghệ quân sự hiện đại.

Tổng thể, quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 1995 - 2025 đã đạt bước tiến vượt bậc, từ đối tác hạn chế trở thành đối tác chiến lược toàn diện. Đây là kết quả của sự hội tụ lợi ích chiến lược song phương, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục củng cố lòng tin, thu hẹp khác biệt và thúc đẩy hợp tác thực chất, lâu dài.

#### *2.2. Những vấn đề đặt ra trong quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ*

Bên cạnh những thành tựu nổi bật, quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ vẫn còn nhiều thách thức mang tính cấu trúc và lâu dài:



*Một là*, khác biệt về ý thức hệ chính trị. Việt Nam kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, trong khi Hoa Kỳ đề cao các giá trị tự do, dân chủ kiểu phương Tây. Sự khác biệt này tạo nên khoảng cách nhận thức, tác động đến cách tiếp cận trong lĩnh vực quốc phòng.

*Hai là*, vấn đề nhân quyền. Đây là rào cản lớn và thường xuyên. Hoa Kỳ nhiều lần gán các điều kiện nhân quyền với hợp tác quốc phòng, trong khi Việt Nam khẳng định quan điểm không chấp nhận sự can thiệp vào công việc nội bộ. Bất đồng này có thể ảnh hưởng đến việc ký kết hoặc triển khai các thỏa thuận quốc phòng song phương trong tương lai.

*Ba là*, tác động từ cạnh tranh Mỹ - Trung. Trung Quốc là nhân tố chi phối quan hệ quốc phòng Việt - Mỹ. Việt Nam phải duy trì cân bằng chiến lược, tránh bị cuốn vào cạnh tranh Mỹ - Trung, trong khi Hoa Kỳ coi Việt Nam là một đối tác quan trọng trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Bắc Kinh. Việc xử lý quan hệ “tam giác” Việt Nam - Hoa Kỳ - Trung Quốc vì thế là thách thức chiến lược lâu dài.

*Bốn là*, bất cân xứng về năng lực và lợi ích. Sức mạnh

quân sự vượt trội của Mỹ tạo ra khoảng cách lớn so với Việt Nam, dẫn đến sự thận trọng từ phía Việt Nam khi tiếp cận hợp tác. Đồng thời, sự chênh lệch lợi ích - khi Mỹ chú trọng chiến lược toàn cầu, còn Việt Nam đặt ưu tiên vào bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ - cũng khiến hai bên cần nhiều nỗ lực điều chỉnh để dung hòa.

*Năm là*, giới hạn trong hợp tác công nghiệp và thương mại quốc phòng. Mặc dù Mỹ đã dỡ bỏ cấm vận vũ khí, nhưng đến nay, việc mua sắm khí tài quân sự giữa hai nước còn hạn chế. Nguyên nhân một phần do vấn đề ngân sách, một phần do sự khác biệt về hệ thống công nghệ, huấn luyện, và cả những ràng buộc chính trị.

*Sáu là*, tâm lý xã hội và di sản chiến tranh. Ở cả hai quốc gia vẫn còn tồn tại những ám ảnh về cuộc chiến trước đây, ảnh hưởng đến cách nhìn nhận lẫn nhau. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục thúc đẩy các hoạt động nhân đạo, khắc phục hậu quả chiến tranh, để củng cố niềm tin lâu dài.

### **2.3. Triển vọng và định hướng chính sách đến năm 2030**

#### **2.3.1. Cơ sở dự báo**

*Thứ nhất*, môi trường an ninh quốc tế và khu vực tiếp

tục diễn biến phức tạp. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dự báo gia tăng, với Biển Đông vẫn là điểm nóng. Trật tự thế giới ngày càng đa cực, đa trung tâm, trong đó các cường quốc như Nhật Bản, Ấn Độ, Nga, Liên minh châu Âu gia tăng can dự vào khu vực. Các thách thức an ninh phi truyền thống (dịch bệnh, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng) cũng sẽ tác động mạnh đến quan hệ quốc phòng của Việt Nam và Hoa Kỳ.

*Thứ hai*, chính sách đối ngoại của Việt Nam. Việt Nam sẽ kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, kết hợp “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”. Đối với Hoa Kỳ, Việt Nam sẽ tiếp tục thúc đẩy hợp tác trên cơ sở “đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững” được thiết lập năm 2023, song song với việc duy trì quan hệ hữu nghị, ổn định với Trung Quốc, Nga và các nước lớn khác.

*Thứ ba*, chính sách của Hoa Kỳ với Việt Nam. Mỹ sẽ tiếp tục coi Việt Nam là một đối tác quan trọng trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Sau khi nâng cấp quan hệ 2023, Washington có động cơ thúc đẩy hợp tác quốc phòng nhiều hơn, không chỉ

vì mục tiêu cân bằng Trung Quốc, mà còn nhằm củng cố mạng lưới đối tác an ninh ở Đông Nam Á.

### *2.3.2. Chiều hướng phát triển quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ*

*Một là*, ưu tiên hợp tác trong khắc phục hậu quả chiến tranh sẽ tiếp tục được duy trì, nhất là các dự án xử lý dioxin tại Biên Hòa, rà phá bom mìn và hỗ trợ nạn nhân chiến tranh. Đây là lĩnh vực ít nhạy cảm, có tính nhân đạo cao, và được cả hai bên ủng hộ.

*Hai là*, hợp tác an ninh hàng hải dự kiến tăng cường. Trong bối cảnh tình hình Biển Đông phức tạp, Mỹ sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển, cung cấp trang thiết bị, huấn luyện và chia sẻ thông tin.

*Ba là*, mở rộng thương mại và công nghiệp quốc phòng. Sau khi Mỹ dỡ bỏ cấm vận vũ khí, tiềm năng hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng sẽ được quan tâm nhiều hơn, đặc biệt là các sản phẩm lưỡng dụng, công nghệ giám sát, an ninh mạng, quốc phòng biển. Tuy nhiên, mức độ hợp tác phụ thuộc vào khả năng tài chính và sự phù hợp với chính sách “bốn không” của Việt Nam.

*Bốn là*, tham gia gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc sẽ tiếp tục là điểm sáng. Mỹ

hiều khả năng tăng hỗ trợ cho Việt Nam về huấn luyện, hậu cần và triển khai lực lượng, qua đó nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Năm là, hợp tác trên các diễn đàn đa phương (ARF, ADMM+, EAS, Shangri-La) sẽ được mở rộng, giúp Việt Nam vừa thúc đẩy hợp tác với Mỹ, vừa giữ thế cân bằng, tránh bị cuốn vào cạnh tranh chiến lược.

Tuy nhiên, triển vọng quan hệ quốc phòng song phương vẫn chịu một số ràng buộc: khác biệt trong nhận thức về nhân quyền, sự nhạy cảm trong quan hệ với Trung Quốc, và giới hạn trong việc tiếp cận công nghệ quốc phòng tiên tiến.

### *2.3.3. Định hướng chính sách đối với Việt Nam*

*Thứ nhất*, thúc đẩy thương mại quốc phòng và hợp tác công nghiệp quốc phòng. Việt Nam cần từng bước khai thác cơ hội mua sắm trang bị từ Mỹ để đa dạng hóa nguồn cung, giảm phụ thuộc vào một đối tác truyền thống. Đồng thời, nên chú trọng hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, tận dụng công nghệ và kinh nghiệm từ Mỹ để nâng cao năng lực sản xuất quốc phòng trong nước.

*Thứ hai*, tăng cường hợp tác trên các diễn đàn an ninh đa phương. Việt Nam có thể

chủ động phối hợp với Mỹ và các nước ASEAN tại các cơ chế khu vực nhằm bảo đảm an ninh hàng hải, cứu trợ thảm họa, gìn giữ hòa bình. Hợp tác đa phương sẽ giúp Việt Nam vừa tranh thủ lợi ích từ Mỹ, vừa tránh rơi vào thế đối đầu trực tiếp với các cường quốc khác.

*Thứ ba*, đẩy mạnh đối thoại và thu hẹp bất đồng. Vấn đề nhân quyền sẽ còn là rào cản. Do đó, Việt Nam cần tiếp tục minh bạch hóa và chủ động chia sẻ những thành tựu, nỗ lực trong bảo đảm quyền con người, đồng thời tăng cường tham gia các cơ chế nhân quyền quốc tế để tạo sự đồng thuận, giảm thiểu sức ép từ Mỹ.

*Thứ tư*, giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ. Việt Nam cần tận dụng cơ hội hợp tác quốc phòng với Mỹ để nâng cao năng lực bảo vệ Tổ quốc, song phải kiên định chính sách “bốn không”, tránh để quan hệ quốc phòng trở thành công cụ đối đầu giữa các nước lớn.

*Thứ năm*, kết hợp sức mạnh quốc phòng với sức mạnh tổng hợp quốc gia. Quan hệ quốc phòng Việt - Mỹ cần được đặt trong tổng thể hợp tác kinh tế, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, ngoại giao nhân dân... nhằm tạo nền tảng bền vững, củng cố lòng tin lâu dài.

### 3. Kết luận

Quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ từ năm 1995 đến nay đã trải qua quá trình chuyển biến sâu sắc, từ hợp tác hạn chế sau bình thường hóa đến mở rộng, thực chất hơn và được nâng cấp thành Đối tác chiến lược toàn diện (2023). Thành tựu nổi bật là xây dựng lòng tin chiến lược, hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh, an ninh hàng hải, gìn giữ hòa bình và hỗ trợ nhân đạo. Đây là minh chứng cho sự linh hoạt, chủ động và sáng tạo trong đường lối đối ngoại của Việt Nam, cũng như nhu cầu chia sẻ lợi ích chiến lược của cả hai nước

trong bối cảnh khu vực nhiều biến động.

Tuy nhiên, quan hệ này vẫn đối diện không ít thách thức: sự khác biệt ý thức hệ, vấn đề nhân quyền, tính bất cân xứng trong năng lực quốc phòng và tác động từ cạnh tranh Mỹ - Trung. Đây là những yếu tố mang tính cấu trúc, khiến hợp tác quốc phòng Việt - Mỹ dù có bước tiến nhưng vẫn phát triển thận trọng, tiệm tiến.

Triển vọng đến năm 2030 cho thấy hợp tác song phương tiếp tục được mở rộng, nhất là trong các lĩnh vực ít nhạy cảm như khắc phục hậu quả chiến tranh, an ninh biển, gìn giữ hòa

binh và phối hợp đa phương. Tuy nhiên, thương mại và công nghiệp quốc phòng chỉ có thể tiến triển ở mức độ phù hợp với chính sách “bốn không” của Việt Nam.

Từ thực tiễn đó, Việt Nam cần kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ, đồng thời khai thác hiệu quả quan hệ quốc phòng với Hoa Kỳ nhằm nâng cao năng lực bảo vệ Tổ quốc và đóng góp cho hòa bình, ổn định khu vực. Với cách tiếp cận linh hoạt và khéo léo, quan hệ quốc phòng Việt - Mỹ hoàn toàn có thể trở thành một trong những trụ cột quan trọng của quan hệ song phương trong giai đoạn tới./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2023), *Quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Hoa Kỳ: Tầm nhìn và định hướng hợp tác*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Nguyễn Hồng Sơn (2018), “Di sản châu Á - Thái Bình Dương của Obama và quá trình định hình Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Đối sách của các nước trong khu vực trước Chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ: Bài học rút ra đối với Việt Nam”*, Học viện Khoa học Quân sự, tr. 93-105.
3. Nguyễn Hồng Sơn (2019), “Nhận diện những ưu tiên lợi ích của Mỹ trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Donald Trump thông qua khung phân tích 4P”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Điều chỉnh chính sách của Hoa Kỳ trước sự thay đổi ở khu vực và đối sách của Việt Nam”*, Học viện Khoa học Quân sự, tr.35-49.
4. Nguyễn Hồng Sơn (2020), “An ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Nguy cơ hiện tại và dự báo tương lai”, *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ quân sự*, số 27, tháng 9/2020, tr. 75-83.
5. Nguyễn Hồng Sơn (2021), “Vietnam-U.S. Security Relations: A Constructivist Perspective”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “The Security and Development Issues in the New Situations”*, Vietnam National University, Hanoi, Thế Giới Publishers, pp. 103-123.

**1** Ngày 01/7/2025, Tỉnh ủy Đồng Tháp ban hành Quyết định số 06-QĐ/TU về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

**2** Ngày 11/7/2025, Tỉnh ủy Đồng Tháp ban hành Quy định số 54-QĐ/TU về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

**3** Ngày 17/7/2025, đồng chí Châu Thị Mỹ Phương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp cùng lãnh đạo các sở, ban ngành đến thăm và làm việc với Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sau sáp nhập.

**4** Ngày 10/9/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào thi đua và tuyên dương điển hình tiên tiến lần thứ nhất, giai đoạn 2025 - 2030. Tham dự Hội nghị có đồng chí Nguyễn Phước Dũng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp; đồng chí Đỗ Quốc Chương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đồng chí Trần Thị Nguyệt, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp; các đồng chí nguyên là Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp (trước sáp nhập) cùng toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động của Trường.

**5** Ngày 16/9/2025, toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức, người lao động và học viên các lớp Trung cấp Lý luận chính trị của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tham dự Hội nghị trực tuyến quán triệt, triển khai 04 Nghị quyết của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

**6** Ngày 18/9/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức Hội thảo khoa học cấp tỉnh với chủ đề “Trường Chính trị tỉnh với nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Tham dự Hội thảo có đồng chí Nguyễn Hải Trâm, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Nhà giáo ưu tú, Tiến sĩ Huỳnh Thanh Quang, Phó Giám đốc Học viện Chính trị Khu vực IV; TS Nguyễn Phước Dũng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp; đại diện lãnh đạo các ban, ngành Tỉnh; đại diện lãnh đạo các trường chính trị khu vực đồng bằng sông Cửu Long; Báo và Đài phát thanh truyền hình Tỉnh; cùng cán bộ, viên chức của Trường.

**7** Ngày 03/10/2025 và 06/10/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức chương trình Đêm hội Trăng rằm cho các cháu thiếu nhi là con của giảng viên, viên chức, người lao động của nhà Trường ở cơ sở 1, và cơ sở 2.





Đ/c Nguyễn Hải Trâm - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp  
trao Quyết định về công tác tổ chức và cán bộ  
cho lãnh đạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp



Đ/c Châu Thị Mỹ Phương - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp  
cùng lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành đến thăm và làm việc  
với Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sau sáp nhập





SÁCH KHÔNG BÁN